

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

PHAN THANH NHẤT

**PHONG TRÀO ĐỒNG KHỞI Ở NÔNG THÔN
ĐỒNG BẰNG CÁC TỈNH QUẢNG NAM,
QUẢNG NGÃI, BÌNH ĐỊNH, PHÚ YÊN
TRONG NHỮNG NĂM 1964 -1965**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ SỬ HỌC

Huế, 2020

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

PHAN THANH NHẤT

**PHONG TRÀO ĐỒNG KHỞI Ở NÔNG THÔN
ĐỒNG BẰNG CÁC TỈNH QUẢNG NAM,
QUẢNG NGÃI, BÌNH ĐỊNH, PHÚ YÊN
TRONG NHỮNG NĂM 1964 -1965**

Ngành: LỊCH SỬ VIỆT NAM

Mã số: 9229013

LUẬN ÁN TIẾN SĨ SỬ HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

- 1. PGS.TS. TRẦN NGỌC LONG**
- 2. PGS.TS. TRƯƠNG CÔNG HUỲNH KỲ**

Huế, 2020

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Những kết quả, nhận xét và kết luận nêu trong luận án là trung thực và chưa từng được công bố trong một công trình nào khác.

Tác giả luận án

Phan Thanh Nhất

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin bày tỏ lòng tri ân sâu sắc đến PGS. TS Trần Ngọc Long và PGS. TS Trương Công Huỳnh Kỳ đã tận tình hướng dẫn tôi trong quá trình học tập và thực hiện đề tài luận án. Tôi xin được bày tỏ lòng biết ơn đến quý thầy cô giáo Khoa Lịch sử, Phòng Đào tạo Sau Đại học, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế và quý thầy cô ở Ban Đào tạo, Đại học Huế đã tạo điều kiện thuận lợi để tôi hoàn thành luận án.

Tôi cũng bày tỏ lòng biết ơn chân thành của mình đến lãnh đạo Ban và toàn thể cán bộ, công chức Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bình Định đã luôn giúp đỡ, tạo điều kiện, động viên tôi trong suốt quá trình học tập.

Xin chân thành cảm ơn quý thư viện Tổng hợp tỉnh Bình Định, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, TP. HCM, Trung tâm Lưu trữ Bộ Tư lệnh Quân Khu V, các vị lão thành cách mạng đã hỗ trợ và cung cấp nhiều tư liệu quý báu trong quá trình thực hiện luận án.

Xin cảm ơn gia đình, bạn bè đã luôn ở bên cạnh giúp đỡ và động viên để tôi có thể hoàn thành tốt chặng đường học tập của mình.

Nghiên cứu sinh

Phan Thanh Nhất

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
LỜI CAM ĐOAN	III
LỜI CẢM ƠN	IV
MỤC LỤC	V
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT TIẾNG VIỆT	IX
MỞ ĐẦU	1
1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI	1
2. MỤC ĐÍCH VÀ NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU	3
2.1. MỤC ĐÍCH	3
2.2. NHIỆM VỤ	3
3. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU	3
3.1. ĐỐI TƯỢNG	3
3.2. PHẠM VI	4
4. NGUỒN TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	4
4.1. NGUỒN TÀI LIỆU	4
4.2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	5
5. ĐÓNG GÓP CỦA LUẬN ÁN	5
6. KẾT CẤU CỦA LUẬN ÁN	6
CHƯƠNG 1 TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU	7
1.1. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	7
1.1.1. Nhóm các công trình nghiên cứu về phong trào đồng khởi trong kháng chiến chống Mỹ ở miền Nam	7
1.1.2. Nhóm các công trình nghiên cứu về phong trào đồng khởi trong kháng chiến chống Mỹ ở Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên	13
1.2. NHẬN XÉT VỀ CÁC KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CHO LUẬN ÁN TIẾP TỤC GIẢI QUYẾT	19
1.2.1. Nhận xét về kết quả nghiên cứu	19

1.2.2. Những vấn đề đặt ra cho luận án cần tập trung giải quyết	20
TIỂU KẾT CHƯƠNG 1	21
CHƯƠNG 2 PHONG TRÀO ĐỒNG KHỞI Ở NÔNG THÔN ĐỒNG BẰNG	
CÁC TỈNH QUẢNG NAM, QUẢNG NGÃI, BÌNH ĐỊNH, PHÚ YÊN	
TRONG NỬA SAU NĂM 1964.....	22
2.1. NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG TỚI ĐỒNG KHỞI Ở QUẢNG NAM,	
QUẢNG NGÃI, BÌNH ĐỊNH, PHÚ YÊN	22
2.1.1. Khái quát đặc điểm tự nhiên, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.....	22
2.1.2. Truyền thống yêu nước và đấu tranh cách mạng.....	26
2.1.3. Chính sách của Mỹ - chính quyền Sài Gòn đối với các tỉnh Nam - Ngãi	
- Bình - Phú trong “Chiến tranh đặc biệt”	29
2.1.4. Khái quát tình hình nam - Ngãi - bình - phú đến giữa năm 1964	34
2.1.5. Chủ trương làm chủ vùng nông thôn đồng bằng của Đảng.....	42
2.2. DIỄN BIẾN ĐỒNG KHỞI Ở CÁC TỈNH QUẢNG NAM, QUẢNG NGÃI,	
BÌNH ĐỊNH, PHÚ YÊN NỬA SAU NĂM 1964	56
2.2.1. Đồng khởi ở Quảng Nam.....	56
2.2.2. Đồng khởi ở Quảng Ngãi.....	65
2.2.3. Đồng khởi ở Bình Định	68
2.2.4. Đồng khởi ở Phú Yên	75
TIỂU KẾT CHƯƠNG 2	79
CHƯƠNG 3 PHONG TRÀO ĐỒNG KHỞI Ở NÔNG THÔN ĐỒNG BẰNG	
CÁC TỈNH QUẢNG NAM, QUẢNG NGÃI, BÌNH ĐỊNH, PHÚ YÊN	
TRONG NỬA ĐẦU NĂM 1965.....	81
3.1. TÌNH HÌNH MỚI Ở CÁC TỈNH QUẢNG NAM, QUẢNG NGÃI, BÌNH	
ĐỊNH, PHÚ YÊN TRONG NỬA ĐẦU NĂM 1965.....	81
3.1.1. Âm mưu, thủ đoạn mới của Mỹ và chính quyền Sài Gòn	81
3.1.2. Chủ trương đối phó với tình hình mới của Đảng.....	83

3.2. DIỄN BIẾN ĐỒNG KHỞI Ở NÔNG THÔN ĐỒNG BẰNG CÁC TỈNH QUẢNG NAM, QUẢNG NGÃI, BÌNH ĐỊNH, PHÚ YÊN TRONG NỬA ĐẦU NĂM 1965.....	85
3.2.1. Đồng khởi ở Quảng Nam.....	85
3.2.2. Đồng khởi ở Quảng Ngãi.....	95
3.2.3. Đồng khởi ở Bình Định	99
3.2.4. Đồng khởi ở Phú Yên	102
TIỂU KẾT CHƯƠNG 3	107
CHƯƠNG 4 NHẬN XÉT VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM	109
4.1. ĐẶC ĐIỂM.....	109
4.1.1. Về quy mô.....	109
4.1.2. Về lực lượng	110
4.1.3. Về hình thức đấu tranh.....	112
4.1.4. Về vai trò của căn cứ địa	114
4.1.5. Vai trò của phụ nữ trong Đồng khởi.....	116
4.2. KẾT QUẢ VÀ Ý NGHĨA.....	119
4.2.1. Kết quả.....	119
4.2.2. Ý nghĩa.....	121
4.3. HẠN CHẾ.....	124
4.3.1. Đồng khởi diễn ra chưa đều ở các địa phương	124
4.3.2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo có lúc chưa tập trung đúng mức.....	125
4.3.3. Nhận thức của cán bộ xã thôn và quần chúng về đấu tranh chính trị chưa đầy đủ, sâu sắc	126
4.4. MỘT SỐ KINH NGHIỆM.....	127
4.4.1. Chọn địa bàn để mở đầu phong trào cách mạng có ý nghĩa hết sức quan trọng	127
4.4.2. Phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng, trong đó coi trọng lực lượng quần chúng tự vũ trang là biện pháp hiệu quả để giành thắng lợi...	128

4.4.3. Phát huy thế mạnh của từng vùng và kết hợp chặt chẽ giữa ba vùng chiến lược, bổ sung hỗ trợ cho nhau, tạo thành thế mạnh để chủ động tiến công giành thắng lợi.....	129
4.4.4. Dựa chắc vào nhân dân, kiên trì tích cực xây dựng cơ sở chính trị ở địa bàn nông thôn đồng bằng là tiền đề quan trọng để giành thắng lợi.....	131
TIỂU KẾT CHƯƠNG 4	134
KẾT LUẬN	135
TÀI LIỆU THAM KHẢO	141

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT TIẾNG VIỆT

Việt Nam Cộng hòa	VNCH
Nhà xuất bản	Nxb
Lực lượng vũ trang	LLVT
Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên	Nam - Ngãi - Bình - Phú

MỞ ĐẦU

1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

Chính sách thống trị nhân dân miền Nam bằng chính quyền độc tài phát xít của Ngô Đình Diệm thông qua biện pháp chiến lược “tố Cộng, diệt Cộng” bị thất bại, đế quốc Mỹ buộc phải bị động chuyển sang thực hiện chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” để đối phó với phong trào cách mạng miền Nam đang phát triển mạnh mẽ từ khởi nghĩa từng phần thành chiến tranh cách mạng, và để cứu vãn chính quyền Sài Gòn khỏi nguy cơ sụp đổ hoàn toàn. Trước tình thế mới, Đảng Lao động Việt Nam chủ trương phát động một cuộc chiến tranh cách mạng để chống lại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961-1965), từng bước làm thất bại Kế hoạch Staley - Taylor,... giáng thêm đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mỹ.

Kế hoạch bình định miền Nam trong vòng 18 tháng sụp đổ, để cứu vãn tình thế, Mỹ đã triển khai kế hoạch Johnson - McNamara, tăng cường viện trợ quân sự, nhằm ổn định chính quyền Sài Gòn, bình định miền Nam có trọng điểm trong 2 năm (1964 - 1965). Với kế hoạch này, Mỹ và chính quyền Sài Gòn đã đẩy cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam bước vào giai đoạn gay go, quyết liệt. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân miền Nam nói chung và nhân dân các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên nói riêng, một lần nữa đã vùng lên tiến hành Đồng khởi, giải phóng một vùng rộng lớn nông thôn đồng bằng. Phong trào Đồng khởi tại các địa phương này bùng lên mạnh mẽ từ giữa năm 1964 đến giữa năm 1965, đã giành được thắng lợi ở nhiều vùng nông thôn và đồng bằng, tạo ra thế và lực mới cho cách mạng ở các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú để bước vào giai đoạn mới chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” (1965-1968).

Đồng khởi ở nông thôn đồng bằng các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên trong những năm 1964 -1965, ngoài việc thể hiện những sắc thái của Đồng khởi ở các địa phương miền Nam nói chung, còn có nhiều nét đặc thù. Một số khía cạnh của vấn đề này lâu nay đã được thể hiện trong một số bài báo khoa học đăng trên các tạp chí, hoặc trong một số công trình chuyên khảo về phong

trào Đồng khởi ở miền Nam nói chung, trong các công trình lịch sử địa phương,... Mặc dù vậy, nhiều vấn đề nghiên cứu liên quan đến phong trào Đồng khởi ở các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên từ giữa năm 1964 đến giữa năm 1965 chưa được làm sáng tỏ như: điều kiện bùng nổ phong trào, phương thức tiến hành đồng khởi, sắc thái thể hiện, tác động của phong trào... Vì vậy, việc nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống phong trào Đồng khởi ở nông thôn đồng bằng các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên trong những năm 1964 - 1965 là việc làm có ý nghĩa khoa học và đáp ứng được yêu cầu thực tiễn.

Về mặt khoa học, nghiên cứu vấn đề này, trước hết sẽ góp phần làm sáng tỏ sự năng động sáng tạo của các cấp bộ Đảng trong việc vận dụng đường lối kháng chiến đúng đắn của Đảng; đồng thời tái hiện đầy đủ về bức tranh “Đồng khởi” ở nông thôn đồng bằng Khu V trong những năm 1964 - 1965 của cuộc kháng chiến chống Mỹ. Qua đó, đánh giá một cách khách quan, khoa học vai trò và tác động của phong trào Đồng khởi đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trên địa bàn. Đồng thời, đánh giá những hạn chế, đúc rút kinh nghiệm có thể phục vụ công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trước mắt cũng như lâu dài.

Việc nghiên cứu phong trào Đồng khởi ở các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên trong những năm 1964 - 1965 còn góp phần phục vụ cho công tác biên soạn lịch sử địa phương, giúp người đọc có cái nhìn toàn diện về công cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

Về mặt thực tiễn, kết quả nghiên cứu phong trào Đồng khởi ở nông thôn đồng bằng Khu V trong những năm 1964-1965, góp phần giáo dục truyền thống yêu nước, nâng cao ý thức đoàn kết dân tộc cho thế hệ trẻ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn hiện nay. Từ trong quá khứ có thể rút ra một số bài học bổ ích cho việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, quê hương hiện nay.

Với những lý do trên, tôi chọn đề tài: *“Phong trào Đồng khởi ở nông thôn*

đồng bằng các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên trong những năm 1964 - 1965” để làm luận án Tiến sĩ sử học, chuyên ngành Lịch sử Việt Nam.

2. MỤC ĐÍCH VÀ NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU

2.1. Mục đích

Tái hiện một cách có hệ thống phong trào Đồng khởi ở nông thôn đồng bằng các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên trong những năm 1964 - 1965. Qua đó làm nổi rõ một số nét đặc thù; đồng thời khẳng định vị trí, tầm vóc của phong trào này đối với tiến trình phát triển của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trên địa bàn nói riêng, miền Nam nói chung.

2.2. Nhiệm vụ

Để đạt được mục đích nêu trên, luận án thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Tổng quan tình hình nghiên cứu để xác định mục tiêu, nhiệm vụ của đề tài luận án.

- Làm rõ bối cảnh lịch sử dẫn đến sự bùng nổ phong trào Đồng khởi ở nông thôn đồng bằng các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên trong những năm 1964 -1965.

- Tái hiện các bước phát triển của phong trào Đồng khởi ở nông thôn đồng bằng các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên trong những năm 1964 -1965.

- Làm rõ nghệ thuật chỉ đạo và tổ chức thực hiện Đồng khởi ở nông thôn đồng bằng các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên.

- Phân tích làm rõ tác động của phong trào Đồng khởi đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở các tỉnh Khu V nói riêng và miền Nam nói chung.

- Khái quát đặc điểm đặt trong mối quan hệ so sánh giữa các tỉnh, đánh giá tầm vóc của phong trào; đồng thời đúc kết kinh nghiệm để có thể vận dụng trong công tác vận động quần chúng giai đoạn hiện nay.

3. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU.

3.1. Đối tượng

Phong trào Đồng khởi ở nông thôn đồng bằng các tỉnh Quảng Nam, Quảng

Ngãi, Bình Định, Phú Yên những năm 1964 - 1965.

3.2. Phạm vi

- *Về không gian:* Nghiên cứu phong trào diễn ra ở nông thôn đồng bằng các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên. Tuy nhiên, để có “cái nhìn đối sánh”, không gian nghiên cứu của luận án có thể được mở rộng ra một số địa phương Khu V, các tỉnh Nam Bộ.

- *Về thời gian:* Từ giữa năm 1964 đến nửa đầu năm 1965.

- *Về nội dung:*

+ Khái quát các nhân tố tác động đến phong trào Đồng khởi ở nông thôn đồng bằng các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên.

+ Tái hiện diễn tiến, đánh giá kết quả, ý nghĩa, tác động.

+ Khái quát một số đặc điểm, vai trò nổi bật.

+ Đúc kết một số kinh nghiệm.

4. NGUỒN TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

4.1. Nguồn tài liệu

Để thực hiện luận án này, chúng tôi tiếp cận từ nhiều nguồn tài liệu khác nhau có liên quan đến đề tài như:

Tài liệu lưu trữ (báo cáo, chỉ thị, nghị quyết,...) lưu tại các Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II; Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia IV, Trung tâm Lưu trữ Quân Khu V; Phòng Lưu trữ tài liệu của Tỉnh ủy các tỉnh: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên; Tài liệu lưu trữ tại thư viện các tỉnh và Thư viện Quốc gia Việt Nam: bao gồm văn kiện Đảng và các tài liệu có liên quan của Trung ương Đảng, Khu ủy V và Đảng bộ các địa phương có liên quan; văn bản của chính quyền Sài Gòn.

Sách, các công trình chuyên khảo liên quan đến đề tài của các học giả, các nhà khoa học trong và ngoài nước đã được công bố; các luận án, luận văn liên quan đến đề tài.

Các bài viết của nhân chứng, các bài báo khoa học,... được đăng tải trên các tạp chí chuyên ngành.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Cơ sở phương pháp luận của đề tài là vận dụng những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về khởi nghĩa vũ trang và chiến tranh cách mạng.

Phương pháp nghiên cứu chủ yếu được sử dụng để thực hiện đề tài là phương pháp lịch sử, phương pháp logic và sự kết hợp hai phương pháp này.

Ngoài ra, chúng tôi còn sử dụng các phương pháp khác có liên quan, như thống kê, so sánh, đối chiếu các nguồn tài liệu; tiến hành điền dã, gặp gỡ, khai thác tư liệu qua thực địa và nhân chứng.

5. ĐÓNG GÓP CỦA LUẬN ÁN

Luận án hoàn thành sẽ có những đóng góp sau:

- Luận án là công trình đầu tiên nghiên cứu, phản ánh một cách có hệ thống về phong trào Đồng khởi ở nông thôn đồng bằng các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên trong những năm 1964 - 1965.

- Luận án đã đưa ra một số nhận xét, đánh giá về tác động và tầm vóc của phong trào Đồng khởi ở nông thôn đồng bằng các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên trong những năm 1964 - 1965 đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ nói riêng đặt trong sự đối sánh với Đồng khởi ở miền Nam nói chung. Qua đó cho thấy sự vận dụng sáng tạo đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng bộ các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

- Đúc kết được một số kinh nghiệm qua nghiên cứu vấn đề này có thể kế thừa và vận dụng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

- Kết quả nghiên cứu của luận án sẽ bổ sung nguồn tư liệu, góp phần phục vụ công tác nghiên cứu, biên soạn và giảng dạy lịch sử địa phương ở các bậc học. Thông qua đó, góp phần giáo dục cho thế hệ trẻ, các dân tộc sinh sống trên địa bàn về niềm tự hào đối với quê hương, đất nước và ý thức xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, quê hương.

6. KẾT CẤU CỦA LUẬN ÁN

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo và Phụ lục, luận án được cấu trúc thành 4 chương như sau:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu.

Chương 2: Phong trào Đồng khởi ở nông thôn đồng bằng các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên trong nửa sau năm 1964.

Chương 3: Phong trào Đồng khởi ở nông thôn đồng bằng các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên trong nửa đầu năm 1965.

Chương 4: Nhận xét và bài học kinh nghiệm.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

Theo *Từ điển Bách khoa Quân sự Việt Nam*, Đồng khởi là sự nổi dậy cùng lúc của nhân dân ở nhiều địa phương miền Nam Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ nhằm phá ách kìm kẹp của chính quyền Sài Gòn, giành quyền làm chủ ở cơ sở với những mức độ khác nhau (làm rệu rã bộ máy cai trị của đối phương, giải phóng hoàn toàn một hoặc nhiều xã và thành lập Mặt trận Dân tộc Giải phóng làm chức năng chính quyền cách mạng...). Phong trào Đồng khởi là một hình thái khởi nghĩa. Đồng khởi xuất hiện ở Nam Trung Bộ và Nam Bộ sau khi có Nghị quyết Trung ương Đảng 15 (1959), đánh dấu bước chuyển quan trọng của cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công, tạo cơ sở vững chắc đánh thắng chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ. Đồng khởi ở nông thôn đồng bằng các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên (1964 -1965) là sự tiếp nối phong trào Đồng khởi những năm 1959 - 1960 ở các tỉnh Nam Bộ cũng như ở một số tỉnh Khu V.

1.1. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1.1. Nhóm các công trình nghiên cứu về phong trào Đồng khởi trong kháng chiến chống Mỹ ở miền Nam

1.1.1.1. Các công trình nghiên cứu của các tác giả trong nước

Đã có nhiều công trình nghiên cứu của các tác giả trong nước về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam, trong đó đều có đề cập đến phong trào Đồng khởi ở miền Nam nói chung, phong trào Đồng khởi ở các tỉnh Khu V nói riêng.

Công trình chuyên khảo đầu tiên phản ánh khá đầy đủ về phong trào Đồng khởi ở miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ là của Cao Văn Lượng, Phạm Văn Toàn, Quỳnh Cư (1981), *Tim hiểu phong trào Đồng khởi ở miền Nam Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội. Công trình tái hiện quá trình phát triển của phong trào Đồng khởi ở miền Nam, trong đó tập trung đi sâu vào một vài điển hình như: Cuộc khởi

nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, Đồng khởi ở Bến Tre, Đồng khởi ở Tây Ninh,... Công trình cũng đã đưa ra một số đánh giá ý nghĩa, tác dụng và bài học của phong trào Đồng khởi ở miền Nam những năm 1959 -1960 nói chung. Tuy nhiên, công trình chưa đề cập nhiều về phong trào Đồng khởi ở nông thôn đồng bằng ở Khu V (1964 - 1965).

Đề cập đến vấn đề lãnh đạo phong trào Đồng khởi, có tác phẩm của Viện Lịch sử Đảng (1985), *Những sự kiện Lịch sử Đảng về kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*, Nxb Thông tin lý luận, Hà Nội. Công trình này có đề cập đến một số sự kiện chủ yếu liên quan đến Đảng lãnh đạo Đồng khởi ở nông thôn đồng bằng trong những năm 1964 - 1965, đặc biệt là một số sự kiện phản ánh Đồng khởi ở An Lão (Bình Định), Ba Gia (Quảng Ngãi),...

Liên quan đến phong trào Đồng khởi có các công trình tổng kết chiến tranh thời kỳ chống Mỹ cứu nước. Tiêu biểu là công trình của Ban Chỉ đạo Tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị (1996), *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước thắng lợi và bài học*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội. Đây là công trình tổng kết về sự lãnh đạo của Đảng đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, trong đó tập trung vào một số nội dung cơ bản và cốt yếu như: đường lối chiến lược, sách lược và phương pháp cách mạng; những bài học kinh nghiệm được đúc kết trong quá trình tiến hành chiến tranh cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Các công trình nói trên cũng đã đề cập tới phong trào Đồng khởi ở miền Nam nói chung, Khu V nói riêng với các vấn đề: khẳng định sự tất yếu của Đồng khởi; đánh giá khái quát tầm vóc, ý nghĩa vai trò của Đồng khởi với việc tạo ra bước phát triển mới cho cách mạng miền Nam.

Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954 - 1975* (9 tập), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, trong đó có Tập 3 là công trình phản ánh khá chi tiết diễn biến, kết quả và ý nghĩa của phong trào Đồng khởi ở miền Nam nói chung, Đồng khởi ở nông thôn, đồng bằng các tỉnh Khu V giai đoạn 1964 - 1965 nói riêng.

Năm 1997, Nxb Quân đội Nhân dân ấn hành cuốn *Chiến tranh nhân dân địa*

phương trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954 - 1975, trong đó có chuyên đề: Chống phá bình định giành dân và giữ dân trên địa bàn Khu V. Nội dung chuyên đề cho thấy trước những âm mưu càn quét lấn chiếm, gom dân lập “ấp chiến lược”, “Áp tân sinh”, “Khu dinh điền” và “Khu trù mật” của Mỹ và chính quyền Sài Gòn, nhân dân Khu V đã đấu tranh sôi nổi chống âm mưu càn quét, lấn chiếm của quân đội Sài Gòn do Mỹ chỉ huy. Lúc đầu, phong trào có tính chất tự phát nhưng sau đó nhờ có sự lãnh đạo chặt chẽ của các cấp ủy Đảng, chính quyền và các tổ chức đoàn thể ở địa phương nên đã phát triển mạnh mẽ, trở thành một phong trào đấu tranh đều khắp trên tất cả các địa bàn trọng điểm của Khu V. Tuy nhiên, đây là một chuyên đề mang tính tổng kết nên mới chỉ dừng lại ở mức khái quát những vấn đề chung về chống phá bình định. Vả lại, công trình phản ánh không gian cho cả một địa bàn rộng lớn ở Khu V chứ chưa có điều kiện đi sâu nghiên cứu ở những tình cụ thể; đặc biệt là chưa đi sâu khảo cứu về phong trào Đồng khởi ở nông thôn, đồng bằng các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên những năm 1964 - 1965.

Tác giả Trần Thị Thu Hương (2002), *Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh chống phá “quốc sách” Ấp chiến lược của Mỹ - nguy ở miền Nam Việt Nam (1961 - 1965)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội. Trên cơ sở phát triển từ luận án Tiến sĩ, bằng những nguồn tư liệu có hệ thống, công trình đã trình bày quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh chống phá “quốc sách” Ấp chiến lược của Mỹ - chính quyền Sài Gòn ở miền Nam Việt Nam (1961 - 1965). Công trình này cũng đã làm rõ sự chỉ đạo sắc bén, linh hoạt, sáng tạo của các Đảng bộ địa phương ở miền Nam Việt Nam trong đó có Đảng bộ các tỉnh Nam Trung Bộ; trình bày cuộc đấu tranh diễn ra gay go, quyết liệt của quân và dân miền Nam Việt Nam chống lại âm mưu, thủ đoạn thâm độc, xảo quyệt của Mỹ và chính quyền VNCH trong quá trình thực thi chính sách “Áp chiến lược”. Qua việc tái hiện bức tranh sinh động về cuộc đấu tranh chống phá Ấp chiến lược, tác giả đã đúc kết những thành công và rút ra những bài học kinh nghiệm của Đảng trong quá trình lãnh đạo cuộc đấu tranh đầy thách thức và quyết liệt này. Tuy nhiên, về không gian nghiên cứu trên toàn miền

Nam Việt Nam nên phong trào đấu tranh của quân và dân các tỉnh Nam Trung Bộ đặc biệt là phong trào Đồng khởi chỉ mới được phản ánh một cách khái lược.

Năm 2006, Nguyễn Xuân Năng xuất bản cuốn, *Phong trào Đồng khởi ở miền Đông Nam Bộ*, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội. Công trình này đã phản ánh diễn biến phong trào Đồng khởi ở miền Đông Nam Bộ; làm rõ sự chỉ đạo sáng suốt của Đảng, chính quyền các địa phương; từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, tập hợp lực lượng. Nghiên cứu về Đồng khởi ở miền Nam có công trình: *Phong trào Đồng khởi 50 năm nhìn lại*, Nxb Quân đội Nhân dân (2010) tập hợp một số bài viết của các nhà khoa học trên cả nước và lãnh đạo một số địa phương diễn ra phong trào Đồng khởi. Các bài viết được sắp xếp theo tiến trình lịch sử kết hợp với chủ đề nghiên cứu. Nội dung cuốn sách phản ánh một cách khái quát, có hệ thống phong trào Đồng khởi ở miền Nam Việt Nam; làm nổi bật bức tranh sống động và phong phú của Đồng khởi; trên cơ sở đó rút ra một số bài học quý báu về khởi nghĩa và đấu tranh vũ trang giành chính quyền làm chủ của cách mạng miền Nam trong những năm cuối thập kỷ 50 đầu thập kỷ 60 của thế kỷ XX.

Năm 2012, Nhà xuất bản Chính trị - Hành chính, Hà Nội, cho ra mắt công trình: *Miền Nam - 21 năm kháng chiến chống Mỹ (Hồ sơ về cuộc kháng chiến của quân và dân miền Nam)*. Thông qua những nguồn tư liệu chân thực, phong phú, các tác giả đã phác họa bức tranh toàn cảnh hết sức sinh động về cuộc đấu tranh đầy hy sinh gian khổ của quân và dân miền Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng, Quân ủy Trung ương, Trung ương Cục miền Nam chống lại chính sách xâm lược thực dân kiểu mới của Mỹ và chính quyền Sài Gòn. Trong cuộc đấu tranh đó, phong trào đấu tranh chống chính sách “bình định” đóng một vai trò không nhỏ, đặc biệt là trong đấu tranh chống địch càn quét, lấn chiếm, gom dân lập ấp chiến lược. Tuy nhiên, phong trào Đồng khởi ở Khu V những năm 1964 - 1965 chỉ mới được đề cập một cách khái lược. Dẫu sao, đây là nguồn tư liệu tham khảo có giá trị cho nghiên cứu sinh trong quá trình nghiên cứu luận án.

Viện Sử học (2014) *Lịch sử Việt Nam* (15 tập), Nxb Khoa học xã hội. Công

trình nghiên cứu Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ thứ X đến năm 2000, phản ánh một cách khách quan, trung thực, sinh động quá trình hình thành, phát triển của lịch sử đất nước. Đặc biệt, Tập 12 (giai đoạn 1954 - 1965), đã phản ánh khá đầy đủ, toàn diện phong trào đấu tranh của nhân dân Việt Nam chống đế quốc Mỹ xâm lược và chính quyền tay sai. Công trình khoa học này ít nhiều đều có đề cập đến Đảng lãnh đạo Đồng khởi; sự vận dụng sáng tạo, linh hoạt của cấp ủy, chính quyền các cấp; các hình thức đấu tranh của nhân dân miền Nam trong giai đoạn lịch sử 1954 - 1965. Tuy nhiên, không gian phản ánh là cả miền Nam, do đó công trình chưa thể đề cập sâu đến phong trào Đồng khởi ở các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú, nhưng có thể khẳng định đây là công trình tham khảo có giá trị đối với luận án mà tác giả đang nghiên cứu.

1.1.1.2. Các công trình nghiên cứu của các tác giả nước ngoài

Các công trình nghiên cứu lịch sử của các tác giả nước ngoài nghiên cứu về đề tài chiến tranh Việt Nam khá lớn nhưng về phong trào Đồng khởi ở miền Nam thì không nhiều. Các công trình của nước ngoài đề cập đến vấn đề nghiên cứu của luận án có thể điểm qua như: Charles Fourniau (1967) - một nhà nghiên cứu về cuộc chiến tranh Việt Nam, đã xuất bản cuốn sách có tựa đề *Le Viet Nam face à la guerre (Việt Nam đối mặt với chiến tranh)*. Trong công trình này, tác giả đã chỉ ra rằng sự can thiệp của Mỹ bằng quân sự trên quy mô lớn ở miền Nam Việt Nam sẽ dẫn đến thất bại là điều khó tránh khỏi, nó sẽ là một trong những nguyên nhân làm cho sự nổi dậy của nhân dân miền Nam càng thêm mạnh mẽ.

Năm 1969, tác giả T. Hoopes đã xuất bản tại Mỹ cuốn sách có tựa đề *The limits of intervention (Giới hạn của sự can thiệp)*, David Mc Kay Company, New York. Trong công trình nghiên cứu của mình, T. Hoopes đã công bố nhiều tư liệu về cuộc chiến tranh Việt Nam giai đoạn 1961 - 1965. Đặc biệt, tác giả công bố quan điểm của những quan chức cấp cao của Mỹ trong thời kỳ chuyển tiếp từ “chiến tranh đặc biệt” (1961-1965) sang “chiến tranh cục bộ” (1965-1968). Cuốn sách đã trích dẫn quan điểm của George Bundy - Cố vấn an ninh Quốc gia cho Tổng thống Johnson về tác động của cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân miền Nam đối

với âm mưu của Mỹ: “George Bundy tập trung vào cuộc khủng hoảng ở Nam Việt Nam từ cuối năm 1964. Ông kết luận Mỹ phải sẵn sàng đứng chân và chiến đấu ở Việt Nam, nếu không sẽ mất cả Đông Nam Á và cả lòng tin của thế giới vào ý chí và khả năng của Mỹ đối phó với mối đe dọa Cộng sản ở Châu Á” [160, tr.19]. Một trong những nguyên nhân theo lý giải của tác giả, đó là do sự lớn mạnh của cách mạng miền Nam, trong đó có phong trào nổi dậy ở Khu V những năm 1964 - 1965.

Trong công trình nghiên cứu có tựa đề *Dynamics of the Viet Nam war, a quantitative analysis and predictive computer simulation* (Động lực của chiến tranh Việt Nam, một phân tích định lượng và mô phỏng máy tính dự đoán) Ohio State University xuất bản tại Mỹ năm 1974, tác giả Jeffray S. Milstein đã công bố những tài liệu cho thấy biện pháp mà Mỹ lựa chọn đối với cuộc chiến tranh Việt Nam trong giai đoạn 1964-1965 là buộc phải tăng cường hơn nữa các hoạt động quân sự nhằm đàn áp phong trào Đồng khởi ở miền Nam Việt Nam, tác giả đã viết:

Ngày 22/01/1964, Chủ tịch Hội đồng Tham mưu trưởng liên quân - tướng Maxwell D. Taylor kiến nghị với Bộ trưởng Quốc phòng Mc. Namara là Mỹ phải chuẩn bị đầy đủ các hoạt động ở mức cao hơn nữa, không những về tác động chiến thuật có lợi của những hoạt động ấy, mà còn để tỏ rõ quyết tâm của chúng ta với bạn bè và với kẻ thù [158, tr.41].

Đây là một trong những cơ sở của sự ra đời Kế hoạch Johnson - Mc. Namara (1964 -1965), một trong những nhân tố trực tiếp dẫn đến phong trào Đồng khởi ở nông thôn đồng bằng các tỉnh Khu V.

Tác giả O. Balalce (1975) với công trình nghiên cứu *The War in Viet Nam* (Chiến tranh Việt Nam), Hippocrene books, New York, Mỹ, đi sâu tìm hiểu những nguyên nhân thất bại của các chiến dịch quân sự mà Mỹ và chính quyền Sài Gòn đã tiến hành ở miền Nam Việt Nam. Tác giả đã chỉ ra rằng sự tấn công quân sự trên quy mô lớn không mang lại hiệu quả như người Mỹ mong muốn. Trong công trình này, tác giả đã đề cập đến một số sự kiện phản ánh cuộc kháng chiến của nhân dân

miền Nam diễn ra ở nông thôn đồng bằng Khu V trong những năm 1964 - 1965 mà theo ông chính là sự trả lời đanh thép cho người Mỹ.

Các tác phẩm của Gabriel Kolko (1985), *Giải phẫu cuộc chiến tranh Việt Nam, Mỹ và kinh nghiệm lịch sử hiện đại*; *Cuộc chiến dài ngày nhất nước Mỹ* của G.C.Herring (1998), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, *Sự lừa dối hào nhoáng* của Neil Sheehan (Lê Minh Đức và cộng sự dịch, 1990),...trong một chừng mực nhất định, đều có đề cập đến phong trào đấu tranh chống lại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961-1965) của quân dân các tỉnh Nam Trung Bộ trong đó có phong trào Đồng khởi 1964 - 1965. Đây là những nguồn tư liệu có giá trị để tác giả luận án tham khảo.

Tác giả B. Adler trong cuốn sách *Cinquante Viet Nam (Năm mươi năm Việt Nam)* đã phân tích khá chi tiết về tình hình miền Nam 1964 - 1965, trong đó có làm rõ những nhân tố dẫn đến sự thắng lợi của phong trào Đồng khởi và sự thất bại của Mỹ và Việt Nam Cộng hòa ở địa bàn nông thôn đồng bằng Khu V trong những năm 1964 - 1965: “*Chiến tranh du kích là địch thủ duy nhất của người Mỹ... Cũng thật khó khăn cho người Mỹ để tìm một lối thoát cho tình hình này*” [160, tr.61].

1.1.2. Nhóm các công trình nghiên cứu về phong trào Đồng khởi trong kháng chiến chống Mỹ ở Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên

Hiện nay chưa có một công trình chuyên khảo độc lập nào nghiên cứu về phong trào Đồng khởi những năm 1964 - 1965 ở nông thôn đồng bằng Khu V hay các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên. Vấn đề này chỉ được thể hiện trong các công trình tổng kết về lịch sử của Quân khu V, lịch sử Tỉnh Đảng bộ các tỉnh hay trong nghiên cứu về đấu tranh vũ trang hoặc binh vận thời chống Mỹ của các địa phương.

Năm 1992 có nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án. Đó là các công trình của Hội đồng biên soạn Lịch sử Nam Trung Bộ kháng chiến (1992), *Nam Trung Bộ kháng chiến (1945 - 1975)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội; Bộ Tư lệnh Quân Khu V (1992), *Khu V - 30 năm chiến tranh giải phóng*, (2

tập). Các công trình này đã đề cập một cách khái quát về tình hình chiến trường các tỉnh trên địa bàn Khu V, Khu VI. Ở nhiều khía cạnh khác nhau, các tác giả của những công trình trên đã đề cập đến phong trào Đồng khởi ở các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên giai đoạn 1964 - 1965.

Năm 2015, Bộ Tư lệnh Quân Khu V chỉ đạo biên soạn công trình: *Lịch sử Đảng bộ Quân Khu V (1946 - 2010)*, tập 2: *Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội. Bằng những nguồn tư liệu chân thực, phong phú, công trình đã tái hiện quá trình hình thành, phát triển và hoạt động lãnh đạo của Đảng bộ Quân Khu V qua các thời kỳ cách mạng, đồng thời tái hiện bức tranh toàn cảnh hết sức sinh động về cuộc đấu tranh đầy hy sinh gian khổ và thắng lợi vẻ vang của Đảng bộ, chính quyền, quân và dân Khu V trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Là địa bàn chiến lược quan trọng của cả nước cả về vị trí chiến lược quân sự, cũng như dân cư và tiềm năng kinh tế, Khu V trở thành địa bàn nóng bỏng, nơi được Mỹ chọn làm địa bàn thí điểm và thực thi các chương trình, kế hoạch trong các chiến lược chiến tranh. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là Khu ủy Khu V, quân và dân Khu V đã vượt qua mọi thử thách khắc nghiệt và hy sinh, gian khổ, từng bước đánh bại mọi kế hoạch xâm lược của Mỹ và chính quyền tay sai. Trong cuộc đấu tranh đó, phong trào đấu tranh chống địch càn quét, lấn chiếm, gom dân lập “Áp chiến lược”, “Áp tân sinh”, là trọng tâm trong giai đoạn Đồng khởi ở nông thôn đồng bằng các tỉnh Khu V được phản ánh khá đậm nét. Đây là nguồn tư liệu có giá trị để tác giả tham khảo. Tuy nhiên, hoạt động chống chính sách gom dân lập áp chiến lược chỉ là một mặt hoạt động trong hoạt động lãnh đạo của Đảng bộ trên chiến trường ở Khu V nên vấn đề liên quan đề tài luận án chỉ được đề cập hết sức sơ lược và chưa có hệ thống.

Phong trào Đồng khởi nông thôn đồng bằng các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú những năm 1964 - 1965 được phản ánh trong các công trình lịch sử địa phương. Tiêu biểu như của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (1999), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975)*; Bộ Chỉ huy

Quân sự tỉnh Quảng Nam (2003), *Lịch sử LLVT nhân dân tỉnh Quảng Nam, Tập II (1954-1975)*, Nxb Quân đội nhân dân. Đây là hai công trình đã đề cập đến Đồng khởi ở Quảng Nam giai đoạn 1964 - 1965 một cách khá chi tiết. Trong các công trình này, tác giả đã phân tích những thuận lợi và khó khăn của Quảng Nam trong chiến đấu chống các chiến lược, kế hoạch quân sự của Mỹ và chính quyền Sài Gòn. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ các cấp, từ tháng 7 năm 1964 đến giữa năm 1965, nhân dân Quảng Nam đã Đồng khởi và làm chủ nhiều thôn, xã khắp địa bàn tỉnh Quảng Nam. Trong các công trình này cũng đã phân tích làm rõ nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử và những bài học kinh nghiệm quý báu trong lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng bộ các cấp, vai trò của lực lượng quần chúng trong đồng khởi.

Ở Quảng Ngãi có nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến phong trào Đồng khởi ở nông thôn đồng bằng những năm 1964-1965. Bùi Minh Hải - Vũ Văn Sum (1988), *Quảng Ngãi Lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm (1945-1975)*, Nxb Tổng hợp Nghĩa Bình - Bộ Chỉ huy Quân sự Nghĩa Bình xuất bản; Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1999), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội; Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (2008), *Địa chí Quảng Ngãi*, Nxb Từ Điển Bách Khoa, Hà Nội. Trong các công trình trên, các tác giả đã đề cập đến sự lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng bộ các cấp; đặc biệt là làm rõ sự vận dụng sáng tạo đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng vào tình hình thực tế địa phương của Tỉnh ủy Quảng Ngãi. Ở các công trình trên ở nhiều mức độ khác nhau cũng đã tái hiện được phần nào phong trào Đồng khởi của nhân dân Quảng Ngãi từ tháng 7/1964 đến giữa năm 1965.

Liên quan đến phong trào Đồng khởi ở nông thôn đồng bằng, tại Bình Định cũng có nhiều công trình. Năm 1991, Nxb Tổng hợp Bình Định xuất bản cuốn: *Bình Định - Lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm (1945 - 1975)*, do Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bình Định nghiên cứu biên soạn. Bằng những nguồn tư liệu phong phú và chân thực, các tác giả đã trình bày khái quát lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm của quân và dân Bình Định từ năm 1945 đến năm 1975 trên tất cả các mặt, trong đó có giành một dung lượng đáng kể phản ánh phong trào Đồng khởi ở nông

thôn đồng bằng tỉnh Bình Định 1964 - 1965. Tuy nhiên, đây là công trình chuyên khảo về lịch sử kháng chiến của địa phương nên chủ yếu phản ánh những hoạt động trên mặt trận quân sự, còn phong trào đấu tranh chính trị, sự nổi dậy đồng loạt của quần chúng chỉ được phản ánh như là một mặt phối hợp của các hoạt động quân sự, binh vận nên chưa được đề cập nhiều.

Cũng trong năm 1991, Nxb Sở VHNT tỉnh Bình Định cho ra mắt bạn đọc cuốn: *Chiến tranh du kích trên chiến trường Bình Định (1945 -1975)*. Cuốn sách trình bày một cách khái quát các bước phát triển của phong trào chiến tranh du kích trên chiến trường Bình Định trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, cũng như sự lãnh đạo của Đảng bộ đối với phong trào này; từ đó rút ra một số bài học kinh nghiệm. Liên quan đến nội dung của đề tài luận án, khi đánh giá kết quả của cuộc đấu tranh qua từng thời kỳ, cuốn sách đã đề cập đến vai trò to lớn của Đảng bộ Bình Định trong lãnh đạo quân và dân trong tỉnh chống lại chính sách gom dân, lập “ấp chiến lược” và đồng thời nêu bật vai trò chiến tranh du kích trong phong trào chống phá chính sách “bình định”. Tuy nhiên, các tác giả chỉ dừng lại ở việc “xâu chuỗi” các sự kiện lịch sử, bên cạnh trình bày những thắng lợi của các lực lượng vũ trang, phong trào Đồng khởi ở nông thôn đồng bằng trong tỉnh chưa được trình bày rõ nét.

Các công trình *Những chặng đường chiến đấu và trưởng thành của lực lượng vũ trang Bình Định; Những trận đánh điển hình của các lực lượng vũ trang Bình Định*, 3 tập, Nxb Sở VHNT tỉnh Bình Định ấn hành do Thường vụ Đảng ủy và Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Bình Định tổ chức nghiên cứu, biên soạn (1994). Bằng những nguồn tài liệu phong phú và chân thực, các tác giả đã dựng lại bức tranh sinh động về những trận đánh điển hình của các lực lượng vũ trang Bình Định từ năm 1954 đến năm 1975. Tuy nhiên, trong khuôn khổ có hạn của một công trình lịch sử địa phương, và lại đối tượng chính là những trận đánh của các lực lượng vũ trang địa phương chống địch tập kích, phục kích, càn quét lấn chiếm, “bình định nông thôn” nên phong trào Đồng khởi ở nông thôn đồng bằng chỉ được phản ánh sơ lược, chưa có hệ thống.

Năm 1996, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Định cho xuất bản cuốn *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Định (1954 - 1975)*, Nxb Sở VHNT tỉnh Bình Định. Công trình này cũng đã đề cập đến phong trào Đồng khởi ở Bình Định giai đoạn 1964 - 1965; tuy nhiên dưới cách tiếp cận lịch sử Đảng bộ nên chỉ tập trung vào những khía cạnh về sự lãnh đạo và chỉ đạo của Khu ủy Khu V; Tỉnh ủy Bình Định, sự vận dụng các nghị quyết, chỉ thị của cấp trên phù hợp với tình hình địa phương; Tỉnh ủy lãnh đạo nhân dân tiến hành Đồng khởi ở Khu Đông đợt 1 từ tháng 5 đến tháng 8/1964, đợt 2 từ tháng 9 đến tháng 11/1964; Kết quả và ý nghĩa lịch sử phong trào cách mạng ở Bình Định giai đoạn chống “Chiến tranh đặc biệt” nói chung, trong đó có phong trào Đồng khởi 1964 - 1965.

Đình Bá Lộc (2005), *Núi Bà khu Đông thời ấy*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội. Với chức trách của một người làm công tác Đảng, công tác chính trị, tác giả đã đi sâu sát các cơ sở Đảng, các tổ chức quần chúng, các tổ chức lực lượng vũ trang ở cơ sở để vận động và tổ chức đấu tranh chống địch càn quét, lấn chiếm bảo vệ xóm làng. Tác giả là người trực tiếp quan sát, tiếp xúc và ghi lại gần 200 mẫu chuyện về những tấm gương tiêu biểu trong phong trào Đồng khởi, những trận đánh tiêu biểu trong những năm 1964 - 1965. Dù những mẫu chuyện, nội dung phản ánh cuộc đấu tranh của quân và dân Bình Định chống phá “áp chiến lược” của địch trong các đợt Đồng khởi ở Khu Đông (An Nhơn, Tuy Phước và Phù Cát) được phản ánh qua “lăng kính” của nhân chứng lịch sử nhưng đây là nguồn tư liệu quý, chân thực giúp nghiên cứu sinh có thêm tư liệu đối chiếu để hoàn thành luận án.

Công trình: *Công tác binh địch vận trên chiến trường Bình Định trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*, Nxb Sở VHNT tỉnh Bình Định áp hành Đảng bộ tỉnh Bình Định tổ chức nghiên cứu, biên soạn (2004) đã thể hiện những vấn đề cơ bản về công tác binh địch vận trên chiến trường qua các giai đoạn của cuộc kháng chiến, trong đó có trình bày sự kết hợp giữa đấu tranh binh vận với đấu tranh chính trị góp phần đánh bại các âm mưu “binh định lấn chiếm” của Mỹ và chính quyền Sài Gòn. Công tác địch vận kết hợp đấu tranh chính trị góp phần chống phá quốc sách “Áp chiến lược” trong “Chiến tranh đặc biệt”, đánh bại

âm mưu “tìm diệt và “bình định” trong “Chiến tranh cục bộ”, đặc biệt công tác địch vận phục vụ nhiệm vụ chống “bình định cấp tốc”, “bình định đặc biệt” góp phần đánh bại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”. Sự kết hợp giữa hoạt động binh địch vận với tác chiến trong đấu tranh chống chính sách “bình định” là một mặt hoạt động của phong trào Đồng khởi ở nông thôn đồng bằng tỉnh Bình Định (1964 - 1965).

Năm 2010, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh xuất bản công trình: *Lịch sử công tác Đảng, công tác chính trị của lực lượng vũ trang tỉnh Bình Định (1945 - 2010)*, Nxb Sở TTTT tỉnh Bình Định. Bằng nhiều nguồn tư liệu có giá trị, công trình đã phản ánh khá toàn diện quá trình hình thành và phát triển của công tác Đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang Bình Định từ năm 1945 đến năm 2010. Trong công trình này, phong trào Đồng khởi phá áp chiến lược, giành dân, làm chủ những vùng giải phóng ở nông thôn đồng bằng cũng đã được đề cập ở một mức độ nhất định.

Tại Phú Yên có nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án như của Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng tỉnh Phú Khánh (1986), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Phú Khánh thời kì chống Mỹ cứu nước*, Nxb Sở VHNT tỉnh Phú Khánh; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Phú Yên (1993), *Phú Yên 30 năm chiến tranh giải phóng*; Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Phú Yên (1995), *Lịch sử Đảng bộ Phú Yên - thời kì chống Mỹ (1954 - 1975)*; Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Phú Yên (1996), *Lịch sử Phú Yên kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975)*. Trong các công trình này, các tác giả đã tái hiện cuộc chiến tranh cách mạng trên địa bàn Phú Yên, Khánh Hòa; làm rõ sự vận dụng sáng tạo các chủ trương đấu tranh phù hợp tình hình thực tế địa phương qua các giai đoạn của các cấp bộ Đảng ở Phú Yên, Khánh Hòa. Các công trình trên cũng cho thấy, ngay từ cuối 1963, căn cứ tình hình thực tiễn trên chiến trường, Tỉnh ủy Phú Yên đã quyết định chuyển hướng chiến lược, đó là tiến công và nổi dậy giải phóng nông thôn đồng bằng. Với sự lãnh đạo nhạy bén, linh hoạt của Tỉnh ủy, nhân dân Phú Yên đã Đồng khởi và làm chủ chính quyền ở nhiều thôn xã.

Phản ánh về phong trào Đồng khởi ở các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú những năm 1964 - 1965 được thể hiện trên các tạp chí của trung ương và địa phương. Nguyễn Văn Nhật (2004), *Tính sáng tạo và tinh thần quật khởi của nhân dân Quảng Ngãi - Từ khởi nghĩa Trà Bồng và các huyện miền Tây đến cuộc Tổng tấn công và nổi dậy giải phóng Quảng Ngãi tháng 3 - 1975*, Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, số 8 (339); Lê Đình Bảo (2005), *Đánh giá thắng lợi chiến dịch Đồng khởi Khu Đông 1964 ở Bình Định*, Tập san Tuy Phước - số đặc biệt; Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Trần Hòa (2015): “*Đặc điểm của phong trào Đồng khởi ở Bình Định trong những năm 1959 - 1965*”, Tạp chí Lịch sử Quân sự...

Những bài nghiên cứu trên, trên cơ sở trình bày một cách chi tiết, có hệ thống về cuộc Đồng khởi ở Quảng Ngãi và Bình Định ... đã tập trung phân tích làm sáng rõ ý nghĩa lịch sử, tác động của các cuộc khởi nghĩa; vai trò lãnh đạo chủ động, sáng tạo, linh hoạt của Đảng và chính quyền địa phương các cấp đối với vấn đề khởi nghĩa và đồng khởi, từ đó rút ra một số bài học kinh nghiệm. Đặc biệt, các công trình trên ở nhiều khía cạnh khác nhau đều đánh giá phong trào Đồng khởi ở Quảng Ngãi và Bình Định năm 1959 - 1960 là một trong những tiền đề, điều kiện để nhân dân các tỉnh nói trên tiến hành Đồng khởi ở nông thôn đồng bằng giai đoạn 1964 - 1965, đặc biệt là đánh giá ý nghĩa tác động của phong trào Đồng khởi đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ trên địa bàn.

1.2. NHẬN XÉT VỀ CÁC KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CHO LUẬN ÁN TIẾP TỤC GIẢI QUYẾT

1.2.1. Nhận xét về kết quả nghiên cứu

Ở nhiều góc độ tiếp cận khác nhau, các công trình trên đã:

- Khái quát được nguyên nhân bùng nổ, diễn biến, kết quả, ý nghĩa của phong trào Đồng khởi ở miền Nam nói chung.

- Một số công trình tuy có đề cập đến phong trào Đồng khởi ở một số tỉnh như Quảng Ngãi, Bến Tre, Bình Định...nhưng lại tập trung chủ yếu vào đợt Đồng khởi 1959 -1960.

- Những công trình nghiên cứu trực tiếp và gián tiếp có đề cập đến phong trào Đồng khởi ở các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên trong những năm 1964 - 1965 nêu trên đã phản ánh sự lãnh đạo, chỉ đạo, sự đấu tranh kiên cường của đảng bộ, quân và dân các tỉnh Nam Trung Bộ; phản ánh sinh động phong trào đấu tranh chống lại các chính sách của Mỹ - chính quyền Sài Gòn ở miền Nam Việt Nam; tái hiện diễn biến phong trào Đồng khởi ở nông thôn đồng bằng trong phạm vi địa phương mình với tương quan các tỉnh Khu V và nêu lên ý nghĩa cũng như tác động của phong trào Đồng khởi đối với cục diện chiến trường ở địa phương.

Tuy chưa có được sự nghiên cứu, phản ánh một cách có hệ thống và đầy đủ về phong trào Đồng khởi ở nông thôn đồng bằng các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên những năm 1964 - 1965, song các công trình đó là nguồn tài liệu tham khảo có giá trị, cung cấp nguồn tư liệu phong phú để tác giả luận án kế thừa và sử dụng trong quá trình thực hiện luận án.

1.2.2. Những vấn đề đặt ra cho luận án cần tập trung giải quyết

- Các yếu tố dẫn đến sự bùng nổ của Đồng khởi ở nông thôn đồng bằng các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên những năm 1964 - 1965.

- Tiến trình phát triển của Đồng khởi ở nông thôn đồng bằng các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên từ 1964 đến 1965.

- Môi liên hệ, nét chung và riêng của Đồng khởi ở nông thôn đồng bằng các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên những năm 1964 - 1965 với phong trào Đồng khởi ở miền Nam.

- Sự vận dụng sáng tạo của địa phương trong việc thực hiện đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng trong quá trình tiến hành Đồng khởi.

- Vai trò của các tầng lớp nhân dân, nhất là phụ nữ trong Đồng khởi ở các tỉnh.

- Ưu điểm và hạn chế, vai trò, vị trí và bài học kinh nghiệm của Đồng khởi ở nông thôn đồng bằng, các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên những năm 1964 - 1965.

Tiểu kết chương 1

Phong trào Đồng khởi ở nông thôn đồng bằng các tỉnh Khu V trong đó có các tỉnh Nam - Ngãi - Bình- Phú là một sự kiện lịch sử quan trọng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975). Vấn đề này đã được đề cập trong các công trình nghiên cứu về lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước nói chung, Khu V và các tỉnh nói riêng trên các mặt biểu hiện. Tuy vậy, chưa có một công trình nghiên cứu chuyên sâu có tính hệ thống và toàn diện về phong trào Đồng khởi ở nông thôn đồng bằng các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên những năm 1964 - 1965. Nhiều vấn đề về nhân tố tác động, diễn trình, những nét đặc thù, vai trò và vị trí cũng như hạn chế cần được nghiên cứu đầy đủ, hệ thống và đánh giá khách quan.

Chương 2

PHONG TRÀO ĐỒNG KHỞI Ở NÔNG THÔN ĐỒNG BẰNG CÁC TỈNH QUẢNG NAM, QUẢNG NGÃI, BÌNH ĐỊNH, PHÚ YÊN TRONG NỬA SAU NĂM 1964

2.1. NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG TỚI ĐỒNG KHỞI Ở QUẢNG NAM, QUẢNG NGÃI, BÌNH ĐỊNH, PHÚ YÊN

Sự bùng nổ và diễn biến của phong trào Đồng khởi ở các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên những năm 1964 - 1965 bắt nguồn từ nhiều yếu tố: điều kiện địa lý tự nhiên, địa - chính trị - quân sự, chính sách xâm lược của Mỹ và chính quyền Sài Gòn, tinh thần yêu nước cách mạng của nhân dân Nam - Ngãi - Bình - Phú; sự lãnh đạo của Đảng bộ các cấp.

2.1.1. Khái quát đặc điểm tự nhiên, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội

Các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên nằm ở khu vực Nam Trung Bộ có vị trí chiến lược hết sức quan trọng trong kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược; là cửa ngõ từ Biển Đông vào miền Trung và Tây Nguyên; là bàn đạp để tỏa đi các hướng chiến lược và các chiến trường khác. Vị trí chiến lược của Nam - Ngãi - Bình - Phú không chỉ quan trọng với cách mạng miền Nam mà cả cách mạng Nam Lào và Đông Bắc Campuchia.

Về địa quân sự, đây là địa bàn có lợi thế về địa hình, do vùng đồng bằng càng vào phía trong thì càng mở rộng, trở thành nơi đối đầu quyết liệt của lực lượng vũ trang hai phía. Từ đây, có thể xây dựng chỗ đứng chân cho lực lượng quân sự để khống chế toàn bộ địa bàn áp sát thủ phủ Sài Gòn. Đây cũng là địa bàn ngăn chặn hoặc chuyển tiếp sự triển khai của các lực lượng quân sự khá mạnh của khu vực Trị Thiên đối với chiến trường phía Nam.

Địa hình 04 tỉnh tương đối phức tạp, thấp dần từ Tây sang Đông, hình thành ba vùng sinh thái: vùng núi cao, vùng trung du, vùng đồng bằng và ven biển; bị chia cắt theo các lưu vực sông lớn: Vu Gia, Thu Bồn, Tam Kỳ (Quảng Nam), Trà Bồng, Trà Khúc, Sông Vệ, Trà Câu (Quảng Ngãi), Lại Giang, La Tinh, Kôn, Hà

Thanh (Bình Định), Đà Nẵng, Kỳ Lộ (Phú Yên).

Các tỉnh Nam Trung Bộ nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới điển hình, chỉ có 2 mùa là mùa khô và mùa mưa, ít chịu ảnh hưởng của mùa đông lạnh miền Bắc. Nhiệt độ trung bình năm 22 - 25⁰C, không có sự cách biệt lớn giữa các tháng trong năm. Mùa mưa thường tập trung chủ yếu vào các tháng 10,11,12, mùa khô kéo dài từ tháng 1 đến tháng 9, lượng mưa trung bình hằng năm từ 2000 đến 2700 mm ở đồng bằng và trung du, riêng miền núi 5000 mm. Với lượng mưa như thế cùng với địa hình chiều ngang hẹp và dốc nên địa bàn này thường xuyên xảy ra lũ lụt, điều này ảnh hưởng không nhỏ đến khả năng tác chiến và quy mô hiệp đồng binh chủng của các lực lượng vũ trang.

Trong kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975), các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú đều hình thành các vùng chiến lược hoàn chỉnh: rừng núi, nông thôn đồng bằng và đô thị. Ngay trong từng tỉnh cũng có ba vùng nương tựa vào nhau, bổ sung cho nhau. Phần lớn các tỉnh này đều có diện tích khá lớn là địa hình rừng núi nên rất thuận lợi cho chiến tranh du kích phát triển. Đây là địa bàn phù hợp với hoạt động của các lực lượng vũ trang địa phương và tác chiến của binh đoàn chủ lực [75, tr.11].

Các tỉnh - Nam - Ngãi - Bình - Phú có đường Hồ Chí Minh - tuyến đường vận tải chiến lược 559 - chạy xuyên qua phía Tây Khu V và tuyến đường Hồ Chí Minh trên biển nối liền hậu phương lớn miền Bắc với tiền tuyến miền Nam, là biểu tượng thần kỳ của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta, là mạch máu tiếp nguồn sức mạnh cho cuộc đấu tranh của miền Nam nói chung, của chiến trường các tỉnh Khu V nói riêng [74, tr.10].

Nằm ở miền Trung của đất nước, trước mặt là biển Đông, lưng tựa vào dải Trường Sơn và Tây Nguyên hùng vĩ, chiến trường Quân Khu V nói chung, chiến trường Nam - Ngãi - Bình - Phú nói riêng có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng. Đây là căn cứ vững chắc và lâu dài của cách mạng, là chỗ dựa bàn đạp có lợi để tỏa ra các hướng chiến lược khác; là hành lang chiến lược nối liền hai miền Nam, Bắc gắn liền một dải với Trị - Thiên và Khu IV. Chiến trường này, có vị trí chiến

lược quan trọng không những đối với cách mạng miền Nam mà cả đối với phần Nam Đông Dương. Tuy nhiên, do sự chi phối bởi yếu tố địa lý nên đây cũng là nơi dễ bị chia cắt chiến lược.

Đặc điểm về địa lý tự nhiên của các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú đã chi phối đến quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, thực hành tác chiến cũng như xây dựng lực lượng vũ trang; tổ chức, bố trí, sử dụng lực lượng; vận dụng phương thức tiến hành chiến tranh và nghệ thuật quân sự của quân và dân các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên trong chống chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới của đế quốc Mỹ.

Trên chiến trường Khu V, các tỉnh Nam - Ngãi - Định - Phú là một trong những địa bàn vừa có thế công, vừa có thế thủ; là cửa ngõ của vùng Bắc Tây Nguyên. Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, miền Tây các tỉnh - Nam - Ngãi - Bình - Phú, vùng đông bắc Gia Lai, Đông Kon Tum hợp thành một địa bàn trọng yếu trong thế trận chiến lược từ Nam đèo Hải Vân đến quốc lộ 19, các tỉnh - Nam - Ngãi - Bình - Phú là trung tâm.

Về địa chính trị, bốn tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú là địa có vị trí hết sức quan trọng. Mọi biến động trên vùng đất Nam - Ngãi - Bình - Phú này đều ảnh hưởng rất lớn đến tình hình chính trị, tác động trực tiếp đến cơ quan đầu não của chính quyền Sài Gòn. Vì vậy, đây cũng là địa bàn được chính quyền Sài Gòn quan tâm xây dựng hệ thống chính quyền cơ sở làm chỗ dựa cho các lực lượng chính trị cứu cánh của chế độ Sài Gòn. Có thể coi Nam - Ngãi - Bình - Phú là “Hữu trục kỳ” của thủ phủ Sài Gòn.

Về địa kinh tế, các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú không phải là địa bàn giàu về tài nguyên thiên nhiên nhưng lại là nơi có thể dựa vào dân để đảm bảo hậu cần tại chỗ cho các cuộc chiến giữ đất, giữ dân và mở rộng vùng chiếm đóng. Trong 9 năm kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954), Nam - Ngãi - Bình - Phú là vùng tự do của Liên khu V. Trong kháng chiến chống Mỹ, đây cũng là vùng cung cấp hậu cần tại chỗ cho lực lượng Quân giải phóng triển khai thế trận chiến tranh nhân dân, hỗ trợ quần chúng nhân dân đứng lên giành quyền làm chủ. Tiềm năng khai

thác nguồn hậu cần tại chỗ là điều kiện thuận lợi để quân và dân các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên phát triển chiến tranh nhân dân ở các địa phương.

Địa bàn các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú là khu vực sinh sống của nhiều dân tộc anh em: Kinh, Cơ Tu, Co, Gié Triêng, Xê Đăng (Quảng Nam); Hrê, Co, Xơ Đăng (Quảng Ngãi); Ba - Na, Chăm, Hre (Bình Định); Ba - Na, Ê Đê, Chăm, Hroi (Phú Yên). Trong kháng chiến, các dân tộc luôn đoàn kết, kề vai sát cánh hỗ trợ giúp đỡ lẫn nhau trong phát triển kinh tế cũng như đấu tranh chống lại kẻ thù xâm lược để bảo vệ bản, làng, quê hương, đất nước.

Về địa văn hóa, đây là vùng đất nằm trong cùng một cơ cấu văn hóa gọi là “Xứ Quảng” trải dài từ Nam sông Thu Bồn đến Bắc đèo Cù Mông, nguyên ủy vùng đất có tên gọi chung là đạo Thừa tuyên Quảng Nam, tồn tại trong 332 năm kể từ năm 1471 đời Lê Thánh Tông đến năm 1803 thời Gia Long.

Văn hóa Xứ Quảng nổi tiếng với ý thức cộng đồng cao, con người Xứ Quảng khảng khái, can trường, không cam chịu nô lệ. Tính đồng nhất văn hóa tạo nên tính cách người “Xứ Quảng” luôn sẵn sàng đối mặt với thử thách cả về tự nhiên và xã hội. “Xứ Quảng” còn là quê hương khởi phát những đề xướng cải cách xã hội nổi tiếng qua nhiều thế kỷ với nhiều danh nhân lịch sử văn hóa nổi tiếng, tạo nên niềm tự hào cho cộng đồng cư dân trên vùng đất và con người nơi đây.

Riêng vùng đất Phú Yên, từ thế kỷ XVI trở về trước thuộc đất Champa, đến năm 1611, Nguyễn Hoàng mở rộng cương vực về phía Nam đưa dải đất Phú Yên kéo dài từ nam đèo Cù Mông đến Đèo Cả, chính thức sáp nhập Phú Yên vào vùng lãnh thổ Xứ Đàng Trong dưới thời các chúa Nguyễn. Sau khi Phú Yên thuộc về xứ Đàng Trong thì dải đất Nam - Ngãi - Bình - Phú là địa bàn giao thoa văn hóa Việt - Chăm, tạo nên sắc thái văn hóa vừa thống nhất, vừa đa dạng. Đây cũng là địa bàn chuyển tiếp các giá trị văn hóa Việt phương Bắc vào phương Nam, tạo nên tính thống nhất văn hóa trên dải đất hình chữ S.

Bên cạnh những nét đặc thù của văn hóa vùng miền “Quảng Nam hay cãi, Quảng Ngãi hay lo, Bình Định nằm co, Thừa Thiên lùm hết...”, đặc điểm văn hóa vùng đất Nam, Ngãi, Bình, Phú được hình thành trong tổng thể vùng văn hóa miền Trung khá tương đồng. Đây là nơi giao hòa của những sắc thái văn hóa với các vùng, miền khác, điều này góp phần làm cho các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên giàu truyền thống và độc đáo về bản sắc văn hóa ...

Vùng đất này cũng giàu di sản văn hóa Champa với các đền tháp, thành quách, làng mạc cư trú; các công trình kiến trúc cổ đạt tới đỉnh cao của nghệ thuật; tiêu biểu trong số đó là hai di sản văn hóa thế giới được UNESCO công nhận, Phố cổ Hội An và Khu Thánh địa Mỹ Sơn với những giá trị văn hóa tiêu biểu của nhân loại.

Là vùng đất địa linh nhân kiệt, trong suốt lịch sử hình thành và phát triển, vùng đất này được coi là vùng “đất học”, “đất khoa bảng”. Nơi đây là quê hương của nhiều nhân tài học rộng, đỗ cao, quê hương của nhiều vị anh hùng dân tộc qua các thời kỳ: Lương Văn Chánh, Nguyễn Huệ - Quang Trung, Phạm Phú Thứ, Trương Đăng Quế, Trương Định, Hoàng Diệu, Lê Trung Đình, Nguyễn Duy Hiệu, Mai Xuân Thưởng, Lê Thành Phương, Võ Trứ, Trần Cao Vân, Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng, ...

Do tầm quan trọng cả về địa chính trị, địa quân sự và địa kinh tế của địa bàn 4 tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú như vậy, nên ngay từ khi đế quốc Mỹ tăng cường lực lượng quân sự ở miền Nam Việt Nam, Mỹ đã hỗ trợ chính quyền Sài Gòn giữ vững vùng đất đang chiếm đóng và lấn chiếm vùng giải phóng, nỗ lực kiểm soát bằng được địa bàn chiến lược này.

2.1.2. Truyền thống yêu nước và đấu tranh cách mạng

Trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước, cộng đồng các dân tộc ở Khu V nói chung và các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên nói riêng có truyền thống đoàn kết, quật khởi chống ngoại xâm truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác. Các tỉnh này có phong trào cách mạng bền bỉ và liên tục, nổi bật là truyền thống đấu tranh vũ trang, truyền thống đó được phát huy cao độ trong cuộc

kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Nửa cuối thế kỷ XIX, Quảng Nam là nơi đi đầu trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (9/1858), Quảng Ngãi là nơi hưởng ứng đầu tiên Dụ Càn Vương cứu nước của vua Hàm Nghi với cuộc khởi nghĩa Lê Trung Đình vào đêm 13/7/1885. Đến đầu thế kỷ XX, Quảng Nam là nơi khởi đầu phong trào Duy Tân Việt Nam. Các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên là nơi diễn ra phong trào chống sưu thuế quyết liệt nhất ở Trung Kỳ năm 1908. Nam - Ngãi - Bình - Phú còn là địa bàn chiến lược của cuộc vận động khởi nghĩa của tổ chức Việt Nam Quang phục Hội ở Trung Kỳ năm 1916. Miền núi các tỉnh luôn sục sôi đấu tranh với phong trào “cắt máu ăn thè” chống Pháp của đồng bào các dân tộc. Nhân dân các tỉnh Nam, Ngãi, Bình, Phú cũng nhanh chóng chuyển biến theo lập trường yêu nước vô sản do Nguyễn Ái Quốc lãnh đạo.

Sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời lãnh đạo cách mạng Việt Nam, các tổ chức Đảng đầu tiên ở các tỉnh cũng được thành lập: ngày 28/3/1930, Đảng bộ tỉnh Quảng Nam được thành lập; đầu tháng 3/1930, Đảng bộ Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi được thành lập; đầu tháng 3/1930, chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam nhà máy Đèn Quy Nhơn, tỉnh Bình Định được thành lập; ngày 05/10/1930, chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên của tỉnh Phú Yên được thành lập. Những chi, đảng bộ đầu tiên ở các tỉnh đã lãnh đạo phong trào cách mạng ở các tỉnh phát triển mạnh mẽ. Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định là nơi hưởng ứng mạnh mẽ nhất phong trào ủng hộ Xô viết Nghệ Tĩnh trong những năm 1930-1931 ở Nam Trung Kỳ. Trong cuộc vận động Cách mạng tháng Tám 1945, đây là nơi hình thành Đội du kích Ba Tư - lực lượng vũ trang cách mạng đầu tiên ở Nam Trung Bộ. Trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, đây là cũng là địa bàn diễn ra khởi nghĩa sớm khi chưa nhận được mệnh lệnh Tổng khởi nghĩa của Ủy ban Khởi nghĩa Toàn quốc. Quảng Nam là một trong 4 tỉnh giành được chính quyền sớm nhất trong cả nước.

Đến cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954) phong trào đoàn kết cứu

nước của nhân dân Nam, Ngãi, Bình, Phú càng phát triển mạnh mẽ và toàn diện. Dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, trực tiếp là Khu ủy V, quân và dân các tỉnh phát huy khí phách anh hùng và ý chí tự lực tự cường, xây dựng vùng tự do vững chắc, chiến đấu dũng cảm, mưu trí, giành nhiều thắng lợi, phối hợp chặt chẽ với các chiến trường khác. Dựa vào hậu phương tại chỗ, nhân dân và lực lượng vũ trang Nam - Ngãi - Bình - Phú vừa đánh thắng giặc vừa tích cực bảo vệ và xây dựng vùng tự do, phát triển lực lượng vũ trang, cùng với nhân dân cả nước đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược thực dân Pháp. Trong khói lửa kháng chiến, khối đoàn kết dân tộc cứu nước càng được củng cố bền vững và không ngừng mở rộng. Nhân dân và lực lượng vũ trang địa phương đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm đấu tranh vũ trang quý báu, nhất là kinh nghiệm chiến tranh du kích [74, tr.15].

Trong 30 năm chiến tranh cách mạng (1945 - 1975), Sau Hiệp định Giơnevơ (1954) Mỹ thay chân Pháp ở miền Nam đã biết rõ địa bàn bốn tỉnh vùng tự do cũ (Nam - Ngãi - Bình - Phú) của Khu V là một trong những nơi có phong trào cách mạng vững mạnh, nên ngay từ đầu và trong suốt quá trình chiến tranh xâm lược, chúng đã chủ trương tập trung mọi nỗ lực hòng tiêu diệt bằng được lực lượng cách mạng ở đây. Chúng đã áp dụng những hình thức thống trị điển hình với những thủ đoạn dã man, tàn bạo nhất, gây nên nhiều vụ tàn sát như những vụ ở Ngân Sơn, Chí Thạnh (Phú Yên); Tịnh Thiện, Bình Dương, Sơn Mỹ (Quảng Ngãi); Chợ Đước, Vĩnh Trinh (Quảng Nam), Bình An, Tân Giản, Nho Lâm (Bình Định),...kết hợp với các thủ đoạn dụ dỗ, mua chuộc với chính sách kìm kẹp, khủng bố và hủy diệt tối đa bằng bom đạn, chất hóa học hòng diệt cả con người lẫn môi trường sống, hủy hoại cả tư tưởng, tinh thần cách mạng và truyền thống đấu tranh quật cường của nhân dân nơi đây. Đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn tại đây khuyến khích phát triển các tôn giáo (Thiên Chúa giáo, Tin Lành, Phật giáo, Cao đài...) nhằm lôi kéo, mê hoặc nhân dân, phục vụ cho mưu đồ xâm lược của chúng. Chúng còn lợi dụng các dân tộc miền núi, dùng “mồi” kinh tế và các thủ đoạn chia rẽ, lừa phỉnh, dụ dỗ đồng bào các dân tộc đi theo chúng chống lại cách mạng.

Có thể nói, các tỉnh đồng bằng Khu V ngay từ những ngày đầu của “chiến tranh đặc biệt” đã là một trong những trọng điểm đánh phá ác liệt của địch. Bất chấp mọi mưu đồ tàn bạo và xảo quyệt của kẻ thù, phong trào chống Mỹ, cứu nước của khối đại đoàn kết các dân tộc trên địa bàn các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú vẫn được giữ vững và phát huy mạnh mẽ chưa từng thấy, ngày càng ngùn ngụt bốc cao. Trong những năm 1959 - 1960, địa bàn này đã diễn ra những cuộc đồng khởi đầu tiên: Vĩnh Thạnh (Bình Định), Trà Bồng (Quảng Ngãi).

Trong kháng chiến chống Mỹ, dưới sự lãnh đạo của Khu ủy V, vượt qua vô vàn khó khăn do âm mưu đánh phá ác liệt của địch, nhân dân và lực lượng vũ trang các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên đã kế thừa và phát huy truyền thống yêu nước và cách mạng, kinh nghiệm sản xuất tự túc, thực hiện “tay súng tay cuốc”, vừa đánh giặc vừa sản xuất giải quyết một phần khó khăn về lương thực, thực phẩm của chiến trường, khai thác có hiệu quả nguồn cung cấp tại chỗ, kết hợp chặt chẽ hậu cần nhân dân với hậu cần quân đội. Tại địa bàn này đã khai thác tại chỗ được một khối lượng lương thực chiếm trên 80% tổng số nguồn thu về lương thực cho chiến trường [74, tr.12].

Trong kháng chiến chống Mỹ, chỉ tính riêng tỉnh Bình Định mỗi năm đã đóng góp hàng chục vạn tấn thuế nông nghiệp và ở khắp các tỉnh Nam, Ngãi, Bình, Phú có nhiều xã có đến hàng trăm thanh niên tham gia bộ đội. Trong 2 năm (1963 - 1964), chỉ tính riêng huyện Mộ Đức (Quảng Ngãi) ta đã phát động hơn ½ dân (6 vạn trong số 10 vạn) mà đã đóng góp và chuyển trên 1.000 tấn muối cho cách mạng, đã cung cấp cho tỉnh, Khu trên 19.000 ang lúa, trên 1.500 thanh niên nhập ngũ v.v... [36, tr. 4].

2.1.3. Chính sách của Mỹ - chính quyền Sài Gòn đối với các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú trong “Chiến tranh đặc biệt”

Năm 1961, đế quốc Mỹ thay đổi chiến lược, tiến hành “chiến tranh đặc biệt” để đối phó với cách mạng miền Nam, hòng chiếm lại những địa bàn và vùng dân cư đã mất sau “Phong trào Đồng khởi” 1959-1960.

Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” là một bộ phận của chiến lược toàn cầu

“Phản ứng linh hoạt” của đế quốc Mỹ, là loại hình chiến tranh xâm lược phù hợp với chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa thực dân mới với âm mưu “dùng người Việt Nam đánh người Việt Nam”, kết hợp những thủ đoạn chiến tranh xâm lược tàn bạo của đế quốc có vũ khí và trang bị kỹ thuật hiện đại với những biện pháp khủng bố, đàn áp khốc liệt. Lực lượng chủ yếu để tiến hành “Chiến tranh đặc biệt” là quân đội Sài Gòn do Mỹ tổ chức, trang bị, huấn luyện và chỉ huy. Một trong những biện pháp nòng cốt của chiến lược này là càn quét để loại trừ bộ đội và du kích, dồn dân và lập ấp chiến lược trên quy mô lớn theo chiến thuật “tát nước bắt cá” để đưa 15 triệu nông dân miền Nam vào các trại tập trung, tách lực lượng cách mạng ra khỏi nhân dân. Để thực hiện việc gom dân, quy khu, lập ấp, địch đã dùng chiến thuật bắn pháo, ném bom, ... vào các vùng do cách mạng kiểm soát, làm khô trụi lá cây, phá ruộng vườn, tiêu diệt sự sống trên mặt đất để buộc nhân dân phải vào ấp chiến lược.

Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” ở miền Nam tập trung vào việc tăng cường tổ chức quân đội và bộ máy cảnh sát của chính quyền Sài Gòn, tăng cường viện trợ, cố vấn và lực lượng yểm trợ Mỹ bằng các phương tiện hiện đại như “trục thăng vận”, “thiết xa vận”.

Âm mưu và thủ đoạn trên của Mỹ trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, giai đoạn đầu theo Kế hoạch Staley - Taylor, với kế hoạch bình định miền Nam trong 18 tháng (từ giữa năm 1961 đến hết năm 1962), sau đó là Kế hoạch Johnson - McNamara bình định miền Nam trong 2 năm 1964 - 1965 [101, tr.49 - 50].

Trong quá trình thực thi chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm coi việc lập ấp chiến lược¹ là “quốc sách” và là “xương sống” của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” với mục tiêu thành lập 16.000 ấp

¹ Là hệ thống phòng thủ, thường có hai vòng rào. Vòng ngoài bằng dây kẽm gai, tre hoặc bụi gai. Vòng trong đắp đất, trên gắn kẽm gai. Giữa vòng ngoài và vòng trong là hào sâu khoảng hơn một mét cắm chông nhọn. Mỗi ấp đều có một hoặc nhiều chòi canh có tầm nhìn xa; các cổng ra vào được canh gác cẩn mật. Ban ngày, người dân trong ấp được tự do ra vào để làm ăn, tuy nhiên người lạ muốn vào ấp phải qua sự kiểm soát, khám người vô cùng chặt chẽ. Mọi trường hợp xâm nhập lén lút, bất hợp pháp từ bên ngoài vào đều bị phát hiện vì trong ấp có hệ thống báo động. Chung quanh ấp là một diện tích đồng trống để lính canh dễ theo dõi việc di chuyển phía ngoài.

trong tổng số 17.000 ấp ở miền Nam. Để thực hiện kế hoạch trên, chúng đã mở hàng nghìn cuộc hành quân càn quét dài ngày, dùng bom đạn đánh phá ác liệt, chà đi xát lại từng khu vực để lừa dân vào ấp. Chúng dùng cả máy bay trực thăng, xe cơ giới, thiết giáp để “xúc” dân đến những nơi lập ấp. Trong các cuộc càn, địch đã áp dụng những chiến thuật mới của Mỹ mà chúng gọi là “bừa lưới phóng lao”, “trên đe dưới búa”, “phượng hoàng vồ mồi”...nhằm tiêu diệt bộ đội và du kích, thanh lọc quần chúng, bắt giết cán bộ. Các cuộc đột kích bất thần của lính biệt kích Sài Gòn đánh sâu vào các căn cứ kháng chiến đã gây cho cách mạng không ít khó khăn; một số nơi tỏ ra lúng túng trong việc bảo vệ hậu phương và căn cứ tại chỗ, bảo vệ các cơ quan lãnh đạo, chỉ huy của kháng chiến.

Cuối năm 1963, Kế hoạch Staley - Taylor bị phá sản hoàn toàn, đẩy cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mỹ ở miền Nam vào tình trạng khó khăn, bế tắc.

Để cứu vãn tình thế, Lầu Năm Góc đã thông qua kế hoạch chiến lược mới - Kế hoạch Johnson - McNamara - đỉnh cao của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, nhằm “bình định” miền Nam trong 2 năm (1964 - 1965). Với kế hoạch này, Mỹ nhằm tăng cường hơn nữa sự chỉ huy trực tiếp, tăng viện trợ vũ khí, quân chiến đấu của Mỹ, tăng mạnh số lượng quân nguy, đẩy mạnh càn quét, tiếp tục chương trình ấp chiến lược, đồng thời thực hiện “Kế hoạch bóp nghẹt” đối với miền Bắc và nước bạn Lào nhằm ngăn chặn sự chi viện cho cách mạng miền Nam. Thực chất đây chỉ là Kế hoạch Staley - Taylor được sửa đổi lại cho phù hợp với tình hình mới, với những thủ đoạn đánh phá ác liệt hơn về quân sự để tiếp tục gom dân, lập “Áp chiến lược” với tên gọi mới “Áp tân sinh”.

Chiến trường đồng bằng ven biển (trong kháng chiến chống Mỹ mang mật danh B1) bao gồm các tỉnh đồng bằng, trong đó có bốn tỉnh (Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên) là vùng tự do cũ của ta trong kháng chiến chống Pháp. Địa bàn bốn tỉnh này trở thành trọng điểm đánh phá của Mỹ - chính quyền Sài Gòn, ngay từ những ngày đầu chúng tiếp cận. Địa bàn này là kho nhân lực, vật lực của Khu V, nơi có nhiều phong trào mạnh, nơi có khả năng khai thác lực lượng tại chỗ cho cuộc kháng chiến chống Mỹ trên chiến trường Quân khu V và Tây

Nguyên. Dải đất vùng cao các tỉnh thuộc miền Tây các tỉnh đồng bằng gắn liền với Tây Nguyên là đất căn cứ của Khu V và các tỉnh, là chỗ đứng chân của lực lượng vũ trang tập trung, là bàn đạp để tiến xuống vùng sâu [74, tr.17].

Đối với Mỹ và chính quyền Sài Gòn, vùng đồng bằng Nam - Ngãi - Bình - Phú là hậu phương và căn cứ trực tiếp, là nơi tập trung các cơ quan đầu não chiến tranh của chúng. Địa bàn ven biển các tỉnh Quang Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên là đầu cầu chủ yếu để địch tiếp nhận nhân lực và vật tư chiến tranh, là bàn đạp quan trọng để chúng triển khai lực lượng và cơ sở vật chất, kỹ thuật đưa vào tiến hành chiến tranh xâm lược. Chúng thiết lập ở đây một hệ thống căn cứ quân sự chiến lược, bảo đảm cho bộ máy chiến tranh xâm lược trên hai Quân khu 1, 2 và một phần Quân khu 3, trong đó có những căn cứ quân sự liên hợp cỡ lớn như Đà Nẵng, Quy Nhơn, Chu Lai, nhiều sân bay (hầu hết là sân bay cấp 1 trở lên), kho quân sự lớn và quân cảng. Với hệ thống căn cứ không quân và hải quân quan trọng đó, vùng ven biển và biển Khu V trở thành cầu nối với Hạm đội 7 của Mỹ. Tại đây, chính quyền Sài Gòn bố trí hai sư đoàn bộ binh, và một lực lượng lớn quân địa phương.

Để thực hiện ý đồ, chính quyền Sài Gòn tiến hành tăng quân, củng cố các chốt điểm, vùng trọng điểm giáp ranh, lập áp chiến lược. Trong các cuộc càn quét, địch thẳng tay bắn giết, khủng bố, đàn áp nhân dân; tàn phá xóm làng, nhà cửa ruộng vườn, nhất là gây ra các vụ triệt hạ điển hình vùng giải phóng của ta. Trong kế hoạch McNamara, địch dự định bình định miền Nam trong vòng 24 tháng, riêng tại Nam - Ngãi - Bình - Phú chúng dự tính chỉ trong vòng 12 tháng là thanh toán xong, bằng những biện pháp và thủ đoạn sau:

1. Tăng cường bắt lính để tăng quân lực (dự định phát triển 5 vạn quân) đưa dân vệ lên bảo an, bảo an lên chính quy, tăng cường lực lượng địa phương, biệt kích và cơ động của các chiến đoàn, điều chỉnh lực lượng (đưa 2 Sư đoàn ở Trung Bộ vào Nam Bộ) chia lại vùng chiến thuật.

2. Liên tục càn quét ác liệt, bình định nông thôn đồng bằng có trọng điểm, khôi phục lại quốc sách áp chiến lược kìm kẹp quần chúng chắc hơn. Thực hiện

chính sách chia để trị.

3. Ra sức xây dựng cơ sở chính trị, ổn định bộ máy cai trị từ trung ương đến địa phương, xây dựng cơ sở chính trị và xã hội trong các tầng lớp nhân dân địa phương, lôi kéo các phe phái, các đảng phái đông đúc, tạo ra một cơ sở quần chúng.

4. Đưa bộ máy cố vấn xâm lược xuống tận chi khu (quân) nắm lấy mọi quyền hành, trực tiếp chỉ huy các lực lượng càn quét đánh phá.

5. Câu kết với lực lượng phản động đánh phá hành lang biên giới định cắt đứt tiếp tế từ Bắc vào Nam [38, tr 1].

Từ tháng 3 đến tháng 6 năm 1964, địch bắt đầu triển khai thực hiện kế hoạch McNamara tại các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú. Chúng ráo tiết bắt lính, ra lệnh tổng động binh, tích cực đôn quân, củng cố và xây dựng lại các lực lượng dân vệ, thanh niên chiến đấu. Quốc dân Đảng và Đại Việt cũng tổ chức lực lượng vũ trang riêng; đặc biệt địch tăng cường quân cơ động, thành lập 4 chiến đoàn ở Quân đoàn 1 và 2, tập trung càn quét, đánh phá, lấn chiếm một số trọng điểm ở Tây Quảng Đà, Nam Quảng Nam, Nam Quảng Ngãi, Tây Bắc Bình Định, Nam Tuy Hòa (Phú Yên) và một số ít nơi ở miền núi. Địch đẩy mạnh việc tổ chức những cuộc càn quét nhỏ, biệt kích, tập kích, phục kích, nhất là ở vùng giáp ranh, ven các căn cứ, dọc hành lang, đánh bất ngờ vào một số nơi đứng chân của cơ quan, đơn vị, gây cho ta một số thiệt hại. Chúng tiến hành khùng bố diễn hình ở một số nơi, sử dụng phi pháo, chất độc hóa học nhiều hơn trước v.v... Trên địa bàn này có lúc địch tập trung từ 150.000 đến 200.000 quân các loại. Trong khi đó thì phong trào đấu tranh của nhân dân ở đồng bằng phát triển chưa mạnh; việc xây dựng vùng giải phóng, phát triển du kích chiến tranh, xã chiến đấu còn quá yếu, phong trào đấu tranh chính trị và vũ trang của ta chưa đủ sức căng kéo địch khắp nơi; hoạt động tác chiến của bộ đội tập trung nhằm hỗ trợ cho phong trào quần chúng và tiêu hao, tiêu diệt địch chưa tốt; một số nơi, lực lượng vũ trang chưa dám xông ra phía trước, chưa trụ lại đánh được địch càn quét, lấn chiếm, chưa đánh được xe M113. Sự chỉ đạo của ta ở nhiều nơi không đối phó kịp thời với âm mưu mới của địch, nên địch

đuổi ra làm chiếm lại một số vùng giải phóng, lập lại gần 100 ấp chiến lược ở đồng bằng, thu hẹp phạm vi làm chủ của ta ở đồng bằng từ 336.000 dân xuống 220.000 dân [34, tr.2].

Trong giai đoạn cuối triển khai kế hoạch McNamara - Nguyễn Khánh, địch vẫn tiếp tục phân tán một bộ phận chủ lực để đối phó, lấn chiếm, đồng thời đuổi ra lấn chiếm vùng ta, đóng thêm một số đồn bót, rút bớt số đồn bót yếu thế và điều chỉnh lại hệ thống cứ điểm phòng ngự (nhất là ở giáp ranh, dọc trục giao thông chiến lược, quanh thành phố). Ở thành phố và các vùng lân cận, một mặt chúng ra sức lừa bịp, mặt khác tăng cường bắt lính, khủng bố; đồng thời bao vây, phá hoại kinh tế ta ác liệt hơn, lợi dụng mọi khó khăn về đời sống của quần chúng sau trận lụt bão để xúc tiến âm mưu của chúng. Phát triển mạnh gián điệp, lôi kéo và mua chuộc hơn nữa các đảng phái đối lập, tôn giáo, dân tộc, tìm cách sử dụng lại bọn dư đảng Cần Lao v.v... Đây cũng là một trong những yếu tố tác động đến phong trào Đồng khởi ở nông thôn đồng bằng Khu V những năm 1964 - 1965.

2.1.4. Khái quát tình hình Nam - Ngãi - Bình - Phú đến giữa năm 1964

Kể từ sau Đồng khởi những năm 1959 - 1960, quân và dân các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên liên tục nổi dậy, lần lượt làm thất bại các âm mưu và thủ đoạn của Mỹ và chính quyền Sài Gòn trong “Chiến tranh đặc biệt”.

Các tiểu đoàn chủ lực của Quân khu V lần lượt chuyển xuống đứng chân ở vùng đồng bằng các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú với những phương thức hoạt động phân tán; mỗi đơn vị hoạt động tương đối lâu ở một vùng, kết hợp với lực lượng vũ trang địa phương tiêu diệt, tiêu hao một số đơn vị bảo an, dân vệ, trừng trị bọn ác ôn tề điệt, chặn đánh các cuộc càn quét của địch; đồng thời tuyên truyền vận động quần chúng đấu tranh chính trị chống đàn áp, khủng bố, đòi dân sinh, dân chủ. Kết quả là đã mở ra được một số xã vùng giáp ranh các tỉnh Quảng Nam (miền Tây các huyện Hòa Vang, Tiên Phước, Trà Mi), Quảng Ngãi (miền Tây các huyện Bình Sơn, Nghĩa Hành, Tư Nghĩa, Sơn Tịnh, Đức Phổ), Bình Định (Tây Hoài Nhơn, An Lão, Vân Canh), Phú Yên (Tây Đồng Xuân, Tây Tuy An, Nam Tuy Hòa), đồng thời phá lỏng kẹp của địch tại nhiều vùng khác nhau ở đồng bằng...

Nhìn chung, ở các huyện đồng bằng Nam - Ngãi - Bình - Phú, phong trào chiến tranh du kích phát triển rộng khắp. Bộ đội tập trung của các tỉnh, các huyện và du kích không những đánh địch từng trận mà còn trụ bám không chế từng vùng tương đối lâu để tuyên truyền, giác ngộ nhân dân, xây dựng cơ sở. Các đơn vị lực lượng vũ trang địa phương vừa hoạt động vùng giáp ranh, vừa thọc sâu xuống vùng Đông Bình Sơn, Đông Sơn Tịnh, Đức Phổ, Tư Nghĩa và liên tiếp chặn đánh các cuộc càn quét của địch.

Ở Quảng Ngãi, từ tháng 1 đến tháng 4/1961, kết hợp hai lực lượng chính trị và quân sự, lấy tiến công quân sự làm đòn bẩy cho phong trào nổi dậy của quần chúng, quân và dân trong tỉnh đã liên tục tiến công tiêu diệt địch ở các “ấp chiến lược”, “mở ra các khu vực ở vùng giáp ranh, giải phóng một số xã ở phía Đông Quốc lộ 1, hình thành những xã giải phóng cắm sâu vào đồng bằng ven biển, tạo đà, tạo thế cho việc mở mang, giành dân tiếp theo” [16, tr 218].

Từ tháng 10/1961 đến tháng 1/1962, phối hợp với chiến trường Khu V quân dân Bình Định mở đợt “*Đồng khởi*” đầu tiên ở đồng bằng, lấy các xã Hoài Sơn (Hoài Nhơn), Ân Hòa, Ân Hảo (Hoài Ân) làm trọng điểm. Mục tiêu tỉnh đề ra cho đợt Đồng khởi là “*tiến công bộ máy kìm kẹp và lực lượng vũ trang của địch, phát động phong trào quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ xã thôn, mở rộng vùng làm chủ đồng bằng...*” [1, tr.64].

Thực hiện chủ trương trên, lực lượng vũ trang địa phương mở hàng trăm cuộc vũ trang tuyên truyền ở 50 xã của 7 huyện đồng bằng và 2 huyện miền núi An Lão và Vân Canh; đồng loạt tấn công địch ở các xã Hoài Sơn, Hoài Hảo, Hoài Châu, Hoài Thanh, Tam Quan Nam, Hoài Hương và Hoài Đức (Hoài Nhơn); các đội vũ trang công tác Hoài Ân đột nhập vào chợ Hà Đông (xã Ân Hữu), Kim Sơn (Ân Nghĩa); đội vũ trang công tác Bình Khê tập kích địch ở đồn Đất Đỏ (Vĩnh Hòa). Tại huyện Phù Cát, ta phát động quần chúng ở 10 xã cả vùng giáp ranh và vùng sâu, rút thanh niên thành lập 7 đội vũ trang công tác.

Phối hợp với tấn công vũ trang, quần chúng nhân dân rầm rộ nổi dậy diệt ác, phá tề, làm rã bộ máy của chính quyền Sài Gòn ở 7 xã thuộc các huyện Hoài Ân, Hoài

Nhon, Phù Cát, Phù Mỹ; giải phóng 9 thôn, lập chính quyền tự quản đầu tiên ở các xã Ân Hòa, Ân Hảo (Hoài Ân); giành quyền làm chủ 3.000 dân 7 xã vùng Hà Thanh (Vân Canh) [1, tr. 65].

Qua một năm thực hiện Chỉ thị ngày 31/9/1961 của Bộ Chính trị, phong trào ở Bình Định có bước chuyển biến mới. Căn cứ địa miền núi được mở rộng ở các huyện An Lão, Vân Canh. Lần đầu tiên quân dân Bình Định đã phá lỏng và phá rã áp chiến lược một số vùng giáp ranh kéo dài từ Bắc vào Nam của tỉnh (ở các xã Hoài Sơn, Hoài Hảo, Hoài Thanh, Ân Nghĩa, Ân Hữu, Ân Hảo; Mỹ Trinh, Mỹ Hiệp, Cát Sơn, Nhơn Lộc, Nhơn Thọ, Phước An, Phước Thành...), bước đầu hình thành các “căn cứ lõm” ở một số thôn vùng sâu, tạo thế tiến công địch ở cả vùng giáp ranh và vùng sâu.

Đầu năm 1962, các lực lượng vũ trang và quần chúng nhân dân ở các tỉnh ven biển Khu V đã tiến hành nhiều cuộc tiến công và nổi dậy giành được những thắng lợi quan trọng, trong đó đáng chú ý có quân và dân Phú Yên đánh bại cuộc hành quân “Hải Yến”, quân và dân Bình Định bẻ gãy cuộc hành quân “Đồng Tiến”, phá vỡ kế hoạch xây dựng áp chiến lược của địch.

Ở Bình Định, bước vào năm 1962, Mỹ và chính quyền Sài Gòn tăng cường hàng loạt các cuộc càn quét ở Vĩnh Hiệp (huyện Vĩnh Thạnh), Hoài Mỹ, Hoài Thanh (huyện Hoài Nhơn), Mỹ Thành, Mỹ Thọ, Mỹ Hiệp (huyện Phù Mỹ), Cát Hanh, Cát Hiệp (huyện Phù Cát) hòng cưỡng bức nhân dân vào các áp chiến lược.

Tháng 3/1962, sau khi thực hiện thí điểm áp chiến lược ở xã Ân Hảo (Hoài Ân), Hoài Thanh (Hoài Nhơn), chính quyền Sài Gòn nhanh chóng triển khai ra toàn tỉnh nhằm lập cho được 200 áp trong năm 1962. Quân dân Bình Định kiên quyết đánh trả, tiêu biểu là chiến thắng Núi Bé (Hoài Sơn) vào ngày 3/3/1962, “*mở đầu việc bộ đội địa phương sử dụng chiến thuật tiến công địch trong công sự vững chắc* [1, tr.70].

Đến tháng 2/1962, nhân dân các huyện Bình Sơn, Nghĩa Hành, Tư Nghĩa của Quảng Ngãi giành được quyền làm chủ. Ở Bình Định, cách mạng đã làm chủ được 157 thôn ấp. Phú Yên giải phóng được 125 thôn thuộc 25 xã với gần 55 vạn

dân; 24 ấp chiến lược ở Phú Yên bị phá banh.

Đến cuối tháng 5 năm 1962, vùng cách mạng làm chủ bao gồm 103 thôn thuộc 25 xã với 55.000 dân ở tỉnh Phú Yên; 157 thôn 4 huyện Hoài Nhơn, Phù Mỹ, Phù Cát, Bình Khê (Bình Định); trên 15 vạn dân trong 4 huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành (Quảng Ngãi); một mảng liên hoàn 6 xã phía Tây huyện Điện Bàn và hàng chục xã khác ở các huyện Hòa Vang, Tiên Phước, Tam Kỳ (Quảng Nam) [31, tr 106].

Ngày 25/9/1962, quân và dân tỉnh Quảng Nam mở chiến dịch “vượt sông Tiên”, tiến công phá vỡ tuyến phòng thủ của địch, giải phóng ba xã Phước Sơn, Phước Cẩm, Phước Hà (Tiên Phước) với 10 ngàn dân. Kết hợp với tấn công quân sự, phong trào đấu tranh chính trị, binh vận trong chiến dịch “vượt sông Tiên” (1962) đã mở ra phong trào đồng bằng ở Quảng Nam giải phóng hoàn toàn 12 xã, 19 thôn, làm chủ 90 thôn với số dân 40 vạn người, bắt 226 tù, đập bể giáo dục, cải tạo [85, tr 82].

Từ 1961 đến hết năm 1962, các lực lượng vũ trang tỉnh Quảng Ngãi đã đánh 765 trận lớn nhỏ, diệt 1.273 quân địch, có 13 cố vấn Mỹ, làm bị thương 753, thu 125 súng, bắn rơi bốn máy bay, bắn bị thương 3 chiếc khác, bắn cháy 12 xe quân sự, làm tan rã nhiều trung đội dân vệ, hàng trăm lính Sài Gòn mang súng về với nhân dân. Chính quyền Sài Gòn bị đánh đổ hoặc tan rã ở 136 thôn, thuộc 36 xã. Hơn 151.219 người dân được giải phóng. Hơn 2.000 thanh niên nhập ngũ vào bộ đội. Hàng ngàn tấn thóc, hàng ngàn tấn muối, hàng vạn nông cụ được chuyển lên căn cứ [17, tr. 224].

Tính đến hết năm 1962, ở Bình Định đã có 67 cuộc đấu tranh chính trị của quần chúng chống dồn dân vào ấp chiến lược, phá banh 46 ấp, phá lỏng 134 ấp, đốt hơn 200.000 mét rào, lấp hơn 7000 m hào, 3.000 cọc sắt, 5.000 kg kẽm gai bị phá hủy. Như vậy, cùng với sự phát triển của phong trào cách mạng các tỉnh Trung Trung Bộ, năm 1962 quân dân Bình Định “*thực sự tiến lên cuộc chiến tranh cách mạng, bước đầu kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang ở đồng*

bằng. Kế hoạch gom dân vào áp chiến lược của địch bị những đòn tiến công phủ đầu. Song phong trào chuyển lên chưa mạnh mẽ, nhất là chưa đưa lên thế “ba mũi giáp công” tại chỗ, phong trào đấu tranh ở đô thị còn rất yếu” [1, tr.75].

Đòn tiến công quân sự ở các tỉnh tạo thế cho đấu tranh chính trị, binh vận diễn ra sôi nổi quyết liệt trên khắp các địa phương.

Năm 1963, Mỹ và chính quyền Sài Gòn đẩy mạnh kế hoạch Staley-Taylor, vừa càn quét gom dân lập áp chiến lược ở đồng bằng, vừa càn quét quy mô lớn lên vùng căn cứ địa miền núi hòng tiêu diệt lực lượng chủ lực và cơ quan đầu não kháng chiến. Ở các trọng điểm bình định, địch tập trung một lực lượng lớn càn quét, đánh phá rất ác liệt. Ở Quảng Ngãi, lực lượng địch lúc cao nhất gồm có Sư đoàn bộ binh 25, hai trung đoàn độc lập, hai tiểu đoàn pháo binh, hai chi đoàn M113, khoảng 7.000 bảo an, dân vệ và 10.000 thanh niên chiến đấu. Riêng ở Sơn Tịnh, địch có khoảng 175 trung đội Bảo an, Dân vệ và Thanh niên chiến đấu.

Trước âm mưu đẩy mạnh chiến tranh và gom dân lập áp của Mỹ và chính quyền Sài Gòn, lực lượng vũ trang địa phương các tỉnh Nam, Ngãi, Bình, Phú đã khắc phục khó khăn, nhất là về lương thực, đạn dược, mở hai đợt hoạt động, chủ yếu nhằm chống địch càn quét, chống dồn dân lập “áp chiến lược”, mở ra được một số vùng, nhưng sau đó địch lấp lại gần hết. Trong quá trình hoạt động, lực lượng vũ trang đã đánh một số trận đạt hiệu suất cao, như trận Tiểu đoàn bộ binh 95 và Đại đội đặc công 406 tiêu diệt một đại đội bộ binh và một trung đội pháo binh ở Long Léch (Tây Già Vụt, Quảng Ngãi), thu hai khẩu pháo 105 (tháng 4/1963). Lực lượng đặc công còn tiêu diệt một số cứ điểm nhỏ ở núi Miếu, Hòn Ngang (Phú Yên), Mỹ Thọ, Hòn Cúm (Bình Định), Eo Gió, Mò O (Quảng Ngãi), Phước Long, Phước Tân (Quảng Nam) v.v...

Lực lượng vũ trang các tỉnh trong quá trình chống càn quét đã tiêu hao nhiều sinh lực địch, bắn rơi 43 máy bay, đánh chìm làm đổ 14 đoàn tàu quân sự và diệt nhiều xe cơ giới. Hoạt động tác chiến của du kích, tự vệ mật cũng được đẩy mạnh. Các buôn làng chiến đấu được xây dựng và củng cố. Nhìn chung trong năm 1963, phong trào quần chúng và chiến tranh nhân dân địa phương các tỉnh Khu V

có bước phát mới. Tuy nhiên, bộ đội chủ lực của Quân khu chưa phát huy được vai trò nòng cốt của mình, chưa nâng cao được trình độ đánh tiêu diệt để từng bước đánh bại chiến thuật “thiết xa vận” của địch, chưa trụ lại được ở chiến trường đồng bằng để làm lực lượng nòng cốt phá biện pháp chiến lược chủ yếu của địch là càn quét, gom dân lập “ấp chiến lược” [74, tr 48].

Kế hoạch Staley - Taylor thất bại. Đây là một trong những cơ sở để nhân dân các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú nổi dậy giải phóng nông thôn đồng bằng dưới sự lãnh đạo của Đảng và Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam các cấp trong những năm 1964 - 1965.

Bước vào đầu năm 1964, chính trường Sài Gòn rơi vào khủng hoảng nghiêm trọng, nhất là sau các cuộc đảo chính liên tiếp xảy ra. Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” đứng trước nguy cơ sụp đổ.

Trên chiến trường Khu V, những tháng đầu năm 1964, địch phải loay hoay đối phó với sự lớn mạnh của phong trào cách mạng và ra sức củng cố lại nội bộ, ổn định lại bộ máy điều hành khu vực và địa phương. Quân địch phải phong tỏa các thị trấn và đô thị. Trước phong trào phá ấp giành dân giải phóng nông thôn và đấu tranh chính trị phát triển rộng rãi, hàng loạt ấp chiến lược, quân bảo an, dân vệ ở các địa phương và chính quyền thôn, xã tan rã từng mảng, vùng giải phóng của ta được mở rộng đáng kể.

Tháng 5 - 6/1964, địch liên tiếp mở các cuộc hành quân bình định nông thôn đồng bằng, *trọng điểm là Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định* [37, tr. 1]. Song song với bình định nông thôn đồng bằng, địch cố gắng tập trung lực lượng càn quét vùng trung tâm căn cứ Mang Xim và Đỗ Xá, đánh phá vùng căn cứ song song với việc lấn chiếm lại địa bàn nông thôn đồng bằng, phản kích lại phong trào phá ấp, đấu tranh chính trị của quần chúng. Đi đôi với càn quét lớn, chúng tăng cường càn quét nhỏ, đánh phá vùng giáp ranh, đánh phá hàng lang.

Kết hợp trong càn quét, chúng tiến hành khủng bố tại một số nơi ở Quảng Ngãi, Bình Định và Quảng Nam. Địch đẩy mạnh việc dồn dân vào ấp chiến lược và rải chất độc hóa học phá hoại hoa màu. Trong nỗ lực giành lại thế tiến công tại

các địa bàn ven biển Nam Trung Bộ, địch đã đạt được một số kết quả nhất định. Chúng lần chiếm lại một số vùng giải phóng của ta ở Bình Định, Quảng Ngãi và Quảng Nam. Tại đây, chúng tiến hành lập các vành đai trắng ven căn cứ, gây cho ta một số khó khăn nhất định. Ở một số nơi, phong trào tạm lắng xuống.

Song song với hoạt động chiến đấu liên tục của lực lượng bộ đội địa phương các tỉnh trong việc tấn công địch, tiếp tục đánh phá áp chiến lược để mở rộng thêm quyền làm chủ ở nông thôn đồng bằng, ta đã chủ động tập trung các lực lượng chủ lực để tiến hành xây dựng, huấn luyện [37, tr. 3].

Từ đầu năm 1962 đến tháng 2 năm 1964, để tranh thủ và nắm được lực lượng quần chúng ở đồng bằng, ta đặt mạnh vấn đề: *phát động quần chúng, phá thế kìm kẹp, phá áp chiến lược để giành lại vùng đồng bằng rộng lớn, công tác đầu tiên và quan trọng nhất là phải xây dựng cho được cơ sở quần chúng, dám vùng lên đấu tranh, dám giành thắng lợi.* [35, tr. 4].

Tại các tỉnh, Tỉnh ủy và Ban Chỉ huy Tỉnh đội đã tổ chức học tập cho cán bộ đi xây dựng, nắm cho được năm bước công tác (điều tra, tuyên truyền, tổ chức, giáo dục, lãnh đạo đấu tranh) và đã dùng các phương thức xây dựng cơ sở như: phái cán bộ về nằm hầm bí mật ở nông thôn, xã và bắt mối xây dựng; dùng cách móc nối cơ sở quần chúng tối ra ven rừng rồi giáo dục, tổ chức cơ sở; dùng phương thức đột nhập về ban đêm đi tuyên truyền rộng rãi, tìm cách bắt mối lại số quần chúng tốt rồi mở rộng ra; có nơi đã dùng cán bộ hợp pháp đi bắt mối cơ sở các nơi [35, tr. 4].

Nhiều nơi ở Nam - Ngãi - Bình - Phú đã xây dựng được cơ sở tương đối khá, có nơi có thôn có đến 30, 40 cơ sở, có xã 200, 300 cơ sở, 3, 4 chi bộ (như ở Quảng Ngãi, Bình Định); nhiều nơi đã mạnh dạn dùng cán bộ hợp pháp đi xây dựng cơ sở nên cơ sở phát triển nhanh ở những vùng khác nhau (kể cả những vùng giáp ranh, hẻo lánh). Ở Quảng Ngãi chỉ trong 13 ngày bắt mối được 100 cơ sở hành động; Xã Bình Chánh (Quảng Ngãi) bắt mối được 28 thanh niên; Ở Đồng Xuân (Phú Yên), chỉ trong một thời gian ngắn đã xây dựng được cơ sở đảng trong 10 thôn trắng ở vùng sâu [37].

Một số nơi cấp ủy lãnh đạo đã có nhận thức đúng về vai trò quan trọng của cơ sở bám trụ; đã phân biệt được các loại cơ sở đặc biệt như địch tình, tiếp tế, giao thông v.v... với cơ sở hoạt động cách mạng trong quần chúng, là những người có nhiệm vụ điều tra, tuyên truyền, vận động quần chúng làm cách mạng, có tổ chức, có sinh hoạt.

Trong việc xây dựng cơ sở, nhiều nơi đã biết nhắm vào các đối tượng thuộc thành phần cơ bản, nên cơ sở phát triển nhanh và chất lượng tốt; có phương pháp công tác quần chúng đúng, biết điều tra, tuyên truyền phát động tư tưởng, bắt rễ, xâu chuỗi nên xây dựng được cơ sở tốt, nhiều nơi nhờ công tác điều tra tốt, nắm được tâm trạng từng người trong Thanh niên Cộng hòa bị bọn ác ôn áp bức, mà phát động được căm thù và nắm được gần hết trung đội Thanh niên đứng lên diệt ác ôn, phá thế kèm kẹp của địch [35, tr. 4].

Tuy nhiên, trong công tác xây dựng cơ sở tại các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú, cũng còn nhiều khuyết điểm: Chỉ đạo chưa quan tâm đúng mức công tác xây dựng cơ sở, nhất là từ khi có hoạt động vũ trang, nhiều nơi có tư tưởng ỷ lại vũ trang để mở phong trào nên vấn đề xây dựng cơ sở càng nhẹ hơn, thiếu tích cực kiểm tra, đôn đốc và có kế hoạch, biện pháp cụ thể, nên nhiều nơi việc xây dựng cơ sở đứng hẳn lại, có nơi hơn hai năm nhưng không phát triển được cơ sở nào. Có nơi không chăm lo giáo dục, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chính trị và công tác cho cơ sở, nên không phát huy được tác dụng của cơ sở trong việc phát triển phong trào. Nhiều cán bộ đội công tác chưa biết cách xây dựng cơ sở, chưa thông thạo năm bước công tác quần chúng; nghiêm trọng hơn và cũng là một trong những nguyên nhân quan trọng làm cơ sở phát triển chậm và yếu là do cán bộ xây dựng cơ sở chưa hòa mình được trong quần chúng, còn thoát ly địa phương nặng, bất hợp pháp, không mạnh dạn dùng cán bộ hợp pháp để xây dựng cơ sở.

Từ tháng 6/1963, Khu ủy đã quán triệt xuống các cấp bộ đảng chủ trương: “*Khẩn trương chuẩn bị đón thời cơ*” tập trung mọi lực lượng, mọi khả năng chống phá áp chiến lược, làm chủ nông thôn, coi đó là nhiệm vụ trung tâm quan trọng của các tỉnh đồng bằng hiện nay. Đến cuối năm 1963, tỷ lệ thôn có cơ

sở chiếm 42,50% tổng số thôn ở đồng bằng. Về phát động quần chúng nổi dậy, tại các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú ta đã phá 988 ấp chiến lược (chiếm 1/2), đồng thời đã mở được tất cả 817 thôn với 293.506 dân, vùng tranh chấp 154 thôn với 166.822 dân. Đó là thắng lợi to lớn, có ý nghĩa quan trọng về nhiều mặt đối với sự phát triển của phong trào trong Khu V [35, tr.41, 42].

Nhờ mở được phong trào đồng bằng, căn cứ địa miền núi được mở rộng và phát triển; tạo được thế liên hoàn hỗ trợ giữa phong trào 3 vùng và làm cho các mặt công tác: quân sự, chính trị, binh vận, mặt trận, kinh tế v.v... có điều kiện phát triển, đồng thời đã khai thác được một phần nhân tài vật lực (vận động được hàng vạn thanh niên, hàng ngàn tấn lương thực v.v...) để cung ứng cho nhu cầu phát triển chung của cách mạng, góp phần đưa phong trào chung tiến lên một bước trong những năm 1964-1965.

Thắng lợi của hơn hai năm (1962-1963 - nửa đầu 1964) trong việc mở rộng quyền làm chủ và giữ phong trào trong điều kiện kẻ thù điên cuồng đối phó quyết liệt càng cho thấy rõ khả năng to lớn của quần chúng và làm cho cán bộ, đảng viên, chiến sỹ và quần chúng được rèn luyện, thử thách, trưởng thành và tin tưởng, quyết tâm hơn.

Thắng lợi còn làm cho cán bộ sáng tỏ và tin tưởng mạnh mẽ hơn nữa vào đường lối, phương châm đúng đắn của Đảng, càng tăng cường sự đoàn kết nhất trí trong Đảng bộ đồng thời trong công tác chỉ đạo có thêm kinh nghiệm trong việc vận dụng đường lối, phương châm và thực tiễn của phong trào trong những năm 1964 - 1965 [35, tr.41, 42].

2.1.5. Chủ trương làm chủ vùng nông thôn đồng bằng của Đảng

2.1.5.1. Chủ trương của Trung ương Đảng, Trung ương Cục miền Nam và Khu ủy V

Trước tình hình đế quốc Mỹ ngày càng đẩy mạnh cuộc chiến tranh xâm lược, Ban Chấp hành Trung ương mở Hội nghị lần thứ 9 (tháng 12/1963), phân tích cuộc “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ và quyết nghị: “*cần phải có khả năng kiểm chế địch trong “chiến tranh đặc biệt” và đánh thắng địch trong chiến tranh ấy*”,

cần phải quán triệt phương châm đánh lâu dài, đồng thời tranh thủ thời cơ giành thắng lợi trong thời gian tương đối ngắn...Đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang đều đóng vai trò quyết định trực tiếp. Một trong những mục tiêu quan trọng nhất là làm thất bại mức độ gom dân lập “ấp chiến lược” của địch, bảo đảm giành nhân tài, vật lực cho cách mạng, làm chủ phần lớn nông thôn và rừng núi...[47, tr. 15].

Tháng 3/1964, Chủ tịch Hồ Chí Minh triệu tập *Hội nghị chính trị đặc biệt*. Có thể nói đây là “Hội nghị Diên Hồng” của dân tộc Việt Nam ở thời đại Hồ Chí Minh. Hội nghị biểu thị khối đại đoàn kết toàn dân và ý chí quyết tâm sắt đá chiến đấu bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Hội nghị tạo ra động lực to lớn, thôi thúc cao trào hành động cách mạng của cả nước. Khẩu hiệu “mỗi người làm việc bằng hai” vì miền Nam ruột thịt đã đẩy lên trên toàn miền Bắc các phong trào thi đua sôi nổi trong sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải, y tế, giáo dục,...Thực hiện thắng lợi kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965), về mặt quốc phòng, quân và dân miền Bắc sôi nổi chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu bảo vệ miền Bắc, chi viện chiến trường miền Nam [101, tr 58].

Tháng 1/1964, Trung ương Cục miền Nam đề ra nhiệm vụ chung trong năm 1964:

Động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân tranh thủ thời cơ liên tục tấn công địch, kiên quyết phá tan kế hoạch McNamara, đánh bại mưu đồ chung tập trung quân tấn công có trọng điểm, gom dân lập ấp chiến lược, mua chuộc, lợi dụng các tôn giáo, đảng phái phản động; ra sức tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, tích cực khắc phục các nhược điểm của ta, khẩn trương xây dựng thực lực chính trị và vũ trang, đặc biệt là lực lượng vũ trang, làm cho tình trạng bất đồng giữa các chiến trường giảm bớt, tạo ra những điều kiện cần thiết để năm tới tiến lên giành nhiều thắng lợi to lớn hơn [34].

Nghị quyết Trung ương Cục chỉ rõ: “...*Kiên quyết đánh bại Kế hoạch McNamara, làm cho mưu đồ tập trung quân tấn công trọng điểm gom dân lập ấp chiến lược, mua chuộc, sử dụng giáo phái, làm cho sinh lực địch bị tổn thất nhiều*

hơn nữa...” [34, tr. 2].

Nhiệm vụ cụ thể do Trung ương Cục đặt ra là:

1. Mở rộng tiêu diệt tiêu hao, nâng cao mức tiêu diệt làm cho lực lượng quân sự địch sa sút suy yếu hơn nữa.
2. Kết hợp với phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng, tích cực chống càn, phá “Khu ấp tân sinh”, phát triển du kích chiến tranh.
3. Khẩn trương xây dựng lực lượng, phát triển ba thứ quân cả về số lượng, chất lượng để nhanh chóng chuyển biến so sánh lực lượng giữa ta và địch.
4. Giữ vững xây dựng và mở rộng các khu căn cứ ở rừng núi và đồng bằng theo kịp yêu cầu cần phát triển của cách mạng, nhất là trên những địa bàn chiến lược.
5. Kết hợp giữa 3 thứ quân, giữa chính trị, vũ trang, binh vận, bộ đội phải tích cực tham gia công tác binh vận, dân vận, sản xuất tự túc.

Thấu triệt tinh thần trên, Khu ủy Khu V xác định nhiệm vụ trọng tâm là “*chống càn quét, phá ấp chiến lược làm chủ nông thôn*”. Ngay từ đầu năm 1964, Khu ủy và các tỉnh ủy đều tổ chức bồi dưỡng cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân nhận rõ âm mưu và thủ đoạn mới của Mỹ và chính quyền Sài Gòn, chuẩn bị cơ sở quần chúng và cơ sở trong hàng ngũ địch. Đồng thời, đẩy mạnh hoạt động của các lực lượng vũ trang phá kẹp, diệt ác, hạ uy thế tề điệp, hỗ trợ cho quần chúng đấu tranh chống kế hoạch càn quét, gom dân của địch [31, tr. 118].

Trên cơ sở này, Khu ủy chủ trương mở đợt hoạt động liên tục và rộng khắp trên địa bàn Khu V nhằm “*phát động quần chúng, phá banh ấp chiến lược, tiêu diệt và làm tan rã lực lượng vũ trang và bán vũ trang nông thôn của địch, phát triển du kích chiến tranh, xây dựng làng chiến đấu, đẩy mạnh đấu tranh chính trị, binh vận, trọng tâm cũng là mở đồng bằng*” [34, tr. 1].

Trên cơ sở chủ trương của Khu ủy V, tháng 02/1964, Quân Khu ủy V đề ra nhiệm vụ quân sự năm 1964 cho quân và dân các tỉnh, trong đó xác định rõ phải:

1. Tích cực phối hợp và hỗ trợ phong trào đấu tranh của quần chúng, ra sức phá ấp chiến lược, phá thế kìm kẹp, đẩy mạnh du kích chiến tranh, củng cố và mở rộng vùng giải phóng ở nông thôn, nhất là ở đồng bằng biển hậu phương địch

thành tiền phương ta, củng cố và mở rộng vùng căn cứ.

2. Tích cực nâng thành phần tiêu diệt chiến, nhất là đối với chủ lực khu, thực hiện yêu cầu tiêu diệt địch, bồi dưỡng ta, chi viện tốt cho nhiệm vụ đánh phá áp chiến lược phát động quần chúng giành lại nông thôn đồng bằng.

3. Ra sức xây dựng 3 loại quân, ra sức phát triển số lượng du kích, nâng chất lượng, bổ sung quân số, tăng cường huấn luyện, nhất là xây dựng bộ đội địa phương những vùng mới mở ra để nhằm thay thế cho bộ đội chủ lực. Kiên quyết xây dựng bộ đội chủ lực bảo đảm cuối 1964 có khả năng tác chiến tiêu diệt nâng lên một bước rõ rệt.

4. Tích cực bảo vệ, củng cố căn cứ miền núi, phá khu đồn dân, tấn công ra phía trước, giành lại một bước nhân, vật, tài lực trong vùng địch kiểm soát. Tăng cường công tác hành lang bảo đảm tiếp thu chi viện ngày càng lớn.

5. Đẩy mạnh tăng gia sản xuất, tăng cường công tác bảo quản tiết kiệm, vệ sinh phòng bệnh, cải thiện sinh hoạt vật chất cho bộ đội...chấn chỉnh công tác hậu cần phù hợp chiến trường.

6. Coi trọng hơn nữa công tác giáo dục chính trị, đào tạo, xây dựng Đảng, bồi dưỡng cán bộ nhằm phát huy hơn nữa sức chiến đấu.

7. Tiến hành tốt cuộc vận động “Xây dựng cơ sở vững mạnh” nhằm kiện toàn về mặt tổ chức cơ sở của bộ đội làm nền tảng cho xiệc xây dựng quân đội kiên quyết xây dựng chủ lực quân khu thành những tiểu đoàn mạnh và xây dựng trung đoàn thành đơn vị chiến thuật khá. [34, tr.5].

Thực hiện chủ trương trên, từ tháng 2 năm 1964, Bộ Tư lệnh Quân Khu V đã tập trung các tiểu đoàn chủ lực kết hợp với bộ đội địa phương, du kích hoạt động mạnh trên ba hướng: Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định, trực tiếp đánh phá hoặc hỗ trợ cho địa phương dùng bạo lực quần chúng phá tan từng mảng áp chiến lược.

Trong bản thanh tra Kế hoạch bình định vùng I chiến thuật của Ủy ban bình định Trung ương vào tháng 5/1964, chính quyền Việt Nam Cộng hòa phản ánh tình hình như sau:

Trong những tháng trước đây, Việt cộng lợi dụng tình hình để dồn lực lượng về thao túng nông thôn, tổ chức cơ sở bí mật, móc nối tuyển đảng viên và bổ sung quân số, đánh phá áp tân sinh, làm lũng đoạn một cách đáng ngại một số lớn hạ tầng cơ sở của chính quyền ở tại nhiều xã”. “...Chủ trương hiện nay của Việt cộng là: Đẩy mạnh vũ trang, chống phá áp tân sinh, phá rối các trục lộ chính yếu và thiết lộ; đẩy mạnh công tác Bình Dân Chính vận; đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị. Mục đích nhằm tiêu hao thật nhiều sinh lực của ta; phá tan từng mảnh, khu áp tân sinh, làm ung thúi vùng đồng bằng [148, tr.1-2].

Qua quý 3 năm 1964, thực hiện chủ trương thống nhất hoạt động toàn Miền, Liên Khu ủy 5 chủ trương tập trung sức mở lại đồng bằng, sử dụng lực lượng Khu V hỗ trợ cho Nam Quảng Nam, Quảng Ngãi và Bình Định. Mục đích của đợt hoạt động này là đánh bại kế hoạch càn quét lấn chiếm bình định có trọng điểm ba tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định của Mỹ và quân đội Sài Gòn:

Qua 3 tháng quý 3, việc đánh phá áp chiến lược lại được phát động thành phong trào của quần chúng lực lượng vũ trang địa phương và chủ lực kết hợp chặt chẽ với bạo lực quần chúng bên trong áp chiến lược, phá tung mảng lớn áp chiến lược của địch ở Phù Cát, Phù Mỹ, Tuy Phước (Bình Định), ở Quảng Đà, Quảng Nam, Phú Yên... [34, tr 4].

Ba nhiệm vụ chủ yếu của quân và dân Khu V cần phải quyết tâm đạt cho được:

1. Phá áp chiến lược, phá kìm kẹp, giành và làm chủ phần lớn nông thôn đồng bằng, làm chủ rừng núi, xây dựng căn cứ và vùng giải phóng vững mạnh, bảo đảm giành nguồn nhân vật lực lớn lao cho cách mạng;

2. Tiêu diệt sinh lực địch làm tan rã từng bộ phận quân đội địch, tiến lên thực hiện tốt nhiệm vụ chiến trường tiêu diệt lớn sinh lực địch;

3. Củng cố và phát triển mạnh mẽ lực lượng chính trị, vũ trang, tăng cường thực lực về kinh tế của ta. Trong đó vấn đề máu chót trước mắt, quyết định sự phát

triển của phong trào là giành dân (chủ yếu ở nông thôn đồng bằng), *giải phóng và làm chủ nông thôn đồng bằng*.

Ba nhiệm vụ trên liên quan chặt chẽ với nhau, bảo đảm thắng lợi của nhau. Có tiêu diệt nhiều sinh lực địch, làm tan rã từng bộ phận quân đội địch mới bảo đảm giành và làm chủ nông thôn, phát triển thực lực về chính trị, vũ trang, kinh tế; có giành được nhiều dân, giải phóng được nông thôn mới tạo được điều kiện để tiêu hao, tiêu diệt, làm tan rã quân đội địch, phát triển thực lực ta; có phát triển vì tăng cường thực lực ta mới bảo đảm được thắng lợi đã giành được và tiếp tục đánh địch mạnh hơn giành thắng lợi to lớn hơn. Nhưng do tình hình thực tế hiện nay trên địa bàn địch còn kìm kẹp một khối lượng người quá lớn, vùng giải phóng nông thôn đồng bằng còn quá hẹp, cho nên vấn đề máu chốt trước mắt quyết định sự phát triển của phong trào là giành dân (chủ yếu là nông thôn đồng bằng), *giải phóng và làm chủ nông thôn đồng bằng* [91, tr.12].

Nội dung cốt lõi trong các nhiệm vụ trên là tấn công địch liên tục và ngày càng mạnh mẽ. Ở miền núi, quân đội Sài Gòn đang lùi từng bước về thế thủ và đang do dự, bị động trước phong trào cách mạng ngày càng phát triển và đang chuyển dần lên thế công. Phong trào cách mạng ở các tỉnh đồng bằng tuy phát triển chậm nhưng sự suy yếu về tinh thần và tư tưởng của quân đội Sài Gòn ngày càng bộc lộ rõ; khí thế quần chúng vươn lên mạnh mẽ, không những góp phần làm thất bại Kế hoạch McNamara mà còn đưa phong trào cách mạng tiến lên một bước mới.

Phương châm chỉ đạo của Khu ủy giai đoạn này là: “*Quán triệt phương châm trường kỳ nhưng mặt khác phải biết tranh thủ thời cơ để giành thắng lợi trong thời gian tương đối ngắn*”. Trong khi kiên trì phương châm đấu tranh lâu dài phải rất khẩn trương trong công tác, nắm vững thời cơ thuận lợi hiện tại và sắp đến, quyết tâm giành nhiều thắng lợi lớn. Sự phát triển của tình hình miền Nam hiện tại đang tạo ra thời cơ mới để quân và dân các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú giành thắng lợi lớn nhất.

Đối với các địa phương, tỉnh Quảng Ngãi là nơi có nhiều khó khăn nhất, nên Bộ Tư lệnh Quân Khu V đã điều động 2 tiểu đoàn chủ lực của Quân khu chi viện cùng với lực lượng địa phương mở đầu trên các huyện. Các tỉnh khác sử dụng lực lượng tại chỗ là chủ yếu (một số tỉnh đã được tăng cường lực lượng từ cuối năm 1963).

Có thể thấy xuyên suốt trong những chủ trương của Trung ương Đảng, của Trung ương Cục miền Nam, của Khu ủy Khu V thì nhiệm vụ trọng tâm nhất vẫn là lãnh đạo quân và dân đấu tranh phá áp chiến lược, phá kìm kẹp, giành quyền làm chủ nông thôn đồng bằng, xây dựng vùng giải phóng của ta góp phần làm thất bại các kế hoạch Staley - Taylor và Johnson - McNamara trong “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ, tiến lên giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân.

Thường vụ Liên Khu ủy V xác định ba mục tiêu chủ yếu phải đạt được trong năm 1964 và nửa đầu năm 1965, đó là: Phá “áp chiến lược”, phá kìm kẹp của địch giành lại và làm chủ phần lớn nông thôn đồng bằng, làm chủ vùng rừng núi, xây dựng vùng căn cứ và vùng giải phóng vững mạnh; tiêu diệt sinh lực địch, làm tan rã từng bộ phận quân địch, tiến lên thực hiện tốt nhiệm vụ tiêu diệt một phần quân địch; củng cố và phát triển mạnh mẽ lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang, tăng cường chỉ đạo phát triển kinh tế. Trong đó vấn đề mấu chốt trước mắt, quyết định sự phát triển của phong trào là *giành dân (chủ yếu ở nông thôn đồng bằng), giải phóng và làm chủ nông thôn đồng bằng*.

Để đối phó với âm mưu mới của địch, Thường vụ Khu ủy chủ trương trước mắt là đẩy mạnh công tác quân sự, chính trị, binh vận đều khắp ba vùng.

Đặc biệt là tập trung sức chống địch càn quét lấn chiếm, gom dân lập áp chiến lược chống âm mưu lợi dụng tôn giáo, đảng phái của địch, nhất là bọn Đại Việt, Quốc dân Đảng, ra sức tiêu hao, tiêu diệt thật nhiều sinh lực địch, kiên quyết phá kế hoạch đánh phá có trọng điểm của địch ở đồng bằng và miền núi, củng cố mạnh mẽ hơn nữa vùng giải phóng ở đồng bằng và căn cứ miền núi [36, tr 3].

Đạt được yêu cầu trên, sẽ tạo ra những thuận lợi to lớn cho việc làm biến

chuyển tình hình ở Khu V và cho cả miền Nam; đồng thời cũng tạo ra thời cơ để nếu có đảo chính xảy ra, chúng ta có điều kiện tranh thủ giành thắng lợi to lớn hơn cho cách mạng.

Trong quá trình phát triển của phong trào cách mạng, Khu ủy xác định nhiệm vụ trọng tâm và xuyên suốt trong 2 năm 1964 - 1965 là tập trung phá áp chiến lược, phá thế kèm kẹp ở đồng bằng là trọng tâm công tác hàng đầu của Khu. Các địa phương cần tập trung sức thực hiện, kiên quyết chấp hành đúng Nghị quyết Khu ủy lần thứ III về mở đồng bằng, cố phần đầu trong những tháng đầu năm đạt vượt mức kế hoạch giành dân đã phân bổ cho các tỉnh. Trong tình hình địch hiện tại *việc phá áp chiến lược, phá thế kèm kẹp ở đồng bằng phải tiến hành thật mạnh mẽ, khẩn trương tranh thủ từng ngày, từng giờ với địch*. Nhất là trong lúc địch đang đặt kế hoạch, làm thí điểm, ta phải tập trung phá thật mạnh, phá từng mảng, đều khắp, nhất là ở vùng sâu, vùng lực lượng Đại Việt, Quốc Dân Đảng đang hoạt động, kết hợp phá hình thức lẫn nội dung, không cho địch trở tay ngay từ đầu.

Cần nắm vững 3 công tác trọng tâm trong việc củng cố vùng nông thôn đồng bằng là:

1. Đẩy mạnh 3 mặt giáp công, đặc biệt chú trọng phát triển nhân dân du kích chiến tranh và xây dựng thôn, xã chiến đấu;
2. Ra sức xây dựng chi bộ và Đoàn Thanh niên Nhân dân Cách mạng bám chặt trong quần chúng;
3. Tích cực giải quyết quyền lợi ruộng đất và chăm lo cho đời sống quần chúng [36, tr 5].

Khu ủy chỉ thị: Không chỉ đẩy mạnh phong trào ở nông thôn đồng bằng mà còn phải đẩy mạnh phong trào ở đô thị vì phong trào đô thị có tầm quan trọng rất lớn và có mối quan hệ mật thiết với phong trào đấu tranh ở nông thôn đồng bằng và miền núi:

Phong trào thành phố đóng một vai trò rất quan trọng, nên cần đẩy mạnh các hoạt động trong các thành phố, thị xã, thị trấn hơn nữa, đưa quần chúng ra đấu tranh mạnh mẽ, liên tục dưới mọi hình thức

thích hợp, làm cho địch lúng túng bị động ngay trong lòng chúng, phối hợp hỗ trợ cho phong trào nông thôn và miền núi [36, tr. 6].

Đi đôi với xây dựng cơ sở, xây dựng thực lực chính trị trong quần chúng cơ bản, cần tăng cường công tác mặt trận trong các tầng lớp khác, mở rộng mặt trận đấu tranh chống Mỹ và tay sai, chú ý tranh thủ nắm và lãnh đạo cho được phong trào thanh niên, sinh viên, học sinh. Trong công tác xây dựng cơ sở, cần nắm vững quan hệ phát triển đi đôi với củng cố, bảo đảm bí mật, chặt chẽ, hết sức đề phòng bẻ vỡ.

Liên Khu ủy V cũng xác định các nhiệm vụ trên các mặt công tác cụ thể:

Về đấu tranh quân sự, đi đôi với đẩy mạnh hoạt động, tấn công địch, phải phát triển thật mạnh mẽ phong trào nhân dân du kích chiến tranh: Lực lượng du kích xã, thôn phải đạt tỷ lệ là 5% dân số ở vùng đã phá thế kèm kẹp đồng bằng và 15% lao động ở căn cứ miền núi; phải tăng cường trang bị cho du kích, mở ra đến đâu phải tổ chức và tìm cách trang bị ngay cho du kích đến đó (bộ đội hoạt động ở đâu, vũ khí thu được phải trang bị cho du kích ở đó); phải đẩy mạnh việc xây dựng thôn, xã chiến đấu ngay đến đó. Phải tăng cường lãnh đạo du kích chiến tranh hơn nữa, các cấp và từng cấp ủy viên phải trực tiếp tham gia lãnh đạo du kích chiến tranh, không nên chỉ giao cho quân sự.

Về đấu tranh chính trị, trong tình hình địch tăng cường càn quét khủng bố, ra sức đánh lại phong trào, cần có kế hoạch lãnh đạo quần chúng giữ vững thế hợp pháp, giữ vững lực lượng trung kiên, nòng cốt và đẩy mạnh đấu tranh chính trị rộng khắp, dưới mọi hình thức xoay xung quanh các vấn đề chống càn quét, khủng bố nhất là những hành động khủng bố điển hình của địch, gom dân lập ấp chiến lược, chống bắt lính, đôn quân, đòi dân sinh dân chủ, chống đế quốc Mỹ xâm lược, đòi chấm dứt chiến tranh, đòi hòa bình trung lập v.v...

Tùy điều kiện và thời cơ xảy ra ở từng nơi, có kế hoạch nâng quy mô các cuộc đấu tranh lên; tổ chức những cuộc đấu tranh lớn đến quận, tỉnh, vào thị xã, thị trấn... và phối hợp chặt chẽ giữa phong trào đấu tranh ở thành thị và nông thôn, gây thành một phong trào chính trị thật rộng rãi tấn công địch.

Công tác binh vận, là một mặt trận quan trọng trong việc chống lại âm mưu mới của địch, đế quốc Mỹ và tay sai sẽ gây nhiều mâu thuẫn trong hàng ngũ chúng, chúng ta cần có kế hoạch tấn công binh vận mạnh mẽ, nhằm khoét sâu mâu thuẫn trong nội bộ địch, làm cho chúng tan rã hơn nữa tạo thêm điều kiện đánh bại âm mưu mới của địch [36, tr 7].

Ngoài ra, Thường vụ Liên Khu ủy khu V cũng lưu ý các đảng bộ địa phương cần chú ý thêm các vấn đề sau: Đối với đồng bào các tôn giáo, cần đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, vạch trần âm mưu, lừa bịp, chia rẽ, đàn áp tôn giáo khác, lãnh đạo quần chúng đoàn kết đấu tranh chống lại mọi thủ đoạn chia rẽ, lừa bịp của địch, chống bắt lính, bắt phu, chống khủng bố, cướp bóc, phải tôn trọng tự do tín ngưỡng, thiết thực đem lại quyền lợi cho quần chúng, để cho quần chúng tin tưởng thấy rõ chính sách của ta, càng gắn bó với cách mạng và quyết tâm chống địch. Đối với bọn phản động đội lốt tôn giáo, giết hại nhân dân, thì vạch mặt, cô lập, phân hóa, tranh thủ những tên có thể tranh thủ được; đối với những tên gian ác, ngoan cố, thì phát động quần chúng căm thù, kiên quyết trừng trị.

Đối với Đại Việt, Quốc Dân Đảng, cần kiên quyết vạch mặt, cô lập và tiêu diệt những tên có nợ máu với nhân dân. Hiện chúng có những âm mưu xây dựng lực lượng, xây dựng căn cứ ở một số nơi, ta cần chủ động tấn công tiêu diệt chúng ngay từ đầu, không cho chúng bám rễ được ở địa phương.

Vùng có Đại Việt, Quốc Dân Đảng, vùng đồng bào Thiên Chúa và những vùng đồng bào Thượng mà phong trào còn yếu, cần tăng cường cán bộ có kinh nghiệm và nắm vững đường lối, chính sách của Đảng đến hoạt động, và phải có cấp ủy viên trực tiếp phụ trách.

2.1.5.2. Chủ trương của Đảng bộ các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên

Quán triệt chủ trương của Trung ương Đảng, Trung ương Cục và Khu ủy, tỉnh Đảng bộ các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú đã phát huy tinh thần tự lực, tự cường đề ra chủ trương sát hợp với tình hình từng địa phương để làm phá sản các âm mưu, thủ đoạn mới của kẻ địch, trong đó ưu tiên tập trung chỉ đạo quân và dân

các địa phương giành quyền làm chủ ở nông thôn đồng bằng; coi đây là nhiệm vụ hàng đầu.

Tháng 8/1964, Tỉnh ủy Quảng Nam và Tỉnh ủy Quảng Đà ra nghị quyết phát động quần chúng đồng khởi giải phóng đại bộ phận nông thôn đồng bằng, trong đó trọng điểm là giải phóng vùng Đông Quốc lộ I và vùng cát của các huyện. Lực lượng Đồng khởi là quần chúng, chủ yếu là quần chúng tại chỗ, lực lượng vũ trang có nhiệm vụ chủ động tiến công địch, hỗ trợ cho quần chúng tiến hành Đồng khởi. *“Mục tiêu đề ra là phá tan bộ máy kìm kẹp của địch ở thôn, xã, phá cho được 2/3 số ấp chiến lược và biến ấp chiến lược thành làng chiến đấu. Sử dụng ba mũi giáp công để đánh địch và bố phòng chống địch phản kích bảo vệ thành quả phong trào Đồng khởi”* [93, tr.449 - 450].

Trước khi ra quân, Tỉnh ủy tổ chức chính huấn cán bộ và lực lượng vũ trang, xây dựng quyết tâm xuống vùng Đông giải phóng vùng cát, phê phán tư tưởng ngại xuống vùng sâu, vùng xa. Ở tỉnh Quảng Nam, Tỉnh ủy chủ trương hoạt động quân sự mạnh ở phía Tây nhằm thu hút sự chú ý của địch, tạo điều kiện sơ hở cho quần chúng vùng Đông tiến hành Đồng khởi.

Trong những năm 1964 - 1965, Đảng bộ Quảng Ngãi chủ trương:

- Đẩy mạnh hoạt động vũ trang, mở dân ở đồng bằng, phát triển và củng cố miền Tây, đánh bại âm mưu càn quét, lấn chiếm dồn dân lập “ấp chiến lược” của địch [17, tr 218].

- Đẩy mạnh xây dựng lực lượng vũ trang, lực lượng tự vệ nhằm hỗ trợ cho quần chúng đấu tranh chính trị, mở mang, giành dân, mở rộng vùng giải phóng; củng cố và phát triển lực lượng chính trị. Lực lượng vũ trang và lực lượng chính trị được giữ vững là chỗ dựa vững chắc cho phong trào.

- Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, động viên tinh thần chiến đấu trong toàn Đảng, toàn quân và toàn dân, khắc phục tư tưởng ngại khó khăn, ngại ác liệt, sự lúng túng trước chiến thuật “trục thẳng vận”, “thiết xa vận” của địch.

- Kết hợp chặt chẽ “hai chân”, “ba mũi giáp công”, liên tục tiến công địch,

phát động nhân dân nổi dậy ở đồng bằng nhằm phá hàng mảng “áp chiến lược”, “phá thế kìm kẹp, giành và làm chủ phần lớn nông thôn đồng bằng; tiêu diệt và tiêu hao sinh lực địch, củng cố và phát triển lực lượng ta về mọi mặt.

- Ra sức xây dựng vùng giải phóng, đẩy mạnh phong trào ở thị xã, thị trấn.

Tháng 4/1964, Tỉnh ủy Quảng Ngãi tổ chức Hội nghị quán triệt và bàn biện pháp thực hiện chủ trương Đồng khởi của Liên Khu ủy, trong đó xác định rõ:

Động viên toàn đảng bộ, toàn quân và toàn dân, khẩn trương liên tiếp tiến công địch, ra sức “phá áp chiến lược”, phá thế kìm kẹp, giành dân ở đồng bằng, tạo ra một số mảng làm chủ lớn. Ra sức xây dựng vùng giải phóng, đẩy mạnh phong trào chiến tranh du kích, xây dựng làng chiến đấu, tích cực xây dựng ba thứ quân, mở rộng diện tiêu hao, nâng cao mức tiêu diệt, chống càn quét lấn chiếm, đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị và binh vận; đồng thời tích cực đủ sức về mọi mặt.... Ra sức xây dựng cơ sở, đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị ở thị trấn, thị xã. Tích cực xây dựng lực lượng ta về mọi mặt, chuyển hướng phong trào trong tỉnh lên một bước mới, giành thắng lợi to lớn... [2, tr.167].

Hội nghị đề ra ba mục tiêu chủ yếu là: “Phá hàng mảng áp chiến lược”, phá thế kìm kẹp, giành và làm chủ phần lớn nông thôn đồng bằng, tích cực tiêu diệt sinh lực địch, làm tan rã từng bộ phận quân địch; củng cố và phát triển lực lượng ta về mọi mặt...”. Trên cơ sở những thắng lợi, nhất là trong hai cuộc nổi dậy ở nông thôn đồng bằng năm 1962 và 1964, Đại hội Đảng bộ Quảng Ngãi lần thứ hai (1/1965) hạ quyết tâm: “giải phóng hoàn toàn nông thôn (cả đồng bằng và miền núi), bao vây thị xã và thị trấn, tiến đến giải phóng toàn tỉnh, xây dựng Quảng Ngãi thành hậu phương vững chắc” [2, tr.191 - 222].

Cũng trong tháng 4/1964, Tỉnh ủy Bình Định mở hội nghị nghiên cứu Nghị quyết Liên Khu ủy V (1/1964), đồng thời thảo luận các chủ trương và biện pháp đưa phong trào địa phương tiến lên giành thắng lợi to lớn hơn. Hội nghị đã tổng kết công tác phát động quần chúng nổi dậy phá kìm, giành lại đồng bằng trong 2 năm

1962 - 1963. Sau khi phân tích những nguyên nhân thắng lợi của phong trào, rút ra những bài học về lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện, hội nghị chủ trương “*Đông khởi Khu Đông*” phát động quần chúng nổi dậy diệt ác phá kìm, phá từng mảng áp chiến lược và làm rã lực lượng phụ quân, khẩn trương xây dựng thực lực chính trị và vũ trang. Cuối tháng 8/1964, Tỉnh ủy mở đợt học tập Nghị quyết Trung ương 9 (12/1963), Nghị quyết Thường vụ Liên Khu ủy V (6/1964) và đấu tranh chống tư tưởng hữu khuynh trong toàn Đảng bộ. Đợt sinh hoạt chính trị vừa đánh giá đúng mức những thắng lợi của đợt “*Đông khởi Khu Đông*”, vừa tập trung phân tích những yếu kém của phong trào. Để đẩy phong trào tiếp tục tiến lên, Tỉnh ủy phát động phong trào “*hạ sơn*” trong toàn Đảng bộ và các lực lượng, tức là chuyển toàn bộ lực lượng xuống đồng bằng, phát động “*Đông khởi đợt II*” nhằm tiến lên giành thắng lợi vượt bậc.

Kế hoạch và mục tiêu của việc tiếp tục mở chiến dịch “*Đông khởi Khu Đông*”, lấy các xã Đông Nam Phù Cát, đông An Nhơn và Đông Bắc Tuy Phước làm trọng điểm, giành 90.000 dân đến 100.000 dân ở vùng sâu, đồng thời tạo hành lang và bàn đạp tiến công Quy Nhơn. Tỉnh ủy lập Ban Chỉ đạo chiến dịch do đồng chí Nguyễn Trung Tín, Ủy viên Thường vụ phụ trách; đồng thời điều 1 đại đội bộ binh và đội đặc công tinh bí mật luôn xuống Khu Đông, phối hợp với các lực lượng trong vùng gấp rút chuẩn bị chiến trường. Phương thức mở Khu Đông được Tỉnh ủy xác định: “*Phát động quần chúng nổi dậy diệt ác phá kìm, phá từng mảng áp chiến lược và làm rã bọn phụ quân, khẩn trương xây dựng lực lượng chính trị và vũ trang, phát động du kích chiến tranh tiến lên bao vây diệt và bức rút các chốt điểm bảo an* [1, tr 67].

Đợt chỉnh huấn cuối tháng 8/1964 đã thực sự tạo ra bước chuyển biến quan trọng về tư tưởng trong toàn Đảng bộ và lực lượng vũ trang góp phần làm nên thắng lợi nhảy vọt cuối 1964 đầu 1965 trong toàn tỉnh. Cùng thời gian trên, nhằm tập hợp hơn nữa các lực lượng yêu nước vào lực lượng cách mạng, tại khu căn cứ Vĩnh Thạnh, Tỉnh ủy đã tổ chức hội nghị đại biểu các ngành giới để chính thức thành lập Mặt trận dân tộc giải phóng của tỉnh, tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân

dân nhằm tạo nên sức mạnh tổng hợp đẩy phong trào Đồng khởi tiến lên một bước mới.

Cuối năm 1964, cùng với toàn miền Nam, quân và dân Bình Định đang vươn tới thời điểm quyết định đánh bại “*chiến tranh đặc biệt*” của Mỹ - quân đội Sài Gòn. Phong trào đã và đang nảy sinh nhiều vấn đề đòi hỏi Đảng bộ Bình Định phải có những chủ trương, biện pháp và bước đi thích hợp cũng như kiện toàn sự lãnh đạo của Đảng đáp ứng yêu cầu thực tiễn cách mạng.

Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Định lần thứ VI quyết định mở đợt hoạt động Đông - Xuân (1964 - 1965) với mục tiêu đến giữa năm 1965 giành cho được 30 đến 50 vạn dân, trong đó 2/3 là dân làm chủ, bức rút và giải phóng một vài huyện. Đại hội còn chủ trương mở đợt thi đua quyết thắng trong quân dân toàn tỉnh, lập thành tích chào mừng 4 năm ngày thành lập Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

Trên cơ sở thắng lợi, Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng tháng 4/1965 *ghi nhận khả năng nắm bắt thực tiễn và sự chỉ đạo sắc sảo của Tỉnh ủy về xác định đúng hướng tiến công và phương thức phá kẹp mở mảng giành dân*. Đó là nguyên nhân chủ yếu góp phần tạo nên thắng lợi của đợt mở mảng giành dân Khu Đông (7-8/1964).

Ở Phú Yên, tháng 10/1963, Tỉnh ủy chủ trương tranh thủ thời cơ dùng cú đấm quân sự hỗ trợ cho đấu tranh chính trị, phá áp chiến lược đưa dân về làng cũ. Tháng 5/1964, Tỉnh ủy họp mở rộng xác định: Phương châm đấu tranh chính trị song song với đấu tranh vũ trang có tổ chức lãnh đạo chặt chẽ nhất định sẽ giành được thắng lợi. Trong đấu tranh chính trị, lực lượng phụ nữ có vai trò quan trọng.

Từ ngày 8 đến 14 tháng 1 năm 1965, Đảng bộ Phú Yên họp Đại hội đại biểu lần thứ 2 đề ra chủ trương cho năm 1965: Hoạt động của lực lượng vũ trang chủ yếu là phía trước và đồng bằng. Các lực lượng vũ trang phải coi trọng nhiệm vụ bám dân, phát động quần chúng, phá áp, phá kèm kẹp, phát động phong trào nhân dân du kích chiến tranh, xây dựng thôn, xã chiến đấu vững chắc, rộng khắp

là nhiệm vụ hàng đầu. Tích cực phản kích địch càn quét, lấn chiếm,...

Chủ trương của các Tỉnh ủy Nam - Ngãi - Bình - Phú trực tiếp mở đường cho phong trào Đồng khởi ở các địa phương.

2.2. DIỄN BIẾN ĐỒNG KHỞI Ở CÁC TỈNH QUẢNG NAM, QUẢNG NGÃI, BÌNH ĐỊNH, PHÚ YÊN NỬA SAU NĂM 1964

2.2.1. Đồng khởi ở Quảng Nam

Để kịp thời phối hợp với phong trào đô thị, từ giữa năm 1964, Tỉnh ủy Quảng Nam chủ trương phát động quần chúng nông thôn nổi dậy diệt ác, phá kìm, tiến công địch, giành lại nông thôn, đồng bằng. Mở đầu đợt hoạt động, ngày 14/7/1964, lực lượng vũ trang nổ súng tiến công hỗ trợ cho quần chúng nổi dậy giải phóng xã Điện Ngọc. Điểm Đồng khởi mở đầu thắng lợi, chính quyền địa phương cả vùng hoảng sợ tháo chạy ra Đà Nẵng, lên Vĩnh Điện. Ngày 14/7/1964, bộ đội chủ lực Khu V phục kích đánh tiêu diệt một đại đội địch tại đèo Tư Yên (Kỳ Nghĩa). Đêm 9/8 tiêu diệt một đại đội địch tại cụm ấp chiến lược xã Kỳ Sanh (Nam Tam Kỳ), hôm sau đánh tiểu đoàn lính cộng hòa đến phản kích diệt hơn 60 quân. Ngày 8/9/1964, tập kích tiêu diệt đồn Chóp Chài (Kỳ Nghĩa) diệt một tiểu đoàn lính cộng hòa, phục kích đánh thiệt hại nặng một tiểu đoàn khác đến phản kích tại khu vực chợ Cây Sanh (Kỳ Long), bao vây bức rút đồn Kỳ Sơn,...

Trong tháng 8 và tháng 9/1964, kết hợp với đòn tấn công quân sự của lực lượng vũ trang, quần chúng ở xã Điện Nam (Điện Bàn) và các xã Cẩm Dương, Cẩm An, Cẩm Hải (của Hội An) nổi dậy giải phóng xã. Tháng 10/1964, quần chúng phối hợp với lực lượng vũ trang, nổi dậy giải phóng tiếp các xã Điện Hải, Thanh Phong (Điện An), Thanh Trường (Điện Thắng), đến tháng 11/1964 giải phóng xã Điện Quang.

Đòn ra quân thắng lợi của quân chủ lực làm tăng thêm lòng tin tưởng, phấn khởi cho nhân dân, gây hoang mang dao động trong hàng ngũ đối phương, tạo điều kiện thuận lợi cho bộ đội địa phương và lực lượng du kích tiến công địch và hỗ trợ cho quần chúng nổi dậy Đồng khởi. Tại huyện Nam Tam Kỳ, bộ đội huyện, các đội vũ trang công tác phối hợp tiến công quân bảo an, dân vệ... dọc theo Quốc

lộ I: chợ Trạm, cầu Ông Bộ, cầu An Tân, vùng Ô Gà. Nhân đà đó, quần chúng nổi dậy đốt, phá ấp chiến lược, giải phóng các xã Kỳ Khương, Kỳ Chánh, Kỳ Xuân, Kỳ Hòa.

Cũng trong tháng 9/1964, có cơ sở bên trong làm nội ứng, bộ đội huyện Bắc Tam Kỳ tập kích tiêu diệt đồn Ngọc Nha (Kỳ Quế), quần chúng nổi dậy truy quét tề điệp, phá sạch 22 ấp chiến lược, giải phóng hàng loạt các xã Kỳ Quế, Kỳ Sơn, Kỳ Long, Kỳ Yên, Kỳ Trà. Phối hợp với lực lượng huyện, Đại đội đặc công (V16) tập kích đánh vào thị xã Quảng Tín, tiến công Tổng đài truyền tin, trụ sở Quốc dân Đảng tỉnh, tạo thế cho phong trào giải phóng nông thôn [99, tr.451].

Phong trào nổi dậy ở nông thôn có nhiều hình thức sáng tạo, có sự đóng góp lớn của phụ nữ. Một cơ sở chính trị bao gồm mẹ Luyện, mẹ Triệu, các chị Huỳnh Thị Có, Huỳnh Thị Xuân..., nhân một đám giỗ người thân đã tổ chức cho bọn hội đồng xã và trung đội dân vệ ăn nhậu say sưa; sau đó dùng dây buộc toàn bộ các loại súng của chúng lại, rồi báo tin cho tiểu đội trinh sát của huyện và cán bộ đội công tác xã bung nắp hầm bí mật tiếp cận đến tóm gọn. 4.000 quần chúng nổi dậy làm chủ địa bàn xã, tổ chức rào làng chiến đấu, các mẹ đã động viên 50 thanh niên nam, nữ thoát ly tham gia kháng chiến. Tại các xã Kỳ Khương, Kỳ Chánh, quần chúng nổi dậy làm chủ các thôn dọc tuyến đường số 1A, mở rộng bàn đạp và hành lang xuyên suốt vùng giáp ranh miền núi phía Tây Nam của tỉnh từ Nam Tam Kỳ lên đến Tiên Phước, Thăng Bình ra Quế Sơn.

Rạng sáng ngày 4/9/1964, Tiểu đoàn 70 bộ đội tỉnh phối hợp với lực lượng huyện Thăng Bình đánh tiêu diệt đồn Đất Đỏ, diệt đại đội bảo an, hỗ trợ cho nhân dân nổi dậy phá ấp chiến lược, khu đồn Hà Châu trở về làng cũ làm ăn, giải phóng hoàn toàn xã Bình Phú và giải phóng một mảng xã phía Tây huyện Thăng Bình, tạo thế kìm chế, căng kéo địch, tạo điều kiện thuận lợi cho vùng Đông Thăng Bình tiến hành Đồng khởi thắng lợi.

Trong đợt hai của cao trào Đồng khởi, Tỉnh ủy Quảng Nam lấy xã Bình Dương làm điểm mở ra toàn bộ vùng đông Thăng Bình. Các nữ đảng viên hợp pháp của xã như các chị Trần Thị Liệu, Bùi Thị Tụ đã đóng giả những người đi

buôn mằm để nắm tình hình địch, chuẩn bị hành lang phục vụ cán bộ, bộ đội vượt Quốc lộ 1A xuống ém quân tại xóm Nò. Đại đội 2 Tiểu đoàn 70 và đại đội V10 của tỉnh từ xóm Nò, bất ngờ nổ súng đánh tiêu diệt nguy quân, nguy quyền, giải phóng hoàn toàn xã Bình Dương. Chị em đã hỗ trợ đắc lực cho các lực lượng vũ trang và quần chúng nhân dân phát triển Đồng khởi, giải phóng các xã Bình Đào, Bình Hải, Bình Giang, Bình Sa; đập tan bộ máy kèm kẹp của địch, phá banh 20 ấp chiến lược, đưa 40.000 dân trở về quê cũ. Chính quyền cách mạng các xã được thành lập, phụ nữ hăng hái tham gia xây dựng thôn xã chiến đấu, biến các ấp chiến lược của địch thành làng chiến đấu vững chắc của ta. Đồng khởi thành công, các mẹ, các chị đã tiễn đưa 800 thanh niên nam, nữ là chồng, con, em của mình lên đường cầm súng chiến đấu. Đồng thời xây dựng vùng đông Thăng Bình trở thành “căn cứ lõm” vững chắc của Tỉnh trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Xã Bình Dương và nhiều nơi khác được giải phóng, chính quyền cơ sở của chế độ Sài Gòn rúng động tháo chạy, nhân dân các xã Bình Giang, Bình Đào, Bình Hải, Bình Sa lần lượt nổi dậy đập tan bộ máy kèm kẹp ở cơ sở, thành lập chính quyền nhân dân tự quản. Cùng thời gian, lực lượng vũ trang và đội công tác tiến công đám tề xã, truy bắt tề điệp.

Trước sự tấn công mạnh mẽ của lực lượng vũ trang và nổi dậy của quần chúng, nhiều xã trong huyện Thăng Bình được giải phóng, tề nguy ở cơ sở còn lại tháo chạy về quận lỵ Thăng Bình. Địch đưa lực lượng đến càn quét phản kích liên tiếp vào các xã giải phóng, song không thể lật ngược được tình thế.

Thăng Bình Đồng khởi thắng lợi làm cho quân địch ở Quế Sơn gần đó rúng động tháo chạy. Nhân cơ hội đó, lực lượng vũ trang và đội công tác huy động quần chúng truy bắt tề điệp, phá banh ấp chiến lược giải phóng hầu hết các xã Phú Phong, Phú Diên, Phú Thọ, Sơn Trung, Sơn Xuân. Cả đợt Đồng khởi (từ tháng 8 đến đầu tháng 10/1964), Quế Sơn giải phóng thêm 5 xã và một số thôn gồm 10.328 người dân, phá tan 22 ấp chiến lược. Các xã vừa mới giải phóng cùng với các xã được giải phóng trước đó như Sơn Tân, Sơn Lợi, Sơn Hiệp, Sơn Bình tạo thành

hai mảng giải phóng lớn, một ở phía Đông, một ở phía Tây của huyện,...

Tại Duy Xuyên, từ tháng 7/1964, Đồng khởi nổ ra mạnh mẽ, như chính quyền Sài Gòn đã phản ánh:

Địch đã tăng cường quân lực đốt phá các xã Xuyên Hòa (AT.9020.516), Xuyên Thanh (AT.955.524) thuộc vùng cận sơn, bắt đồng bào tiếp tế cho chúng hoặc tổ chức các buổi meeting, đồng thời phá hàng rào thôn ấp, sát hại cán bộ quốc gia,...” . “...Mặt khác tại Khu Đông miền duyên hải thuộc quận Duy Xuyên, nhiều nơi Phật giáo chiếm một nửa số dân, trong số này đã có nhiều đảng viên cộng sản núp bóng, có nhiều thuận lợi cho Việt Cộng lãnh đạo ... [139, tr. 2-3].

Tiếp đó, đến tháng 9/1964 phong trào được triển khai mạnh mẽ với việc với việc kết hợp tấn công với nổi dậy để làm chủ các xã Xuyên Tân, Xuyên Mộc và Xuyên Thọ. Theo kế hoạch đồng khởi của Huyện ủy, một tiểu đội vũ trang huyện cùng với du kích mật tại chỗ phối hợp với du kích xã Bình Dương (Thăng Bình) vừa được giải phóng tập kích áp sát trụ sở Hội đồng xã Xuyên Thọ và trụ sở Hội đồng xã Xuyên Phước. 5 giờ chiều ngày 20/9/1964, khi cơ sở cho biết Hội đồng xã Xuyên Thọ đang tập trung tại trụ sở, ta phát lệnh nổ súng tấn công. Bộ máy chính quyền địch ở đây hoang mang, hai trung đội dân vệ tan rã, tháo chạy. Quân chúng được chi bộ lãnh đạo đồng loạt nổi dậy dùng dao, rựa, cùng du kích mật mạng súng giả làm bằng bẹ cây dừa cùng bộ đội truy bắt ác ôn. Hầu hết thành viên Hội đồng hai xã Xuyên Thọ, Xuyên Mộc đều bị bắt, số còn lại thoát chạy qua phía Bình Dương bị du kích Bình Dương phối hợp đón bắt.

Tại xã Xuyên Tân, bộ đội huyện được cơ sở nội tuyến phối hợp phục kích bắt sống Xã trưởng và Bí thư Quốc dân Đảng xã; lực lượng dân vệ tan rã, nhân dân nổi dậy làm chủ xã Xuyên Tân. Địch phản kích đánh vào ba xã vừa giải phóng của huyện Duy Xuyên, bộ đội và nhân dân quyết tâm bố phòng trụ bám đánh địch suốt mấy ngày liền, buộc chúng phải tháo lui. Phát huy khí thế Đồng khởi, các lực lượng tiếp tục tiến công địch giải phóng các xã Xuyên Lộc, Xuyên An. Trong lúc

ở khu Đông khởi nghĩa thì quân và dân các xã trong khu Trung và khu Tây tranh thủ tiến công địch làm tan rã 11 trung đội dân vệ, chống địch càn quét thắng lợi, giữ vững và mở rộng vùng làm chủ.

Phối hợp với các huyện, ngày 27/9/1964, Ban Cán sự thị xã Hội An cùng Chi bộ Đảng lãnh đạo cơ sở và quần chúng xã Cẩm Thạch nổi dậy dùng kế nghi binh, mang giáo mác, gậy gộc và súng giả làm bằng bẹ dừa rậm rạp xuống đường thị uy làm cho trung đội dân vệ hoang mang tan rã. Quần chúng vây bắt các thành viên Hội đồng xã và liên gia trưởng, trừng trị hai ác ôn khét tiếng. Đến tháng 11/1964, đội công tác thị xã lãnh đạo quần chúng nổi dậy kết hợp lực lượng du kích giải phóng tiếp các xã Cẩm An, Cẩm Hà, Cẩm Châu.

Cùng với các huyện trong tỉnh, Hòa Vang lấy xã Hòa Hải làm điểm Đồng khởi mở đầu. Tại đây, ngày 01/10/1964, lực lượng vũ trang và nhân dân đồng loạt dùng giáo mác, gậy gộc đi vây bắt tề nguy xã thôn. Đêm hôm sau tiếp tục vây đánh đồn Roni (Non Nước), quần chúng đánh trống mõ inh trời uy hiếp địch. Binh lính trong đồn, một số ra hàng, phần đông tìm đường tháo chạy. Ngày 4/10/1964, vùng Đông của huyện Hòa Vang gồm các xã Hòa Hải, Hòa Long, Hòa Lân, Hòa Phụng hoàn toàn được giải phóng. Tranh thủ thời cơ, lực lượng vũ trang vây ép địch ở quận lỵ Hòa Vang, quận lỵ Hiếu Đức, lực lượng chính trị, đội công tác phát động quần chúng 13 xã phía Tây của huyện nổi dậy diệt tề giành quyền làm chủ. Đến hết tháng 10/1964, địch ở Hòa Vang chỉ còn kiểm soát các xã: Hòa Minh, Hòa Khánh, Hòa Phát, Hòa Thanh và các thị trấn Cẩm Lệ, Nam Ô, Túy Loan.

Ở Đại Lộc, đêm 15/8/1964, lệnh Đồng khởi phát ra, nhân dân cùng lực lượng vũ trang tiến công địch giải phóng các xã Lộc Quý, Lộc Thành, Lộc Vĩnh. Đội công tác vùng A, vùng B diệt ác ôn tạo thế để quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ các thôn của các xã Lộc Phước, Lộc Tân, Lộc Ninh và Lộc Bình. Tháng 10/1964, hai xã Lộc Hòa, Lộc Sơn tiếp tục được giải phóng.

Các xã giải phóng hợp thành những mảng lớn, một ở vùng cát chạy suốt từ Hòa Vang đến Nam Tam Kỳ; một ở phía trên Quốc lộ 1 chạy từ Nam sông Cẩm Lệ

đến Bắc sông Thu Bồn; mảng từ Tiên Phước, Tây Tam Kỳ, Tây Thăng Bình, Quế Sơn; Vùng B Đại Lộc, Tây Duy Xuyên; mảng tam giác Đông Đại Lộc, Tây Điện Bàn, Hòa Vang giáp căn cứ miền núi. Đại bộ phận nông thôn đồng bằng của tỉnh Quảng Nam được giải phóng ngay trong đợt Đồng khởi cuối 1964 [99, tr 455 - 456].

Mặc dù quân đội Sài Gòn càn quét đánh phá ác liệt, căn cứ miền núi Quảng Nam vẫn được giữ vững; hàng vạn quần chúng nông thôn đã đứng lên hành động cách mạng sôi nổi, quyết liệt với khí thế khởi nghĩa giành chính quyền từng vùng rộng lớn. Ở thành phố, phong trào công nhân, học sinh, sinh viên và Phật giáo đã phát triển trở thành cao trào. Tuy nhiên, phong trào cách mạng của tỉnh Quảng Nam cũng còn những khuyết nhược điểm như việc xây dựng vùng giải phóng miền núi phát triển chậm; mở ra vùng nông thôn đồng bằng nhiều nơi còn chưa kịp thời, ba mũi giáp công chưa đều, chưa vững chắc.

Kết hợp với phong trào Đồng khởi ở nông thôn, đồng bằng, phong trào đấu tranh ở đô thị giai đoạn này cũng phát triển mạnh, Tại Hội An, trong hai ngày 27 và 28/8/1964, hàng ngàn học sinh biểu tình, diễu hành qua các đường phố, rồi bao vây Tòa án Quảng Nam. Tại đây, bản tuyên ngôn của học sinh và sinh viên được công bố với nội dung: Bãi bỏ toàn vẹn bản Hiến chương 16/8/1964; trả các tướng lĩnh “*Hội đồng quân đội*” về mặt trận và trao quyền hành pháp cho một chính phủ dân sự; sớm bãi bỏ tình trạng khẩn cấp và tái lập quyền tự do ngôn luận; thanh toán dứt khoát dư đảng Cần lao và tay sai chế độ cũ [109].

Tại Tam Kỳ, ngày 27/8/1964, trên 1.000 học sinh đã biểu tình diễu hành trong thị xã, hô to các khẩu hiệu:

Chúng ta cương quyết đòi quân đội loại trừ Nguyễn Khánh, Trần Thiện Khiêm, Huỳnh Văn Cao, Đỗ Cao Trí ra khỏi hàng ngũ”.

“Yêu cầu bọn Mỹ không được ủng hộ Nguyễn Khánh, cương quyết lật mặt bịp bợm của Hội đồng quân đội cách mạng do Khánh lãnh đạo, đồng bào hãy đoàn kết với học sinh để tranh đấu đến cùng” [109].

Bàn về ý nghĩa của phong trào đô thị miền Nam vào những ngày cuối tháng 8, đầu tháng 9 năm 1964, trong đó có Quảng Nam, Tuyên bố của Mặt trận Dân tộc

Giải phóng miền Nam Việt Nam (8/1964) nêu rõ:

Song song với chiến thắng dồn dập của quân và dân miền Nam trên khắp các chiến trường, phong trào đấu tranh của quần chúng đô thị ồ ạt dâng lên với khí thế vô cùng sôi nổi... Phong trào sôi sục có quy mô rộng lớn mang tính chất quần chúng sâu sắc đã lan rộng vô cùng nhanh chóng trong những ngày qua, là những loạt súng vừa bắn vào chính quyền phát xít Nguyễn Khánh, vừa bắn vào bọn thực dân Mỹ, là sự bày tỏ thái độ quyết liệt và sự biểu dương lực lượng của nhân dân miền Nam đối với đế quốc Mỹ, thực chất là một phong trào chống Mỹ... Rõ ràng đế quốc Mỹ đã phải lùi bước trước sức mạnh vũ bão của cao trào quần chúng mà một chính quyền phi nghĩa vẫn luôn luôn khiếp sợ. ... [59].

Ngày 29/12/1964, cùng Phật giáo miền Nam, 41 Tăng ni, Phật tử chùa Tinh hội Quảng Nam tuyệt thực, nhiều khẩu hiệu được treo khắp nơi với nội dung: “Máu Phật tử đã đổ, tay Phật tử quyết không vấy máu”, “Yêu cầu Quốc trưởng ra lệnh chấm dứt mọi hành động đàn áp Phật giáo tín đồ của chính phủ Trần Văn Hương” [100].

Trong quá trình Đồng khởi nửa sau năm 1964, quân và dân Quảng Nam đã phá 198 ấp chiến lược (địch còn 49 ấp) giải phóng 207 thôn của 50 xã gồm 163 ngàn dân. Các xã giải phóng hợp thành những mảng lớn. Một vùng cát suối từ Nam đến Bắc tỉnh, một mảng trên quốc lộ từ Nam sông Cẩm Lệ đến Bắc sông Thu Bồn, mảng từ Tiên Phước, Tây Tam Kỳ, Tây Thăng Bình, Quế Sơn, dọc đường sắt gồm 20 xã, vùng B Đại Lộc, mảng tam giác Tây Điện Bàn, Tây Hòa Vang, Đông Bắc Đại Lộc tạo thành thế liên hoàn với căn cứ miền núi.

Trong Đồng khởi, lực lượng vũ trang đã làm tốt vai trò đòn xeo, tiến công địch hỗ trợ cho quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ. Trong năm 1964, Quảng Nam có hàng trăm cuộc đấu tranh chính trị (4 cuộc từ 500 đến 2000 người với 25 ngàn lượt người tham gia. Đấu tranh chính trị phát triển rất cao trở thành bạo lực của quần chúng tiến công quân đội Sài Gòn, diệt ác, phá kìm giành chính quyền

xã thôn. Công tác binh vận trở thành mũi tiến công địch lợi hại, 1.000 binh sĩ được nghe chính sách binh vận, 8 ngàn gia đình họ dự đại hội gia đình binh sĩ bàn việc vận động chồng, con đi lính trở về với nhân dân. Năm 1964, có 6 ngàn binh sĩ đào rã ngũ, mang về nộp cho cách mạng 218 khẩu súng, cơ sở nội tuyến phục vụ lực lượng vũ trang 43 lần đánh địch, nhiều trung đội Dân vệ, Thanh niên chiến đấu bỏ ngũ tan rã tập thể [99].

Đấu tranh chính trị, đấu tranh vũ trang và binh vận trong Đồng khởi đã phối hợp tiến công địch, nhiều nơi phối hợp được 3 mũi giáp công - vũ trang đánh địch, quần chúng nổi dậy nhập đồn, phá áp chiến lược, cơ sở binh vận làm nội ứng và vận động dân vệ rã ngũ, nộp súng cho cách mạng, trở về với nhân dân.

Qua đợt Đồng khởi, vùng giải phóng Quảng Nam được mở rộng, Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Nam chủ trương phát động một phong trào toàn dân thi đua xây dựng làng chiến đấu, quyết tâm bảo vệ thành quả cách mạng, củng cố ủy ban tự quản xã, ban tự quản thôn. Các tổ chức Đảng, đoàn thể, mặt trận, an ninh... phát triển mạnh mẽ, rộng rãi. Lực lượng du kích tiếp tục thực hiện 3 mũi giáp công phá áp, phá kìm, giải phóng toàn bộ nông thôn đồng bằng, thực hiện chính sách ruộng đất, đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất và đóng góp nuôi quân.

Nhờ làm tốt công tác tư tưởng, nhân dân trong vùng giải phóng hăng hái ngày đêm tham gia bố phòng, xây dựng làng chiến đấu, thực hiện phương châm “hai chân ba mũi” chống địch càn quét lấn chiếm. Đồng bào hăng hái sản xuất, tổ chức tốt vòng đổi công, tương trợ sản xuất, đóng góp quỹ nuôi quân vượt định mức và hàng ngàn dân công ngày đêm hăng hái chuyên lúa cho cách mạng.

Vùng nông thôn đồng bằng được giải phóng, việc sản xuất đóng góp của nhân dân và giao lưu hàng hóa có nhiều thuận lợi, ngành kinh tế hậu cần cố gắng hoạt động “đảm bảo được phần lớn những yêu cầu của cách mạng và đời sống của nhân dân”.

Giữa lúc phong trào Đồng khởi của quần chúng đang lên, đầu tháng 11/1964, cả miền Trung trong đó có Quảng Nam xảy ra trận lụt lớn chưa từng có

trong mấy chục năm qua. Trận lụt làm núi lở lấp một số kho tàng của cách mạng, lấp một số thôn đồng bào dân tộc. Ở đồng bằng, nhất là các vùng ven sông, nước ngập gây thiệt hại to lớn về người và tài sản của nhân dân. Cả tỉnh Quảng Nam có hàng ngàn nhà cửa bị cuốn trôi, hàng ngàn người bị chết, hàng ngàn hécta ruộng bị cát lấp và thiệt hại vô số tài sản, trâu bò, heo gà, hoa màu.

Lợi dụng tình hình khó khăn của cách mạng do thiên tai bão lụt, địch ra sức đánh phá phong trào cách mạng ở địa phương. Ngay lúc trời đang lụt lớn, hầm hố nhà cửa bị ngập nước, nhân dân núp trên các cồn cao, nóc nhà, ngọn cây... địch cho xuống máy, canô, xe lội nước lùng sục, vây ráp, bắn giết gây nhiều tội ác.

Ngày 17 tháng 11 năm 1964, Hồ Chủ tịch thay mặt đồng bào miền Bắc gửi lời thăm hỏi, động viên đồng bào miền Trung bị bão lụt qua Đài tiếng nói Việt Nam. Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Nam chỉ thị “khẩn cấp về công tác cấp cứu tai nạn bão lụt cho nhân dân”. Trong chỉ thị nêu: Cấp cứu tai nạn bão lụt là công tác trung tâm đột xuất trước mắt, cần gắn với công tác trung tâm thường xuyên là phá ấp, phá kìm giành dân. Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng tỉnh ra lời kêu gọi đồng bào nhường cơm xẻ áo giúp đỡ nhau “lá lành đùm lá rách”, “miếng đói bằng gói khi no”. Tỉnh xuất một số gạo và tiền để cứu trợ; đồng bào thành phố, thị xã và cả miền Nam quyên góp cứu giúp đồng bào vùng bị lụt. Nhân dân miền núi giúp đỡ các loại giống cây trồng để đồng bào phục hồi sản xuất. Ngành y tế cử cán bộ chuyên môn về vùng lụt phát thuốc chữa bệnh, hướng dẫn vệ sinh môi trường.

Các chủ trương và biện pháp cấp bách giải quyết nạn bão lụt của tỉnh Quảng Nam rất đúng đắn kịp thời và được các cấp, các ngành quyết tâm thực hiện nghiêm túc. Sau một thời gian ngắn, tình hình sản xuất và đời sống nhân dân dần ổn định, uy tín của Đảng, chính quyền cách mạng và Mặt trận Dân tộc Giải phóng lên cao. Nhân dân càng thấy rõ tấm lòng của cách mạng lo cho dân trong cảnh hoạn nạn, đồng thời nhận rõ bộ mặt thật của địch, càng thêm căm thù chúng.

Tính trong năm 1964, lực lượng vũ trang hai tỉnh Quảng Nam và Quảng Đà đã đánh 1.753 trận, loại khỏi vòng chiến hơn 11.600 quân Sài Gòn, bắt sống hơn

1.000 quân địch, thu được 1.624 súng; cùng với nhân dân địa phương phá banh 189/238 ấp tân sinh ở Quảng Nam. Đến tháng 2/1965, bộ máy kìm kẹp của địch chỉ còn lại ở các quận lỵ, thị xã, các căn cứ quân sự.

2.2.2. Đồng khởi ở Quảng Ngãi

Tháng 7/1964, mở đầu cho Đồng khởi, lực lượng vũ trang huyện Bình Sơn kết hợp với bộ đội chủ lực tiến công ấp Trì Bình (Bình Nguyên), huyện Bình Sơn, diệt hai trung đội Dân vệ và một đại đội Bảo an tiếp viện; bao vây ấp Phước Lâm, phục kích địch ở ấp Tân Phước (Bình Minh), diệt gọn một trung đội Dân vệ.

Kể từ sau chiến thắng Mang Xinh, các lực lượng vũ trang của tỉnh Quảng Ngãi liên tục tấn công địch ở đồng bằng. Đêm 5/7/1964, bộ đội địa phương của tỉnh tiến công tiêu diệt trung đội Bảo an và trung đội Dân vệ ở Thổ Đồn (Tur Nghĩa). Hơn một tháng sau, đêm 8/8/1964, đơn vị Đặc công 506A tập kích cứ điểm Núi Sắn, huyện Đức Phổ, diệt một trung đội địch, thu 10 súng. Cùng thời gian này, Tiểu đoàn 95 Quân khu V tiến công đồn Phước Vĩnh (Đức Phú, Mộ Đức), diệt một trung đội Bảo an và trú lại ban ngày đánh quân ứng viện, bắn cháy một xe M113. Một bộ phận của tiểu đoàn phục kích trên đoạn Đường số 5 từ Trường An đi Ba Tơ, tiêu diệt ba trung đội Bảo an và một trung đội biệt kích, thu 49 súng các loại [17, tr. 235].

Phát huy những thắng lợi đạt được, lực lượng vũ trang liên tục tổ chức một loạt các trận đánh khác. Đơn vị Đặc công 506A san bằng cứ điểm Gò Su, Nghĩa Thắng (Tur Nghĩa), Tiểu đoàn 83 tập kích tiêu diệt trung đội dân vệ ở ấp Nhơn Lộc (Nghĩa Hành). Lực lượng vũ trang huyện Sơn Tịnh tiến công tiêu diệt Liên trung đội Dân vệ ở Tịnh Khê, Minh Quang (Tịnh Hòa). Lực lượng vũ trang và du kích Bình Sơn tiến công, phá rã nhiều “ấp chiến lược”,...

Được đôn quân sự hỗ trợ, quần chúng nổi dậy phá ấp, phá kìm rãm rộ; đặc biệt là phong trào “nhập thị” trong năm 1964, có hơn một triệu người tham gia đấu tranh nhập thị, tăng 10 lần so với năm 1963. Trong tháng 7/1964 có 4 cuộc nhập thị lớn vào thị xã Quảng Ngãi và 15 cuộc nhập thị vào các huyện lỵ với hơn 20 vạn người. Đức Phổ và Bình Sơn là hai huyện có phong trào mạnh nhất.

Nhân dân các thị trấn, thị xã tổ chức nhiều cuộc mít tinh, hội họp để phối hợp với các cuộc nhập thị của đồng bào nông thôn. Phong trào đấu tranh của học sinh các trường Trần Quốc Tuấn, Chấn Hưng, Bò Đề cũng dấy lên sôi nổi, đòi quyền tự do, dân chủ, quyền học hành, chống khủng bố, chống bắt lính. Ngày 5/5/1964, hơn một ngàn học sinh, thanh niên tổ chức biểu tình chống bắt lính và hưởng ứng phong trào đấu tranh của học sinh, sinh viên Huế. Cuộc đấu tranh của các tôn giáo, nhất là Phật giáo chống độc tài phát xít phản động, cấm đạo, đã tập hợp được nhiều người chung quanh Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, chống đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn.

Trong Kế hoạch bình định tỉnh Quảng Ngãi của Thanh niên tiên đạo gửi Chính phủ Sài Gòn vào tháng 3/1965, đánh giá tình hình an ninh Quảng Ngãi như sau:

Hiện Cộng sản (đội lốt giải phóng miền Nam) lũng đoạn và phá phách toàn tỉnh. Các quận miền núi, trên đường xe hỏa và nhất là quận Đức Phổ có thể nói được là Cộng sản làm chủ tình thế và nắm trọn quần chúng. Quân đội chính quy đến, Cộng sản biến mất vào dân chúng, quân đội đi, Cộng sản hiện ra tập hợp mitting v.v... [143, tr. 4].

Cùng với đấu tranh chính trị, công tác binh vận cũng đã tập trung đấu tranh làm phân hóa trong nội bộ và hàng ngũ địch. Việc đào rã ngũ trong binh lính địch từ lẻ tẻ đã phát triển đến những đơn vị tập thể. Trong năm 1964, ở Quảng Ngãi đã có 1.065 binh lính đào ngũ, 262 trung đội thanh niên dân vệ, biệt kích rã ngũ, 26 trung đội làm nội ứng và binh biến, mang 450 khẩu súng về nộp cho cách mạng. Trong công văn gửi các tỉnh trưởng các tỉnh, Thiếu tướng Nguyễn Chánh Thi - Tư lệnh Quân đoàn 1 kiêm Tư lệnh Vùng I Chiến thuật, có nội dung:

Tin tức cho biết có một số người, gồm cả công chức, binh sĩ, nhân viên thuộc cơ quan an ninh đã nhận tiền hối lộ của Việt cộng hoặc của kẻ trung gian để tiếp tay cho chúng trong tổ chức này tại các tỉnh nói trên. Việt cộng đưa rất nhiều quẻ xuống đồng bằng để bán và tìm mua quân dụng đưa về miền núi, nhất là các loại máy truyền tin dùng

cho bộ binh với bất cứ giá nào. Sự kiện trên chứng tỏ, trước tình thế hiện tại vẫn còn có một số người trong hàng ngũ ta ngang nhiên tiếp tay cho Việt cộng mà các cơ quan hữu trách đã không làm tròn trách nhiệm là ngăn chặn và phát giác kịp thời,... [137, tr. 1].

Cuộc nổi dậy ở nông thôn đồng bằng Quảng Ngãi lần thứ hai kéo dài đến hết năm 1964. Bằng sức mạnh của hai lực lượng chính trị và quân sự, đấu tranh bằng “hai chân, ba mũi” giáp công, quân và dân Quảng Ngãi đã liên tục tiến công, liên tục nổi dậy, gây cho địch nhiều tổn thất nặng nề. Trong đợt Đồng khởi này, quân dân Quảng Ngãi đã đánh hơn 894 trận, loại khỏi vòng chiến đấu 6.126 quân địch, thu 761 súng, phá hủy 60 xe quân sự, phá banh 232 “ấp chiến lược”, giải phóng 334.500 đồng bào khỏi ách kìm kẹp của Mỹ và chính quyền Sài Gòn.

Từ những trận đánh tiêu diệt từng tiểu đội, trung đội địch, trong đợt Đồng khởi này, lực lượng vũ trang tỉnh Quảng Ngãi tiến lên tiêu diệt đại đội địch là phổ biến. Từ những trận chống càn quét ở phạm vi một xã, ấp, đã phát triển thành những đợt dài ngày trên phạm vi một vài huyện. Phát huy sức mạnh tổng hợp của lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang địa phương, kết hợp giữa tiến công quân sự với nổi dậy của quần chúng trong “*Đồng khởi cuối 1964, quân dân Quảng Ngãi phá tan từng mảng lớn “ấp chiến lược” của địch*” [17, tr. 237].

Ở đồng bằng, vùng giải phóng được mở rộng và kéo dài từ vùng giáp ranh miền núi đến sát ven biển. Từ xã Bình Thạnh huyện Bình Sơn (giáp Quảng Nam) đến sông Trà Khúc, và từ Nam Sông Vệ đến đèo Bình Đê giáp Bình Định, từ Đông huyện Tư Nghĩa nối liền đến Đông Đức Phổ. Ta làm chủ 177 thôn với 278.569 dân.

Sau đợt tiến công và nổi dậy năm 1964, quân và dân Quảng Ngãi đã giải phóng và làm chủ nhiều vùng rộng lớn, giành lại gần một nửa số dân ở đồng bằng. Phong trào quần chúng phát triển mạnh mẽ. Hai lực lượng, ba thứ quân trong tỉnh đều được tăng cường cả về số lượng và chất lượng. Các lực lượng vũ trang tập trung qua một năm chiến đấu đã trưởng thành cả về chiến thuật và kỹ thuật. Lực lượng du kích, tự vệ phát triển nhanh chóng. Việc quán triệt và vận dụng phương châm kết

hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh quân sự đã đem lại nhiều thắng lợi quan trọng. Đặc biệt vai trò lực lượng vũ trang tập trung trong tiên công tiêu diệt địch và đánh tiêu hao, bao vây đồn bốt của du kích đã hỗ trợ mạnh mẽ cho quân chúng nổi dậy phát triển thành cao trào nổi dậy ở đồng bằng, làm thay đổi cục diện ở chiến trường có lợi cho ta [17, tr. 239].

Đến cuối năm 1964, một trận lụt lớn xảy ra làm thiệt hại nhiều sinh mạng và của cải ở cả miền núi và đồng bằng. Ở Quảng Ngãi, trận lụt đã làm cho 659 người chết, 48 người bị thương, 2.218 ngôi nhà bị trôi, 2.000 ngôi nhà bị sập, hàng trăm trâu bò bị chết, hàng ngàn công cụ bị mất, thiệt hại về lương thực, hoa màu toàn tỉnh khoảng 5.000 tấn. Nạn đói xảy ra ở một số nơi như Mỹ Huệ, Phú Lộc, Tiên Đào, Tân Phước (huyện Bình Sơn). Tình hình trên đã ảnh hưởng đến quá trình đồng khởi ở Quảng Ngãi. Mỹ và chính quyền Sài Gòn cho trận lụt này có giá trị như một cuộc phản công của nhiều sư đoàn vào phong trào yêu nước của nhân dân Quảng Ngãi.

2.2.3. Đồng khởi ở Bình Định

Mở đầu đợt “Đồng khởi Khu Đông” (5/7/1964 - 5/8/1964), Bộ Chỉ huy Tỉnh đội đã nghiên cứu kỹ tình hình địch trên địa bàn và quyết định chọn Càng Rang, Cát Thắng (Phù Cát) làm mục tiêu tiên công đầu tiên. Sở dĩ ta chọn Khu này vì phía Đông nối liền với núi Bà; phía Tây Bắc, Tây và Nam có con sông ôm lấy Càng Rang, phía ngoài là ruộng trồng trái, sinh lầy, có bờ tre bao bọc. Địa hình này vừa thuận lợi cho các lực lượng trụ lại đánh địch; vừa là nơi địch sơ hở, đó là điều kiện hết sức thuận lợi để ta có thể giành thắng lợi. Quyết tâm tiêu diệt địch ở Càng Rang, mở đầu phong trào Đồng khởi ở Khu Đông được Bộ Chỉ huy Tỉnh đội xác định và giao nhiệm vụ cho Đại đội 3 của Tiểu đoàn 50 thực hiện.

Đêm mùng 5 rạng ngày 6/7/1964, sau một thời gian ngắn chiến đấu, Đại đội 3 của Tiểu đoàn 50 đã diệt gọn một trung đội Dân vệ đóng giữ ở Càng Rang thu toàn bộ vũ khí, làm chủ chiến trường. Từ thắng lợi này, Tỉnh ủy Bình Định phát động hàng ngàn quần chúng ở Đông Nam Phù Cát, Đông An Nhơn, Tuy Phước nổi dậy phá “*áp chiến lược*”, truy bắt bộ máy chính quyền địa phương của

chế độ Sài Gòn, tạo nên một phản ứng dây chuyền lan khắp Khu Đông Bình Định. Với khí thế hùng hực, quần chúng xông thẳng vào trụ sở chính quyền xã, ấp, không chế và bắt sống bộ máy chính quyền tay sai. Cờ của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam phát phới tung bay khắp vùng; các đơn vị du kích địa phương nhanh chóng được thành lập để bảo vệ vùng ta mới giành được và hỗ trợ cho quần chúng tiếp tục nổi dậy.

Cùng với tiến công quân sự, lần đầu tiên ở Bình Định ta mở đợt tiến công chính trị và binh vận trên quy mô lớn toàn tỉnh nhằm vào các cấp ngụy quyền, dồn địch từ cấp xã lên đến cấp quận, tỉnh. Chỉ trong 2 tháng 7 và 8, toàn tỉnh Bình Định đã có 380 cuộc biểu tình thị uy với 9 vạn người tham gia. Chỉ riêng Quy Nhơn có tới 1,5 vạn người hưởng ứng.

Từ ngày 5/7/1964 đến ngày 5/8/1964, tại vùng trọng điểm (Đông Nam Phù Cát, Đông Bắc Tuy Phước), nhân dân nổi dậy phá dứt điểm các ấp chiến lược và bộ máy kẹp của địch; lần đầu tiên giải phóng một mảng liên hoàn ở vùng sâu sát biển dài 20 km, gồm 34 thôn với 90.000 dân. Tại Tuy Phước, lực lượng cách mạng giải phóng và làm chủ 22 thôn ở 5 xã Phước Thắng, Phước Lý, Phước Hòa, Phước Quang và Phước Hưng, trong đó giải phóng hoàn toàn 2 xã Phước Thắng, Phước Lý. Riêng vùng Đông Phù Cát, ta giải phóng 21 thôn của 3 xã Cát Thắng, Cát Chánh và Cát Khánh, trong đó Cát Chánh giải phóng 11 thôn.

Cùng với đòn tấn công bằng lực lượng vũ trang kết hợp quần chúng nổi dậy ở nông thôn, phong trào nhập thị và phong trào nổi dậy của quần chúng nhân dân các xã vùng ven Quy Nhơn cũng diễn ra quyết liệt, nổi bật là xã Phước Lý (nay là Nhơn Hội và Nhơn Lý). Tại đây, từ 6/7/1964 đến ngày 10/7/1964, lực lượng vũ trang địa phương liên tục tấn công lực lượng thanh niên chiến đấu canh giữ các ấp chiến lược ở Hội Lộ, Hưng Lương và Xương Lý, hỗ trợ cho nhân dân nổi dậy diệt ác phá kềm, giành quyền làm chủ thôn, xóm. Đây không những là cuộc biểu tình nhập thị đầu tiên ở tỉnh Bình Định, mà còn là cuộc biểu tình mở đầu phong trào đấu tranh nhập thị của đồng bào nông thôn đồng bằng của Liên Khu V lúc bấy giờ.

Kết quả đợt I “Đồng khởi Khu Đông”, lực lượng vũ trang và quần chúng nổi dậy đã giải phóng một vùng lớn nông thôn đồng bằng bao gồm 93 thôn ở 25 xã thuộc 6 huyện với 11 vạn dân, diệt 500 quân địch, làm tan rã 84 trung đội Dân vệ và Thanh niên chiến đấu, uy hiếp trực tiếp cơ quan đầu não nguy quyền ở thị xã Quy Nhơn. Tại khu vực trọng điểm Đông Nam Phù Cát và Đông Bắc Tuy Phước, nhân dân nổi dậy phá dứt điểm các ấp chiến lược và bộ máy kìm kẹp của địch tại đây. Lần đầu tiên kể từ đầu cuộc kháng chiến chống Mỹ, quân và dân Bình Định đã giải phóng và làm chủ một dải liên hoàn ở vùng sâu sát biển dài 20 km, với 43 thôn, 9 vạn dân.

Ở các vùng giải phóng, nhân dân bầu ra ban Tự quản xã, thôn; các đội du kích được thành lập, khẩn trương huấn luyện và cùng nhân dân xây dựng làng, xã chiến đấu, sẵn sàng đánh địch càn quét, bảo vệ vùng giải phóng; phát động quần chúng học tập các chủ trương, chính sách của Đảng và Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, nhất là chính sách đối với binh sĩ và tề nguy, huy động nhân dân đóng góp công sức xây dựng làng chiến đấu.

Có nhiều gương chiến đấu dũng cảm hy sinh, tiêu biểu như Vũ Bảo - thiếu niên thôn An Quang, xã Cát Khánh, huyện Phù Cát (tỉnh Bình Định), ngày 20/7/1964 dùng thuyền đưa cán bộ vượt đèo qua thôn Vĩnh Lợi, xã Mỹ Thành lánh càn, dưới làn đạn địch đã anh dũng hy sinh lúc mới 15 tuổi [51, tr.158].

Phát huy thắng lợi Đồng khởi Khu Đông đợt I, toàn Đảng bộ và các lực lượng vũ trang Bình Định đã thực hiện phong trào “hạ sơn”, (tức chuyển đại bộ phận xuống đồng bằng) bám dân để mở Đồng khởi Khu Đông đợt II (từ tháng 9 đến tháng 11/1964) tạo nên những thắng lợi nhảy vọt cuối năm 1964 đầu năm 1965.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Mặt trận Dân tộc Giải phóng tỉnh Bình Định, phong trào đấu tranh chính trị của các tầng lớp nhân dân trong các các vùng Mỹ - Chính quyền Sài Gòn còn tạm chiếm ngày càng phát triển dưới nhiều hình thức phong phú, thu hút hàng nghìn thanh niên, học sinh, sinh viên, trí thức tham gia. Các cuộc biểu dương của tuổi trẻ học đường như những ngòi nổ làm bùng dậy

nhieu cao trào đấu tranh rộng lớn, làm nghiêng ngả bộ máy chính quyền Sài Gòn. Từ tháng 7 đến tháng 8/1964, toàn tỉnh Bình Định có 368 cuộc mít tinh và biểu tình thị uy, với 90 ngàn lượt người tham gia. Tiêu biểu là cuộc đấu tranh của gần 1.000 dân biển xã Phước Lý được sự ủng hộ của hàng vạn quần chúng lao động và học sinh Quy Nhơn đã bao vây Tòa Tỉnh trưởng đòi cứu chữa người bị thương và bồi thường những thiệt hại về người và tài sản cho nhân dân 2 thôn Hưng Lương, Xương Lý bị địch đốt trong trận càn giữa tháng 7/1964, buộc Nguyễn Khánh từ Sài Gòn tức tốc bay ra Phước Lý và hứa giải quyết những yêu sách của nhân dân [51, tr.161].

Với khí thế tiên công, từ tháng 9 đến tháng 10/1964, bộ đội chủ lực phối hợp với lực lượng vũ trang địa phương Phù Mỹ, An Nhơn liên tục tấn công lực lượng dân vệ, hỗ trợ tích cực cho nhân dân nổi dậy cướp chính quyền địa phương. Tại Phú Hữu, Ân Tường (Hoài Ân), Mỹ Trinh (Phù Mỹ) đêm 12 rạng ngày 13/9/1964, Tiểu đoàn 93 Trung đoàn 2 cùng du kích và nhân dân đã nổi dậy tiến công lực lượng Dân vệ, Địa phương quân. Trong Đợt II của “Đồng khởi Khu Đông”, riêng Phù Mỹ đã giải phóng được 42 thôn của 15 xã (có 9 xã giải phóng hoàn toàn, với gần 8 vạn dân), tạo thành vùng giải phóng liên hoàn ở phía Đông Mỹ Thành đến Mỹ Đức dài hơn 40 km giáp với vùng làm chủ của ta ở huyện Hoài Nhơn.

Ở Tuy Phước, quần chúng nổi dậy giải phóng hoàn toàn 4 xã (Phước Thuận, Phước Hiệp, Phước Hưng, Phước Hải) và 25 thôn thuộc 6 xã khác (Phước Hòa, Phước Quang, Phước Hậu, Phước Nghĩa, Phước Thành, Phước An). Đặc biệt, lần đầu tiên 5 thôn ở sát nách trung tâm đầu não của địch ở thị xã Quy Nhơn (Hương Thạnh, Đông Định, Tây Định, Vân Hà, Nương Nông) đã được giải phóng.

Bên cạnh phong trào đấu tranh vũ trang, phong trào đấu tranh chính trị ở nông thôn và đô thị cũng diễn ra dòn dập, sôi sục không kém. Chỉ riêng ở Bồng Sơn (Hoài Nhơn) và Quy Nhơn đã có tới 5 cuộc biểu tình, nhân dân rầm rộ xuống đường chống Nguyễn Khánh độc tài với 25 vạn lượt người tham gia. Trong đó ngày 12/9/1964, có 1.500 học sinh Bồng Sơn, ngày 15/9 có 2.500 học sinh biểu tình thị

uy kéo từ Bồng Sơn ra Tam Quan. Từ ngày 20 đến 27/9 liên tiếp nổ ra 3 cuộc biểu tình lớn của học sinh cùng lúc, hàng ngàn đồng bào Quy Nhơn bao vây Đài phát thanh của chính quyền Sài Gòn tỉnh Bình Định. Cuộc đấu tranh diễn ra quyết liệt, tình hình hết sức căng thẳng, Nguyễn Khánh một lần nữa lại đích thân từ Sài Gòn bay ra Quy Nhơn huy động cả xe tăng và máy bay lên thẳng để đàn áp đẫm máu đồng bào tay không.

Tháng 11/1964, toàn tỉnh Bình Định nổ ra 99 cuộc biểu tình với 49.281 lượt người tham gia, trong đó có 17 cuộc biểu tình của đồng bào nông thôn “nhập quận” và 12 cuộc biểu tình “nhập tỉnh”. Biểu tình tại xã nhiều nhất là Hoài Nhơn, có 49 cuộc với 26.000 lượt người tham gia. Biểu tình “nhập quận” nhiều nhất là Phù Mỹ, tới 134 cuộc. Nhân dân Tuy Phước không những tham gia 11 cuộc biểu tình vào thị xã Quy Nhơn (trong số 12 cuộc) mà còn tổ chức nhiều cuộc biểu tình “nhập quận”. Đáng chú ý là cuộc đấu tranh của hơn 500 đồng bào Phước Hiệp khiêng cả người bị thương xông thẳng vào quận đường, đòi địch cứu chữa. Ngày 25/11/1964, 1.700 đồng bào các xã Phước Thắng, Phước Sơn, Phước Hòa, Phước Lý và Cát Chánh, Cát Thắng dùng 220 xuồng, thuyền tiến về Quy Nhơn đòi địch không được bắn pháo vào làng xóm. Địch phải huy động cả máy bay lên thẳng và hải thuyền để đối phó [102, tr. 57].

Phát huy thắng lợi của phong trào tiến công và nổi dậy, Đại hội đại biểu Đảng bộ Bình Định lần thứ VI tổ chức từ ngày 20 đến ngày 25/11/1964, nhận định: *“Thế địch đang trên đà suy sụp không thể cứu vãn với nhịp độ rất nhanh. Thế ta đang vươn lên mạnh mẽ...tiến hành khởi nghĩa giành toàn bộ nông thôn, tiến tới cướp chính quyền quận, tỉnh là điều có thể làm được”* [1, tr. 97 - 98]. Thực hiện chủ trương này, Tỉnh ủy hạ quyết tâm đến giữa năm 1965 giành quyền kiểm soát cho được 30 đến 50 vạn dân (trong đó có 2/3 dân làm chủ, bức rút và giải phóng vài huyện).

Tháng 12/1964, Bộ Tư lệnh Quân Khu V mở đợt hoạt động trên toàn chiến trường, trọng tâm là khu quận lỵ An Lão là huyện miền núi nằm ở phía Tây Bắc Bình Định. Tại đây, địch xây dựng cứ điểm quận lỵ An Lão, Cao điểm 193, đồi Mít, Hội Long, với 18 ấp chiến lược tạo thành một chi khu quân sự then chốt trong

hệ thống kim kẹp án ngự vùng giáp ranh và căn cứ miền núi của tỉnh. Sáng 7/12/1964, chủ lực quân khu cùng lực lượng vũ trang địa phương đồng loạt tiến công toàn bộ hệ thống cứ điểm gồm 11 chốt và 8 ấp trên tuyến giao thông dài 17 km, dọc tỉnh lộ từ Bồng Sơn lên An Lão. Đòn tiến công bất ngờ, táo bạo và quyết liệt này làm cho Bộ Chỉ huy Tiểu khu Bình Định và Sư đoàn 22 của quân đội Sài Gòn hốt hoảng phải bỏ dở kế hoạch càn quét dọc Đường 19, điều ngay 2 tiểu đoàn Cộng hòa, 1 Chi đội M113 và máy bay lên thẳng đến ứng cứu. Tuy nhiên, cả lực lượng đồn trú lẫn lực lượng giải tỏa đều không thể đương đầu với những đòn tấn công mãnh liệt của quân giải phóng, phải tháo chạy.

Chỉ trong 2 ngày (7 và 8/12/1964) trước cuộc tiến công quyết liệt, bất ngờ trên toàn tuyến, quân địch đã không kịp ứng cứu cho nhau. Ta loại khỏi vòng chiến đấu gần 700 tên địch, giải tán 13 trung đội Dân vệ, diệt 2 đại đội Bảo an, một trung đội Pháo binh cộng hòa, 1 Chi đội M113, thu 20 súng, 12 tấn đạn dược, bắn rơi một máy bay lên thẳng, giải phóng quận lỵ và toàn bộ thung lũng An Lão với hơn 11.000 dân. Phối hợp với tiến công quân sự, quân dân các huyện An Lão và Hoài Nhơn nổi dậy diệt ác, phá kẹp, phá dứt điểm 20 ấp chiến lược trong vùng, truy bắt 125 tên điệp. Chiến thắng An Lão đã đánh dấu bước trưởng thành của chủ lực Quân khu V và lực lượng vũ trang địa phương. Lần đầu tiên ở Liên khu V, bằng tiến công và nổi dậy ta giải phóng 1 huyện tiêu diệt 1 chi khu quận lỵ, phá vỡ một khu vực phòng thủ của địch ở tuyến giáp ranh phía bắc Bình Định [1, tr. 99 - 100].

Phối hợp chặt chẽ với đòn tiến công diệt Chi khu quận lỵ An Lão, trong tháng 12/1964 và tháng 1/1965, vượt qua những tổn thất và khó khăn của trận lụt lớn nhất (11/1964), các lực lượng vũ trang Bình Định dồn dập tiến công địch ở nhiều nơi.

Tại chợ Phú Đa (An Nhơn), đêm mùng 03/12/1964, bộ đội huyện An Nhơn, Tiểu đoàn 50 Đặc công tinh diệt gọn 4 trung đội Dân vệ, Bảo an, thu 100 súng. Ngày 9 và 10/12/1964, Tiểu đoàn 50 cùng bộ đội địa phương Phù Cát kiên cường bẻ gãy trận càn của 2 tiểu đoàn Cộng hòa tại Cát Thắng, loại khỏi vòng chiến đấu 103 quân địch, bức hàng 2 đại đội Bảo an và 2 trung đội Dân vệ ở Phú Hậu, cùng

với quân chúng nổi dậy giải phóng hoàn toàn xã Cát Chánh.

Ngày 19/12/1964, bộ đội địa phương Hoài Nhơn và Hoài Ân chặn đánh 2 tiểu đoàn Cộng hòa và 1 đại đội pháo binh trên đường rút quân, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 70 quân. Ngày 29/12/1964, Tiểu đoàn 50 cùng bộ đội huyện Phù Cát diệt, làm tan rã 8 trung đội Bảo an và Dân vệ, hỗ trợ nhân dân nổi dậy giải phóng xã cửa biển Cát Khánh. Lần đầu tiên trong kháng chiến chống Mỹ, quân dân Bình Định làm chủ 2 cửa biển có vai trò chiến lược quan trọng là An Dũ (Hoài Hương, Hoài Nhơn) và Đề Gi (Cát Khánh, Phù Cát).

Được đòn tiến công quân sự hỗ trợ mạnh mẽ, nhân dân nổi dậy phá hơn 50 ấp chiến lược, có 30 ấp bị phá banh, phá thế kìm kẹp hơn 100 thôn của 30 xã thuộc 7 huyện (Hoài Ân, Hoài Nhơn, Phù Mỹ, Phù Cát, An Nhơn, Bình Khê và Tuy Phước). Trong đó có 61 thôn giải phóng hoàn toàn, giải phóng dứt điểm 7 xã với hơn 60.000 dân.

Trong đợt “Đồng khởi Khu Đông” đợt II ở Bình Định nổi nhất là 2 huyện Hoài Nhơn và An Nhơn. Tại Hoài Nhơn, nhân dân giải phóng 21 thôn ở 10 xã, dứt điểm 2 xã Hoài Hảo và Hoài Hương. Ở An Nhơn, giải phóng 23 thôn của 5 xã, dứt điểm 2 xã Nhơn Phong và Nhơn Hạnh. Nhơn Hạnh có 11 thôn, thì 7 thôn (Xuân Mai, Thanh Mai, Lộc Thuận, Định Thiện, Bình An, Thanh Hòa Đông và Thanh Hòa Tây) phải giành giật với địch từ tháng 10/1964 đến cuối năm 1964 mới dứt điểm được. Phù Cát giải phóng 9 thôn, dứt điểm 2 xã Cát Chánh và Cát Khánh. Hoài Ân giải phóng 11 thôn ở 3 xã, dứt điểm xã Ân Hòa.

Cũng trong tháng 12/1964, tại Bình Định diễn ra 112 cuộc đấu tranh chính trị với gần 70.000 lượt người tham gia, trong đó có 111 cuộc biểu tình, 3 cuộc nhập quận Bồng Sơn và thị xã Quy Nhơn chống địch khủng bố, bắn pháo vào làng, đòi cứu trợ nhân dân những vùng bị bão lụt. Đặc biệt trong cuộc đấu tranh trực diện tại quận lỵ Bồng Sơn, hơn 500 đồng bào và gia đình binh sĩ địch ở thị trấn Tam Quan đòi địch phải thả những người Dân vệ theo cách mạng. Việc làm này được hầu hết các binh sĩ, nhân viên nguy quyền, đồng bào thị trấn Bồng Sơn đồng tình. Về vận động binh lính địch, riêng Hoài Nhơn có 121 binh sĩ đào rã ngũ về

với nhân dân và gia đình, mang theo 19 súng, trong đó có 1 trung đội nghĩa dũng ở Hoài Xuân, 47 dân vệ Hoài Thanh, 1 tiểu đội nghĩa quân Hoài Tân [1, tr.102].

Như vậy, trong Đồng khởi, quân và dân Bình Định đã vận dụng nhuần nhuyễn phương châm đấu tranh “3 mũi giáp công” (quân sự, chính trị, binh vận), ba vùng chiến lược (miền núi, đồng bằng, đô thị); phá áp chiến chiến lược, giành phần lớn vùng nông thôn đồng bằng.

2.2.4. Đồng khởi ở Phú Yên

Đầu tháng 7 năm 1964, Bộ Chỉ huy Phân khu Nam Phú Yên được thành lập và đề ra chủ trương: Đưa toàn bộ lực lượng địa phương tỉnh, huyện và du kích hoạt động mạnh, liên tục tấn công các huyện ở đồng bằng. Tập trung một bộ phận chủ lực đánh một số trận tiêu diệt để hỗ trợ phong trào nổi dậy của quần chúng và động viên khí thế lực lượng vũ trang giải phóng.

Ngày 14 tháng 7, tại huyện Tuy Hòa 1, du kích Hòa Hiệp kiên cường quần bám đánh thiệt hại nặng một đại đội Bảo an khi chúng càn vào thôn Phú Hiệp. Ba ngày sau, địch huy động 11 đại đội chia nhiều cánh càn vào xã Hòa Hiệp. Trung đội vũ trang miền Đông huyện và du kích Hòa Hiệp dựa vào làng chiến đấu, có hệ thống hầm, hào giao thông, các quyết chiến điểm, chiến đấu quyết liệt suốt 2 ngày. Hàng trăm nữ du kích dũng cảm bắt chập bom đạn, phi pháo ác liệt tiếp tế cho bộ đội, du kích và tải thương...Địch bị thiệt hại nặng nhưng vẫn không đánh bật được một trung đội vũ trang huyện và du kích Hòa Hiệp ra khỏi làng. Quân và dân Hòa Hiệp đã loại khỏi vòng chiến đấu 150 quân địch, thu 6 súng, 1 ống nhòm và nhiều chiến lợi phẩm, bắn rơi 1 máy bay trinh sát L19, bắn cháy 2 xe M113. Trên đà thắng lợi hùng hực khí thế tiến công, nhân dân nổi dậy phá toàn bộ các áp chiến lược từ Phú Hiệp đến Lò Ba, Phú Lạc.

Thực hiện chủ trương của Bộ Chỉ huy phân khu Nam, đêm 14 tháng 7 năm 1964, Đại đội Đặc công 202 cùng Tiểu đoàn 85 tập kích cứ điểm Phú Càn, xã An Thọ, huyện Tuy An, diệt Đại đội Bảo an 945 của địch và 1 trung đội Dân vệ, bắt 70 quân địch, thu toàn bộ vũ khí. Hơn 2000 nhân dân bị địch dồn vào áp chiến lược Phú Càn nổi dậy phá tan áp chiến lược trở về làng cũ làm ăn. Chiến thắng

Phú Cần làm rung chuyển cả hệ thống áp chiến lược trong tỉnh Phú Yên, lực lượng bảo an đóng trong các cứ điểm làm nhiệm vụ giữ áp chiến lược rất lo sợ bị ta tiến công tiêu diệt [18, tr. 234].

Ngày 15 tháng 7, nhân dân Huyện Tuy Hòa 1 đồng loạt vùng dậy diệt ác, giải tán dân vệ và thanh niên chiến đấu, phá banh hệ thống áp chiến lược, “các đội quân tóc dài” dũng cảm đón đầu các xe bọc thép, kết hợp đấu tranh lý lẽ cứng rắn với binh vận tuyên truyền, cản phá thành công các cuộc hành quân càn quét dồn dân lập ấp tân sinh của chính quyền Việt Nam Cộng hòa [116, tr. 209].

Ngày 17 tháng 8 năm 1964, trên 3.900 quân chúng ở Hòa Vinh, Hòa Xuân đã xuống đường đi “chợ nhồi” Đông Mỹ. Trong cuộc đấu tranh này, nhân dân đã đấu tranh giương cao những khẩu hiệu chính trị đòi Mỹ rút khỏi miền Nam Việt Nam, đòi lật đổ chính quyền tay sai Nguyễn Khánh.

Trong các cuộc đấu tranh chính trị với địch, chị em phụ nữ là lực lượng chủ yếu. Có cuộc đấu tranh chính trị đã bị địch huy động cảnh sát, quân đội đến đàn áp tàn nhẫn. Chúng bắt chị em đánh đập, phơi nắng, không cho uống nước, xé quần áo, làm nhục chị em. Chúng không ngần ngại xả súng bắn vào chị em đi đấu tranh chính trị chỉ có tay không. Nhưng lòng căm thù Mỹ - chính quyền Sài Gòn, lòng thiết tha với độc lập, tự do hàng trăm, hàng ngàn chị em phụ nữ Phú Yên sẵn sàng xông vào cuộc đấu tranh một mất một còn với địch. gương chị Đào Thị Thu quê ở xã Hòa Thắng, huyện Tuy Hòa 2, cầm cờ Mặt trận dẫn đầu hơn 1000 chị em kéo vào thị xã đấu tranh, đã bị địch dùng quân đội đàn áp, bắn chết chị ngay tại đầu cầu Ông Chừ. [18, tr.236]

Ngày 19 tháng 8 năm 1964, Đại đội 377 cùng cùng du kích địa phương phục kích một đại đội địch càn vào thôn Cảnh Tịnh, xã Hòa Thịnh, tiêu diệt hàng chục lính. Địch đưa 8 xe M113 đến tiếp viện. Chúng định băng qua Mỹ Điền lên Mỹ Lâm để đánh bọc hậu ở Cảnh Tịnh, nhưng đoàn xe của địch đã bị lực lượng đấu tranh chính trị đông đảo của xã Hòa Thịnh xông ra chặn lại. Cuộc đấu tranh diễn ra rất quyết liệt bất chấp đại liên trên M113 bắn rát trên đầu, chị em vẫn dũng

cảm xông thẳng dàn hàng ngang trước đầu xe. Quân địch xô đẩy đe dọa, nhưng chị em vẫn nắm xuống kiên quyết cản đầu xe lại. Địch lùi xe định tiến theo hướng khác, nhưng lập tức bị lực lượng dự bị xông ra tiếp sức chặn lại. Tám chiếc xe M113 của địch buộc phải rút lui. Đại đội địch ở Cảnh Thịnh bị thiệt hại nặng và không có quân tiếp viện phải tháo chạy. Chiến thắng Cảnh Thịnh là trận hiệp đồng chiến đấu tiêu biểu giữa lực lượng vũ trang và lực lượng đấu tranh chính trị, kết hợp tiến công của lực lượng vũ trang và nổi dậy của quần chúng [18, tr. 237].

Cuối tháng 8 đầu tháng 9/1964, nhân dân các xã Hòa Đồng, Hòa Mỹ, Hòa Tân, Hòa Thịnh (huyện Tuy Hòa 1) đã tổ chức hàng chục cuộc đấu tranh gây cho địch nhiều tổn thất to lớn. Đến cuối tháng 8/1964, tại ba xã Hòa Đồng, Hòa Mỹ, Hòa Thịnh đã có 28 lần quần chúng xuống đường chặn xe bọc thép của địch đi càn quét. Nhiều cuộc biểu tình của quần chúng trên 5000 người ở Sông Cầu, Xuân Thọ vào ngày 29/9/1964. Cuộc biểu tình 10 ngàn người ở 7 xã thuộc huyện Tuy Hòa 1 ngày 5/10/1964 đến quận lỵ Phú Lâm. Ngày 12/11/1964, 11.000 đồng bào xã Xuân Thọ, Xuân Thịnh, Xuân Cảnh kéo đến đấu tranh trực diện với nguy quyền huyện Sông Cầu. Quân địch tại đây hoảng sợ bỏ chạy, ta giải phóng hầu hết các xã này, địch chỉ còn co cụm tại thị trấn Sông Cầu. Ngày 21/11/1964, đồng bào 8 xã: An Thạch, An Ninh, An Chân, An Cư, An Dan, An Định, An Nghiệp, An Hòa thuộc huyện Tuy An kéo đến quận lỵ Tuy An buộc Quận trưởng giải quyết yêu sách. Làn sóng đấu tranh chính trị ngày càng cao, tổ chức lãnh đạo đấu tranh chặt chẽ. Địch dùng mọi biện pháp ngăn chặn, khủng bố. “Đội quân tóc dài” vẫn không nao núng, buộc địch phải: nạo vét mương đập, thừa nhận cho quần chúng đi lại buôn bán giữa vùng địch kiểm soát với vùng giải phóng, không được sử dụng xe bọc thép phá hoa màu... [9, tr. 93].

Song song với đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị, Đảng bộ tỉnh Phú Yên quan tâm chỉ đạo công tác binh địch vận; xây dựng được nhiều cơ sở trong hàng ngũ binh lính địch. Nhiều người tỏ thái độ chống đối chỉ huy đầu sỏ, không chấp hành lệnh hành quân càn quét, cướp phá tài sản của nhân dân, đòi giải ngũ và bỏ ngũ... Nhiều gia đình đến tận Quy Nhơn, Buôn Ma Thuật, Nha Trang để đòi

chồng. Tháng 10/1964, Trung đội dân vệ xã An Hải và 1 huấn luyện viên mang 27 súng ra vùng giải phóng. Ở xã Hòa Kiến, 1 tiểu đội Bảo an phản chiến diệt chỉ huy ác ôn rồi bỏ ngũ. Ở xã Hòa Thịnh, Dân vệ mạng súng trung liên, súng tam - xông giao nộp cho cách mạng.

Năm 1964, dưới sức ép của đấu tranh vũ trang, kết hợp đấu tranh chính trị, binh vận, số binh lính Sài Gòn tại Phú Yên đào ngũ lên đến 1500, tăng hơn 14 lần so với năm 1963, nổi nhất là huyện Tuy An và huyện Tuy Hòa 1. Bằng sức mạnh Đồng khởi, năm 1964 quân dân tỉnh Phú Yên phá banh hàng loạt ấp chiến lược, nhổ các khu đồn dân: Mùa Cua (xã Xuân Thọ), Thịnh Đức (xã Xuân Quang), Phú Cần (xã An Thọ), Hòn Kén (xã Hòa Phong), Núi Miếu (xã Hòa Quang), Sơn Triều (xã Hòa Trị)...

Đạt được những kết quả trên là nhờ có sự chỉ đạo thống nhất chặt chẽ, quán triệt tinh thần đấu tranh phối hợp sát sao “3 mũi giáp công”, 2 chân đấu tranh chính trị, vũ trang trên 3 vùng chiến lược; biết nắm chắc tình hình, sử dụng linh hoạt các lực lượng để tạo thế, tạo lực, tạo thời cơ, có nơi dùng lực lượng vũ trang, có nơi dùng lực lượng đấu tranh chính trị ... để phá ấp, phá khu đồn.

Năm 1963 tỉnh Phú Yên giải phóng được 55 thôn trên 4,5 vạn dân, thì năm 1964 vùng giải phóng đồng bằng đã lên đến 169 thôn và 87 buôn, 16 xã đồng bằng, 17 xã miền núi gồm 14 vạn trong tổng số 36 vạn dân toàn tỉnh.

Cuối năm 1964, tỉnh Phú Yên bị trận lụt lớn. Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân cách mạng đã xuất kho: 16 tấn gạo, 19 tấn bắp, 340 bộ quần áo, 2.200 m vải, 2 tấn muối và 500.000 đồng đồng để cứu tế đồng bào vùng giải phóng bị lụt.

Các ủy ban mặt trận, chính quyền cách mạng, các đoàn thể quần chúng từ huyện xuống xã, thôn đều được củng cố và tăng cường. Trên 6.000 hội viên Nông hội chiếm 15% dân số vùng làm chủ, 1690 đoàn viên Thanh niên trong đó có 1030 đoàn viên nhập ngũ, 9000 hội viên phụ nữ, 300 mẹ chiến sĩ, 922 đoàn viên công đoàn.

Tiểu kết chương 2

Địa bàn Nam - Ngãi - Bình - Phú có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng. Trong kháng chiến chống Mỹ, đây là địa bàn tranh chấp quyết liệt giữa ta và địch. Nhân dân trên địa bàn có truyền thống đấu tranh cách mạng kiên cường, bất khuất, là nơi đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến. Từ cuối năm 1960, hình thức thống trị bằng chính quyền tay sai độc tài phát xít Ngô Đình Diệm bị thất bại, đế quốc Mỹ thay đổi chiến lược, chuyển sang dùng “chiến tranh đặc biệt” (1961-1965) để đối phó với cách mạng miền Nam, chiếm lại địa bàn và vùng dân cư đã mất, triển khai lập “Áp chiến lược”, thực hiện kèm kẹp, đàn áp nhân dân, làm cho nhân dân rơi vào tình cảnh mất quyền tự do đi lại, làm ăn, sinh sống. Trong bối cảnh đó, Đảng Lao động Việt Nam đã đề ra chủ trương đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Mỹ, từng bước làm phá sản Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ. Trên địa bàn Nam Trung Bộ, đến giữa năm 1964, quá trình phát triển thế và lực của cuộc kháng chiến chống Mỹ đã hội đủ các điều kiện và mở ra cơ hội để bùng nổ “phong trào Đồng khởi” ở hầu khắp các địa phương, trong đó trọng điểm là vùng nông thôn, đồng bằng các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú theo phương châm “hai chân”, “ba mũi”.

Đồng khởi ở nông thôn đồng bằng các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên đã bùng lên từ giữa năm 1964. Phá áp chiến lược đã trở thành phong trào khởi nghĩa sôi sục của quần chúng với quy mô ngày càng lớn và hành động ngày càng quyết liệt. Hàng loạt bộ máy chính quyền cơ sở của chế độ Sài Gòn ở vùng nông thôn đồng bằng bị tiêu diệt, chính quyền nhân dân được thành lập. Hàng trăm “áp chiến lược” biến thành thôn, xã chiến đấu, chiến tranh du kích phát triển mạnh. Hàng trăm áp chiến lược bị phá sạch, phá banh, bung dân về làng cũ tạo thành những mảng giải phóng liên hoàn, có nhiều mảng sát vùng thị xã, dọc Quốc lộ 1 và 19.

Đồng khởi ở Nam - Ngãi - Bình - Phú diễn ra rộng khắp với rất nhiều hình thức phong phú. Nhân dân các ấp, các làng liên tục phá ấp, phá rào, đốt trụ sở hành

chính của chính quyền Sài Gòn ở thôn, xã, rồi kéo nhau về làng cũ xây dựng lại thôn, làng, sản xuất và chống, đánh địch. Tuy nhiên, trận lụt cuối năm 1964 đã cướp đi nhiều sinh mạng cũng như của cải, vật chất của nhân dân các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú đã ảnh hưởng không nhỏ đến phong trào Đồng khởi ở Nam - Ngãi - Bình - Phú những tháng cuối năm 1964.

Phong trào Đồng khởi ở địa bàn 4 tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú nửa sau năm 1964 là một thành tố quan trọng trong tổng thể các hoạt động đấu tranh chính trị, quân sự, góp phần mang lại vùng giải phóng rộng lớn ở địa bàn nông thôn đồng bằng, làm tiền đề để tiếp tục đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Mỹ phát triển sang một giai đoạn cao hơn.

Chương 3

PHONG TRÀO ĐỒNG KHỞI Ở NÔNG THÔN ĐỒNG BẰNG CÁC TỈNH QUẢNG NAM, QUẢNG NGÃI, BÌNH ĐỊNH, PHÚ YÊN TRONG NỬA ĐẦU NĂM 1965

3.1. TÌNH HÌNH MỚI Ở CÁC TỈNH QUẢNG NAM, QUẢNG NGÃI, BÌNH ĐỊNH, PHÚ YÊN TRONG NỬA ĐẦU NĂM 1965

3.1.1. Âm mưu, thủ đoạn mới của Mỹ và Chính quyền Sài Gòn

Sau đợt Đồng khởi cuối năm 1964, quân và dân các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú đã giải phóng thêm nhiều vùng rộng lớn, giành lại gần nửa số dân ở đồng bằng. Phong trào quần chúng phát triển mạnh mẽ. Cả hai lực lượng và ba thứ quân đều được tăng cường cả về số lượng và chất lượng. Việc nắm và vận dụng phương châm kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị đã thông suốt từ trên xuống dưới. Đặc biệt bước đầu đã phát huy được vai trò của quân chủ lực trong việc đánh tiêu diệt, đánh bại chiến thuật mới của địch, kết hợp với đánh tiêu diệt nhỏ của bộ đội địa phương và đánh tiêu hao rộng của du kích, tự vệ.

Với thắng lợi của phong trào Đồng khởi, đế quốc Mỹ càng nhận rõ chúng có thể thất bại hoàn toàn nếu không thay đổi chính sách cho đến cả thay đổi chiến lược của chúng tại các địa bàn này. Mỹ và chính quyền Sài Gòn đã vạch ra hàng loạt những âm mưu và thủ đoạn mới. Chúng vừa tăng quân viễn chinh Mỹ và quân đồng minh, tăng các loại vũ khí hiện đại cùng nhiều thứ viện trợ khác vào các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú; vừa mở rộng các hoạt động đánh phá nhằm trực tiếp cứu vãn tình thế. Từ tháng 2 đến tháng 4 năm 1965, địch cố gắng mở ba cuộc càn quét lớn nhằm giải tỏa sức ép. Ngày 17/2/1965, chúng đưa hai sư đoàn chủ lực ngụy càn vào khu Đồng Dương (Thăng Bình) nhưng thất bại.

Quân chủ lực Sài Gòn, xương sống của “Chiến tranh đặc biệt” đã sa vào tình thế quân số thiếu hụt nhiều, tinh thần binh lính xuống dốc mạnh, sức chiến đấu giảm sút nhanh, lực lượng phân tán trên diện phòng thủ quá rộng; hậu phương của địch còn lại tiếp tục không ổn định. Ở đây sự hỗn loạn về kinh tế và xã hội đang diễn ra

trầm trọng với tình trạng khan hiếm thực phẩm, dầu cơ tích trữ, lạm phát, giá cả sinh hoạt cao, thất nghiệp đói kém...[95, tr.1-2].

Phương châm chiến lược của Mỹ và chính quyền Sài Gòn là vẫn duy trì “Chiến tranh đặc biệt” nhưng phát triển ở mức độ cao. Mục đích của kế hoạch là trước mắt tranh thủ mùa khô đánh phá kế hoạch chuẩn bị đánh lớn của ta qua đó duy trì tình hình, tạo thế mạnh để tìm giải pháp chính trị; nếu không thành thì tiếp tục chiến tranh ở mức độ ít nguy hiểm hơn trước. Kế hoạch chia làm ba bước:

Bước một: chủ trương ổn định tình hình chính trị, tăng quân đội Sài Gòn lên 16 vạn, lập thêm một sư đoàn mới; tăng viện trợ từ 10 - 15%; mở chiến dịch đánh phá hành lang của quân giải phóng ở Lào (bước một kết thúc chậm nhất là tháng 5/1965).

Bước hai: bắt đầu từ tháng 5 năm 1965 trở đi, vừa tấn công toàn diện ở miền Nam vừa ném bom mức độ cao ở miền Bắc; đồng thời vừa phá hành lang của đối phương ở Lào.

Bước ba: trên cơ sở thắng lợi, giành thế mạnh đặt vấn đề thương lượng.

Thực hiện âm mưu trên, quân đội Sài Gòn tìm đủ mọi cách đôn quân bắt lính, tổ chức càn quét vào một số vùng mới do quân giải phóng làm chủ. Như ở Phú Yên, chúng dùng máy bay oanh tạc triệt hạ xóm làng, rải quân chốt giữ các trục đường số 5, số 6; sửa chữa lại một số cầu, đường bị ta đánh hỏng; liên tiếp gây ra các vụ thảm sát man rợ ở xã Hòa Hiệp, huyện Đông Hòa (từ tháng 1 đến tháng 2/1965). Ở An Hải, An Ninh, An Định (huyện Tuy An), địch liên tiếp bắn hàng ngàn quả pháo trên các trục hành lang từ vùng giải phóng xuống vùng địch kiểm soát và xung quanh các vùng phụ cận thị trấn, chi khu vì sợ bị đối phương tấn công. Những trận càn quét đã gây cho nhân dân địa phương nhiều thiệt hại: 940 người bị chết, hàng ngàn người bị dồn vào các ấp ngoại vi thị trấn, chi khu; 500 người bị thương, 10.000 người sợ chiến tranh ác liệt tạm bỏ quê hương chạy vào vùng địch.

Tuy vậy, ngay trong những tháng đầu năm 1965, Mỹ và chính quyền Sài Gòn đã bị thất bại dồn dập, chính quyền Sài Gòn đứng trước nguy cơ sụp đổ, cho

nên tháng 3/1965, Johnson và Taylor bổ sung một số chủ trương mới vào kế hoạch cũ và đẩy cuộc “Chiến tranh đặc biệt” lên một mức độ cao hơn nữa. Đó là:

- Đưa quân chiến đấu Mỹ vào đóng chốt ở điểm chiến lược và các thành phố quan trọng, bắt đầu đưa một bộ phận lực lượng quân Mỹ - Úc tham gia càn quét với quân đội Sài Gòn.

- Tiến hành chính sách leo thang trong chiến tranh phá hoại miền Bắc.

- Xúc tiến việc quốc tế hóa vấn đề Việt Nam; đồng thời đưa ra giải pháp chính trị “thương lượng hòa bình” để lừa bịp dư luận, che dấu bộ mặt xâm lược trắng trợn của Mỹ, thăm dò ý đồ đối phương.

- Ổn định quân đội và chính quyền Sài Gòn.

- Tranh thủ mùa khô hoạt động mạnh về mọi mặt để tình hình không xấu đi, phá kế hoạch đánh lớn của đối phương trong mùa mưa, trên cơ sở đó tiến lên giành quyền chủ động để phá kế hoạch năm 1965 của quân giải phóng [38, tr.5].

Thực hiện âm mưu này, ngày 23/4/1965, địch huy động 7 tiểu đoàn thuộc lực lượng dự bị đến hành quân giải tỏa vùng Cao Lao nhằm nối lại trục đường Tam Kỳ - Tiên Phước, nhưng chúng bị các lực lượng vũ trang tại chỗ đánh cho thiệt hại nặng phải tháo lui.

3.1.2. Chủ trương đối phó với tình hình mới của Đảng

Việc Mỹ đưa quân vào miền Nam trực tiếp chiến đấu và tiến hành chiến tranh phá hoại ra miền Bắc đã đặt dân tộc Việt Nam đứng trước một cuộc đùng đầu lịch sử mới, một thử thách nghiêm trọng. Để đối phó với tình hình mới, tháng 3/1965, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 11 nhận định: “*Dù Chiến tranh đặc biệt của đế quốc Mỹ bị thất bại, nhưng chúng không dễ dàng chấp nhận, trái lại chúng rất ngoan cố, chúng vẫn đẩy Chiến tranh đặc biệt ở miền Nam tới mức độ cao. Trong đó bao gồm cả yếu tố của “chiến tranh cục bộ”, chiến tranh vượt khỏi phạm vi miền Nam đến miền Bắc*” [40, tr. 104].

Trên cơ sở này, Ban Chấp hành Trung ương Đảng chủ trương: “... *Cần ra sức xây dựng tư tưởng, ý chí quyết chiến, quyết thắng đế quốc và tay sai; sẵn sàng chiến đấu và công tác bất kỳ nơi đâu khi Đảng cần; sẵn sàng đánh bại bất cứ loại*

chiến tranh nào của địch, khắc phục mọi khó khăn, gian khổ, xây dựng tinh thần tự lực cánh sinh cao, chống chủ quan khinh địch...” [118, tr. 89].

Đầu năm 1965, Khu ủy, Quân Khu ủy và Bộ Tư lệnh Quân khu V chủ trương mở đợt hoạt động Xuân 1965 nhằm tiêu diệt, tiêu hao, làm tan rã một bộ phận quan trọng của chính quyền và quân đội Sài Gòn, phát triển cao trào nổi dậy ở đồng bằng, phá phần lớn “áp chiến lược”, giành lại hầu hết địa bàn nông thôn, đồng bằng.

Để đưa phong trào cách mạng các tỉnh tiếp tục phát triển, ở Quảng Nam và Quảng Đà, Tỉnh ủy triển khai nghị quyết của Đại hội Đảng bộ Quảng Nam và Đảng bộ Quảng Đà tổ chức vào tháng 12/1964. Việc triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng bộ hai tỉnh đồng thời với triển khai thực hiện chủ trương của Khu ủy 5 mở chiến dịch Xuân 1965 lấy tên “Chiến dịch Nguyễn Văn Trỗi” trên chiến trường toàn Khu V. Quảng Nam là trọng điểm của chiến dịch này, do đó, Khu V tăng cường cho Quảng Nam một trung đoàn chủ lực. Theo kế hoạch, chiến dịch tiến công địch bằng sức mạnh tổng hợp vũ trang, chính trị và binh vận; phối hợp chặt chẽ giữa bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích; giữa tiến công quân sự và nổi dậy của quần chúng tại chỗ; phối hợp chặt chẽ giữa hai tỉnh Quảng Nam và Quảng Đà.

Tại Quảng Ngãi, tháng 01/1965, Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ II hạ quyết tâm: *“Giải phóng toàn bộ nông thôn (cả đồng bằng và miền núi), bao vây thị xã và thị trấn, tiến tới giải phóng toàn tỉnh, xây dựng Quảng Ngãi thành một hậu phương vững chắc” [11, tr. 27]*

Đại hội Đảng bộ tỉnh Phú Yên từ ngày 8 - 14/01/1965, cũng chủ trương:

“... bám đất, bám dân liên tục tiến công địch giữ vững vùng giải phóng. Phát động quần chúng khởi nghĩa, phá dứt điểm, phá sạch hai phần ba số áp chiến lược còn lại và giải phóng cho được hai phần ba số dân toàn tỉnh, giành lại hầu hết nông thôn đồng bằng và các vùng địch còn kiểm soát ở miền Tây, phá lỏng kẹp ở thị trấn, thị xã và giải phóng một số cứ điểm quận lỵ” [9, tr. 102].

Tiếp đó, Hội nghị Tỉnh ủy Bình Định mở rộng từ ngày 8 đến 11/3/1965, chủ trương: “*Khẩn trương, tranh thủ thuận lợi tấn công địch liên tục dồn dập và mạnh mẽ cả 3 mặt: quân sự, chính trị, binh vận ở đều khắp các vùng nông thôn, miền núi và thị trấn, thị xã với quyết tâm cao, trên một quy mô lớn để tiêu hao tiêu diệt thật nhiều hơn nữa sinh lực địch, nhằm giải phóng toàn bộ nông thôn đồng bằng và thị trấn, quận lỵ...*” [94, tr. 4].

Nhìn chung, trước sự phát triển nhanh chóng của tình hình mới, Đảng bộ các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú đều chủ trương tiếp tục mở một đợt hoạt động nữa để giành quyền làm chủ hầu hết địa bàn nông thôn đồng bằng. Chủ trương này hoàn toàn phù hợp với chỉ đạo của Khu ủy 5 và phù hợp với tình hình thực tế trên địa bàn.

3.2. DIỄN BIẾN ĐỒNG KHỞI Ở NÔNG THÔN ĐỒNG BẰNG CÁC TỈNH QUẢNG NAM, QUẢNG NGÃI, BÌNH ĐỊNH, PHÚ YÊN TRONG NỬA ĐẦU NĂM 1965

3.2.1. Đồng khởi ở Quảng Nam

Trong lúc nội bộ chính quyền Sài Gòn đang lâm vào tình trạng khu4ng hoảng, thực hiện chủ trương của Khu ủy V và Tỉnh ủy, Tỉnh đội Quảng Nam mở chiến dịch mang tên Nguyễn Văn Trỗi nhằm tiêu diệt sinh lực địch, giành quyền làm chủ nông thôn đồng bằng, thu hẹp hơn nữa vùng kiểm soát của chính quyền Sài Gòn, hỗ trợ cho đấu tranh chính trị, binh vận ở các thị xã, thị trấn phát triển mạnh mẽ, đẩy đối phương tiếp tục rơi vào khủng hoảng trầm trọng hơn.

Ngày 7/2/1965, lực lượng vũ trang Quảng Nam tấn công cứ điểm Việt An nằm ở phía Tây huyện Thăng Bình, bứt rút hàng loạt các đồn bót của quân đội Sài Gòn ở dọc Đường 16, hỗ trợ cho nhân dân địa phương đồng loạt nổi dậy giải phóng 5 xã: Bình Lãnh, Bình Quế, Bình Sơn, Bình Lâm, Bình Định.

Tại miền Tây huyện Quế Sơn, bộ đội chủ lực Khu V tấn công tiêu diệt 10 trung đội nghĩa quân, dân vệ, hỗ trợ nhân dân nổi dậy giải phóng các xã Sơn Thọ, Sơn Phúc, Sơn Thượng gây cho địch hoang mang, tan rã. Chớp thời cơ, lực lượng tại chỗ của huyện và cơ sở phát động quần chúng trong huyện nổi dậy giải phóng

liên tiếp các xã Sơn Khánh, Sơn Lãn, Sơn Long, Sơn Thạch, Sơn Lộc, Sơn Thắng, Sơn Châu, Sơn Hòa, Sơn Tây, Sơn Tú. Vùng giải phóng ở Quê Sơn được nối liền từ Tây sang Đông huyện với 22/29 xã.

Tại Tam Kỳ, bộ đội chủ lực diệt đồn Chà Vu, bứt rút đồn Đá Nẻ hỗ trợ và phối hợp với quần chúng nổi dậy giải phóng các xã Kỳ Phước, Kỳ An, Kỳ Thịnh, Kỳ Nghĩa, Kỳ Xuân, Kỳ Hòa. Tính đến cuối tháng 2/1965, tại Nam Tam Kỳ, ta đã giải phóng hoàn toàn 4/12 xã; tại Bắc Tam Kỳ giải phóng được 7/12 xã. Ở huyện Tiên Phước, quần chúng đã nổi dậy giải phóng 13 xã, địch chỉ còn kiểm soát 4 xã ở xung quanh quận lỵ Hậu Đức là Tiên Kỳ, Tiên Mỹ, Tiên Cảnh, Tiên Châu.

Phối hợp với chiến trường chính của lực lượng chủ lực ở Quảng Nam, ngay từ ngày 5/2/1965, lực lượng chủ lực tỉnh Quảng Đà mở cuộc tiến công vào Xuyên Lộc xóa sổ 1 đại đội Bảo an, 7 trung đội Dân vệ, hỗ trợ quần chúng nổi dậy giải phóng các xã Xuyên Lộc, Xuyên Khương và khu Tây huyện Duy Xuyên. Tiêu biểu là ngày 27/5/1965, Tiểu đoàn I (R20) của tỉnh phục kích địch ở làng Vân Quật (xã Xuyên Tân), tiêu diệt 2 đại đội lính bảo an đang triển khai đàn áp quần chúng nổi dậy. Tính đến giữa năm 1965, huyện Duy Xuyên có 18/19 xã với 96.000 dân được giải phóng.

Cùng với lực lượng chủ lực tỉnh, lực lượng vũ trang huyện Điện Bàn phối hợp với các cuộc nổi dậy của nhân dân giải phóng các xã Điện Chính, Điện Nhơn, Điện Phong, Điện Tân, giành quyền làm chủ các xã Điện Phương, Điện Minh, diệt đồn La Thọ, Bầu Sáu. Tính đến tháng 3/1965, được sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang, quần chúng đã nổi dậy giành quyền làm chủ tại 29 xã.

Tại huyện Đại Lộc, lực lượng vũ trang huyện hỗ trợ nhân dân 8 xã Lộc Vĩnh, Lộc Thành, Lộc Sơn, Lộc Hòa, Lộc Quý, Lộc Phước, Lộc Tân, Lộc Quang đồng loạt nổi dậy giải phóng với khoảng 80.000 dân. Tại đây, chính quyền Sài Gòn chỉ còn kiểm soát được một số vùng xung quanh Thượng Đức, chi khu Hoán Mỹ, quận lỵ Đại Lộc.

Tại Hòa Vang, đầu năm 1965, toàn huyện có 17 xã trong số 25 xã, 86 thôn

trong tổng số 98 thôn với trên 55 ngàn dân trong tổng số 80 ngàn dân hoàn toàn được giải phóng; 19 thôn khác với 17 ngàn dân nằm trong vùng tranh chấp. Tại đây, chính quyền Sài Gòn chỉ còn kiểm soát được các xã Hòa Minh, Hòa Phát, Hòa Thắng, Hòa Thọ, Hòa Thanh và các thị trấn Cẩm Lệ, Lam Ô, Túy Loan.

Sau phong trào nổi dậy giành quyền làm chủ Xuân 1965, đại bộ phận nông thôn đồng bằng tỉnh Quảng Nam được giải phóng, bao gồm 80 xã với 400 ngàn dân. Quân đội Sài Gòn chỉ còn đóng tập trung ở Đà Nẵng, Hội An, các quận lỵ, cứ điểm dọc Quốc lộ I và một số cứ điểm trên các trục giao thông. Tổng kết chiến dịch Xuân 1965, Bộ Tư lệnh Quân khu V nhận xét: Quảng Đà là một tỉnh lực lượng vũ trang còn ít, không có lực lượng hỗ trợ trực tiếp của quân chủ lực Quân Khu V, nhưng đã biết phát động quần chúng nổi dậy với khí thế long trời lở đất, nên đã căn bản giải phóng được một địa bàn nông thôn đồng bằng rộng lớn. Như vậy, ở tất cả các huyện nông thôn đồng bằng và ven thị xã của hai tỉnh Quảng Nam và Đà Nẵng đều bùng nổ Đồng khởi và đều thu được kết quả tốt. Sau Xuân 1965, đã giải phóng được 134 xã và một số thôn với trên 700.000 dân.

Song song với phong trào Đồng khởi nổ ra ở nông thôn Quảng Nam, phong trào đô thị ở Quảng Nam cũng phát triển rất mạnh đã tác động cộng hưởng đến phong trào Đồng khởi ở nông thôn. Tại Hội An, công nhân xe khách đình công, tiểu thương bãi thị để ủng hộ phong trào. Tích cực nhất là lực lượng học sinh, thanh niên ở Hội An và Tam Kỳ tham gia vận động, kêu gọi kéo dài cuộc đấu tranh trong toàn đô thị để nhằm phối hợp với phong trào Đồng khởi ở nông thôn, làm cho phong trào sôi động hơn.

Trong quá trình Đồng khởi, hầu hết ở 2 tỉnh đều biết kết hợp khéo léo và hiệu quả đấu tranh chính trị và binh vận với đấu tranh vũ trang để tiến công địch. Ở tỉnh Quảng Nam có hàng trăm cuộc đấu tranh chính trị, trong đó có 4 cuộc từ 500 đến 2.000 người tham gia. Ở tỉnh Quảng Đà có 198 cuộc đấu tranh chính trị với 73.600 lượt người tham gia, trong đó có 5 cuộc từ 3.000 người trở lên tham gia. Đấu tranh chính trị phát triển rất cao, trở thành bạo lực của quần chúng nổi dậy vũ trang diệt ác, phá kìm, phá áp chiến lược giành chính quyền xã thôn. Công

tác binh vận cũng trở thành mũi tiến công địch lợi hại, trực tiếp, làm tan rã hàng trăm trung đội dân vệ.

Cả ba mũi đấu tranh (vũ trang, chính trị, binh vận) ở cả ba vùng chiến lược (nông thôn, miền núi, đô thị) đều tiến công địch, hỗ trợ cho nhau phát triển, tạo sức mạnh tổng hợp để Đồng khởi giành thắng lợi to lớn. Phong trào Đồng khởi đã giải phóng đại bộ phận nông thôn đồng bằng của tỉnh Quảng Nam, tạo thành thế bao vây chia cắt, áp sát vào thành phố, thị xã, quận lỵ, căn cứ địch. Tình thế của địch trở nên nguy ngập chưa từng có [100, tr. 465].

Để đối phó với phong trào Đồng khởi, từ tháng 2 đến tháng 4 năm 1965, địch tập trung lực lượng mở ba cuộc càn quét lớn nhằm giải tỏa sức ép vào Thăng Bình (17/2/1965) với cấp độ sư đoàn chủ lực; ngày 23/4/1965, địch huy động 7 tiểu đoàn thuộc lực lượng dự bị đến hành quân giải tỏa vùng Cao Lao nhằm nối lại trục đường Tam Kỳ - Tiên Phước..., nhưng tất cả đều bị lực lượng chủ lực Khu V và các lực lượng vũ trang tại chỗ đánh cho thiệt hại nặng phải tháo lui. Từ đó, quân đội Sài Gòn chỉ có thể mở những cuộc càn quét xung quanh vùng chúng đóng quân để ngăn chặn đối phương tấn công, đánh phá vùng giải phóng và căn cứ miền núi chủ yếu bằng phi pháo [100, tr.465 - 466].

Sau Đồng khởi thành công, Đảng bộ chủ trương tiếp tục bổ sung, củng cố bộ máy chính quyền cơ sở, mặt trận, các đoàn thể, các mũi đấu tranh vũ trang, đấu tranh chính trị, binh vận ... ở hầu khắp các xã, thôn trong vùng giải phóng. Quá trình phong trào mở ra và phát triển, tổ chức Đảng cũng phát triển theo.

Thực hiện Chỉ thị của Trung ương Cục miền Nam và sự chỉ đạo của Liên Khu ủy V, tháng 5/1965, Đảng bộ hai tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng tổ chức học tập thư Đảng (Thư của Trung ương Cục gửi cho nông dân) cho toàn thể nhân dân trong tỉnh. Một phong trào rước thư Đảng, học thư Đảng diễn ra khắp vùng nông thôn vừa được giải phóng và vùng tranh chấp. Thư Đảng khơi dậy truyền thống cách mạng của nông dân, phân rõ ta, bạn, thù. Qua học thư Đảng thắt chặt hơn mối quan hệ máu thịt giữa giai cấp nông dân và Đảng. Qua học thư Đảng và phát động phong trào thi đua, các tầng lớp nhân dân hưởng ứng hành động sôi nổi chưa

từng có. Toàn dân tham gia làm địa đạo, rào làng chiến đấu, bố phòng chống địch càn quét giữ vững vùng giải phóng và căn cứ cách mạng. Thi đua xây dựng tổ vòng công, đổi công, khai hoang phục hóa, sản xuất hết diện tích để đảm bảo đời sống và nộp đảm phụ nông nghiệp, ngư nghiệp; tổ chức ngày hội giao lương phát động toàn dân đóng góp ngày càng nhiều lương thực cho kháng chiến. Hàng chục vạn lượt người đi dân công vận chuyển lương thực từ đồng bằng lên ranh núi, vận chuyển vũ khí, đạn dược từ phía Bắc tỉnh vào Nam để phục vụ chiến dịch bắc Tây Nguyên và giải phóng đồng bằng. Ở thành thị có phong trào đẩy mạnh đấu tranh chính trị với địch và đóng góp đảm phụ kháng chiến, xây dựng và phát triển cơ sở cách mạng.

Từng ngành, từng giới cũng có phong trào thi đua phù hợp với đặc điểm của ngành giới. Nông dân có phong trào tăng gia sản xuất, đóng góp và đi dân công tiền tuyến. Bộ đội và du kích có phong trào giết giặc lập công - Thi đua bắn máy bay địch bằng súng bộ binh. Phụ nữ có phong trào bốn đảm đang, thanh niên có phong trào ba sẵn sàng v.v... Nhưng sôi nổi nhất, hào hứng nhất là phong trào “Thanh niên tình nguyện thoát ly Nguyễn Văn Trỗi”. Hưởng ứng phong trào này, trong năm 1965, Quảng Nam có 4.000 thanh niên nam, nữ tình nguyện lên đường gia nhập bộ đội và các ngành công tác khác. Những đợt huy động thanh niên thoát ly như những ngày hội quân chúng tiễn thanh niên lên “Cầu Vinh quang”¹[100, tr. 469].

Phong trào tình nguyện thoát ly tham gia cách mạng có lúc trở thành cao trào của tuổi trẻ trong tỉnh. Ngay cả trong thành phố, vùng địch còn kiểm soát, thanh niên cũng ra vùng giải phóng đi thoát ly. Nhờ đó, lực lượng cách mạng không ngừng phát triển. Bộ đội địa phương của tỉnh tăng lên hai tiểu đoàn và một số đại đội, bộ đội huyện và lực lượng du kích xã tăng lên gấp đôi, có nơi gấp ba so với năm 1964.

Việc xây dựng vùng giải phóng được đẩy mạnh. Các mặt y tế, văn hóa, giáo

¹ Mỗi thanh niên thoát ly gia đình tham gia cách mạng đi qua một chiếc cầu tượng trưng gọi là “Cầu Vinh quang”, được tặng cờ hoa và đồng bào hoan hô.

dục, xã hội trong vùng nông thôn giải phóng đều phát triển và thể hiện được tính ưu việt của chế độ mới. Vùng giải phóng, căn cứ cách mạng trở thành ngọn cờ hiệu triệu của toàn dân trong tỉnh, nhất là đối với nhân dân còn ở trong vùng địch kiểm soát. Người người, ngành ngành đều tự nguyện thi đua đóng góp phần mình vào việc bảo vệ, giữ vững thành quả cách mạng và chuẩn bị sẵn sàng đánh quân xâm lược Mỹ trong khi chúng đang dồn quân vào miền Nam. Có được thành quả này, là nhờ ngay từ lúc chính quyền Ngô Đình Diệm bị lật đổ, Khu ủy V và Tỉnh ủy Quảng Đà, Quảng Nam đã sớm nắm bắt thời cơ quyết định nhanh chóng giải phóng nông thôn đồng bằng, trước nhất là vùng Đông của các huyện trong tỉnh (nơi địch đang sơ hở). Về phương thức, cùng với phát động tư tưởng tấn công địch, tỉnh Quảng Nam quyết định sử dụng lực lượng vũ trang làm đòn xeo hỗ trợ quần chúng tại chỗ nổi dậy tiến công địch bằng ba mũi giáp công. Bằng cách đó, ta đã giải phóng được đại bộ phận nông thôn đồng bằng của tỉnh.

Đánh giá về phương thức đấu tranh của lực lượng cách mạng, trong Tờ trình của Tòa hành chính tỉnh Quảng Nam gửi chính quyền Việt Nam Cộng hòa, tháng 3/1965 đánh giá tình hình như sau:

Hoạt động của địch trong mấy tháng này vẫn ở mức độ như tháng trước không có sắc thái nào mới lạ hơn các chủ trương và âm mưu chúng đã thực hiện thời gian gần đây. Chúng đẩy mạnh công tác chính trị lên ngang hàng với công tác võ trang quân sự. Về phương diện chính trị, địch cưỡng ép và xúi giục dân chúng đấu tranh trực diện với chính quyền ta đòi chồng con, em đi lính cho ta về làm ăn, buộc quân đội dùng thả bom, pháo kích vào các xóm làng v.v... tại các quận Hòa Vang, Điện Bàn, Hiếu Đức và Duy Xuyên. Về hoạt động võ trang, địch vẫn cố gắng duy trì và gia tăng tiềm lực quấy phá như: đào đường sá, phá cầu cống, pháo kích vào các quận lỵ, tấn công các căn cứ quân sự và lực lượng hành quân của quân đội. Địch đã điều động quân số đến cấp tiểu đoàn trong một trận chiến ban ngày tại quận Quế Sơn. [146, tr. 2]

Trong Đồng khởi ở Quảng Nam, công tác đấu tranh chính trị, binh địch vận của phụ nữ đóng vai trò rất lớn, trở thành mũi tiến công quan trọng của cuộc chiến đấu trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh Ban đấu tranh chính trị của Đảng bộ do đồng chí Phó Bí thư cấp ủy phụ trách, Hội Liên hiệp Phụ nữ cũng thành lập Ban đấu tranh chính trị các cấp, do đồng chí Hội trưởng trực tiếp chỉ đạo. Phong trào được tổ chức lãnh đạo chặt chẽ, ở tỉnh cũng như mỗi huyện hình thành các tổ chuyên trách như: tổ trinh sát, tổ giao thông liên lạc, tổ xung kích, tổ binh vận, tổ hậu cần, tổ cứu thương ... Tùy theo chức năng nhiệm vụ của mỗi tổ mà chọn người bố trí cho thích hợp nhằm phát huy tác dụng trong từng cuộc đấu tranh. Thông qua các tổ chuyên trách, trước mỗi cuộc đấu tranh lớn, chị em được quán triệt mục đích, yêu cầu, khẩu hiệu, phương pháp, kế hoạch ứng phó, tiến thoái. Việc tổ chức bảo đảm hậu cần được quan tâm đặc biệt, trong từng xã thôn có chị em ở lại chăm sóc con cái, nhà cửa, tài sản, để những người đi đấu tranh an tâm. Phong trào đấu tranh không chỉ là biểu tình, thị uy, bao vây đồn bót địch tại thôn xã, mà còn tập hợp được hàng ngàn chị em kéo vào thị xã, thị trấn, trương băng cờ, khẩu hiệu, bao vây các cơ quan đầu não của địch, buộc chúng phải chấp nhận các yêu sách của ta, qua đó tuyên truyền vận động anh em binh sĩ nguy chống lại bọn chỉ huy, mang súng về với cách mạng. Tiêu biểu, khi các lực lượng vũ trang Quảng Nam nổ súng tiến công tiêu diệt cứ điểm Việt An (Thăng Bình) vào đêm mùng 07 tháng 02 mở màn cho Đồng khởi Xuân 1965, phối hợp với các hoạt động vũ trang, ngày 15 tháng 02 năm 1965, Hội Liên hiệp Phụ nữ giải phóng tỉnh Quảng Nam phát động 15.000 quần chúng tiến hành cuộc đấu tranh chính trị đồng loạt nổi dậy trong toàn tỉnh. Phụ nữ các xã Kỳ Anh, Kỳ An, Kỳ Mỹ, Kỳ Thịnh, Kỳ Long, Kỳ Nghĩa, Kỳ Phước huyện Bắc Tam Kỳ kết hợp với phụ nữ các xã phía tây Thăng Bình, đông Tiên Phước; dưới sự chỉ huy của các mẹ, các chị Nguyễn Thị Đáng, Trương Thị Viện, Đặng Thị Ngọc Lan, Huỳnh Thị Vần, chị Thuần..., chia làm 2 mũi tiến công vào tỉnh lỵ Quảng Tín. Chị em giương cao các khẩu hiệu đòi dân sinh dân chủ, đòi không được bắt con em đi lính đánh thuê, đòi không được bắn pháo vào làng. Mẹ Nhung, xã Kỳ Anh dẫn đầu đoàn biểu tình bị địch bắn hy sinh.

Tại Thăng Bình, hàng ngàn phụ nữ vùng Đông kéo lên quận lỵ đấu tranh, trên đường đi quân địch ngăn chặn, nổ súng uy hiếp, chị em vẫn kiên quyết không lùi bước. Trước hành động khùng bố của kẻ thù, chị Huỳnh, cán bộ đấu tranh chính trị xã Bình Giang, bình tĩnh kêu gọi binh lính địch phản chiến và cổ vũ tinh thần bà con tiếp tục đấu tranh. Địch dã man sát hại chị, trước khi trút hơi thở cuối cùng chị vẫn còn hô khẩu hiệu động viên bà con tiến lên. Hành động anh dũng của chị Huỳnh đã để lại trong lòng nhân dân Thăng Bình hình ảnh người phụ nữ kiên trung, bất khuất trước làn đạn oan nghiệt của kẻ thù.

Ngày 13 tháng 3 năm 1965, ở huyện Nam Tam Kỳ, 7000 quân chúng, trong đó đa số là phụ nữ kéo vào quận lỵ Lý Tín. Làn sóng biểu tình ngày càng mạnh mẽ, áp đảo, quân địch không dám đàn áp, buộc phải chấp nhận các yêu sách của quần chúng đưa ra.

Song song với phong trào đấu tranh chính trị, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh đẩy mạnh công tác binh địch vận. Hầu hết các huyện đều tổ chức "*Đại hội gia đình binh sĩ*", thông qua những người thân trong gia đình binh sĩ nguy để lôi kéo, vận động con em mình buông súng về với nhân dân. Tại Hội An, chị em dấy lên phong trào viết thư cho chồng con em đang đi lính cho địch; kêu gọi họ đào, rã ngũ về với gia đình, tham gia cách mạng; tiêu biểu là phụ nữ Cẩm An đã kêu gọi được 153 lính đào ngũ, trong đó có nhiều người sau khi rời hàng ngũ địch đã tham gia lực lượng vũ trang cách mạng.

Sau hơn một tháng tiến công và nổi dậy trong chiến dịch Xuân năm 1965, hai tỉnh Quảng Nam, Quảng Đà đã hình thành vùng giải phóng liên hoàn rộng lớn, xã liền xã, huyện liền huyện; kéo dài từ phía Tây xuống sát Quốc lộ 1A và toàn bộ vùng Đông của tỉnh; cắt đứt các trục đường 14, 100, 104, 105, 16, 614 và đường xe lửa. Tại Quảng Nam địch phải dùng máy bay tiếp tế cho các chi khu quân sự quận lỵ Thượng Đức, Khâm Đức, Hiệp Đức, Tiên Phước. Chính quyền nhân dân tự quản và các tổ chức đoàn thể quần chúng được thành lập ở hầu hết các xã. Khi lực lượng vũ trang và quần chúng nhân dân nổi dậy giải phóng đến đâu, phụ nữ bắt tay vào xây dựng làng, xã chiến đấu đến đó; tham gia đào 72 ngàn mét giao

thông hào, làm 426 hầm tránh bom pháo, hàng trăm hầm bí mật, hàng trăm mét địa đạo kiên cố, góp phần hình thành thế trận chiến tranh nhân dân rộng khắp, bao vây các căn cứ, đồn bót còn lại của địch.

Trong công tác vận động thanh niên "*Bước qua Cầu Vinh Quang theo gương anh hùng Nguyễn Văn Trỗi lên đường chiến đấu giết giặc cứu nước*", các mẹ các chị đã tiễn đưa 5.170 thanh niên nam, nữ trong toàn tỉnh lên đường nhập ngũ, chỉ riêng huyện Điện Bàn trong đợt này đã có gần 1.000 người gia nhập các lực lượng vũ trang. Toàn tỉnh có hơn 400 nữ tham gia du kích, trong đó có 47 chị là du kích mật hoạt động trong lòng địch [9, tr. 114].

Trong thời gian này, tỉnh Quảng Nam thành lập 28 ban chỉ đạo công tác đấu tranh chính trị binh địch vận, có 128 cán bộ trực tiếp tham gia; hình thành 263 tổ đấu tranh chính trị, trong đó có 163 tổ nòng cốt, 940 chị tham gia và thành lập 187 tổ binh vận gồm 612 nữ cán bộ.

Dưới sự chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, các cấp Hội Phụ nữ tỉnh đã chỉ đạo, tổ chức cho chị em dũng cảm đi tiên phong trong các cuộc đấu tranh chính trị, binh địch vận và giữ vai trò đòn bẩy hỗ trợ quần chúng nổi dậy truy bắt, tiêu diệt ác ôn, giải tán nguy quyền cơ sở, phá ấp chiến lược, đóng góp tích cực vào thành quả chung của phong trào Đồng khởi, góp phần đánh bại quốc sách ấp chiến lược của địch, giành dân, giành quyền làm chủ, đánh bại chiến lược "*chiến tranh đặc biệt*" của Mỹ - ngụy.

Phản ánh về hoạt động của phụ nữ trong đấu tranh cách mạng, trong Tờ trình của Tòa hành chính Quảng Nam gửi Chính phủ Việt Nam Cộng hòa, tháng 3/1965, đã viết như sau:

Việt cộng xúi giục độ 100 người gồm thân nhân nghĩa quân và đồng bào thuộc Khu Xuyên Thượng (quận Duy Xuyên) kéo đến quận lỵ đấu tranh đòi chồng, con, em đang phục vụ cho chính quyền Quốc gia trở về với gia đình. Quận hành chánh địa phương đã kịp thời ngăn chặn và giải thích, lần lượt tự giải tán.

Việt cộng xúi giục một số đồng bào xã Hòa Lương, Hòa Hưng và Hòa Thượng (quận Hiếu Đức) phân đông là phụ nữ, định kéo đi Đà Nẵng đấu tranh. Chi Cảnh sát địa phương đã kịp thời ngăn chặn giải tán và bắt giữ 7 tên tình nghi để điều tra. [145, tr. 3]

Tháng 5/1965, Mỹ - Chính quyền Sài Gòn tiến hành “bình định” thí điểm ở Lệ Mỹ (huyện Hòa Vang) để rút kinh nghiệm thực hiện chương trình “bình định” trên toàn miền Nam. Phong trào nổi dậy của quần chúng lại vùng lên, đáng chú ý trong đó là phong trào đấu tranh trực diện của nhân dân trên “Vành đai diệt Mỹ Hòa Vang”. Tại đây, nhân dân chặn đường cản xe, chống địch xúc dân, dồn dân, chống địch lập khu dồn Lệ Mỹ, từng bước phát triển lên cao trào. Đồng bào các xã Kỳ Liên, Kỳ Hà (huyện Nam Tam Kỳ) tiến hành đấu tranh trực diện chống địch đốt phá nhà cửa, cày mò mả, ủi đất, đẩy dân ra khỏi làng làng để xây dựng căn cứ Chu Lai [147, tr.481].

Ngày 05 tháng 5 năm 1965, Khu ủy 5 mở hội nghị đề ra chủ trương "*sẵn sàng đối phó và quyết thắng địch trong "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam, nếu chúng ngoan cố gây ra*" [8, tr. 180].

Trong khi các lực lượng vũ trang tỉnh Quảng Nam đang khẩn trương khảo sát chiến trường chuẩn bị các mục tiêu cho chiến dịch Hè thì ngày 07 tháng 5 năm 1965, 6.500 quân Mỹ, 24 xe tăng xe bọc thép đổ bộ vào Kỳ Liên, Kỳ Hà. Ngay sau khi đổ lên bờ, quân Mỹ triển khai hỏa lực không chế các xã Kỳ Xuân, Kỳ Hà; đồng thời phát triển lên hướng Tây Nam, đánh chiếm quốc lộ số 1A. Chúng càn quét đốt phá, đánh sập các hầm trú ẩn, bắn giết trâu bò, tàn phá hoa màu và đuổi nhân dân các thôn Thanh Trà, Định Phước, Đông Yên, Hòa Vân đi nơi khác. Quân Mỹ dùng bom, pháo đánh phá ác liệt lên dãy núi Răng Cưa, triển khai xây dựng căn cứ quân sự Chu Lai, biến nơi đây thành căn cứ bàn đạp quan trọng để đánh phá các tỉnh miền Trung.

Quân Mỹ đổ bộ vào Quảng Nam trong bối cảnh đại bộ phận nông thôn đồng bằng của tỉnh đã được giải phóng. Chính quyền cách mạng và các đoàn thể được xây dựng, thế trận chiến tranh nhân dân phát triển mạnh mẽ, rộng khắp. Các cấp

lãnh đạo của tỉnh đã có nhiều chủ trương, biện pháp triển khai đánh Mỹ sáng tạo như: Thành lập “*Vành đai diệt Mỹ*” Chu Lai, xây dựng tinh thần quyết đánh, quyết thắng giặc Mỹ xâm lược cho các lực lượng vũ trang và nhân dân. Còn tại Quảng Đà, tháng 5 năm 1965, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp và khẳng định quyết tâm đánh bại ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ. Như vậy, ngay từ khi quân Mỹ đặt chân lên mảnh đất Quảng Đà, Quảng Nam, Đảng bộ tỉnh đã có những chủ trương, biện pháp đúng đắn, kịp thời động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân trong tỉnh quyết tâm đánh Mỹ đến cùng.

Đêm 25 rạng ngày 26 tháng 5 năm 1965, đại đội 2 Tiểu đoàn 70 và một phân đội đặc công V16 tiến công tiêu diệt đại đội lính thủy đánh bộ Mỹ tại Núi Thành, cứ điểm bảo vệ căn cứ Chu Lai về phía Tây, loại khỏi vòng chiến đấu 139 tên, lập chiến công vang dội. Trận đánh mang nhiều ý nghĩa chính trị, quân sự to lớn, khẳng định quyết tâm quyết đánh, quyết thắng giặc Mỹ xâm lược của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta là có cơ sở.

3.2.2. Đồng khởi ở Quảng Ngãi

Thực hiện chủ trương mở đợt hoạt động Xuân 1965 của Khu ủy V, tại Quảng Ngãi, với phương châm 2 chân 3 mũi giáp công, lực lượng vũ trang bao vây, bức rút nhiều cứ điểm của địch, phối hợp với quần chúng nổi dậy phá banh hàng trăm ấp chiến lược, giải phóng hầu hết nông thôn đồng bằng, tạo thế liên hoàn bao vây các huyện lỵ, thị xã.

Mở đầu phong trào Đồng khởi tại Quảng Ngãi, đêm 15/2/1965, Đại đội 401 huyện Sơn Tịnh đánh tiêu diệt hai trung đội dân vệ ở thôn Bình Đông (Tịnh Bình); san bằng chốt điểm của địch ở cầu Tam Hân, hỗ trợ cho quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ xã Tịnh Bình, giải phóng xã Tịnh Bắc. Phát huy thắng lợi, lực lượng vũ trang tiếp tục tiến công địch ở ấp Thế Long (Tịnh Phong), Kim Lộc (Tịnh Châu), diệt một đại đội bảo an. Cùng thời gian, nhiều huyện, xã trong tỉnh đồng loạt nổi dậy phá ấp chiến lược, giành dân thắng lợi,...

Phong trào lan tỏa các huyện trong tỉnh. Ngày 6/3/1965, bộ đội chủ lực tỉnh phối hợp với lực lượng vũ trang huyện Tư Nghĩa, tiến công tiêu diệt đại đội bảo

an ở Thu Xà, kết hợp với quần chúng nổi dậy giải phóng ba xã Nghĩa Hòa, Nghĩa Hà, Nghĩa Đông ở sát nách phía Đông thị xã Quảng Ngãi.

Các huyện phía Nam tỉnh cũng phối hợp nhịp nhàng, tiến công địch ở An Ba, Hành Thịnh (Nghĩa Hành), Quán Vịt, Trà Câu (Đức Phổ), Quán Hồng (Mộ Đức), diệt hàng trăm lính, hỗ trợ cho quần chúng nổi dậy “phá áp chiến lược”. Cùng với tiến công các chốt điểm, áp chiến lược, Đại đội Công binh tỉnh cùng với du kích và quần chúng các địa phương đánh phá, cắt đứt nhiều đoạn đường giao thông ở trục Quốc lộ 1. Các đường ngang từ Bình Sơn đi Trà Bồng, Sơn Tịnh đi Sơn Hà, Mộ Đức đi Ba Tư cũng bị băm nát từng đoạn, gây cho địch nhiều khó khăn trong việc tiếp tế và cơ động ứng viện giữa đồng bằng với miền núi. Đặc biệt chiến thắng Ba Gia (5/1965) đã tạo ra bước ngoặt của phong trào Đồng khởi trong tỉnh và có ý nghĩa cực kỳ quan trọng trong cuộc chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”.

Chỉ trong vòng 3 ngày (29-31/5/1965), Trung đoàn I Quân Khu V phối hợp với lực lượng vũ trang Quảng Ngãi, tạo nên chiến thắng Ba Gia, đánh dấu sự phá sản của “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ. Để phối hợp tác chiến, ngoài quân chủ lực, lực lượng tham gia chiến dịch Ba Gia còn có du kích và dân công địa phương. Trong 3 ngày đêm chiến đấu ròng rã, quân và dân Quảng Ngãi phối hợp với lực lượng chủ lực Khu V, đã tiêu diệt, đánh thiệt hại nặng 4 tiểu đoàn địch, bẻ gãy cuộc hành quân lớn của địch nhằm cứu nguy cho cứ điểm Ba Gia. Đây là lần đầu tiên trên chiến trường Khu V, một trung đoàn chủ lực Quân giải phóng tiêu diệt một chiến đoàn hỗn hợp tinh nhuệ của địch, có cố vấn Mỹ tham gia. Trong những ngày mở chiến dịch, phụ nữ các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa và thị xã Quảng Ngãi bắt chập gian khổ, hy sinh tận tình phục vụ bộ đội, du kích chiến đấu. Hàng trăm chị tham gia vận chuyển vũ khí, đạn dược cho chiến dịch. Gần 400 tấn gạo và thực phẩm được chị em vận động thu mua, đóng góp đủ để bộ đội, du kích ăn no, đánh thắng. Chị em còn đảm nhận và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tải thương, cứu chữa anh em thương binh. Đặc biệt phụ nữ và nhân dân các xã Tịnh Đông, Tịnh Giang, Tịnh Hiệp, Tịnh Minh, Tịnh Bắc, Tịnh Sơn, Tịnh Bình (Sơn

Tịnh) che giấu cả 1 trung đoàn bộ đội chủ lực Quân khu V an toàn, bí mật. Các mẹ, các chị ở Tịnh Minh tham gia tổ chức lễ truy điệu cho 5 đồng chí cảm tử trước khi đánh đồn Ba Gia. Rất nhiều chị em dẫn đường cho bộ đội, du kích tiến công địch, trực tiếp truy bắt những toán tàn quân địch thất bại chạy trốn.

Nhân đà thắng lợi Ba Gia, quần chúng nhân dân ở các huyện Sơn Tịnh, Nghĩa Hành, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Sơn Hà nổi dậy phá 100 ấp chiến lược, giải phóng hoàn toàn 27 xã với 20 vạn dân giành quyền làm chủ.

Trước sức mạnh tiến công mạnh mẽ, đều khắp của quân và dân tỉnh Quảng Ngãi, nhiều người tham gia chính quyền xã, thôn do chính quyền Sài Gòn quản lý, lớp ra hàng, lớp chạy trốn đi nơi khác, nhiều binh sĩ đào rã ngũ mang súng trở về với cách mạng. [24, tr.241]

Trong phiếu nghiên cứu tình hình an ninh Quảng Ngãi của Phủ Đặc ủy Trung ương tình báo, Việt Nam Cộng hòa, đã phản ánh tình hình nổi dậy làm chủ nông thôn của lực lượng cách mạng ở Quảng Ngãi sau chiến thắng Ba Gia như sau:

Từ cuối tháng 5/1965, sau các đợt tấn công mãnh liệt tại khu vực Ba Gia phối hợp với các hoạt động vùng duyên hải dọc Quốc lộ I, địch đã gây tình trạng bất an cho nhiều địa phương như Tư Nghĩa, Tư Hành, Mộ Đức, Bình Sơn. Lợi dụng tình hình này, chúng tiến chiếm thêm một số ấp nằm trên tuyến tranh chấp hoặc sâu vào các vùng an ninh của ta. Tại Sơn Tịnh địch đã đánh chiếm các xã Sơn Lộc, Sơn Châu, 3/4 xã Sơn Trung, Sơn Hội, 1/2 xã Sơn Hòa. Tại Tư Nghĩa địch chiếm các xã Tư Phước, Tư Thịnh, Tư Mỹ, Tư Thuận, Tư Nguyên, Tư Thành, Tư Hòa, Tư Hiền. Tại Quận Nghĩa Hành: các xã Nghĩa Thành, Nghĩa Phước, Nghĩa Hưng, 3/4 xã Nghĩa Thuận, 1/2 xã Nghĩa Lộc. Tại quận Bình Sơn: các xã Bình Tuyên, Bình Hoàng, Bình Khánh, Bình Tuy, Bình Kỳ, 1/2 xã Bình Thành. Tại Quận Mộ Đức: các xã Đức Hải, Đức Lương, Đức Phương, Đức Phước đã vị Việt cộng tạm chiếm. [141, tr.1]

Cùng với hoạt động quân sự, đấu tranh chính trị cũng được Tỉnh ủy Quảng Ngãi phát động rộng khắp trong toàn tỉnh để hỗ trợ cho cuộc tiến công của lực lượng vũ trang, sự nổi dậy của nhân dân ở nông thôn đồng bằng. Ngày 3/6/1965, hơn 10 vạn nhân dân các vùng xung quanh thị xã và xung quanh các huyện lỵ Bình Sơn, Sơn Tịnh, Nghĩa Hành, Tư Nghĩa, Mộ Đức kéo đến trung tâm trụ sở chính quyền Sài Gòn tại địa phương đấu tranh đòi tìm xác chết, tin tức chồng con, đòi chồng, con trở về với gia đình để khỏi chết trận; đòi trợ cấp cho các gia đình binh sĩ thiệt mạng...Cuộc xuống đường của quần chúng đã làm láo loạn cả thị xã và toàn tỉnh.

Phong trào đấu tranh chính trị của mọi tầng lớp nhân dân ở Quảng Ngãi phát triển khá mạnh mẽ, với phương châm “hai chân, ba mũi trên ba vùng chiến lược”. Mặt trận Dân tộc Giải phóng tỉnh Quảng Ngãi đi sâu tuyên truyền, giáo dục cho các giai tầng trong xã hội thấy rõ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân miền Nam; nhận rõ bộ mặt thật của đế quốc Mỹ và tay sai; từ đó, vận động, hướng dẫn họ đứng vào mặt trận chống Mỹ, cứu nước. Thông qua các hình thức đấu tranh: bãi công, bãi thị, mittinh...Mặt trận còn xây dựng nhiều cơ sở cốt cán trong hàng ngũ trí thức, công chức, nhân sĩ, già làng; nắm lực lượng binh lính, dân vệ ở các dinh điền, buôn, ấp vận động họ trở về với cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân. Mặt trận còn đi sâu, bám sát phong trào đồng khởi, xây dựng căn cứ kháng chiến, vùng địch hậu; phát động phong trào phá ấp chiến lược; giải phóng nông thôn. Nhờ đó, chỉ trong thời gian ngắn các tổ chức quần chúng từng bước được củng cố và phát triển, hội viên tham gia Mặt trận phát triển nhanh chóng cả về số lượng và chất lượng. Đến năm 1965, toàn tỉnh Quảng Ngãi đã xây dựng được 7.926 nòng cốt đấu tranh chính trị. Các huyện đều có Ban chỉ huy đấu tranh, lấy cán bộ Mặt trận làm nòng cốt. Mặt trận trở thành tâm điểm thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân nói chung nguyện vọng hòa bình, giải phóng miền Nam.

Nổi bật trong phong trào Đồng khởi ở Quảng Ngãi là cuộc xuống đường của nhân dân các huyện Đức Phổ, Bình Sơn, Sơn Tịnh đòi quyền dân sinh, dân chủ, chống gom dân lập ấp, cướp đoạt tài sản của nhân dân. Ở các địa phương này đều

thành lập ban chỉ huy đấu tranh chính trị và binh vận. Các ban chấp hành này có nhiệm vụ tuyên truyền rộng rãi chính sách của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam cho binh lính và sĩ quan Sài Gòn, vận động gia đình họ đòi chồng con trở về; tiến hành rộng rãi việc tán phát truyền đơn, áp phích kêu gọi binh lính Sài Gòn phản chiến trở về với nhân dân. Trong Đồng khởi đầu năm 1965, toàn tỉnh Quảng Ngãi có 716.475 lượt phụ nữ tham gia 2.581 cuộc đấu tranh chính trị trực diện với quân Mỹ và chính quyền Sài Gòn. Các cuộc đấu tranh bám sát cơ sở, diễn ra quyết liệt, kết hợp nhuần nhuyễn nhiều phương thức đấu tranh cả chính trị, binh vận và nổi dậy phá khu đồn, áp chiến lược, hỗ trợ lực lượng vũ trang tiên công tiêu hao sinh lực địch. Hình thức đấu tranh được chị em vận dụng rất linh hoạt, hành động mềm dẻo, khôn khéo, kiên quyết để đạt được mục tiêu chống giặc càn quét đồn dân, cướp phá tài sản. Trong Ban đấu tranh chính trị và binh vận ở các địa phương, đa số chị em được giao nhiệm vụ làm nòng cốt tuyên truyền các chính sách của Mặt trận dân tộc giải phóng cho binh lính, sĩ quan địch, vận động gia đình có người tham gia nguy quân, nguy quyền kêu gọi con, em trở về với nhân dân.

Dưới ngọn cờ đoàn kết của Mặt trận, vùng giải phóng ở đồng bằng Quảng Ngãi ngày càng được mở rộng và củng cố. Trong đợt Đồng khởi nửa đầu năm 1965, ta giải phóng và làm chủ 29 xã, 90 thôn với gần 443.665 dân (nếu tính cả miền núi 76.840 dân thì số dân vùng giải phóng và làm chủ toàn tỉnh lên tới 520.505 dân). Đây là thời kỳ làm chủ, giành dân cao nhất trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở Quảng Ngãi.

3.2.3. Đồng khởi ở Bình Định

Quán triệt phương châm của Khu V trong chiến dịch Xuân (1965) nhằm tiêu diệt bộ phận chủ lực địch và quân địa phương, mở rộng hơn nữa cao trào tiến công và nổi dậy ở nông thôn mà Bình Định là một trọng điểm, Bộ Chỉ huy Tỉnh đội chủ trương sử dụng lực lượng Tiểu đoàn 50 và Đại đội Đặc công Đ10 hoạt động ở địa bàn trọng điểm là Đông An Nhơn, Nam Phù Cát, Bắc Tuy Phước. Các huyện còn lại sử dụng toàn bộ lực lượng tại chỗ tiến công tiêu diệt địch, hỗ trợ quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ. Mặt khác, kết hợp chặt chẽ với đòn tiến

công của chủ lực hoạt động tại khu Bắc tỉnh như Phù Mỹ, Hoài Nhơn, đẩy nhanh tốc độ tiến công tiêu diệt và phá bộ máy chính quyền cơ sở của chính quyền Sài Gòn.

Chiến dịch Xuân 1965 bắt đầu bằng trận đánh của Tiểu đoàn 409 Đặc công Quân khu V phối hợp với lực lượng địa phương tiến công cứ điểm Gia Hựu xã Hoài Châu, huyện Hoài Nhơn. Tuy gặp khó khăn nhưng bộ đội ta trong chiến đấu vừa mưu trí, dũng cảm, sáng tạo nên cuối cùng đã tiêu diệt được hoàn toàn cứ điểm, tiêu diệt và bắt sống 200 quân địch. Được lực lượng vũ trang hỗ trợ, nhân dân ở 3 ấp chiến lược: Gia Hựu, Gia An, Bình Đê đã nổi dậy phá ấp chiến lược trở về làng cũ.

Cùng thời gian này, Đại đội 72 của tỉnh phối hợp với 1 Tiểu đoàn của Trung đoàn 2 - chủ lực Quân khu V tiến công cứ điểm Dương Liễu - Mỹ Lợi (cách Phù Mỹ 10 km về phía Bắc). Dương Liễu bị mất, dự đoán thế nào quân địch cũng đưa quân ở Phù Mỹ ra cứu viện, ta đã chọn đèo Nhông để tổ chức trận địa đánh diệt viện. Đoạn Đường số 1 dài hơn 5 km, chạy qua hai dãy núi Chóp Vung và núi Nùng cách phía Bắc quận lỵ Phù Mỹ 4 km, là đoạn đường quanh co, hiểm trở, hai bên đường là những quả đồi nhấp nhô xen kẽ ruộng lầy, hóc núi và rừng cây rậm rạp - một địa hình có lợi cho tổ chức một trận vận động phục kích. Đúng như dự đoán, ngày 8/2/1965 địch dùng 2 tiểu đoàn lính Cộng hòa có 1 chi đoàn M113 hỗ trợ từ Phù Mỹ ra giải cứu cho Dương Liễu. Vốn đang bị thất bại liên tục, trước khi cứu viện, địch đã cảnh giác cho một đại đội bảo an đi thăm dò tình hình, sự sạo kỹ lưỡng từng đoạn khu vực đèo Nhông, nhưng khi đến đây chúng vẫn bị lọt vào trận địa phục kích của bộ đội chủ lực. Với khẩu hiệu “bám chặt thắt lưng địch mà đánh”, bám sát các xe M113, các chiến sĩ kiên cường bám sát địch để tiến công. Chiến thắng Đèo Nhông đã lập một kỷ lục mới về tiêu diệt chủ lực địch ngoài công sự. Lần đầu tiên chủ lực thuộc địa bàn Khu V tiêu diệt 2 tiểu đoàn và 1 chi đoàn xe bọc thép trong 1 trận. Chiến thắng đèo Nhông đánh dấu bước trưởng thành về đánh tiêu diệt cả chiến đoàn địch của chủ lực trên địa bàn Khu V [1, tr.157].

Tại huyện Tuy Phước, đêm 11 rạng sáng ngày 12/2/1965, Tiểu đoàn 50 và

Đ10 Đặc công tập kích vào chi khu quân sự Gò Bồi, diệt 1 đại đội lính Bảo an, một số trung đội dân vệ ở các xã phía Đông Bắc huyện Tuy Phước. Chiến thắng Gò Bồi là thắng lợi đầu tiên của lực lượng vũ trang tỉnh ở Khu V, đã tiêu diệt một chi khu quân sự của quân đội Sài Gòn ở một thị trấn sát đô thị Quy Nhơn - trung tâm đầu não của chính quyền Sài Gòn tại Bình Định, tạo ra điều kiện cho quần chúng nổi dậy làm chủ xã ấp trong huyện.

Cuộc tiến công và nổi dậy ở nông thôn đồng bằng gắn liền với phong trào đấu tranh ở các đô thị. Trong đợt nhập thị, rạng sáng ngày 11/2/1965 hơn 3.000 đồng bào và chị em các xã đông bắc Tuy Phước, đông Phù Cát và các vùng phụ cận chia làm 2 mũi tiến công vào Quy Nhơn đấu tranh. Địch huy động cả máy bay lên thẳng, hải thuyền và xe bọc thép M113 đến đàn áp. Riêng mũi đường thủy bị địch tấn công nặng nề nhất. Chúng dùng súng máy bắn xối xả vào đội hình biểu tình làm hơn 100 chị chết và bị thương. Máu đổ lên láng trên mặt Đầm Thị Nại. Tuy vậy, các chị vẫn không chùn bước, những thuyền còn lại tiếp tục lao thẳng vào Quy Nhơn đấu tranh vạch mặt bọn gây tội ác. Ngay trong đêm 11/2/1965, Tỉnh ủy và Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam tỉnh Bình Định tổ chức lễ truy điệu những đồng chí và đồng bào anh dũng hy sinh trong cuộc đấu tranh nhập thị này; đồng thời phát động cuộc đấu tranh mới trong toàn tỉnh, quyết tâm giành thắng lợi to lớn hơn nữa để trả thù cho đồng chí, đồng bào bị sát hại.

Tiến công và nổi dậy tiếp tục diễn ra tại Bình Định vào tháng 4/1965. Tại huyện Phù Cát, ngày 19/4/1965, Tiểu đoàn 50 phối hợp với bộ đội địa phương huyện Phù Cát đánh tan cuộc càn quét của 1 trung đoàn địch. Hỗ trợ cho nhân dân địa phương nổi dậy làm chủ nhiều vùng nông thôn ở huyện Phù Cát.

Tại huyện Hoài Nhơn, với 3 mũi giáp công, quân và dân địa phương đã bứt rút các chốt của địch ở Đồi 10, Nhà thờ Dốc Đá ở Tài Lương, giải phóng lại các thôn ven đường Quốc lộ 1 kéo dài từ Tài Lương ra Tam Quan.

Qua 6 tháng đầu năm 1965, kết hợp chặt chẽ với các cuộc tiến công quân sự, nhân dân trong tỉnh Bình Định đã đồng loạt nổi dậy, làm chủ 146 thôn của 43 xã thuộc 7 huyện đồng bằng, giải phóng hoàn toàn 28 xã với 140.000 dân.

Như vậy, đến tháng 6/1965, tại Bình Định qua 2 đợt Đồng khởi, ta cơ bản đã giải phóng các vùng nông thôn đồng bằng trong tỉnh. Tại đồng bằng ta giải phóng và làm chủ 506 thôn, giải phóng hoàn toàn 56 xã với 564.500 dân, chiếm 70,8% số dân (506/640 thôn), 63,9% số xã (56/86 xã). Đây là thời điểm mà quân và dân Bình Định giành dân và giải phóng đất đai cao nhất trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975). Cùng với tỉnh Quảng Đà, Quảng Nam, Bình Định là tỉnh có tỷ lệ giải phóng các xã, thôn, huyện nhiều nhất. Hội nghị Liên Khu ủy V lần thứ IV (5/1965) đã đánh giá: Tốc độ giải phóng và tỷ lệ số dân làm chủ có 3 hạng: hạng khá nhất là Quảng Đà, Quảng Nam, Bình Định, hiện làm chủ từ 2/3 đến 4/5 dân số.

Vùng giải phóng và làm chủ của Bình Định nối dài liên mảng từ Đông lên Tây, từ Bắc vào Nam tỉnh. Vùng giải phóng Tây Bắc và Tây Nam dựa chắc vào vùng căn cứ và vùng giải phóng của tỉnh Kon Tum, Gia Lai. Phía Bắc gắn chặt với vùng giải phóng Nam Quảng Ngãi. Phía Nam nối liền với vùng giải phóng và làm chủ Bắc Phú Yên. Phía Đông, giải phóng và làm chủ 130 km bờ biển từ Tam Quan Bắc đến Phước Hải, có các cửa biển Tam Quan, An Dũ, Đề Gi. Ở đồng bằng, ta hoàn toàn giải phóng 8 thị tứ và thị trấn: Tam Quan (Hoài Nhơn), Xuân Phong (Hoài Ân), An Lương (Phù Mỹ), Đề Gi (Phù Cát), Cảnh Hàng và An Thái (An Nhơn), Đồng Phó (Bình Khê), Gò Bồi (Tuy Phước) [1, tr.98].

Kết quả thắng lợi do Đồng khởi tạo ra đã mang lại cho Bình Định có ý nghĩa cực kỳ quan trọng, *“Có thể nói vùng giải phóng và làm chủ của Bình Định không chỉ bao vây, chia cắt và áp sát tận cơ quan đầu não của địch tại địa phương, mà còn góp phần tạo thế chia cắt chiến lược rất nguy hiểm đối với địch”* [88, tr. 175].

3.2.4. Đồng khởi ở Phú Yên

Trong nửa đầu năm 1965, lực lượng của địch trên chiến trường Phú Yên lúc này có Trung đoàn chủ lực 47 của quân đội Sài Gòn, hai tiểu đoàn thuộc các Trung đoàn 40, 41 cơ động của quân đội Sài Gòn từ Bình Định vào đóng tại thị xã Tuy Hòa, 15 đại đội Bảo an đóng rải rác khắp các quận, ly, chi khu, các cứ điểm.

Mỗi khu đồn có 1 đến 3 tổng đoàn dân vệ, mỗi tổng đoàn có một trung đội, các đơn vị lính biệt kích Cung Sơn, Đồng Tre (Xuân Phước) do Mỹ trực tiếp huấn luyện, chỉ huy. Ngoài ra, còn có hai đại đội Hải Thuyền không chế vùng biển từ Sông Cầu, Tuy An vào thị xã Tuy Hòa...

Bên cạnh quân đội Sài Gòn, có một bộ phận quân viễn chinh Mỹ và lính Nam Triều Tiên. Một tiểu đoàn Mỹ đến chốt đèo Cù Mông, công binh Nam Triều Tiên, công binh Úc xây dựng căn cứ Đồng Tác và cầu Đà Rằng.

Địch đặt ở cứ điểm Đồng Tre hai khẩu pháo 107 ly, Sông Cầu 2 khẩu 106 ly, ở Tuy An 2 khẩu 105 ly, thị xã Tuy Hòa một đại đội pháo 105 ly (2 khẩu).

Trong Đồng khởi Xuân 1965, huyện Tuy Hòa 1 được xác định là hướng chủ yếu. Tại đây, phong trào nổi dậy của quần chúng đã phá banh 35 ấp chiến lược trong số 92 ấp còn lại, mở rộng vùng giải phóng từ Tây đường Quốc lộ 1 xuống sát biển. 47 trong số 69 xã được hoàn toàn giải phóng, đưa số dân vùng ta quản lý lên 20 vạn, trong đó có 8 xã giải phóng từ một nửa đến 2/3. Ở vùng nông thôn địch chỉ kiểm soát được 14 xã với 12 vạn dân. Ngoài ra không xã nào chúng kiểm soát được trọn vẹn [9, tr.108].

Ở Phú Yên, cấp ủy địa phương cũng nhanh chóng nắm bắt cơ hội để phát động quần chúng đứng lên đấu tranh. 16 giờ ngày 1/5/1965, một tốp máy bay 3 chiếc A37 của địch đến ném bom Trường cấp 1-2 huyện Tuy Hòa tại vùng “Chân Bàu” thuộc thôn Mỹ Xuân, xã Hòa Thịnh, làm 7 học sinh chết tại chỗ và 1 giáo viên cùng 7 học sinh khác bị thương, trong lúc các em học sinh đang nghỉ giải lao giữa giờ học. Số học sinh bị thương, bị chết cư ngụ ở các xã Hòa Thịnh, Hòa Mỹ, Hòa Tân, Hòa Đồng.

Được tin trường trung học cơ sở bị ném bom, thầy giáo, học sinh chết và bị thương, Thường vụ Huyện ủy trực tiếp đến tại trường giải quyết hậu quả và lãnh đạo, ổn định tư tưởng cho học sinh, gia đình phụ huynh và nhân dân. Đồng thời họp khẩn cấp Huyện ủy, các ngành, các xã có học sinh học tại trường, để bàn kế hoạch giải quyết hậu quả. Ngay tối mùng 01/5/1965, Huyện ủy tổ chức cuộc mít tinh, tố cáo hành động tội ác của Mỹ và quân đội Sài Gòn, đồng thời tổ chức truy

điều các em học sinh chết, phát động căm thù Mỹ và quân đội Sài Gòn, huy động nhân dân toàn huyện đấu tranh chính trị, khiêng xác các em bị chết, bị thương đến quận lỵ, tỉnh đường để tố cáo tội ác, đòi chúng bồi thường nhân mạng và cứu chữa những học sinh bị thương.

Mỗi xã huy động một tiểu đoàn đội quân tóc dài (200 - 300 người) xuống đường, đi bằng nhiều đường, nhiều hướng. Gia đình thân nhân học sinh đi trước, kéo theo sau là học sinh các trường và gia đình binh sĩ Sài Gòn đến đoàn quân tóc dài có tổ chức, chỉ huy từng tiểu đội, trung đội, đại đội, tiểu đoàn và các tổ chức chuyên môn: liên lạc, trinh sát, cứu thương, bảo vệ. Mỗi xã có ban lãnh đạo xã hợp pháp trực tiếp đi cùng quần chúng.

Địch huy động lực lượng bảo an, cảnh sát, dân vệ tổ chức ngăn chặn đoàn biểu tình, nhưng xác và học sinh bị thương đã khiêng được vào quận. Thực tế người chết, người bị thương do thân nhân, gia đình binh lính tố cáo và đưa yêu sách đòi bồi thường..., chúng không thể nào chối cãi và có cơ đàn áp khủng bố. Tên quận trưởng phải nhận đơn để xoa dịu tình hình đấu tranh của quần chúng [8].

Cánh quân vào tỉnh đường đã trực diện đấu tranh tố cáo tội ác của đế quốc Mỹ, đưa yêu sách đòi bồi thường nhân mạng học sinh và cứu chữa cho học sinh bị thương. Chúng phải hứa hẹn chấm dứt đánh bom bừa bãi vào trường học. Yêu cầu bước 1 ta đã đạt được, các cánh quân đều đến được mục tiêu, đưa được đơn tố cáo, đòi bồi thường nhân mạng và chấm dứt hành động tương tự, biểu dương lực lượng quần chúng. Địch đuối lý không có cơ khủng bố đàn áp, nhận cứu chữa học sinh bị thương. Nhân dân trở về tổ chức mai táng các cháu học sinh. Các cháu bị thương được đưa vào bệnh viện được cứu chữa.

Từ thực tế đấu tranh ở Tuy Hòa 1, Huyện ủy đã tiến hành tổ chức hội nghị toàn huyện Tuy Hòa kiểm điểm, có đại diện Tỉnh ủy và các đoàn thể Phú Yên, Tỉnh ủy Khánh Hòa, Phân khu Nam dự, để đánh giá kết quả và rút kinh nghiệm từng cuộc đấu tranh. Hội nghị rút ra kinh nghiệm về tổ chức đấu tranh trực diện, sát mặt với địch, từ quần chúng một xã đến nhiều xã và đến toàn huyện, đấu tranh trực diện với địch tại quận đường, tỉnh đường với số lượng hàng ngàn người. Đặc

biệt là trận đấu tranh 3 mũi giáp công (vũ trang, chính trị, binh vận) kết hợp trong một trận đánh, có sự tham gia của hàng ngàn quần chúng nhiều xã (chủ yếu là đội quân tóc dài và gia đình binh sĩ), nên tay không đã ngăn chặn xe M113, làm hạn chế tốc độ và lộ hướng bí mật bất ngờ của địch, tạo cho bộ đội ta đủ thời gian chiến đấu diệt được nhiều địch và giữ vững trận địa, buộc địch phải rút lui.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ 2, trong 6 tháng đầu năm 1965, nhân dân Phú Yên đã nổi dậy phá sập 36 ấp chiến lược cùng 5 khu đồn. Vùng giải phóng được mở rộng, thanh niên hăng hái tình nguyện gia nhập lực lượng vũ trang giải phóng. Mặt trận Dân tộc Giải phóng tỉnh và các đoàn thể triển khai huy động 1.169 thanh niên tham gia lực lượng vũ trang tỉnh và chi viện cho tỉnh bạn. Hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể ở huyện, xã vùng đồng bằng vừa giải phóng bám sát chủ trương của toàn tỉnh là bám đất, bám dân, bám địch để đánh, giữ vững vùng giải phóng, kiện toàn bộ máy chính quyền xã thôn; tích cực chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho quần chúng nhân dân, mở các lớp bổ túc văn hóa cho cán bộ nhân dân, tham gia phong trào văn nghệ quần chúng, động viên nhân tài, vật lực cho tiền tuyến, giải quyết tốt hậu cần tại chỗ... Trọng tâm công tác mặt trận, dân vận thời kỳ này là phát động toàn dân phá ấp chiến lược.

Mặt trận và các tổ chức đoàn thể vận động đẩy mạnh phong trào du kích, đặc biệt là phát triển phong trào quần chúng, với nhiều hình thức như tham gia Ban trình sát địch, lực lượng du kích, y tế..., xây dựng các xã chiến đấu; lực lượng du kích, tự vệ dựa vào dân để chiến đấu, xây dựng được các vùng lõm ở một số địa phương.

Đến giữa năm 1965, quân và dân Phú Yên đã giải phóng gần hết 8 xã Xuân Lộc, Xuân Cảnh, Xuân Thịnh, Xuân Lãnh (huyện Đồng Xuân), Hòa Phong, Hòa Bình (huyện Tuy Hòa), Sơn Hòa (huyện Sơn Hòa), Cà Lúi (huyện Miền Tây).

Tính từ cuối 1964 đến đầu năm 1965, phối hợp nhịp nhàng giữa đấu tranh quân sự với nổi dậy của quần chúng, quân và dân Phú Yên đã tiến công liên tục, phá banh từng mảng ấp chiến lược, làm cho quân địch không có khả năng tổ chức những trận càn lớn vào vùng căn cứ miền Tây và các vùng giải phóng đồng bằng.

Song song với đấu tranh vũ trang, đấu tranh chính trị ở Phú Yên cũng phát triển mạnh mẽ, mỗi xã thành lập 1 đại đội nữ tham gia đi chợ nhồi; đấu tranh nhập thị. Trong nửa đầu năm 1965 tại Phú Yên đã nổ ra 5 cuộc đấu tranh quy mô toàn tỉnh. Mỗi cuộc từ 7.000 người đến 10.000 người tham gia. Ngày 14 đến ngày 15/4/1965 có 13.000 người xuống đường tham gia đấu tranh. Có cuộc đấu tranh kéo dài từ ngày 6 đến 25 tháng 7/1965, hàng chục ngàn người tham gia kéo vào các quận lỵ, tỉnh lỵ đòi ngụy quyền thực hiện yêu sách; buộc địch co cụm ở 8 điểm: thị xã Tuy Hòa, Phú Lâm, Sông Cầu, La Hai, Xuân Phước, Phú Tân, Củng Sơn...

Việc xây dựng làng chiến đấu và vùng giải phóng để bảo vệ thành quả Đồng khởi được đẩy mạnh. Tại các xã, ấp được giải phóng, chính quyền tự quản tiến hành tạm cấp 1.790 mẫu ruộng cho 5 vạn dân nghèo (ruộng điền thổ, ruộng tịch thu của ác ôn), chia 1.228 mẫu đất vắng chủ do cách mạng quản lý cho 1.100 nhân khẩu không có ruộng cày, tạo niềm vui phấn khởi cho nhân dân đi dân công tiếp vận, đóng đăm phụ nông nghiệp, xây dựng làng chiến đấu, tham gia khu du kích chiến tranh.

Ban tự quản các xã, Ban nhân dân thôn còn huy động hàng vạn lượt dân công tham gia vận chuyển vũ khí, lương thực, hàng hóa từ cửa khẩu vào kho dự trữ và từ tỉnh đến các tỉnh bạn, nhận và chuyển hàng Trung ương chi viện cho Phú Yên. Đặc biệt cuối năm 1964 đầu 1965, lực lượng dân công các xã Hòa Hiệp, Hòa Xuân, Hòa Vinh vận chuyển hàng trăm tấn vũ khí, đạn dược, thuốc men từ miền Bắc XHCN chi viện cho 3 tỉnh Phú Yên, Đắc Lắc và Khánh Hòa từ những chiếc tàu không số đưa theo đường biển vào bến Vũng Rô.

Từ lúc phong trào Đồng khởi nổ ra, Đảng bộ, Mặt trận đã chỉ đạo ngành y tế tăng cường cán bộ và thuốc men; rút một số y tá, cứu thương từ vùng địch kiểm soát lên vùng căn cứ, hình thành bộ phận Y tế tỉnh. Tỉnh còn tổ chức các đội Y tế lưu động, mỗi đội có từ 3 đến 5 người để vận động nhân dân vùng căn cứ, vùng giải phóng thực hiện nếp sống mới, bảo đảm vệ sinh môi trường; mở xưởng dược sản xuất thuốc trị các bệnh sốt rét, cảm cúm, kiết lỵ, thương hàn,... mở các lớp đào tạo đội ngũ y tá, cứu thương.

Qua Đồng khởi, vùng giải phóng ở Phú Yên đã được mở rộng, bộ mặt xã hội bắt đầu đổi mới, nông dân làm chủ ruộng đồng. Mọi mặt đời sống của nhân dân vùng giải phóng có nhiều tiến bộ, không khí cách mạng của quân chúng bừng bừng như những ngày cách mạng Tháng Tám 1945.

Tiểu kết chương 3

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, Liên Khu ủy Khu V về Đồng khởi ở vùng nông thôn đồng bằng Xuân 1965, Tỉnh ủy các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú đã linh hoạt, sáng tạo lãnh đạo toàn Đảng bộ, quân và dân địa phương đồng loạt đứng lên đấu tranh kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị, binh vận, kết hợp đòn tiến công quân sự của lực lượng ba thứ quân trên khắp chiến trường hỗ trợ cho nhân dân các địa phương nổi dậy diệt ác, phá kìm, giành quyền làm chủ, mở rộng vùng giải phóng. Phong trào Đồng khởi thu hút đông đảo các tầng lớp quần chúng nhân tham gia, diễn ra đa dạng, phong phú cả về hình thức và nội dung; có nơi lấy đòn tiến công quân sự làm “đòn xeo” để phát động quần chúng nổi dậy; cũng có nơi tranh thủ lúc bộ máy chính quyền địch hoang mang dao động đã phát động quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ, phá áp chiến lược. Sự vùng dậy của quần chúng nhân dân ở nhiều vùng nông thôn đồng bằng các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú trong những năm 1964 - 1965 làm phá sản “quốc sách áp chiến lược” của Mỹ và chính quyền Sài Gòn trên địa bàn; góp phần cùng toàn Miền đánh bại kế hoạch Johnson - McNamara; góp phần đánh bại cuộc “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ và chính quyền Sài Gòn trên địa bàn Khu V, đẩy chính quyền Sài Gòn lún sâu vào khủng hoảng chính trị.

Thắng lợi của Đồng khởi nửa đầu năm 1965 đã mở rộng thêm vùng làm chủ, vùng giải phóng ở Nam - Ngãi - Bình - Phú, Khu V và miền Nam nói chung. Thắng lợi của Đồng khởi đã tạo cho quân và dân Nam - Ngãi - Bình - Phú, Khu V và miền Nam có một thế đứng vững vàng, thế chủ động về chiến dịch và chiến đấu trên chiến trường quan trọng của Khu V và cả toàn miền Nam. Đó là điều kiện rất cơ bản để nhân dân Nam - Ngãi - Bình - Phú cũng như toàn miền Nam giành

thắng lợi khi cuộc kháng chiến chống Mỹ bước vào giai đoạn mới, giai đoạn chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ trong những năm 1965-1968.

Chương 4

NHẬN XÉT VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

4.1. ĐẶC ĐIỂM

Phong trào Đồng khởi ở nông thôn đồng bằng các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên từ nửa sau năm 1964 đến nửa đầu năm 1965 thể hiện những nét đặc trưng của Đồng khởi của Khu V và toàn miền Nam; đồng thời cũng có những nét riêng.

4.1.1. Về quy mô

Về không gian, trong khi ở nhiều nơi của miền Nam, Đồng khởi nổ ra ở một số điểm tập trung, chủ yếu ở vùng ven và nông thôn (Bến Tre, Tây Ninh), thì ở các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú, Đồng khởi diễn ra với quy mô rộng lớn ở hầu khắp vùng nông thôn đồng bằng. Lúc đầu phong trào khởi phát ở vùng miền núi, trung du và cả một số quận lỵ nhưng nhanh chóng lan rộng ra khắp vùng nông thôn, đồng bằng, nơi có vị trí chiến lược vô cùng quan trọng.

Tuy diễn ra ở cả 3 vùng chiến lược, nét đặc trưng của Đồng khởi ở Nam - Ngãi - Bình - Phú những năm 1964 - 1965, là nó diễn ra ở vùng nông thôn, đồng bằng là chủ yếu và đồng loạt diễn ra từ xã, huyện đến tỉnh; liên tục hết đợt này đến đợt khác; khởi nghĩa thắng lợi đến đâu xây dựng chính quyền cách mạng thôn, xã đến đó. Trong khi đó, Đồng khởi những năm 1959 - 1960 ở Khu V diễn ra chủ yếu ở địa bàn vùng rừng núi như Thờ Lò (Phú Yên), Vĩnh Thạnh (Bình Định), Trà Bồng và các huyện miền Tây Quảng Ngãi (Sơn Hà, Ba Tơ, Minh Long), Ông Tía thuộc xã Phước Nham huyện Phước Sơn (huyện miền núi của tỉnh Quảng Nam) và cũng chỉ diễn ra trên một số địa bàn. Cho đến cuối năm 1960 ở Khu V vẫn chưa có Đồng khởi diễn ra trên phạm vi rộng khắp các tỉnh như Đồng khởi giai đoạn 1964 - 1965.

Về thời gian, Đồng khởi 1964 - 1965 diễn ra gần như liên tục, hết đợt này đến đợt khác kéo dài từ nửa sau năm 1964 đến nửa đầu năm 1965 ở hầu hết vùng nông thôn đồng bằng các tỉnh từ Quảng Nam đến Phú Yên. Trong suốt thời gian

này, lực lượng vũ trang và nhân dân các tỉnh liên tục tiến công, liên tục nổi dậy, đẩy mạnh “3 mũi giáp công” lợi hại ở mọi nơi và mọi lúc, mọi buôn làng, thôn xóm, đường phố... tạo thành một cao trào nổi dậy phá kèm, làm cho quân địch bị động và phải căng mỏng lực lượng để đối phó.

4.1.2. Về lực lượng

Phong trào Đồng khởi của các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú những năm 1964 - 1965 là phong trào có tính đặc trưng của nông thôn vùng đồng bằng các tỉnh Khu V trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Khác với Đồng khởi ở nhiều nơi, Đồng khởi ở các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú chủ yếu là sử dụng bạo lực tại chỗ. Trong Đồng khởi ở Tây Ninh năm 1960 ta sử dụng lực lượng chủ lực của Miền tiến công căn cứ Tua Hai, gây chấn động dữ dội toàn bộ hệ thống đồn bót, cứ điểm của địch trên phạm vi cả tỉnh. Trên cơ sở đó phát động quần chúng nổi dậy. Tại các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú, một số nơi cũng sử dụng đòn tiến công quân sự của chủ lực Khu để làm “đòn xeo” cho quần chúng nhân dân nổi dậy nhưng chỉ ở phạm vi nhỏ, lẻ. Tại đây, Đồng khởi bắt đầu từ việc đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, xây dựng và củng cố niềm tin trong nhân dân; qua đó phát động quần chúng nổi dậy thành một cao trào mạnh mẽ, diễn ra trong thời gian dài và rộng khắp. Nét nổi bật của Đồng khởi ở các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú là sử dụng bạo lực tại chỗ là chủ yếu, kết hợp với phát động quần chúng nhân dân nổi dậy phá vỡ hệ thống kèm kẹp của kẻ thù, giành quyền làm chủ. Có nơi chỉ có Đội công tác không có lực lượng vũ trang nhưng cũng phát động quần chúng nổi dậy tự giải phóng toàn xã; Hoài có nơi vừa xây dựng lực lượng vũ trang, vừa phát động quần chúng nổi dậy vẫn thành công; có nơi quần chúng nổi dậy phá ách kèm kẹp của địch, hạ uy thế của bọn tề điệt, rồi mới đi tìm cán bộ, mới đón lực lượng vũ trang về để củng cố thành quả.

Sử dụng bạo lực tại chỗ không chỉ trong quá trình phá ấp, phá kèm mà còn cả trong quá trình phát động phong trào nhân dân du kích chiến tranh, bố phòng xây dựng xã, thôn chiến đấu, xây dựng và phát triển lực lượng du kích để đánh địch giữ làng, bảo vệ tài sản và tính mạng của nhân dân, bảo vệ thành quả cách mạng sau khi đã phá được áp chiến lược.

Ngay sau khi Đồng khởi thành công, thôn, xã được giải phóng, các đoàn thể đã tổ chức hội họp, đại hội từng giới kêu gọi hội viên và quần chúng của đoàn thể mình tham gia bảo vệ thành quả Đồng khởi. Đội ngũ du kích xã, thôn ngày càng được củng cố và phát triển cả về chất lượng và số lượng. Thanh niên đều được huy động trong phong trào nhân dân du kích chiến tranh.

Trong Đồng khởi, quân và dân các tỉnh đã tích cực, chủ động khai thác và sử dụng có hiệu quả nhất lực lượng tại chỗ, cả nhân lực và vũ khí, kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện của tư tưởng ỷ lại, trông chờ và đòi hỏi sự chi viện của trên.

Tùy theo điều kiện hoàn cảnh cụ thể của từng địa phương, các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên trong Đồng khởi đã biết khéo léo kết hợp chặt chẽ giữa tiến công quân sự với nổi dậy của quần chúng để tạo nên sức mạnh tổng hợp của bạo lực tại chỗ. Trong sức mạnh tổng hợp đó, tiến công quân sự giữ vai trò quyết định trực tiếp việc tiêu diệt lực lượng quân sự địch, đánh bại các biện pháp tác chiến và chiến thuật của chúng và thường đóng vai trò đi trước, làm động lực thúc đẩy, tạo thế và thời cơ cụ thể cho đấu tranh chính trị - mà đỉnh cao là nổi dậy vũ trang của quần chúng.

Trong Đồng khởi năm 1964 - 1965 ở các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú có sự kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh chính trị, binh vận với đấu tranh quân sự phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ chính trị, quân sự trong từng thời điểm, ở từng địa phương. Tuy nhiên, dân quân du kích và lực lượng vũ trang quần chúng ở thôn, xã, đường phố vẫn là lực lượng chủ yếu, trực tiếp đánh địch ở cơ sở. Lực lượng này dựa vào dân, cùng nhân dân đánh tiêu hao rộng rãi quân địch, phá hủy cơ sở vật chất, phương tiện chiến tranh của chúng, làm nòng cốt cho phong trào chiến tranh nhân dân ở địa phương. Lực lượng này có nhiệm vụ tiêu diệt các lực lượng bảo an, dân vệ, đánh bại các biện pháp kìm kẹp của địch, tiến hành chiến dịch tiến công, phản công ở địa phương để diệt địch, mở mang giành dân như ở Ba Gia (Quảng Ngãi), An Lão, Gò Bồi, Đèo Nhông (Bình Định),...

4.1.3. Về hình thức đấu tranh

Nếu như phương thức Đồng khởi ở Tây Ninh năm 1960 dựa vào lực lượng vũ trang của Miền đánh một trận thật lớn (Tua Hai), thúc đẩy phong trào nổi dậy giành quyền làm chủ ở nông thôn của quần chúng nhân dân. Đồng khởi ở Bến Tre lấy nổi dậy bằng lực lượng quần chúng là chủ yếu thì Đồng khởi ở Nam - Ngãi - Bình - Phú những năm 1964 -1965 là sự kết hợp có hiệu quả của cả hai phương thức đó. Trong quá trình Đồng khởi, đấu tranh chính trị và công tác binh vận đã phối hợp cùng với đấu tranh vũ trang tiến công địch liên tục. Đấu tranh chính trị phát triển rất cao, trở thành bạo lực của quần chúng nổi dậy vũ trang diệt ác, phá kềm, phá áp chiến lược giành chính quyền xã, thôn. Tiến công quân sự đã hỗ trợ đắc lực cho quần chúng nổi dậy; từ chỗ nổi dậy ở cơ sở, trong từng xã, từng huyện tiến lên cao trào Đồng khởi trong toàn tỉnh. Trong quá trình Đồng khởi quân và dân các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú đã kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh chính trị với tiến công quân sự trong từng đợt hoạt động, từng chiến dịch, tạo nên sức mạnh tổng hợp, tạo ưu thế áp đảo để phá áp, mở mảng, giành dân. Công tác binh vận cũng trở thành mũi tiến công địch, làm tan rã hàng trăm trung đội Dân vệ và Phòng vệ dân sự,...Một số hình thức đấu tranh mới xuất hiện trong Đồng khởi 1964 - 1965 ở các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú như đấu tranh theo hình thức “chợ nhồi”, nhập thị....

Trong Đồng khởi ở Nam - Ngãi - Bình - Phú cho thấy tư tưởng tích cực tiến công và tính quần chúng sâu rộng, kết hợp khó phân biệt giữa chiến tranh và khởi nghĩa, giữa tiến công và nổi dậy, giữa tiêu diệt địch và giành chính quyền làm chủ của nhân dân. Trên chiến trường Nam - Ngãi - Bình - Phú, Đồng khởi cùng lúc hướng đến hai mục tiêu: Tiêu diệt lực lượng quân sự cùng bộ máy kìm kẹp của địch và giành, giữ quyền làm chủ của nhân dân tại chỗ. Đồng khởi ở các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên đã có những sáng tạo, như phương thức bám trụ (ba bám: bám dân, bám đất, bám địch); kết hợp “hai chân, ba mũi” đến từng tổ, từng đội viên du kích; vận dụng linh hoạt các cách đánh du kích có hiệu suất cao....tạo cơ sở cho việc phát động quần chúng nổi dậy giành quyền làm

chủ.

Phương thức đấu tranh đúng đắn của lực lượng cách mạng được đối phương đánh giá cao. Tài liệu nghiên cứu Kế hoạch bình định hương thôn của Việt Nam Cộng hòa năm 1964 cho rằng:

Muốn thắng địch phải biết rõ địch và tự lượng sức ta....

Luận qua thế chiến của Việt cộng. Hiện nay, chúng đang áp dụng sách lược mà chúng gọi: “Cuộc cách mạng giải phóng miền Nam” với thể thức “Chính trị kết hợp với võ trang” đi hai chân song song, tiến lên để tranh đấu trực diện chống chính quyền với chiến thuật “Thế dân” vẫn được áp dụng triệt để.

Tâm đắc kiểm điểm lại hoạt động của ta và Việt cộng; ta thấy rằng, yếu tố quân sự ta vẫn mạnh hơn Việt cộng; tuy nhiên, khả năng nhân dân, ta còn rất kém, chưa nắm được; vì hệ thống chính trị trong địa hạt hành chính địa phương của ta vẫn còn tổ chức theo lối “cai trị” nhưng chưa đẩy mạnh được sâu rộng nhân dân. *Trong lúc đó Việt cộng chủ yếu phát động quần chúng nông thôn, có nơi đã đẩy mạnh ra đô thị, tổ chức nhân dân từng người một, dù ít và chậm nhưng cứ như đà này, Việt cộng đi từ chỗ yếu đến mạnh. Sự tổ chức nhân dân của Việt cộng với đường lối cách mạng, nhấn vào thành phần “nạn nhân của chính quyền” tạo những thế bị kẹt, làm cho những phần tử này không thể nào xuất đầu lộ diện được; để xây dựng bọn này một ý chí chống đối, dù không ăn lương, không được phụ cấp, chúng bắt buộc cũng phải tiếp tục thi hành theo sự hướng dẫn của Cộng sản để bẻ gãy lực lượng ta bằng sức mạnh của quần chúng [143, tr.3].*

.....thực ra Cộng sản không mạnh, nhất là về phương tiện vũ khí. Chúng ta phải thừa nhận rằng kỹ thuật và khí giới của quân đội chính quy Quốc gia rất đầy đủ, nói cách khác không còn trách cứ gì họ. Tuy nhiên, chưa chắc thắng được Cộng sản là về mặt dân sự, chính trị. Đó là điểm cốt yếu. Nếu không thực hiện vấn đề dân sự và chính trị

thì nhất định thất bại nặng nề. [143, tr.4].

4.1.4. Về vai trò của căn cứ địa

Để chuẩn bị cho Đồng khởi, Tỉnh ủy các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú trong lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên chăm lo xây dựng căn cứ địa và hậu phương tại chỗ ở cả đồng bằng và vùng ven không ngừng vững mạnh về chính trị, quân sự, kinh tế, xã hội, văn hóa. Đồng thời các tỉnh cũng đã xây dựng các phương án thích hợp để bảo vệ căn cứ trước các cuộc tiến công nhằm xóa bỏ các căn cứ của địch. Ngay từ sau Đồng khởi 1959 - 1960, tại các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú đã xây dựng được một hệ thống căn cứ địa khá đa dạng, hoàn chỉnh, vững chắc không chỉ ở miền núi, mà cả ở đồng bằng và vùng ven; tạo điều kiện thuận lợi cho sự đứng chân và di chuyển của các cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy kháng chiến của Khu V, các tỉnh trên địa bàn và tạo chỗ đứng cho lực lượng vũ trang. Các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, trước khi tiến hành Đồng khởi 1964 - 1965 đã xây dựng được một hệ thống các căn cứ địa kháng chiến liên hoàn, vững chắc, tiêu biểu như các căn cứ: Nước Oa, Nước Là, Sơn - Cẩm - Hà, Tiên Sơn, Bầu Bính (Quảng Nam), Trà Bồng, Sơn Tây, Núi Thành Thành (Quảng Ngãi), Núi Bà, Hòn Chè, Hung Thạnh, Phước Hậu (Bình Định), Thồ Lô - Ma Dú, huyện Đồng Xuân, Vân Hòa, Sơn Hòa, Bình Nông - Bình Tây xã Xuân Phương (nay là xã Xuân Lâm, thị xã Sông Cầu), Gò Thi Thùng, xã An Xuân, huyện Tuy An, Suối Củng - núi Hòn Ông, xã Hòa Thịnh, Hòa Mỹ (nay là huyện Tây Hòa), Hòa Kiến, Chóp Chài tỉnh (Phú Yên)... Nhờ có các căn cứ này và các cơ sở, các “căn cứ lõm” mà cán bộ lãnh đạo, du kích, tự vệ mật có điều kiện thuận lợi để bám chắc trong dân, gây dựng cơ sở, kịp thời nhận diện, phân hóa và tiêu diệt thành phần ác ôn, phát triển phong trào cách mạng ở đồng bằng và đô thị. Hệ thống hầm bí mật, công sự mật và “thế trận lòng dân” vững chắc, các căn cứ du kích, cơ sở, các “lõm chính trị”... trở thành nơi nuôi giấu các đồng chí lãnh đạo, nơi ém quân của lực lượng vũ trang trước những trận tiến công vào sào huyệt của địch, nơi tích trữ vũ khí, lương thực, chăm sóc thương binh... Ở các tỉnh Nam, Ngãi, Bình, Phú, các căn cứ du kích, cơ sở, các “lõm chính trị” được xây dựng đều khắp ở các vùng đồng bằng

đông dân, nhiều cửa, các đô thị và vùng ven đô, tạo thành mạng lưới rộng rãi tồn tại đan xen trong thế cài răng lược giữa ta và địch ở nhiều địa bàn. Các căn cứ địa được xây dựng trở thành nơi giữ gìn và phát triển lực lượng, động viên sự đóng góp của các tầng lớp nhân dân trong vùng địch cho kháng chiến. Tại đây, chi bộ Đảng đã kịp thời lãnh đạo, phát động nhân dân đấu tranh chính trị hỗ trợ cho đấu tranh quân sự, đẩy lùi nhiều cuộc càn quét của quân Mỹ - VNCH, bảo vệ an toàn nơi đứng chân của LLVT và các đồng chí lãnh đạo. Các căn cứ như: Núi Thành Thành, Bầu Bính, Hòa Kiến... đã trở thành những pháo đài, “vùng đất thép” tồn tại ngay trong hậu phương của địch khiến cho chúng gặp không ít khó khăn, tổn thất trong việc đối phó.

Các căn cứ du kích ở đồng bằng, các cơ sở, các “căn cứ lõm” ở các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú không tồn tại biệt lập mà nối thông với các căn cứ địa ở miền núi thông qua hệ thống liên lạc hợp pháp và bất hợp pháp, đảm bảo sự liên lạc, sự chỉ đạo, lãnh đạo giữa các vùng miền được thông suốt, tạo thuận lợi cho cán bộ và LLVT trong hoạt động lãnh đạo và tổ chức chiến đấu; đồng thời cũng góp phần hình thành thế bao vây trực tiếp uy hiếp các cơ quan đầu não của địch ngay tại sào huyệt của chúng. Căn cứ du kích ở vùng địch tạm chiếm, các cơ sở, “lõm chính trị” trong nội đô tiêu biểu cho niềm tin, ý chí và sức mạnh chiến đấu của nhân dân vùng địch trong thế đối đầu trực tiếp với kẻ thù. Sự hình thành, phát triển và đứng vững của các căn cứ trong vùng địch phản ánh sự linh hoạt, sáng tạo của quân dân Nam - Ngãi - Bình - Phú trong quá trình tạo thế, tạo lực tiến tới Đồng khởi. Các căn cứ địa ở Nam - Ngãi - Bình - Phú đã hoàn thành tốt chức năng và nhiệm vụ của mình; không có nó thì việc Đồng khởi ở địa bàn này khó mà nổ ra vào thời điểm 1964 - 1965, mà nếu có nổ ra cũng sẽ nhanh chóng bị dập tắt.

Trong Đồng khởi giải phóng nông thôn đồng bằng (1964 - 1965), nhân dân vùng căn cứ đã đóng góp hàng chục vạn ngày công, hàng nghìn tấn lương thực,... cho kháng chiến. Đặc biệt, nhân dân vùng căn cứ đã chăm sóc, nuôi dưỡng và bảo vệ cán bộ, đảng viên các cấp, các lực lượng vũ trang một cách bí mật an toàn, góp phần quan trọng vào thắng lợi của Đồng khởi, giải phóng phần lớn địa bàn nông

thôn đồng bằng (1964 - 1965).

Căn cứ địa cách mạng ở Nam - Ngãi - Bình - Phú sau “Đồng khởi” những năm 1964 - 1965 có vai trò quan trọng góp phần vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trên địa bàn và ở miền Nam. Trong quá trình xây dựng, phát triển, nhờ không ngừng được củng cố thực lực về nhiều mặt: kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa, căn cứ địa cách mạng ở Nam - Ngãi - Bình - Phú không những có đủ sức mạnh để đánh bại các thủ đoạn đánh phá của quân Mỹ - VNCH mà còn trực tiếp đóng góp về nhân tài, vật lực phối hợp cùng các đơn vị bộ đội chủ lực đánh địch ở các chiến trường. Hoạt động chiến đấu ở các căn cứ địa đã góp phần tiêu hao một bộ phận sinh lực địch, khiến cho kẻ thù gặp không ít tổn thất; đồng thời tạo thế và lực mới cho lực lượng kháng chiến ở các địa phương. Có thể nói, sự ra đời và hoạt động của các căn cứ địa cách mạng đã tiếp thêm sức mạnh cho phong trào cách mạng ở Nam - Ngãi - Bình - Phú. Căn cứ địa cách mạng trở thành tâm điểm cơ bản để đoàn kết các cộng đồng dân tộc, phát huy truyền thống đấu tranh chống xâm lược, chống áp bức bất công; làm hậu phương trực tiếp cho cuộc kháng chiến ở địa phương; vừa giữ vai trò là bàn đạp, kết nối các chiến trường Trị Thiên, Trung Trung Bộ và Tây Nguyên trong một cục diện chiến trường chung của Khu V và toàn miền Nam. Căn cứ địa ở Nam - Ngãi - Bình - Phú còn là nơi đảm bảo vai trò tiếp nhận, trung chuyển sự chi viện vật chất, con người của hậu phương lớn miền Bắc cho Khu V và Nam Bộ theo đường biển, đường bộ.

4.1.5. Vai trò của phụ nữ trong Đồng khởi

Trong Đồng khởi ở nông thôn đồng bằng các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú, phụ nữ đóng vai trò quan trọng nổi dậy giành quyền làm chủ và xây dựng làng chiến đấu, vùng giải phóng.

Trong các cuộc đấu tranh, nhất là đấu tranh phá áp chiến lược, phụ nữ đóng vai trò quan trọng, tỏ rõ tinh thần bất khuất, dũng cảm, đảm đang. Ở Quảng Nam, khi ở trong áp chiến lược, chị em làm nhiệm vụ nuôi giấu cán bộ, xây dựng cơ sở, che giấu thanh niên trốn lính, vận động chồng, con thoát ly tham gia cách mạng.

Khi lực lượng vũ trang ở ngoài vào phá ấp, chị em cung cấp tình hình, dẫn đường cho đội công tác diệt ác ôn, tiếp tế lương thực, thực phẩm. Chị em tham gia vận động tổ chức các cuộc đấu tranh chống gác ấp, chống phát quang. Lúc đầu chị em tham gia còn ít, nhưng càng về sau đã trở thành lực lượng lớn. Mỗi khi áp chiến lược được phá xong, chị em tham gia truy bắt tề điệp, trừng trị ác ôn, tịch thu tài sản của bọn nguy quân, nguy quyền, đốt hồ sơ, tài liệu địch, vận động binh lính của chính quyền Sài Gòn đầu hàng, hướng dẫn đồng bào sắp xếp đồ đạc, bồng bế trẻ em, lừa trâu bò trở về quê cũ. Nhiều nơi, dưới sự lãnh đạo của cán bộ cơ sở, áp chiến lược đã được lực lượng phụ nữ xây dựng thành làng chiến đấu, xây dựng chính quyền, đoàn thể tự quản, các đội du kích xã, thôn. Ở Hội An, phong trào phụ nữ vùng giải phóng đấu tranh chặn xe tăng, xe bọc thép của Mỹ không cho đánh phá cũng diễn ra quyết liệt, gay gắt. Ở thôn Trà Quế xã Cẩm Hà, chị em thống nhất mỗi lần có xe địch càn tới, lập tức các mẹ, các chị tập trung đội ngũ, tay cầm chặt tay, dàn thành hàng ngang trước đầu xe tăng địch. Ở thôn An Bàn, các mẹ Nguyễn Thị Nhâm, Nguyễn Thị Đích, mẹ Thử đã dũng cảm lặn vào nằm ngay trước đầu xe tăng, ngăn chặn bước tiến của địch.

Ở Quảng Ngãi, trong các cuộc đấu tranh, nhất là đấu tranh phá ấp chiến lược, phụ nữ đóng vai trò quan trọng, tỏ rõ tinh thần bất khuất, dũng cảm, đảm đang. Khi ở trong ấp chiến lược, chị em làm nhiệm vụ nuôi giấu cán bộ, xây dựng cơ sở, che giấu thanh niên trốn lính, vận động chồng, con thoát ly tham gia cách mạng. Khi lực lượng vũ trang ở ngoài vào phá ấp, chị em cung cấp tình hình, dẫn đường cho đội công tác diệt ác ôn, tiếp tế lương thực, thực phẩm. Chị em tham gia vận động tổ chức các cuộc đấu tranh chống gác ấp, chống phát quang. Lúc đầu chị em tham gia còn ít, nhưng càng về sau đã trở thành lực lượng lớn. Mỗi khi áp chiến lược được phá xong, chị em tham gia truy bắt tề điệp, trừng trị ác ôn, tịch thu tài sản của bọn nguy quân, nguy quyền, đốt hồ sơ, tài liệu địch, vận động binh lính của chính quyền Sài Gòn đầu hàng, hướng dẫn đồng bào sắp xếp đồ đạc, bồng bế trẻ em, lừa trâu bò trở về quê cũ. Nhiều nơi, dưới sự lãnh đạo của cán bộ cơ sở, áp chiến lược đã được lực lượng phụ nữ xây dựng thành làng chiến đấu, xây dựng

chính quyền, đoàn thể tự quản, các đội du kích xã, thôn.

Qua các đợt đấu tranh chính trị và binh vận, trong đó phụ nữ đóng một vai trò quan trọng, nhân dân Quảng Ngãi đã làm rã ngũ 2.718 binh lính địch, trong đó có 18 trung đội nghĩa quân, dân vệ, biệt kích rã ngũ tập thể. Cách mạng đã giáo dục 4.915 người trong gia đình binh lính, cùng nhân dân tham gia đấu tranh chính trị, binh vận; giáo dục 604 tù binh, có 47 người tình nguyện tham gia lực lượng giải phóng chiến đấu chống lại kẻ thù. Các đội tuyên truyền vũ trang đã gửi 12.690 lá thư kêu gọi binh lính, nhân viên chính quyền Sài Gòn về với cách mạng.

Tại Bình Định, ở các thôn giải phóng, Hội phụ nữ tích cực vận động chị em tham gia xây dựng chính quyền tự quản, ra sức xây dựng và bảo vệ vùng giải phóng. Hội phụ nữ giải phóng qua đó được củng cố, phát triển, đến giữa năm 1965, đã có gần 80.000 hội viên. Đặc biệt ở các xã Khu Đông đã tổ chức cho trên 1.500 chị em học tập, quán triệt đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và Mặt trận, bồi dưỡng nghiệp vụ đấu tranh chính trị và binh vận chuẩn bị cho cuộc đấu tranh mới.

Trong phong trào Đồng khởi 1964 - 1965, phụ nữ Bình Định với sự mưu trí, dũng cảm, năng động và sáng tạo đã chứng tỏ là lực lượng xung kích trong hai mũi đấu tranh chính trị và đấu tranh binh vận, tích cực hậu thuẫn cho mũi đấu tranh vũ trang tạo nên sức mạnh tổng hợp của 3 mũi giáp công áp đảo kẻ thù, góp phần quan trọng vào việc đánh bại chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ, mở ra cục diện mới trên chiến trường Bình Định.

Trong đấu tranh bảo vệ thành quả Đồng khởi ở Bình Định, lực lượng phụ nữ có vai trò quan trọng. Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, kiên quyết bảo vệ quyền làm chủ giành được, chị em sôi nổi tham gia công tác bố phòng, xây dựng làng chiến đấu. Chị em các huyện đồng bằng tích cực đào hầm trú ẩn, giao thông và công sự chiến đấu. Trong 6 tháng đầu năm 1965, đã có 169 làng xây dựng được các hệ thống phòng thủ nói trên, sẵn sàng chống trả lại các đợt phản kích của địch.

Hội Phụ nữ tỉnh Bình Định đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất. Ở đồng

bằng, chỉ tính riêng tháng 3/1965, nhân dân đã đóng góp trên 3.000 tấn lúa, 2.500.000 đồng đảm phụ, 1.000.000 đồng quỹ luôi quân,...Chị em còn tích cực tham gia phong trào bình dân học vụ, bổ túc văn hóa. Nhiều thôn đã thanh toán được nạn mù chữ như: Thanh Quang (Phước Thắng), Tân Mỹ (Phước Hòa, Tuy Phước); Kim Sơn (Ân Nghĩa), Vạn Xuân, Thuận Hòa (Ân Hòa, Hoài Ân),...

Có thể nói đến nửa đầu năm 1965, với những nỗ lực cao nhất, phong trào đấu tranh của chị em phụ nữ được đưa lên tầm cao mới, kết hợp nhuần nhuyễn phương thức đấu tranh chính trị, binh địch vận, kết hợp với nổi dậy một cách mạnh mẽ, góp phần to lớn vào nhiệm vụ phá khu đồn, áp chiến lược, giải phóng đại bộ phận nông thôn của tỉnh.

4.2. KẾT QUẢ VÀ Ý NGHĨA

4.2.1. Kết quả

Từ nửa sau năm 1964 đến nửa đầu năm 1965, trên địa bàn các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú, phong trào Đồng khởi đã giành được những kết quả to lớn. Ở Quảng Nam, sau chiến dịch Xuân 1965, đại bộ phận nông thôn đồng bằng tỉnh Quảng Nam được giải phóng, bao gồm 80 xã với 400 ngàn dân. Tại đây, địch chỉ còn kiểm soát tập trung ở Đà Nẵng, Hội An, các quận lỵ, cứ điểm dọc Quốc lộ 1 và một số cứ điểm trên các trục giao thông.

Tại Quảng Ngãi, đến giữa năm 1965, chỉ riêng ở vùng đồng bằng ta đã giải phóng và làm chủ 29 xã, 90 thôn với gần 443.665 dân (nếu tính cả 76.840 dân miền núi thì số dân vùng giải phóng và làm chủ của toàn tỉnh Quảng Ngãi lên tới 520.505 dân). Đây là thời kỳ cách mạng làm chủ và giành dân cao nhất trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở Quảng Ngãi.

Ở Bình Định, đến tháng 6/1965 qua 2 đợt Đồng khởi cơ bản ta đã giải phóng phần lớn các vùng nông thôn và đồng bằng trong tỉnh. Tại vùng đồng bằng, ta giải phóng và làm chủ 506 thôn, giải phóng hoàn toàn 56 xã với 564.500 dân, tức giải phóng 70,8% số dân (506/640 thôn), 63,9% số xã (56/86 xã) và 76,7% dân số (564.500/735.800 người). Ở vùng miền núi giải phóng hoàn toàn 40 xã với 15.273 dân. Nếu tính chung cả miền núi và đồng bằng thì ở Bình Định đã giải phóng được

96/126 xã với 579.773 dân. Đây cũng là thời điểm Bình Định giành dân và giải phóng đất đai cao nhất trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975).

Ở Phú Yên, tuy kết quả có khiêm tốn hơn, song đến giữa năm 1965 ta cũng đã giải phóng gần hết 8 xã Xuân Lộc, Xuân Cảnh, Xuân Thịnh, Xuân Lãnh (huyện Đồng Xuân), Hòa Phong, Hòa Bình (huyện Tuy Hòa), Sơn Hòa (huyện Sơn Hòa), Cà Lúi (huyện miền Tây).

Đánh giá kết quả phong trào Đồng khởi 1964 - 1965, Hội nghị Liên Khu ủy V lần thứ IV (5/1965) nhận xét: “*Tốc độ giải phóng và tỷ lệ số dân làm chủ có 3 hạng: hạng khá nhất là Quảng Đà, Quảng Nam, Bình Định, làm chủ từ 2/3 đến 3/4 dân số...*”. Như vậy, trong vòng từ giữa năm 1964 đến giữa năm 1965, Đồng khởi đã làm cho phần lớn vùng nông thôn đồng bằng các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên được giải phóng. Tại đây, cách mạng làm chủ phần lớn địa bàn và giành phần lớn nhân dân.

Đến hè năm 1965 quân và dân Khu V đã phá được hàng trăm ấp chiến lược, đưa tổng số ấp chiến lược phá được trong toàn Khu lên 2.100 ấp (trong 2.800 ấp địch đã lập), đưa số dân làm chủ lên 2,5 triệu [64, tr. 192 - 193].

Nhận xét về phong trào Đồng khởi của các tỉnh Nam Trung Bộ, chính quyền Sài Gòn cho rằng: “*Vì áp lực Việt cộng, dân chúng miền Trung ở ấp, xã hay quận xa xôi đã về các tỉnh lỵ, như: Bình Tuy (300 gia đình) đi lên Lâm Đồng, Đắc Lắc (1.572 gia đình) dự định tập trung; Bình Định (40.000 người); Phú Yên - Quảng Nam - Quảng Ngãi - Khánh Hòa v.v...*” [145, tr.5].

Để giữ vững thành quả các mạng, cấp ủy các tập trung lãnh đạo quân và dân Nam - Ngãi - Bình - Phú liên tục tấn công, truy tróc, hạ uy thế địch đi đôi với xây dựng chính quyền ta về mọi mặt; không ngừng nâng cao khí thế của cách mạng, của quần chúng; tiếp tục phát động tư tưởng quần chúng, xây dựng thực lực cách mạng; giữ thế hợp pháp cho quần chúng và đẩy mạnh đấu tranh chính trị; đẩy mạnh đấu tranh vũ trang, phát triển du kích chiến tranh, xây dựng làng chiến đấu, chống càn quét, lấn chiếm của địch; chỉ đạo phải sát dân, quyết tâm cao, nắm vững phương châm, linh hoạt chuyển biến trong mọi tình thế.

Về lãnh đạo bảo vệ thành quả Đồng khởi đã đạt được, ta đã đặt vấn đề chống lấn chiếm, giữ vững vùng ta đã phá thế kềm kẹp thành nhiệm vụ trọng tâm ngang hàng với mở ra phía trước và dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy địa phương, quần chúng các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú đã hăng hái đấu tranh chống âm mưu càn quét lấn chiếm của địch, để bảo vệ thành quả cách mạng của mình bằng các hình thức rất phong phú. Phong trào từ lẻ tẻ từng người, từng gia đình, đến từng xóm, từng thôn đấu tranh tại chỗ chống dồn dân, lập ấp chiến lược. Nhiều nơi quần chúng còn ký kiến nghị từng thôn có hàng nghìn chữ ký cử đại biểu đến quận, tỉnh khiếu kiện như ở Mỹ Đức, Ân Hữu (Bình Định), Hòa Hưng, Hòa Thượng (Quảng Đà);... có nơi diễn ra những cuộc đấu tranh với nội dung chính trị cao như không chịu xóa khẩu hiệu cách mạng (ở Phú Yên); có những gương đấu tranh rất anh dũng như ở Tuy Hòa, (Phú Yên), Kỳ Sanh (Quảng Nam) v.v...; có cuộc đấu tranh đến 1.200 người như cuộc đấu tranh của đồng bào Phở Thạch (Quảng Ngãi) kéo lên đồn Đá Heo phản đối địch bắn pháo chết 1 em bé, làm địch hoảng sợ bỏ chạy v.v...; có những cuộc biểu tình từ 500 - 700 người như ở Hoài Thanh (Bình Định), Phở Trang, Phở Nhơn (Quảng Ngãi) đến hàng 2.000, 3.000 người như ở Phở Hiệp, Phở Ninh, có nơi hàng chục nghìn người như Phở Trung (Quảng Ngãi) kéo vào thị trấn quận lý đòi trừng trị bọn ác ôn, tay sai Mỹ, đòi hủy bỏ ấp chiến lược, giải tán trại tập trung, đòi chia lại công điền, đòi đế quốc Mỹ rút khỏi miền Nam Việt Nam... làm cho địch lúng túng không dám khùng bố và nhiều nơi chúng phải nhượng bộ.

4.2.2. Ý nghĩa

Thắng lợi của phong trào Đồng khởi 1964 - 1965 đã góp phần làm thất bại kế hoạch Johnson - McNamara, đẩy chính quyền và quân đội Sài Gòn tại các tỉnh Nam Trung Bộ lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng. Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ triển khai ở các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú bị sụp đổ. Đồng khởi ở nông thôn đồng bằng các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên những năm 1964 - 1965 tuy chưa đánh đổ được hoàn toàn chủ nghĩa thực dân mới ở trên địa bàn này nhưng đã góp phần cùng với các đợt Đồng khởi trên toàn miền Nam thiết lập được một vùng căn cứ rộng lớn, có ý nghĩa chiến lược nối liền các tỉnh

duyên hải Khu V với miền Đông và Tây Nguyên. “Áp chiến lược”- xương sống của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” sau Đồng khởi đã sụp đổ. Đồng khởi 1964 -1965 ở các tỉnh Khu V nói chung và các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú nói riêng đã góp phần quan trọng trong việc đánh bại quân đội Sài Gòn - chỗ dựa tin cậy của Mỹ trong “Chiến tranh đặc biệt”. Thắng lợi của phong trào này hỗ trợ đắc lực cho phong trào phá áp chiến lược ở Nam Trung Bộ, góp phần làm thất bại chương trình bình định nông thôn, đẩy chính quyền Sài Gòn càng lún sâu hơn vào cuộc khủng hoảng trầm trọng. Cuối năm 1964, Bộ Quốc phòng Mỹ thừa nhận: “*Chính quyền Sài Gòn phải từ bỏ chút kiểm soát ít ỏi còn lại ở những vùng nông thôn phía ngoài đồng bằng sông Cửu Long*” [89, tr 8].

Theo Bernard Fall - nhà báo Mỹ có mặt ở Việt Nam từ 1953 - 1967 trong cuốn *Việt Nam - những suy nghĩ cuối cùng về một cuộc chiến tranh* thì đến năm 1965 chương trình lập áp chiến lược của Mỹ đã hoàn toàn thất bại. Ông ta cho rằng trong 8.500 áp chiến lược mà Mỹ và chính quyền Sài Gòn đã lập được trong 2 năm trước đó, thì đến giữa năm 1965 sau “sự kiện Đồng khởi”, chỉ còn quản lý 1.400 áp chiến lược.

Thắng lợi của phong trào Đồng khởi những năm 1964 - 1965 đánh dấu bước nhảy vọt quan trọng, chuyển cách mạng ở các tỉnh Khu V vào một thời kỳ mới - thời kỳ phát triển thế tiến công mạnh mẽ, liên tục, hình thành một cao trào khởi nghĩa của quần chúng trên những vùng nông thôn rộng lớn, đẩy Mỹ - chính quyền Sài Gòn lún sâu vào vũng lầy thất bại, khủng hoảng triền miên, buộc đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn phải chuyển hướng chiến lược đối với địa bàn này một cách bị động.

Thắng lợi của Đồng khởi những năm 1964 - 1965 ở các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên còn góp phần khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng bộ các cấp, nâng cao niềm tin tất thắng của quần chúng nhân dân trên địa bàn vào thắng lợi tất yếu của cuộc đấu tranh chống Mỹ. Trên cơ sở nhận thức xu hướng phát triển chung của cách mạng miền Nam sau Đồng khởi, căn cứ vào tình hình cụ thể của từng địa phương, Tỉnh ủy các tỉnh đã chủ động trong việc

đánh giá đúng tình hình, kịp thời đề ra các phương thức đấu tranh chống âm mưu thâm độc và các bước leo thang chiến tranh của kẻ thù. Các đảng bộ địa phương đã khơi dậy và tổ chức cao trào đấu tranh quyết liệt, rộng lớn, dưới nhiều hình thức đấu tranh phong phú, bằng cả ba mũi giáp công: quân sự, chính trị, binh vận, trên cả ba vùng chiến lược, đặc biệt là vùng nông thôn rộng lớn. Thắng lợi của Đồng khởi cho thấy sự lãnh đạo, chỉ đạo sáng suốt, linh hoạt, sắc bén của các Đảng bộ vừa phù hợp đặc điểm tình hình của từng địa phương; vừa đáp ứng kịp thời nguyện vọng của toàn thể nhân dân trong cuộc đấu tranh phá ách kìm kẹp của địch, giành quyền làm chủ.

Thắng lợi của Đồng Khởi, đã khẳng định sự quyết tâm và tinh thần chiến đấu bền bỉ, kiên cường của toàn Đảng bộ, quân và dân các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú; khẳng định sự hoàn toàn đúng đắn của đường lối, phương châm của Đảng và sự chỉ đạo kiên trì, quyết tâm, linh hoạt và sáng tạo của Khu ủy Khu V và các cấp ủy trong việc vận dụng đường lối, phương châm của Đảng vào thực tiễn của phong trào địa phương.

Thắng lợi trong Đồng khởi của các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú còn góp phần phát triển thế và lực của cách mạng trên chiến trường Khu V; góp phần quyết định sự phá sản hoàn toàn chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ ở các tỉnh Nam Trung Bộ. Thắng lợi của phong trào Đồng khởi 1964 -1965 đã góp phần không nhỏ cho sự phát triển và trưởng thành về mọi mặt của lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang của các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú và cho cả Khu V.

Trên cơ sở kết quả thu được từ Đồng khởi, quân và dân các tỉnh Khu V đã đứng vững trên một thế chiến lược hoàn chỉnh. Đó là thế chủ động tiến công, kết hợp chặt chẽ đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị, tiến công và nổi dậy mạnh mẽ trên cả ba vùng rừng núi, nông thôn đồng bằng và thành thị; thế trận tiến công phối hợp giữa chiến tranh du kích và tác chiến của các đơn vị chủ lực Quân khu; thế phát triển và bố trí hợp lý của ba thứ quân thực hành tiêu diệt địch để giành quyền làm chủ, giành quyền làm chủ để tiêu diệt địch. Sau Đồng khởi, sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân tại chiến trường Nam Trung Bộ được phát huy

đến mức cao chưa từng thấy. Đồng khởi đã trực tiếp tạo ra thế và lực mới cho cách mạng các tỉnh, là cơ sở để nhân dân các tỉnh từ Quảng Nam đến Phú Yên tự tin bước vào cuộc chiến tranh mới chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ có hiệu quả ngay từ đầu.

4.3. HẠN CHẾ

4.3.1. Đồng khởi diễn ra chưa đều ở các địa phương

Phong trào Đồng khởi 1964 - 1965 ở các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú xét trên quy mô và bình diện chung toàn vùng thì diễn ra tương đối đều khắp, song trong phạm vi từng tỉnh thì chưa đều. Phong trào Đồng khởi trong giai đoạn này tuy có bước phát triển đáng kể, song nhiều lúc, nhiều nơi vẫn còn yếu, chưa đều khắp. Trong phạm vi từng tỉnh, từng huyện, từng xã, phong trào phát triển không đều. Sở dĩ có tình trạng này là vì nhiều nơi chưa quan tâm đúng mức công tác xây dựng cơ sở và vận động quần chúng; nhiều nơi có tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào đòn tiến công quân sự của lực lượng vũ trang để mở rộng phong trào nên vấn đề xây dựng cơ sở bị xem nhẹ, thiếu tích cực kiểm tra, đôn đốc và có kế hoạch, biện pháp cụ thể; thậm chí nhiều nơi việc xây dựng cơ sở đứng hẳn lại. Những nơi có cơ sở, thì không chăm lo giáo dục, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chính trị và công tác cho cơ sở, nên không phát huy được tác dụng của cơ sở trong việc phát triển phong trào. Đặc biệt là tại những xã vùng sâu ở sát vùng địch tạm chiếm, cơ sở cách mạng phát triển yếu ớt và không đều, tập trung hơn vào việc xây dựng cơ sở ở các xã vùng xa, ven núi. Lực lượng lãnh đạo nòng cốt ở thôn xã còn yếu, thế chiến lược ở ba vùng rừng núi, nông thôn đồng bằng và đô thị phát triển không đều.

Mặt khác, những vùng đã phá được thế kìm kẹp lại chưa được củng cố vững chắc; cơ sở vùng sâu còn yếu và chưa đều, vùng trắng còn rộng. Đây là một trở ngại lớn cho việc mở rộng phong trào; Tại một số nơi việc thực hiện ba mặt giáp công còn yếu cộng với việc chỉ đạo vận dụng chưa thật tốt, thiếu linh hoạt, chưa kết hợp chặt chẽ ba mặt đấu tranh (chính trị, vũ trang, binh vận) nên Đồng khởi đã không đạt như mong muốn.

4.3.2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo có lúc chưa tập trung đúng mức

Công tác chỉ đạo có lúc, có nơi còn yếu, lực lượng còn mỏng. Mặc dù có quá trình chuẩn bị, song thực lực về chính trị, vũ trang nhìn chung còn mỏng và còn yếu, chưa đáp ứng được với tính chất ngày càng quyết liệt của phong trào Đồng khởi. Cơ sở và lực lượng tại chỗ còn mỏng nên không tạo được thế đứng chân lâu dài cho lực lượng chủ lực, chưa hỗ trợ và phối hợp chặt chẽ với phong trào của quần chúng ở các địa phương nên quá trình nổi dậy của quần chúng gặp nhiều khó khăn. Việc nhận thức và vận dụng phương hướng, phương châm trong Đảng bộ các tỉnh chệch choạc trong một thời gian tương đối dài, tuy đã có nhiều cố gắng nhưng vẫn chưa được quan tâm triệt để nhất là xã, thôn; việc chấp hành ở dưới còn phạm nhiều lệch lạc, phổ biến là nặng về hoạt động vũ trang tập trung và hoạt động bất hợp pháp, chưa thấy sâu sắc ý nghĩa chiến lược, tính chất cơ bản, quyết định của đấu tranh chính trị cũng như đấu tranh vũ trang nên chưa quan tâm đầy đủ việc phát huy và tổ chức thực lực chính trị và đấu tranh chính trị của quần chúng.

Trong việc xây dựng và đưa phong trào đi lên, các đảng bộ đặt rõ vấn đề quần chúng, coi trọng công tác phát động quần chúng, tổ chức quần chúng là yếu tố quyết định, đồng thời cũng chú ý đến việc dùng vũ trang để hỗ trợ cho quần chúng nổi dậy. Phong trào đó đã thu được những thắng lợi to lớn. Tuy nhiên, trong quá trình chỉ đạo, do chưa quan tâm đúng mức, nhất là việc hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc còn kém nên việc xây dựng, bồi dưỡng nhân tố quần chúng trong phong trào còn yếu; quần chúng chưa được giáo dục và tổ chức theo kịp với yêu cầu của cuộc chiến tranh yêu nước; đấu tranh vũ trang chính trị chưa bắt nguồn sâu rộng từ quần chúng; đường lối, phương châm, chính sách của Đảng chưa thâm nhập vào đông đảo quần chúng. Mặt khác, việc sử dụng vũ trang hỗ trợ cho phong trào quần chúng cũng chưa thật tốt, có nơi, có lúc không tạo được thế cho quần chúng vùng lên.

Công tác tư tưởng có nhiều tiến bộ, nhưng còn nhiều thiếu sót, chưa theo kịp sự phát triển của tình hình. Tư tưởng của một số cán bộ, đảng viên... còn gồm

sợ địch, co thủ, rụt rè, thiếu tin tưởng ở quần chúng, chưa kiên định với đường lối, phương châm, nhất là chưa nhiệt tình sôi nổi với đấu tranh chính trị; còn ngại hy sinh, gian khổ, nên khi có thời cơ thuận lợi, chưa dám hành động một cách quyết liệt để giành thắng lợi trong Đồng khởi.

Về chỉ đạo, việc đánh giá tương quan lực lượng địch - ta còn nhiều điểm chưa đúng, một số nơi lãnh đạo thiếu tin tưởng vào quần chúng. Vận dụng phương thức, phương châm đấu tranh còn bở ngỡ, lúng túng, nặng nhất là còn y lại lực lượng vũ trang, còn đứng một vùng và tiến công địch một mũi; trình độ tác chiến của bộ đội tỉnh, huyện chưa đủ sức diệt gọn từng đại đội bảo an hoặc cộng hòa của địch, để hỗ trợ mạnh cho quần chúng nổi dậy.

Chưa khẩn trương, mạnh bạo tranh thủ mọi thời cơ và tạo ra thời cơ để mở rộng Đồng khởi; tình hình có những nhân tố mới rất thuận lợi cho ta, nhưng chúng ta chưa tận dụng hết để đưa phong trào Đồng khởi phát triển mạnh hơn.

4.3.3. Nhận thức của cán bộ xã thôn và quần chúng về đấu tranh chính trị chưa đầy đủ, sâu sắc

Việc tổ chức và lãnh đạo đấu tranh chính trị còn nhiều hạn chế. Đội ngũ đấu tranh chính trị của quần chúng nói chung chưa được tổ chức, một số nơi có tổ chức những tổ đấu tranh chính trị nhưng do không chú ý giáo dục, bồi dưỡng và hướng dẫn kế hoạch, lý lẽ đấu tranh với địch nên ít có tác dụng hoặc không có tác dụng. Ở xã, thôn, thường cán bộ chỉ giải thích chung chung rồi sau đó do quần chúng tự động đấu tranh chính trị với địch là chính, lãnh đạo ít chú ý theo dõi diễn biến từng cuộc đấu tranh để hướng dẫn, chỉ đạo kịp thời và rút kinh nghiệm.

Nhận thức của cán bộ xã, thôn và quần chúng về đấu tranh chính trị chưa sâu sắc, chưa thấy hết tác dụng của nhiều mặt của đấu tranh chính trị và chưa thấm nhuần tính chất gian khổ, quyết liệt của đấu tranh chính trị cũng như đấu tranh vũ trang, nên có tư tưởng chùn bước trước sự đe dọa của địch, sợ bị đàn áp, khủng bố, chán nản khi thấy yêu cầu của cuộc đấu tranh không được giải quyết v.v... nên không kiên trì đấu tranh với địch. Có nhiều trường hợp địch gây thiệt hại cho quần chúng nhân dân, nhưng quần chúng nhân dân không đấu tranh, lãnh đạo cũng bỏ

qua, không quan tâm đến, ví dụ như: ở Tiên Ngọc địch thường bắn pháo vào khu vực sản xuất của nhân dân, nhân dân đấu tranh đòi địch không bắn pháo vào khu sản xuất của nhân dân, địch chỉ đồng ý một phần, nhân dân thấy căng nên bỏ khu sản xuất; cán bộ biết nhưng cũng bỏ qua, không biết phát huy sức mạnh quần chúng và tích cực lãnh đạo đồng bào tranh thủ thắng lợi để đấu tranh đến cùng.

Trong khi Mỹ và chính quyền Sài Gòn ngày càng sử dụng chiến tranh ác liệt, thẳng tay khủng bố phong trào, trong tư tưởng một số đồng chí lãnh đạo một số địa phương lại tỏ ra chập chờn hoài nghi khả năng và tác dụng của đấu tranh chính trị. Tình hình đó đã ảnh hưởng đến việc đẩy mạnh đấu tranh chính trị của quần chúng. Nhưng khuyết điểm lớn nhất là chỉ đạo Đồng khởi ở xã, cán bộ, chi bộ chưa bám chắc quần chúng, hòa mình trong quần chúng, nên chưa hiểu hết những quyền lợi bức thiết của quần chúng, chưa thấy hết khả năng của quần chúng, không kịp thời lãnh đạo khi có việc xảy ra, nên khó đưa lên thành phong trào có tổ chức rộng và mạnh.

4.4. MỘT SỐ KINH NGHIỆM

Từ Đồng khởi ở nông thôn đồng bằng các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên những năm 1964 - 1965 có thể đúc rút được một số kinh nghiệm như sau:

4.4.1. Chọn địa bàn để mở đầu phong trào cách mạng có ý nghĩa hết sức quan trọng

Trong một trận đánh, một chiến dịch hay một đợt hoạt động, việc lựa chọn địa bàn để khởi đầu có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Những nơi được lựa chọn phải hội đủ những điều kiện: địa thế chiến lược có lợi cho ta, trong khi đó lực lượng của địch sơ hở hoặc bố trí tương đối mỏng; khi chiếm được thì vị trí này có thể kết nối, lan tỏa được với các vùng khác, địa phương khác một cách thuận lợi; địa bàn được lựa chọn phải vừa thuận lợi cho tiến công, vừa có khả năng phòng thủ tốt. Trong Đồng khởi ở nông thôn đồng bằng Khu V (1964 - 1965), Bình Định được lựa chọn là địa bàn nổ phát pháo hiệu đầu tiên để mở đầu cho Đồng khởi 1964 - 1965 ở Khu V. Trên địa bàn Bình Định thì Khu Đông - vùng đất tiếp giáp với thành phố Quy Nhơn, vừa có vị trí chiến lược lợi hại, có núi Bà che chắn, nối với vùng rừng núi

phía Tây của tỉnh Bình Định lại tiếp giáp vùng đồng bằng rộng lớn ven biển các huyện An Nhơn, Phù Cát, Tuy Phước nên được chọn là điểm khởi đầu của tỉnh Bình Định. Sở dĩ như vậy, vì đây là địa bàn vừa thuận lợi trong tác chiến mở mang đồng khởi ở đồng bằng, vừa thuận lợi trong việc phòng thủ khi địch phản kích, khi cần có thể rút nhanh lên vùng căn cứ địa miền núi một cách thuận lợi.

Hoặc như ở Quảng Ngãi thì ấp Trì Bình (Bình Nguyên), huyện Bình Sơn được chọn làm điểm khởi đầu đợt Đồng khởi vì Trì Bình có vị trí địa lý đa dạng, vừa có núi, đồng bằng vừa giáp biển rất thuận lợi cho lực lượng vũ trang triển khai đánh du kích hỗ trợ cho quần chúng nổi dậy. Quảng Nam lựa chọn xã Điện Ngọc làm địa bàn tiến công và nổi dậy đầu tiên trong phong trào đồng khởi của tỉnh vì ở đây có nhiều cơ sở chính trị; phong trào cách mạng phát triển mạnh, có hệ thống giao thông thuận tiện, tác động nhanh và mạnh...

4.4.2. Phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng, trong đó coi trọng lực lượng quần chúng tự vũ trang là biện pháp hiệu quả để giành thắng lợi

Đồng khởi ở đồng bằng các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú cho thấy, phát huy sức mạnh tổng hợp của lực lượng quần chúng tự vũ trang là chủ yếu, kết hợp với du kích thôn xã, bộ đội địa phương và lực lượng vũ trang Quân khu để đập tan, hoặc làm tê liệt bộ máy quân sự của địch, hỗ trợ cho quần chúng nổi dậy là cách làm hiệu quả nhất. Chỉ có như vậy thì Đồng khởi mới thành công.

Thực tiễn Đồng khởi 1964 - 1965 cho thấy, trong quá trình tiến hành Đồng khởi, địa phương nào phát huy được sức mạnh tổng hợp thì giữ được thế chủ động, liên tục tiến công địch, giành được thắng lợi lớn như: huyện Hoài Nhơn, Phù Mỹ, An Nhơn, Tây Sơn (tỉnh Bình Định); Điện Bàn, Thăng Bình, Quế Sơn (tỉnh Quảng Nam); Bình Sơn, Tư Nghĩa, Đức Phổ (Quảng Ngãi); Tuy An, Tuy Hòa 1 (tỉnh Phú Yên). Ngược lại, nơi nào, lúc nào nặng về sử dụng lực lượng quân sự để đẩy phong trào quần chúng, coi nhẹ việc xây dựng cơ sở chính trị thì phong trào đó, lúc đó gặp khó khăn khi bị đối phương đàn áp, tiến công (như thời kỳ cuối năm 1962 và năm 1963). Sức mạnh tổng hợp phải đáp ứng được yêu cầu đánh thắng địch về quân sự trong mọi tình huống; có như vậy thì mới bảo đảm cho nổi dậy của quần

chúng giành được thắng lợi. Sức mạnh tổng hợp tại các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú đã được được phát huy mạnh mẽ nhất vào giữa năm 1964 đến giữa năm 1965 khi mà tại đây quân và dân địa phương có đủ sức mạnh đánh bại cả lực lượng bảo an, dân vệ trực tiếp kìm kẹp quân chúng ở cơ sở và cả lực lượng chủ lực cơ động địch hành quân càn quét, gom dân tạo điều kiện hỗ trợ đắc lực cho quân chúng nổi dậy. Lực lượng chính trị quân chúng được phát động cũng có thể tạo nên sự áp đảo để có thể đánh thắng địch về quân sự, giành quyền làm chủ phần lớn vùng nông thôn đồng bằng.

Đồng khởi ở các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú cho thấy, lực lượng chính trị đấu tranh dũng cảm và sáng tạo một khi được động viên và tổ chức tốt, đã có thể giữ vững được quyền làm chủ trong các vùng Mỹ và quân đội Sài Gòn đóng quân; tạo điều kiện cho các lực lượng vũ trang tiến công vào căn cứ, cơ quan đầu não của địch, gây cho chúng nhiều tổn thất. Có thể thấy, sức mạnh tổng hợp được quân và dân các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú tạo nên đã đáp ứng được yêu cầu phát triển của phong trào Đồng khởi, tạo thời cơ và điều kiện để mở rộng địa bàn vùng nông thôn đồng bằng Khu V.

Phong trào Đồng khởi 1964 - 1965 các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú cũng cho thấy việc đánh giá đúng tình hình thực tiễn để trên cơ sở đó đề ra phương thức, biện pháp phù hợp và hiệu quả với điều kiện cụ thể ở từng địa phương đã đảm bảo cho các Đảng bộ các tỉnh luôn giành thế chủ động trong lãnh đạo và tổ chức phong trào Đồng khởi.

Thực tiễn phong trào Đồng khởi cho thấy: *“để giành thắng lợi trong đấu tranh phải có những chủ trương, phương pháp đúng đắn, kịp thời và phù hợp để huy động và tập hợp được tất cả nhân lực, vật lực của toàn dân tộc, tạo nên sức mạnh tổng hợp đánh bại mọi âm mưu và thủ đoạn của kẻ thù”* [163].

4.4.3. Phát huy thế mạnh của từng vùng và kết hợp chặt chẽ giữa ba vùng chiến lược, bổ sung hỗ trợ cho nhau, tạo thành thế mạnh để chủ động tiến công giành thắng lợi

Trong Đồng khởi, căn cứ vào vị trí địa lý, đặc điểm điều kiện từng vùng cả

về quân sự, chính trị, kinh tế, địa lý và dân cư, so sánh tương quan lực lượng giữa ta và địch một cách toàn diện, Đảng bộ các tỉnh đã đề ra phương thức Đồng khởi cho từng vùng một cách phù hợp. Nhờ vậy mà luôn luôn giữ được quyền chủ động tiến công địch.

Các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú có ba vùng rõ rệt với vị trí, đặc điểm, điều kiện khác nhau. Vùng rừng núi là căn cứ địa vững chắc của cách mạng. Đồng bào ở đây có truyền thống đấu tranh chống giặc, một lòng son sắc với Đảng và Bác Hồ. Đất rộng, dân cư thưa, địa hình hiểm trở, đây là hành lang nối liền Nam - Bắc, là địa bàn tiến công xuống đồng bằng và lên Tây Nguyên và là chiến trường tiêu diệt lớn quân địch (như địa bàn, căn cứ địa Nước Oa, Nước Là, Sơn - Cẩm - Hà, Tiên Sơn (Quảng Nam), Trà Bồng, Sơn Tây (Quảng Ngãi), Núi Bà, Hòn Chè, Vĩnh Thạnh (Bình Định), Thò Lò, Vân Hòa (Phú Yên). Ở đó ta vừa kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị, nhưng lấy đấu tranh quân sự làm chủ yếu. Lực lượng được bố trí hợp lý, vừa tiến công địch, vừa kiên trì xây dựng thế trận ngày càng vững mạnh. Ở đó các lực lượng vũ trang cách mạng vừa tiêu diệt địch, giải phóng từng bộ phận đất đai, mở rộng căn cứ hậu phương tại chỗ; vừa sản xuất, huấn luyện, chuẩn bị chiến trường, vừa chuẩn bị cho đánh tiêu diệt lớn.

Vùng đồng bằng các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú địa thế dài và hẹp, chạy dọc ven biển, là nơi đông dân, tương đối nhiều cửa, nhân dân lao động vốn có kinh nghiệm và truyền thống đấu tranh cách mạng, là địa bàn giành giết quyết liệt giữa ta và địch. Tại đây, ta thực hành tiến công và nổi dậy, nổi dậy và tiến công. Nắm vững vị trí, đặc điểm và điều kiện của đồng bằng và vùng núi, trong quá trình Đồng khởi, ta đã biết phát huy thế mạnh của từng vùng; biết kết hợp, hỗ trợ nhau; buộc địch phải phân tán lực lượng đối phó ở cả ba vùng. Tại cả ba vùng chiến lược, ta đã kiên trì phương thức đấu tranh, vừa tiến công vừa nổi dậy, giành và giữ quyền làm chủ, cải thiện và giữ vững thế chiến trường để phát triển lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, trước hết là ở cơ sở.

Các đô thị ở Nam - Ngãi - Bình - Phú cũng là hướng chiến lược quan trọng vì đây là nơi tập trung các cơ quan đầu não, căn cứ quân sự lớn, là hang ổ cuối

cùng của địch, đồng thời cũng là nơi tập trung mâu thuẫn trong nội bộ Mỹ - chính quyền Sài Gòn. Đô thị là những trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, cư dân đông đúc nên rất nhạy cảm về chính trị. Tại đây, phong trào đấu tranh chính trị phát triển khá mạnh, chính vì vậy mà để phong trào Đồng khởi có sức lan tỏa nhanh và tác động mạnh trong quá trình phát động Đồng khởi ở vùng nông thôn đồng bằng, ta đã biết đẩy đấu tranh chính trị trong các đô thị lớn thành cao trào kết hợp nhịp nhàng với các cuộc tiến công quân sự để trói chân quân địch, “chia lửa” cho chiến trường ở địa bàn nông thôn.

Xây dựng và phát huy thế trận trên cả ba vùng chiến lược là nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các lực lượng phát huy đến mức cao nhất khả năng tại chỗ và sở trường của mình để tiến công địch, đạt hiệu quả cao trong Đồng khởi. Thực tiễn Đồng khởi 1964 - 1965 cho thấy, tùy theo từng vùng, từng địa bàn mà xác định phương thức Đồng khởi và sử dụng lực lượng một cách hợp lý. Cần phải nắm vững vị trí, đặc điểm, điều kiện của từng vùng để sử dụng lực lượng cho thích hợp; nắm vững chỗ mạnh và sở trường của từng lực lượng, từng thứ quân để sử dụng cho hiệu quả; đồng thời xây dựng thế trận ngày càng vững mạnh, phù hợp với yêu cầu hoạt động tác chiến của từng lực lượng trong từng bước phát triển của Đồng khởi. Lực lượng tiến hành Đồng khởi có cả lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang với ba thứ quân.

4.4.4. Dựa chắc vào nhân dân, kiên trì tích cực xây dựng cơ sở chính trị ở địa bàn nông thôn đồng bằng là tiền đề quan trọng để giành thắng lợi

Cơ sở chính trị là chỗ dựa cho quần chúng nhân dân tiến hành đấu tranh, Đồng khởi thành công hay không một phần phụ thuộc vào cơ sở chính trị. Cơ sở chính trị còn là lực lượng quan trọng trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia tiến công cùng với lực lượng vũ trang. Cơ sở chính trị càng vững mạnh, càng sâu trong lòng địch thì càng tạo điều kiện thuận lợi cho ta huy động được lực lượng cho Đồng khởi. Cơ sở chính trị có vững mạnh, rộng khắp thì Đồng khởi mới có thể phát triển vững chắc. Trong Đồng khởi 1964 - 1965 ở Nam - Ngãi - Bình - Phú cơ sở chính trị được xây dựng ở khắp mọi nơi, trên cả ba vùng chiến lược: rừng núi, nông thôn,

đồng bằng và thành thị, ở cả vùng giải phóng, vùng làm chủ, vùng tranh chấp và vùng địch kiểm soát, không chỉ chôn ngòi cho Đồng khởi bùng nổ; mà còn là cơ sở để huy động sức mạnh của quân chúng, chỗ dựa cho các lực lượng vũ trang tiến công quân địch. Từ vùng có cơ sở chính trị, Đảng bộ quân và dân các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú đã phát triển lên thành vùng tranh chấp, vùng làm chủ. Tại đây, có những vùng làm chủ nhỏ, thậm chí rất nhỏ nằm sâu trong lòng địch (thường gọi là “căn cứ lõm”) trở thành những căn cứ và bàn đạp vô cùng quý giá cho cơ quan đầu não kháng chiến và lực lượng vũ trang.

Ngay từ cuối năm 1961, thực hiện chỉ đạo của Quân ủy Trung ương đối với chiến trường Khu V là tiêu diệt sinh lực địch và xây dựng căn cứ địa cách mạng ở miền núi, xây dựng hậu phương trực tiếp của cách mạng miền Nam; tiến lên làm chủ rừng núi, giành lại nông thôn đồng bằng, Khu ủy V và các Tỉnh ủy đã chủ trương đẩy mạnh hoạt động củng cố, mở rộng các cơ sở chính trị; các căn cứ địa. Đây chính là cơ sở để ta phát động Đồng khởi 1964 - 1965.

Trong tài liệu của Việt Nam Cộng hòa đánh giá về các mật khu của ta: “*Mật khu Thổ Lô ở vùng giáp ranh Pleiku, Bình Định, Phú Yên, mật khu này gồm có Thổ Lô Thượng và Thổ Lô Hạ, Thổ Lô Hạ có nhiều khu vực canh tác: Làng Đồng, Làng Len, Ma Choi, Ma Chiêu, trại sản xuất, Randai, Ma Lô. Một quân y viện mới bị ta khám phá. Mật khu Thổ Lô chính là sào huyệt của bọn Việt cộng đầu não của liên tỉnh Phú Yên - Bình Định* [133].

Tại tỉnh Quảng Nam, bên cạnh các căn cứ địa cách mạng: Sơn - Cẩm - Hà nối thông với căn cứ Trà My, ta đã xây dựng được nhiều cơ sở chính trị tại các huyện Hiệp Đức, Quế Sơn, Thăng Bình, Tam Kỳ...

Tại vùng đồng bằng của tỉnh Quảng Ngãi, Huyện ủy Bình Sơn xây dựng “căn cứ lõm” ở Nam Bình (Bình Nguyên), Đông Bình (Bình Chánh), Đồng Lớn (An Điem), ở Phước Bình, Phú Lễ, Phước Thuận.

Ở Bình Định, trên căn cứ Núi Bà, tại Khu Đông ta đã xây dựng được nhiều cơ sở chính trị. Địa thế Núi Bà vừa giáp với biển, vừa giáp với đồng bằng nên lực lượng cách mạng dễ dàng hoạt động và rút lui an toàn. Núi Bà là địa bàn rất thuận

lợi cho việc xây dựng nơi đứng chân của các cơ quan lãnh đạo, chỉ huy kháng chiến. Để xây dựng địa bàn đứng chân và mở rộng hoạt động xuống đồng bằng cho lực lượng kháng chiến, từ sau thắng lợi của phong trào “Đồng khởi” 1959 - 1960, các “căn cứ lõm” được xây dựng quanh Núi Bà như: Tân Thanh, Vĩnh Hội (Cát Chánh) và Lộc Khánh (Cát Thắng) hình thành hành lang và tạo ra bàn đạp để Tỉnh ủy Bình Định đưa lực lượng xuống bám trụ Khu Đông (Đông An Nhơn - Đông Nam Phù Cát - Đông Bắc Tuy Phước).

Vào giữa năm 1964, vùng giải phóng đã được mở rộng ở hầu hết địa bàn miền núi và một phần nông thôn đồng bằng của tỉnh Phú Yên. Nhiều địa bàn ven biển đã thuộc quyền kiểm soát của cách mạng. Trên cơ sở sự thuận lợi này, Tỉnh ủy tổ chức tiếp nhận hàng hóa chi viện của miền Bắc bằng đường biển. Bến Vũng Rô trở thành căn cứ tiếp nhận và trung chuyển vũ khí, hàng chi viện của miền Bắc cho ba tỉnh Phú Yên, Khánh Hòa, Đắk Lắk bằng đường biển.

Bên cạnh căn cứ Đá Bàn thuộc thôn Cẩm Tú, xã Hòa Kiến, thị xã Tuy Hòa, ta cũng đã xây dựng được nhiều cơ sở chính trị, nhiều “Căn cứ lõm”; trong đó có Hòa Kiến là “căn cứ lõm” điển hình của tỉnh Phú Yên. Căn cứ Hòa Kiến nằm trên Quốc lộ 1, cách thị xã Tuy Hòa 3 km về phía Bắc và xung quanh núi Chóp Chài. Với hệ thống hầm bí mật được xây dựng tại các thôn Thanh Đức, Minh Đức, Ngọc Phong, Phước Hậu, Liên Trì, Ninh Tịnh, địa bàn này trở thành nơi đứng chân an toàn cho lực lượng cán bộ đi về hoạt động trụ bám trong suốt thời gian diễn ra Đồng khởi.

Các cơ sở chính trị, hầm bí mật, các “lõm chính trị” trong vùng địch kiểm soát trở thành nơi nuôi giấu cán bộ, nơi lực lượng vũ trang từ bên ngoài vào bám trụ để hoạt động, nơi tuyên truyền giác ngộ cách mạng đối với các tầng lớp nhân dân, nơi gây dựng và phát triển lực lượng cách mạng tại chỗ; nơi phát động quần chúng nổi dậy Đồng khởi; nơi động viên, huy động sự ủng hộ của các tầng lớp nhân dân, khi cần thiết có thể làm nội ứng hoặc phối hợp với lực lượng bên ngoài để đánh địch hỗ trợ cho Đồng khởi.

Qua Đồng khởi, căn cứ địa, các cơ sở chính trị, “căn cứ lõm” ở các tỉnh

Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên tiếp tục được củng cố và mở rộng, đặc biệt là tại các vùng giáp ranh và đồng bằng. Các căn cứ mới được xây dựng như: Sơn - Cẩm - Hà, Triều Tiên, Đà Lạt, Liên Xô, Núi Bà, Hòn Chè, Vân Hòa, Đá Bàn, Hòa Kiến không ngừng được củng cố, phát triển. Một số căn cứ ven biển đồng thời là bến bãi tiếp nhận hàng vận chuyển trên biển cũng được thành lập ở Vũng Rô (Phú Yên), Lộ Diêu (Bình Định), Đạm Thủy (Quảng Ngãi).

Tiểu kết chương 4

Phong trào Đồng khởi ở các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên những năm 1964 - 1965 đã giành được thắng lợi to lớn, góp phần tạo ra phong trào cách mạng rộng lớn ở miền Nam trong những năm 1964 - 1965, là một trong những nhân tố góp phần đánh thắng “Chiến tranh đặc biệt” (1961-1965) của đế quốc Mỹ trên địa bàn. Trong quá trình phát triển, phong trào Đồng khởi ở các địa phương này vừa thể hiện những đặc điểm chung của Đồng khởi ở các tỉnh Khu V và miền Nam, đồng thời cũng có những nét riêng. Đó là sử dụng bạo lực tại chỗ là chủ yếu, kết hợp với phát động quần chúng nhân dân nổi dậy; diễn ra trên quy mô rộng lớn, liên tục; hình thức đấu tranh quyết liệt và phong phú; căn cứ địa đóng một vai trò hết sức quan trọng trong phong trào Đồng khởi 1964 - 1965. Phụ nữ đóng một vai trò rất quan trọng trong Đồng khởi. Đây là kết quả của sự vận dụng linh hoạt và sáng tạo chủ trương Đồng khởi của Liên khu ủy và Quân Khu ủy V của Đảng bộ quân và dân các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú.

Bên cạnh những kết quả, phong trào Đồng khởi ở các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú 1964 - 1965 còn có một số hạn chế như diễn ra không đồng đều giữa các địa phương, còn có một số hạn chế trong chỉ đạo và xây dựng lực lượng tại các địa phương.

Phong trào đã để lại những bài học kinh nghiệm hết sức quan trọng như lựa chọn địa bàn để mở đầu phong trào cách mạng có ý nghĩa hết sức quan trọng; bài học về phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng trong đó coi trọng lực lượng quần chúng tự vũ trang là biện pháp hiệu quả để giành thắng lợi ở địa phương

trong đấu tranh cách mạng; bài học về phải dựa chắc vào nhân dân, kiên trì tích cực xây dựng cơ sở chính trị ở địa bàn nông thôn đồng bằng là tiền đề quan trọng để giành thắng lợi trong thực thi các nhiệm vụ cách mạng; đó còn là bài học về phát huy thế mạnh của từng vùng và kết hợp chặt chẽ giữa ba vùng chiến lược, bổ sung hỗ trợ cho nhau, tạo thành thế mạnh để chủ động thực thi nhiệm vụ và giành thắng lợi.

KẾT LUẬN

1. Phong trào Đồng khởi ở tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên những năm 1964 - 1965 diễn ra trên một địa bàn chiến lược quan trọng hàng đầu trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Thất bại trong “Chiến lược Ai-xen- hao”, Mỹ chuyển sang thực hiện chiến lược “*Chiến tranh đặc biệt*” (1961-1965) với quy mô, mức độ, tính chất vô cùng nham hiểm. Bằng hàng loạt các biện pháp tổng hợp (quân sự, chính trị, kinh tế, tâm lý,..), trong đó lực lượng quân sự là chủ yếu, chúng càn quét, gom dân lập “*ấp chiến lược*”, “*ấp tân sinh*”, tăng cường hệ thống chính quyền và lực lượng vũ trang cơ sở, hòng tách dân ra khỏi lực lượng cách mạng, cô lập để đi đến tiêu diệt. Trong quá trình thực hiện âm mưu trên, Nam - Ngãi - Bình - Phú là địa bàn trọng điểm. Đây vốn là vùng tự do của Liên Khu V trong kháng chiến chống Pháp, cơ sở Đảng mạnh, nơi đặt cơ quan đầu não của cách mạng ở Liên Khu V, quần chúng nhân dân ở đây kiên cường bất khuất. Trong những năm 1954 - 1960, tại địa bàn này, diễn ra phong trào đấu tranh chống Mỹ và chính quyền Sài Gòn quyết liệt, với

đỉnh cao là đồng khởi Vân Canh, Vĩnh Thạnh, Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi trong năm 1959, dẫn đến phong trào Đồng khởi ở miền Nam 1959 - 1960. Trong quá trình thực hiện chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” ở Nam Trung Bộ, Mỹ và chính quyền Sài Gòn luôn coi trọng việc bình định vùng nông thôn đồng bằng các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định và Phú Yên, nhằm biến vùng này thành những tiền đồn, nơi cung cấp sức người, sức của, tạo thành một “thế trận liên hoàn” để hậu thuẫn cho chiến trường Trị Thiên, bảo vệ Tây Nguyên - những vùng chiến lược quân sự và kinh tế mà địch không thể để mất, ngăn chặn sự chi viện từ miền Bắc vào miền Nam, đồng thời tạo ra hệ thống phòng thủ từ xa của đô thành Sài Gòn. Tại các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú, địch tiến hành khủng bố hết sức tàn khốc, ra sức xây dựng cơ sở xã hội cho chế độ thực dân mới của Mỹ. Trên địa bàn này cho đến giữa năm 1965, địch tập trung hầu hết các sắc lính: từ quân Mỹ, quân đội Sài Gòn cho đến một số quân đồng minh của Mỹ. Chúng đã thực hiện đủ mọi hình thức đàn áp, mọi thủ đoạn chiến tranh nham hiểm gây biết bao khó khăn, tổn thất, đau thương cho quân và dân các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên. Đấu tranh chống các âm mưu và thủ đoạn của Mỹ và chính quyền Sài Gòn trở thành một yêu cầu tất yếu của Đảng, nhân dân Việt Nam nói chung, nhân dân các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú nói riêng.

Trước âm mưu và thủ đoạn mới của Mỹ và chính quyền Sài Gòn, từ năm 1961, Trung ương Đảng đã đề ra đường lối kịp thời, lãnh đạo cách mạng miền Nam phát triển đúng hướng. Khu ủy V cũng kịp thời quán triệt chủ trương của Trung ương Đảng, đề ra đường lối phù hợp với thực tiễn địa phương, tạo ra nền tảng để Đảng bộ các tỉnh lãnh đạo quân và dân địa phương tiến lên thực hiện phương châm “hai chân”, “ba mũi” giáp công trên “ba vùng chiến lược” chống lại âm mưu, thủ đoạn, những chính sách vô cùng tàn bạo của kẻ thù. Đó là những nền tảng dẫn đến phong trào “Đồng khởi” ở các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên từ nửa sau năm 1964 đến nửa đầu năm 1965.

Chủ trương phát động quần chúng Đồng khởi giành lại nông thôn đồng bằng theo tinh thần “khởi nghĩa nông thôn”, phương châm đấu tranh “2 chân 3

mũi giáp công” là có căn cứ thực tế khách quan, phù hợp với nguyện vọng tha thiết và khả năng cách mạng thực tế của quần chúng ở nông thôn đồng bằng các tỉnh Nam Trung Bộ lúc bấy giờ. Quá trình đấu tranh giành lại nông thôn đồng bằng ở bốn tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên đã chứng minh cho thấy sức mạnh to lớn của quần chúng một khi họ được tập hợp dưới ngọn cờ cách mạng của Đảng do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và lãnh đạo. Những nơi biết dựa vào quần chúng, làm công tác theo đường lối quần chúng, biết chăm lo xây dựng lực lượng chính trị, vũ trang quần chúng, biết quan tâm đem lại lợi ích thiết thân cho quần chúng, kiên trì làm công tác tư tưởng quần chúng, giáo dục quần chúng thì qua một thời kỳ tích lũy, đến độ chín muồi và khi Đồng khởi nổ ra, quần chúng sẽ đứng dậy hành động một cách hoàn toàn tự giác.

Đồng khởi nổ ra là một tất yếu lịch sử, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi cấp bách của phong trào cách mạng ở Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên những năm 1964 - 1965.

2. Đồng khởi ở Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên diễn ra mạnh mẽ quyết liệt, trải qua hai giai đoạn liên kế nhau (nửa sau 1964 - nửa đầu 1965), đa dạng về phương thức, phong phú về nội dung. Nó vừa hội tụ những nét tương đồng của Đồng khởi ở miền Nam nói chung, vừa thể hiện những đặc thù mang đậm nét sắc thái của cách mạng Nam Trung Bộ lúc bấy giờ.

Về mặt phương thức Đồng khởi, Đảng bộ các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú đã rất linh hoạt trong việc vận dụng cả 2 phương thức Đồng khởi; thực hiện phương châm đấu tranh “hai chân, ba mũi”; vừa coi trọng sử dụng lực lượng vũ trang kết hợp với đấu tranh chính trị và binh vận để mở phong trào.

Đồng khởi ở Nam - Ngãi - Bình - Phú là kết quả của việc nắm vững phương châm đấu tranh “2 chân và 3 mũi giáp công”; là kết quả của quá trình xây dựng cơ sở quần chúng và phát động được tư tưởng quần chúng, đưa quần chúng xuống đường thực hiện khởi nghĩa nông thôn, tự mình làm chủ nông thôn, tự mình đấu tranh 2 chân và 3 mũi giáp công. Trong quá trình Đồng khởi ở các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú do lực lượng địch ở đây khá mạnh; chúng đánh phá khá gay gắt nên

các tỉnh đã phải sử dụng lực lượng vũ trang đến mức cần thiết để hỗ trợ tích cực cho quần chúng nổi dậy.

Đồng khởi ở các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú là sự kết hợp hai phương thức Đồng khởi ở miền Nam nói chung, song lấy phương thức dùng bạo lực chính trị và vũ trang của quần chúng là chủ yếu, tiến hành phát động quần chúng nổi dậy với quy mô 2, 3 xã một lần và với tốc độ phát triển nhanh ở khắp các tỉnh. Phương thức dùng lực lượng vũ trang, đấu tranh vũ trang phải luôn đi trước một bước, phải đóng vai trò khơi ngòi, “đòn xeo”, tạo thế và thời cơ cho quần chúng nổi dậy làm chủ thôn, ấp, chủ yếu là ở những vùng cơ sở yếu hoặc trắng; địch có rào vi, có áp chiến lược và có lực lượng bán vũ trang bảo vệ áp chiến lược mạnh.

Điểm nổi bật trong phong trào Đồng khởi ở các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên là việc quán triệt phương châm kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị được chỉ đạo thông suốt và được vận dụng tốt từ trên xuống dưới, từ đầu đến cuối; khắc phục được một bước tư tưởng hữu khuynh, co thủ, rụt rè trong cán bộ các cấp. Vì vậy, mà Đồng khởi diễn ra một cách liên tục, rộng khắp kéo từ giữa năm 1964 cho đến giữa năm 1965.

3. Đồng khởi ở nông thôn đồng bằng các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên là một trong những sự kiện nổi bật, đánh dấu mốc quan trọng của cuộc Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trên địa bàn Nam Trung Bộ.

Đồng khởi ở nông thôn đồng bằng các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên những năm 1964 - 1965 là sự kết hợp giữa tiến công và nổi dậy trên cả ba vùng chiến lược, đánh dấu một bước phát triển mới của cách mạng miền Nam. Nếu Đồng khởi những năm 1959 - 1960 chủ yếu diễn ra ở vùng miền núi thì Đồng khởi 1964 -1965 mở rộng ra cả ba vùng: miền núi, đồng bằng, thành thị. Trong đó, đồng bằng là địa bàn diễn ra chủ yếu và lực lượng quần chúng tại chỗ là chủ yếu với sự kết hợp các hình thức đấu tranh: đẩy mạnh tiến công địch cả về chính trị và quân sự có sự kết hợp lực lượng bộ đội chính quy của Quân Khu V, bộ đội địa phương các tỉnh và dân quân du kích thực hiện liên tục nổi dậy, liên tục tiến công địch mọi lúc, mọi nơi làm cho địch hoang mang, rối loạn, buộc địch phải

căng kéo lực lượng ra để đối phó. Tiến công và nổi dậy giành quyền làm chủ đến đâu thì xây dựng chính quyền thôn, xã đến đó và bảo vệ thành quả đã đạt được. Nhiệm vụ quan trọng của Đồng khởi là phá áp chiến lược (áp tân sinh), giành dân ở nông thôn đồng bằng.

Đồng khởi ở Nam - Ngãi - Bình - Phú là thắng lợi toàn diện, góp phần tiêu diệt lực lượng quân sự của địch, giành dân, giành quyền làm chủ vùng nông thôn đồng bằng, mở rộng vùng giải phóng, phát triển thực lực kháng chiến, góp phần vào thắng lợi chung của các tỉnh Khu V và cả miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Phong trào Đồng khởi bùng nổ ở Nam - Ngãi - Bình - Phú từ giữa năm 1964 đã làm đảo lộn mọi toan tính và thế bố trí chiến lược của địch, “thế trận liên hoàn” của địch tại đây hoàn toàn bị phá vỡ. Có thể nói, “*Việc phá hệ thống áp chiến lược và mở rộng vùng giải phóng đồng bằng Khu V đang tạo ra một thế chia cắt chiến lược đối với quân địch ở chiến trường Tây Nguyên, buộc địch phải phân tán lực lượng để đối phó với ta* [48, tr.58].

Phong trào Đồng khởi ở các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên (1964 -1965) không chỉ giải phóng phần lớn nông thôn đồng bằng, xây dựng chính quyền cách mạng ở cơ sở, thực hiện dân sinh dân chủ cho nhân dân tại các tỉnh này; mà còn có tác dụng góp phần to lớn trong việc đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân các tỉnh Nam Trung Bộ phát triển đồng đều với các địa phương khác trên toàn miền Nam. Nghị quyết Hội nghị Trung ương Cục lần thứ ba (01/1965) “Về tình hình cách mạng miền Nam năm 1964 và nhiệm vụ trước mắt của ta” đã đánh giá: “*Cái mới nhất là phong trào Khu V từ giữa năm 1964 lên rất mạnh từ nông thôn đến đô thị, cả về quân sự và chính trị, làm cho phong trào toàn miền được đồng đều*” [48, tr.647]. Thực tiễn Đồng khởi ở các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú cung cấp những cơ sở quan trọng để Đảng đề ra những sách lược quan trọng cho những giai đoạn tiếp theo của cuộc kháng chiến cách mạng; giữ vững và phát huy mạnh mẽ quyền chủ động trên toàn chiến trường, làm phá sản hoàn toàn các bước leo thang chiến tranh của Mỹ.

4. Bên cạnh những thành công thì Đồng khởi ở nông thôn đồng bằng các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên 1964 - 1965 cũng còn bộc lộ một số hạn chế về chỉ đạo và xây dựng lực lượng. Hạn chế chủ yếu đó là thời gian đầu ta đã kéo dài việc phân tán lực lượng chủ lực của Quân khu đánh nhỏ để phát động quần chúng, xây dựng phong trào không có những trận đánh mang tính thời động để “dần mặt” kẻ địch. Trong chiến tranh giải phóng, phương thức hoạt động trên của chủ lực là cần thiết khi phong trào quần chúng và chiến tranh du kích còn yếu. Nhưng khi phong trào đã phát triển thành cao trào, địch phản ứng quyết liệt, nếu không kịp thời tập trung một lực lượng thích hợp hình thành quả đấm chủ lực và tổ chức được một số trận đánh lớn thì chiến tranh du kích và phong trào nổi dậy của quần chúng cũng không tiếp tục phát triển được.

5. Đồng khởi ở Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên đã để lại một số bài học kinh nghiệm có giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc; đó là: về lựa chọn địa bàn để mở đầu; về phát huy sức mạnh tổng hợp của lực lượng quần chúng tự vũ trang là chủ yếu kết hợp với du kích thôn xã, bộ đội địa phương và lực lượng quân chủ lực để đập tan hoặc làm tê liệt bộ máy quân sự của địch; về phát huy thế mạnh của từng vùng và kết hợp chặt chẽ giữa ba vùng chiến lược, bổ sung hỗ trợ cho nhau, tạo thành thế mạnh để chủ động tiến công địch giành thắng lợi; về phát huy sức mạnh của nhân dân, kiên trì tích cực xây dựng cơ sở chính trị, căn cứ địa làm cơ sở để giành thắng lợi trong việc thực thi các nhiệm vụ cách mạng...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

*Tiếng Việt

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Định (2015), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Định (1954 - 1975)*, Sở TT&TT tỉnh Bình Định xuất bản.
2. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (2005), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1929 - 1975)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
3. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1999), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (1945 - 1975)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Ban Chỉ đạo Tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị (1996), *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước thắng lợi và bài học*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. Ban Chỉ đạo Tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị (1996), *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước thắng lợi và bài học kinh nghiệm*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
6. Ban Chỉ đạo Tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị (2000), *Chiến tranh cách mạng Việt Nam (1945 - 1975), thắng lợi và bài học*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
7. Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Phú Khánh (1986), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Phú Khánh thời kì chống Mỹ cứu nước*, Sở VH&TT Phú Khánh xuất bản.
8. Ban Thường vụ Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh Quảng Nam (2006), *Lịch sử phong trào Phụ nữ tỉnh Quảng Nam (1930 - 2005)*, Sở VH&TT Quảng Nam xuất bản.
9. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Phú Yên (1995), *Lịch sử Đảng bộ Phú Yên - thời kì chống Mỹ (1954 - 1975)*, Sở VH&TT Phú Yên xuất bản.
10. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Phú Yên (1996), *Lịch sử Phú Yên kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975)*, Sở VH&TT Phú Yên xuất bản.
11. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi (1990), *Báo cáo tổng hợp các Đại hội Đảng bộ Quảng Ngãi trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước*, Tài liệu lưu trữ tại Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

12. Phạm Thanh Biên (2004), Về cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi (28 - 8 -1959), *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, số 8 (339), tr.12 - 19.
13. Phạm Thanh Biên, Nguyễn Hữu Nghĩa (2004), *Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
14. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bình Định (1992), *Bình Định, lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm (1945 - 1975)*, Sở VH TT Bình Định xuất bản.
15. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bình Định (1992), *Chiến tranh du kích trên chiến trường Bình Định (1954 - 1975)*, Sở VH TT Bình Định xuất bản.
16. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Nam (2003), *Lịch sử LLVT nhân dân tỉnh Quảng Nam, Tập II (1954-1975)*, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
17. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Nghĩa Bình (1988) *Quảng Ngãi - Lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm (1945 - 1975)*, Nxb Tổng hợp Nghĩa Bình, Quy Nhơn.
18. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Phú Yên (1993), *Phú Yên 30 năm chiến tranh giải phóng*, Nxb Sở VH TT tỉnh Phú Yên.
19. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Phú Yên (1997), *Lịch sử lực lượng đặc công Phú Yên*, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Phú Yên xuất bản.
20. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Phú Yên (1998), *Những trận đánh tiêu biểu của lực lượng vũ trang tỉnh Phú Yên (tập 1)*, Sở VH TT Phú Yên xuất bản.
21. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Phú Yên (2006), *Những trận đánh tiêu biểu của lực lượng vũ trang tỉnh Phú Yên (tập 2)*, Sở VH TT Phú Yên xuất bản.
22. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Phú Yên (2002), *Tiểu đoàn 85 bộ binh anh hùng*, Nxb Quân đội.
23. Bộ Quốc Phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (1994), *Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)*, tập 1, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
24. Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (1996), *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954 - 1975*. (tập 1+2), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
25. Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (1997), *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975)* (tập 3), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
26. Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (2005), *Lịch sử Quân sự Việt Nam*,

- tập 11 - Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975)* Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
27. Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (2015), *Lịch sử tư tưởng quân sự Việt Nam - tập V, Tổng luận*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
 28. Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (2002), *Sự nghiệp, tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
 29. Bộ Tổng tham mưu (2001), *Tổng kết chiến tranh nhân dân địa phương, Chuyên đề: Xây dựng và bảo vệ hệ thống căn cứ địa phương trên chiến trường Khu V trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ (1954 - 1975)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
 30. Bộ Ngoại giao (2001), *Việt Nam cuộc chiến không quên: Việt Nam qua con mắt các nhà báo nước ngoài*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
 31. Bộ Tư lệnh Quân Khu V (1986), *Khu V - 30 năm chiến tranh giải phóng*, (tập 2), Nxb Sự thật, Hà Nội.
 32. Bộ Tư lệnh Quân khu V (1963), *Báo cáo tình hình 6 tháng đầu năm 1963 của Quân khu V*, Tài liệu lưu trữ tại Bộ Tư lệnh Quân khu V.
 33. Bộ Tư lệnh Quân khu V (1963), *Báo cáo Tổng kết tình hình năm 1963 của Quân khu V*, Tài liệu lưu trữ tại Bộ Tư lệnh Quân khu V.
 34. Bộ Tư lệnh Quân khu V (1964), *Báo cáo tình hình Khu V năm 1964*, Tài liệu lưu trữ tại Bộ Tư lệnh Quân khu V.
 35. Bộ Tư lệnh Quân khu V (1964), *Báo cáo về tình hình phát động quần chúng phá thế kìm kẹp, giành lại nông thôn đồng bằng Khu V năm 1964*, Tài liệu lưu trữ tại Bộ Tư lệnh Quân khu V.
 36. Bộ Tư lệnh Quân Khu V (1964), *Chỉ thị khẩn cấp của Khu V về đối phó âm mưu mới của địch và bổ sung công tác năm 1964*, Tài liệu lưu trữ tại Bộ Tư lệnh Quân khu V.
 37. Bộ Tư lệnh Quân khu V (1964), *Báo cáo tình hình phát động quần chúng phá thế kìm kẹp giành lại vùng nông thôn đồng bằng Khu V - Tại Hội nghị đồng bằng từ ngày 28/1 đến tháng 2 năm 1964*, Tài liệu lưu trữ tại Bộ Tư lệnh Quân khu V.

38. Bộ Tư lệnh Quân khu V (1965), *Báo cáo tình hình Khu V năm 1965*, Tài lưu trữ tại Bộ Tư lệnh Quân khu V.
39. Quỳnh Cư (1985), *Đông khởi Bến Tre*. Nxb TP.HCM.
40. Lê Duẩn (1985), *Thư vào Nam*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
41. Lê Duẩn (1993), *Về chiến tranh nhân dân Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
42. Hoàng Dũng (2000), *Chiến tranh cách mạng Việt Nam 1945 - 1975: Thắng lợi và bài học*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
42. Văn Tiến Dũng (1977), *Đại thắng mùa Xuân*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
43. Văn Tiến Dũng (1991), *Cuộc kháng chiến chống Mỹ toàn thắng*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
44. Đảng bộ huyện Duy Xuyên (2010), *Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân huyện Duy Xuyên (1954 - 1975)*. Đảng bộ huyện Duy Xuyên xuất bản.
45. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng - Toàn tập*, tập 26, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
46. Đảng Cộng sản Việt Nam (2003), *Văn kiện Đảng - Toàn tập*, tập 65, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
47. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Đảng - Toàn tập*, tập 68, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
48. Đảng ủy - Bộ Tư lệnh Quân khu V, *Quân Khu V thắng lợi và những bài học trong kháng chiến chống Mỹ*, Nxb Quân đội, tập 1 (1981).
49. Đảng ủy - Bộ Chỉ huy bộ đội Biên phòng tỉnh Bình Định (2010), *Lịch sử bộ đội biên phòng tỉnh Bình Định (1961 - 2005)*, Sở VH TT Bình Định xuất bản.
50. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Bình Định (2001), *Lịch sử Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và phong trào thanh niên tỉnh Bình Định (1930 - 1975)*, Nxb Sở VH TT Bình Định.
51. Trần Bạch Đằng (chủ biên) (1993), *Chung một bóng cờ*, Nxb Chính trị Quốc

- gia, Hà Nội.
52. Trần Bá Đệ, Lê Cung (2012), *Giáo trình Lịch sử Việt Nam - tập VII - từ 1954 - 1975*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.
 53. Trần Hữu Đính (1986), Tìm hiểu quá trình hình thành căn cứ địa miền núi Liên Khu V trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, số 3 (228), Tr.11 - 19.
 54. Gabribel Kolko (2003), *Giải phẫu một cuộc chiến tranh*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
 55. Võ Nguyên Giáp (1959), *Chiến tranh nhân dân và quân đội nhân dân*, Nxb Sự Thật, Hà Nội.
 56. Võ Nguyên Giáp (1967), *Những kinh nghiệm lớn của Đảng ta về lãnh đạo đấu tranh vũ trang và xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
 57. Võ Nguyên Giáp (1979), *Về sức mạnh tổng hợp của cách mạng Việt Nam*. Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
 58. Trần Văn Giàu (2006), *Tổng tập*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
 59. Trần Văn Giàu (1968), *Miền Nam giữ vững thành đồng*, Tập 3, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
 60. Bùi Minh Hải - Vũ Văn Sum (1988), *Quảng Ngãi - Lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm (1945-1975)*, Nxb Tổng hợp Nghĩa Bình.
 61. Đinh Quang Hải (2004), Khởi nghĩa Trà Bồng - Mốc mở đầu trang sử đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang của nhân dân Quảng Ngãi, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, số 8 (339), Tr. 36 - 43.
 62. Diệp Đình Hoa (2003), Khởi nghĩa Vĩnh Thạnh (6 - 2 - 1959), *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, số 1 (326), Tr.35 - 48.
 63. Hội đồng biên soạn Lịch sử Nam Trung Bộ kháng chiến (1992), *Nam Trung Bộ kháng chiến (1945 - 1975)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
 64. Hà Minh Hồng, Trần Nam Tiến (2010), *Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam (1960 - 1977)*, Nxb Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh.
 65. Trần Thị Thu Hương (2003), *Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh chống phá*

- “quốc sách” áp chiến lược của Mỹ - nguy ở miền Nam Việt Nam (1961 - 1965), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
66. Joseph A. Amter (1985), *Lời phán quyết về Việt Nam - Tiếng nói của một công dân Mỹ*, Nxb Quân đội nhân dân.
 67. Phan Ngọc Liên (2004), Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng trong truyền thống yêu nước, cách mạng của nhân dân Quảng Ngãi, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, số 8(339), Tr.32 - 35.
 68. Trần Huy Liệu (1964), Cuộc kháng chiến cứu nước của đồng bào miền Nam là một cuộc chiến tranh nhân dân, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, số 64, Tr.1 - 6.
 69. Lưu Khắc Lâm (1964), Thắng lợi vĩ đại của cuộc đấu tranh vũ trang yêu nước chống Mỹ của nhân dân miền Nam Việt Nam, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, số 64, Tr. 7 - 16.
 70. Nguyễn Duy Luân (2001), “Đông khởi Hòa Thịnh”, *Tạp chí Xưa và Nay* (106), Tr.11 - 12.
 71. Cao Văn Lượng, Phạm Văn Toàn, *Tìm hiểu phong trào Đông khởi ở miền Nam Việt Nam*, Nxb KHXH, Hà Nội, 1981.
 72. Cao Văn Lượng, Tìm hiểu phong trào “Đông khởi” ở miền Nam Việt Nam, *Tạp chí nghiên cứu lịch sử*, số 5(188), Tr.10 - 21.
 73. Cao Văn Lượng (1991), *Lịch sử cách mạng miền Nam giai đoạn 1954 - 1965*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
 74. Cao Văn Lượng (2004), Tính chủ động, sáng tạo của Tỉnh ủy Quảng Ngãi trong quá trình lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, số 8 (339), Tr.3 - 11.
 75. Bùi Đình Thanh (1964), Cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam với sự kết hợp chặt chẽ đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 64, Tr.17 - 22.
 76. *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 3, (1996), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
 77. *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 7, (1998), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
 78. Nguyễn Văn Minh (2004), Tầm vóc cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và tác động

- của nó trong cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta ở miền Nam, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, số 8 (339), Tr.28 - 31.
79. Huyện ủy Vĩnh Thạnh (1955), *Báo cáo Tổng kết tình hình đấu tranh của Tờ Lok - TờLek*, Tài liệu lưu trữ tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bình Định.
 80. *Nghị quyết Hội nghị Thường vụ Khu ủy V lần thứ 7 tháng 6 năm 1964*, Tài liệu lưu trữ tại Bộ Tư lệnh Quân khu V.
 81. Nguyễn Văn Nhật (2004), Tính sáng tạo và tinh thần quật khởi của nhân dân Quảng Ngãi - Từ khởi nghĩa Trà Bồng và các huyện miền Tây đến cuộc Tổng tấn công và nổi dậy giải phóng Quảng Ngãi tháng 3 - 1975, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, số 8 (339), Tr. 20 - 27.
 82. *Phúc trình thanh tra về kế hoạch bình định trong phạm vi vùng I chiến thuật của Ủy ban bình định Trung ương (1964)*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Tp Hồ Chí Minh.
 83. Robert S.McNamara (1995) *Nhìn lại quá khứ - Tấn thảm kịch và những bài học về Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 84. *Sắc lệnh của Phủ Tổng thống VNCH về việc thành lập, giải tán Ủy ban liên bộ Đặc trách áp chiến lược năm 1962, 1964*, Tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, ký hiệu số 18630.
 85. *Tài liệu mật của Bộ Quốc phòng Mỹ về cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam*, (tập 1), (1971) Việt Nam Thông tấn xã phát hành.
 86. Tập thể các nhà khoa học, *Phong trào Đồng khởi 50 năm nhìn lại* (2010), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
 87. Thường vụ Đảng ủy - Bộ Tư lệnh Quân Khu V (1999), *Tổng kết công tác binh vận chiến trường Khu V trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
 88. Tỉnh đội Phú Yên (1997), *Lịch sử quân giới Phú Yên 1945 - 1975*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
 89. Tỉnh ủy Bình Định (1964), *Thông báo tình hình tháng 8-1964*, Tài liệu lưu trữ tại Văn phòng Tỉnh ủy Bình Định.

90. Tỉnh ủy Bình Định (1964), *Thông báo tình hình tháng 9-1964*, Tài liệu lưu trữ tại Văn phòng Tỉnh ủy Bình Định.
91. Tỉnh ủy Bình Định (1964), *Thông báo tình hình tháng 10-1964*, Tài liệu lưu trữ tại Văn phòng Tỉnh ủy Bình Định.
92. Tỉnh ủy Bình Định (1964), *Thông báo tình hình tháng 11-1964*, Tài liệu lưu trữ tại Văn phòng Tỉnh ủy Bình Định.
93. Tỉnh ủy Bình Định (1965), *Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy Bình Định mở rộng từ ngày 8 đến ngày 11/3/1965*, Tài liệu lưu trữ tại Tỉnh ủy Bình Định.
94. Tỉnh ủy Bình Định (1965), *Nghị quyết Tỉnh ủy Bình Định năm 1965*, Tài liệu lưu trữ tại Văn phòng Tỉnh ủy Bình Định.
95. Tỉnh ủy Bình Định (1966), *Báo cáo của Tỉnh ủy Bình Định năm 1966*, Tài liệu lưu trữ tại Văn phòng Tỉnh ủy Bình Định.
96. Tỉnh ủy Bình Định (1971), *Báo cáo tổng kết tình hình miền núi 1954 - 1971*, Tài liệu lưu trữ tại Văn phòng Tỉnh ủy Bình Định.
97. Tỉnh ủy Bình Định (2004), *Công tác binh địch vận trên chiến trường Bình Định trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*, Sở VH TT Bình Định xuất bản.
98. Tỉnh ủy Quảng Nam - Thành ủy Đà Nẵng (2006), *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
99. Tỉnh ủy Quảng Nam - Ban Dân vận (2010), *Lịch sử công tác dân vận của Đảng bộ tỉnh Quảng Nam 1930 - 2010*, Công ty CP in, Phát hành sách & TBTH Quảng Nam xuất bản.
100. Tổng Giám đốc Cảnh sát Quốc gia, *Công điện chuyển tay số 1478/F7/C, TTLTQG II*, Ký hiệu hồ sơ: PTT 15407.
101. Ngô Đăng Tri (chủ biên) (2010), *50 năm phong trào Đồng khởi ở miền Nam Việt Nam - những vấn đề lịch sử*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
102. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định (2007), *Địa chí Bình Định, tập kinh tế*, Sở VH TT Bình Định xuất bản.
103. Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên (2003), *Địa chí Phú Yên*, Nxb Chính trị Quốc

- gia, Hà Nội.
104. Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên (2008), *Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968 ở Phú Yên*, Nxb Sở VH TT & DL Phú Yên.
 105. Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Yên (2009), *Lịch sử chính quyền nhân dân tỉnh Phú Yên (1945 - 2009)*, Nxb Sở VH, TT & DL Phú Yên.
 106. Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Yên (2007), *Đồng khởi Hòa Thịnh*, Sở Khoa học và Công nghệ xuất bản.
 107. Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Nam - Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng (2010), *Địa chí Quảng Nam - Đà Nẵng*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
 108. Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (2008), *Địa chí Quảng Ngãi*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
 109. Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Yên (2005), *Kỷ yếu Đồng khởi Hòa Thịnh (22 - 12 - 1960)*, Sở Khoa học và Công nghệ xuất bản.
 110. Văn phòng Tỉnh ủy Bình Định (2005), *Văn phòng Tỉnh ủy Bình Định 75 năm trưởng thành cùng Đảng bộ (1930 - 2005)*, Sở VH TT Bình Định xuất bản.
 111. Văn phòng Dân vụ/ Bộ Tư lệnh VICT (1964), *Bảng kê các sự việc xảy ra tại tỉnh Quảng Nam ngày 25, 27 và 28/8/1964*, TTLTQG II, Ký hiệu hồ sơ: PTT 15050).
 112. Viện Lịch sử Đảng (1985), *Những sự kiện lịch sử Đảng về kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*, Nxb Thông tin lý luận, Hà Nội.
 113. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (1997), *Hậu phương chiến tranh nhân dân Việt Nam (1954 - 1975)*, tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
 114. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (1999), *Sự nghiệp và tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh*, tập 1, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
 115. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (2015), *Lịch sử phong trào đấu tranh chống phá bình định trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
 116. Viện nghiên cứu Chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh (1995), *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tập II (1954 - 1975)*, Nxb Chính trị Quốc

gia, Hà Nội.

117. Viện Quân sự cao cấp (1980), *Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954 - 1975, những sự kiện quân sự*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
118. Viện Sử học (2004), *Việt Nam những sự kiện lịch sử (1945 - 1975)*, Nxb Giáo dục.
119. Viện Sử học (2014), *Lịch sử Việt Nam (15 tập)*, Nxb Khoa học xã hội.
120. Vụ miền Nam (1966), *Một số nét về phong trào cách mạng tỉnh Bình Định (1954 - 1964)*, Tài liệu lưu trữ tại Viện Bảo tàng cách mạng Việt Nam.
121. Việt Nam Cộng hòa (1962), *Biên bản số 31 ngày 7/12/1962 về áp chiến lược*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, ký hiệu hồ sơ số 207.
122. Việt Nam Cộng hòa (1963), *Biên bản số 35 ngày 18/1/1963 về áp chiến lược*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, ký hiệu hồ sơ số 301.
123. Việt Nam Cộng hòa (1963), *Biên bản số 36 ngày 1/2/1963 về áp chiến lược*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, ký hiệu hồ sơ số 302.
124. Việt Nam Cộng hòa (1963), *Biên bản số 37 ngày 15/2/1963 về áp chiến lược*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, ký hiệu hồ sơ số 303.
125. Việt Nam Cộng hòa (1963), *Biên bản số 42 ngày 29/3/1963 về áp chiến lược*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, ký hiệu hồ sơ số 308.
126. Việt Nam Cộng hòa (1963), *Biên bản số 46 ngày 26/4/1963 về áp chiến lược*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, ký hiệu hồ sơ số 312.
127. Việt Nam Cộng hòa (1963), *Biên bản số 50 ngày 24/5/1963 về áp chiến lược*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, ký hiệu hồ sơ số 316.
128. Việt Nam Cộng hòa (1963), *Biên bản số 54 ngày 21/6/1963 về áp chiến lược*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, ký hiệu hồ sơ số 320.
129. Việt Nam Cộng hòa (1963), *Biên bản số 58 ngày 26/7/1963 về áp chiến lược*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, ký hiệu hồ sơ số 324.
130. Việt Nam Cộng hòa (1963), *Biên bản số 62 ngày 23/8/1963 về áp chiến lược*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, ký hiệu hồ sơ số 328.
131. Việt Nam Cộng hòa (1963), *Bản tin VTX đưa tin về công tác xây dựng áp*

- chiến lược tại Việt Nam*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Tp. Hồ Chí Minh, ký hiệu hồ sơ số 21760.
132. Việt Nam Cộng hòa (1961), *Biên bản Hội nghị an ninh ngày 13/1/1961 tại Tòa hành chánh Phú Yên*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Tp. Hồ Chí Minh.
133. Việt Nam Cộng hòa (1963), *Chương trình huấn luyện quốc sách áp chiến lược*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Tp. Hồ Chí Minh, ký hiệu hồ sơ số 21578.
134. Việt Nam Cộng hòa (1963), *Công tác bình định và xây dựng áp chiến lược, Khu trù mật năm 1959 - 1963*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Tp. Hồ Chí Minh, ký hiệu hồ sơ số 21762.
135. Việt Nam Cộng hòa (1963), *Công văn đề nghị Tòa Đại sứ Việt Nam Cộng hòa tại các nước tổ chức các hoạt động thu thập tin tức về công tác xây dựng áp chiến lược tại Việt Nam*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Tp. Hồ Chí Minh, ký hiệu hồ sơ số 21761.
136. Việt Nam Cộng hòa (1965), *Công văn về tổ chức mậu dịch và bọn tiếp tay cho Việt cộng*, Công văn số 4.109, ngày 26 tháng 3 năm 1965, tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Tp. Hồ Chí Minh.
137. Việt Nam Cộng hòa (1963), *Cuộc nói chuyện thân mật với cán bộ áp chiến lược của ông Cố vấn chính trị Ngô Đình Nhu - Chủ tịch Ủy ban liên bộ áp chiến lược tại Trung tâm Suối Lò Ô ngày 17/04/1963*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Tp. Hồ Chí Minh, ký hiệu hồ sơ số 21760/02.
138. Việt Nam Cộng hòa (1963), *Cuộc nói chuyện thân mật với cán bộ áp chiến lược tại Trung tâm Suối Lò Ô ngày 17/4/1963*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Tp. Hồ Chí Minh, ký hiệu hồ sơ số 21760/02.
139. Việt Nam Cộng hòa (1964), *Phiếu chuyển Trung tướng Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Cộng hòa về việc âm mưu của Việt cộng trong vận động tôn giáo đấu tranh tại quận Duy Xuyên*, Phiếu chuyển số KBC.4.277, ngày 22 tháng 7 năm 1964, Lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Tp. Hồ Chí Minh.
140. Việt Nam Cộng hòa, Phủ Đặc ủy Trung ương tình báo (1965), *Phiếu nghiên cứu tình hình an ninh Quảng Ngãi*, Phiếu chuyển ngày 23 tháng 7 năm 1965,

- Tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Tp. Hồ Chí Minh.
141. Việt Nam Cộng hòa (1963), *Tài liệu của Bộ Thông tin về chính sách áp chiến lược và chiêu hồi năm 1963*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Tp. Hồ Chí Minh, ký hiệu hồ sơ số 22.450.
 142. Việt Nam Cộng hòa (1964), *Kế hoạch bình định tỉnh Quảng Ngãi*, Kế hoạch tháng 3/1964, Tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Tp. Hồ Chí Minh.
 143. Việt Nam Cộng hòa (1964), *Tài liệu nghiên cứu kế hoạch bình định hương thôn*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Tp. Hồ Chí Minh.
 144. Việt Nam Cộng hòa (1965), *Thuyết trình về tình hình bình định tại phòng HQ/Bộ TTL ngày 12/3/1965*, Tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Tp. Hồ Chí Minh.
 145. Việt Nam Cộng hòa (1965), *Tờ trình Tòa hành chính Quảng Nam, ngày 12/3/1965*, Tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Tp. Hồ Chí Minh.
 146. Việt Nam Cộng hòa, Ủy ban bình định Trung ương (1964), *Trình Thủ tướng Chính phủ về việc tóm lược tài liệu dẫn giải về chương trình xây dựng áp chiến lược năm 1964*, Tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Tp. Hồ Chí Minh, ký hiệu số 80/03.
 147. Việt Nam Cộng hòa (1964), *Báo cáo của Ủy ban bình định Trung ương, thanh tra thường trực Kế hoạch bình định vùng I chiến thuật*, Báo cáo số 011/TTBD/VICT, ngày 11 tháng 5 năm 1964, Tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Tp. Hồ Chí Minh.

Tiếng Anh

148. Hoopes (1969), *The limits of intervention*, David Mc Kay Company, New York.
149. G.Mc.T.Kahin; John Lewis (1967), *The US in Viet Nam*, Codell, New York.
150. O. Balallance (1975), *The war in Viet Nam*, Hippocrene books, New York.
151. T. Draper (1967), *Abuse of power, US foreign policy from Cuba to Viet Nam*,

- London - Penguyn.
152. T. Draper (1967), *Abuse of power, US foreign policy from Cuba to Viet Nam*, London - Penguyn.
153. T. Draper (1967), *Abuse of power, US foreign policy from Cuba to Viet Nam*, London - Penguyn.
154. D. Ellsberg (1972), *Paper on the war*, Simon and Shnuster, New York.
155. F. Fitzgerald (1972), *Fire in the lake*, Mc Milan, New York.
156. L.B.Johnson (1972), *The Vantage point*, Weidenfeld and Nicolson, London.
157. Jeffray S. Milstein (1974), *Dynamics of the Viet Nam war, a quantitative analysis and predictive computer simulation*, Ohio State University.
158. A. M. Schlesinger (1967), *The bitter heritage*, Herper anh Row, New York.

Tiếng Pháp

159. B. Adler (1967), *Cinquante Viet Nam*, Dutton and Co, Paris
160. W.G. Burchett (1968), *Pourquoi le Viet cong gagne*, Francois Maspero, Paris.
161. J. Despuech (1973), *La offensive du Vendredi Saint*, Fayard, Pais.
162. C. Fourniau (1967), *Le Viet Nam face à la guerre*, Editions Sociales, Paris.
163. Van Geirt (1971), *La piste Ho Chi Minh*, Editons Spéciales, Paris.
164. F. Gigon (1965), *Les Américains face au Viet cong*, Flammarion, Paris.
165. N. Sheehan (1980), *Sự lừa dối hào nhoáng (2 tập)*, Nxb Công an nhân dân, Tp Hồ Chí Minh.